

VLADIMIR NABOKOV

mây
hồ
thấp



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

vh ZENBOOK

Thiên Lương dịch

Vladimir Nabokov



Mây,
hồ,
tháp



Công ty TNHH ZENBOOK

VP: 10G Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Tp. HCM

Tel: (84.8) 39110430

Email: info@zenbook.vn

Website: www.zenbook.vn

COLLECTED STORIES

By Vladimir Nabokov

Copyright © 1965, 1966, Dmitri Nabokov

Vietnamese Language Translation copyright © 2016 by
ZENBOOK Co. Ltd.

This edition published by arrangement with
The Estate of Dmitri Nabokov, London, England.

All rights reserved.

TỔNG TẬP TRUYỆN NGẮN VLADIMIR NABOKOV

QUYỂN II

Công ty TNHH ZENBOOK giữ bản quyền xuất bản và
phát hành ấn bản tiếng Việt theo hợp đồng chuyển giao
bản quyền với The Estate of Dmitri Nabokov thông qua
The Wylie Agency (UK) LTD, 17 Bedford Square,
London WC1B 3JA, England.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý
của ZENBOOK đều bất hợp pháp và vi phạm Luật
Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền quốc tế và
Công ước bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ Berne.

Vladimir Nabokov

Tổng Tập Truyện Ngắn

Quyển II

Mây, hồ, tháp

Thiên Lương *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời người dịch

Vladimir Nabokov viết hàng chục truyện ngắn và tiểu thuyết bằng tiếng Nga sau khi rời tổ quốc qua châu Âu sống vào năm 1919. Tuy nhiên, từ lúc chuyển sang Mỹ vào năm 1940, ông bắt đầu sáng tác bằng tiếng Anh. “Tổng tập truyện ngắn Nabokov” bao gồm toàn bộ 68 tác phẩm của ông. Do được viết trong hàng chục năm, qua nhiều quốc gia, bằng cả tiếng Anh và Nga, nên 68 truyện ngắn này có thể coi như những cột mốc quan trọng, phản chiếu các thay

đối tư tưởng cũng như sự hình thành phong cách bậc thầy của Nabokov.

Ngoài việc dịch từ bản gốc và tham khảo bản dịch của chính tác giả để đảm bảo chất lượng cao nhất, trong từng quyển của bộ tổng tập này, chúng tôi đều chọn các tác phẩm được ông viết vào những giai đoạn khác nhau. Và 17 truyện ngắn của quyển II, với tên “Mây, hồ, tháp”, được sắp xếp đúng theo thứ tự mà Dmitri Nabokov, con trai nhà văn, đã thực hiện với bản tiếng Anh: gần như theo sát với thời gian sáng tác, ngoại trừ một số truyện mới bổ sung do chỉ được tìm thấy sau lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách.

Mặc dù mỗi tác phẩm của Nabokov đều có nét đặc sắc riêng, tuy nhiên trong quyển II này của bộ tổng tập vẫn có những truyện ngắn đặc biệt nổi trội, chẳng hạn: “Xuân Fialta” — không chỉ được đánh giá là một trong các truyện ngắn hay nhất lịch sử, được viết rất trữ tình và phóng khoáng với những chi tiết châm biếm hết sức đặc trưng cho Nabokov, mà còn được nhiều học giả nhận định như một tự truyện ẩn chứa nhiều bí mật cuộc đời tác giả, với chính ông xuất hiện thấp thoáng cả trong vai người kể chuyện cũng như người chồng của tình nhân anh ta, và, xét trên mọi phương diện, có thể nói rằng “Xuân

Fialta” vượt hẳn ra ngoài mọi chiều kích của một truyện ngắn thông thường; “Mây, hồ, tháp” — không chỉ đơn giản kể về chuyến du lịch kỳ lạ nơi đất khách của một người lưu vong Nga, mà còn giấu vô số dấu hiệu và biểu hiệu của Nabokov về tình yêu với gia đình, với quê hương, cùng các ẩn ức tình dục sâu kín nhất trong lòng đàn ông; “Lance” — truyện ngắn cuối cùng của Nabokov và cũng là tác phẩm khoa học viễn tưởng gần như duy nhất của ông, được viết hết sức cầu kỳ với những tiên đoán vượt thời gian về ngành du hành vũ trụ tương lai lồng ghép cùng thi ca và những suy ngẫm của chính tác giả về gia đình mình; “Cuộc trở về của Chorb” — một tác phẩm đậm chất điện ảnh từng được chọn làm tên chung cho một tuyển tập nổi tiếng của ông; “Nỗi sợ” (1926) — đi trước tiểu thuyết “Buồn nôn” (*La Nausée*) của Jean-Paul Sartre hơn chục năm về một số sắc thái tư tưởng nhất định.

Có thể dễ dàng thấy điểm chung trong các truyện ngắn của Nabokov: hồi ức đau buồn và kiêu hãnh về nước Nga vĩ đại mà ông buộc phải từ giã khi còn rất trẻ và bỏ lại sau lưng không chỉ những năm tháng thanh xuân tươi đẹp mà cả một gia tài khổng lồ; tuy nhiên nhà văn không để mình kẹt lại lòng bầy vàng son dĩ vãng ấy mà đã

tự xây dựng cho mình một thế giới mới, vượt lên trên những xót xa tiếc nuối tầm thường — một thánh đường văn chương kỳ vĩ với các nhân vật dễ sợ được bày ra ngoài mặt tiền và trên các tháp chuông cao ngất, nhưng nếu ai gạt bỏ được định kiến và kiềm nén được nỗi sợ để bước những bước nhỏ thành kính vào đó qua các cánh cửa oai nghiêm nặng nề, thì, biết đâu, sẽ tìm được sự bình yên, sắc màu thiên đường và vẻ đẹp thánh thiện không thuộc về thế giới trần tục bên ngoài.

Như vậy, “Mây, hồ, tháp” cùng với “Mỹ nhân Nga” đã mang đến cho độc giả 34 kiệt tác của một trong các nhà văn vĩ đại nhất nhân loại. Chúng tôi dự định dịch xong toàn bộ 4 quyển của tổng tập này vào năm 2019, nhân dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh Nabokov và mong sẽ còn có thể đưa thêm nhiều tác phẩm lớn khác của ông về Việt Nam.

Thiên Lương

Sự tình cờ

Anh làm bồi bàn trong toa ăn của tàu tốc hành Đức. Tên anh là: Aleksey Lvovich Luzhin.

Anh rời khỏi nước Nga năm năm trước đây¹ và từ đạo ấy cứ chuyển hết thành phố này đến thành phố khác, thử qua không ít việc cùng đủ thứ nghề: cố nông ở Thổ Nhĩ Kỳ, mãi biện ở Vienna, thợ sơn, nhân viên bán hàng với nhiều

¹ Bản tiếng Anh: 1919.

việc nữa. Giờ thì những cánh đồng, những ngọn đồi mọc đầy thạch thảo, những vạt rừng thông cứ tuôn qua, tuôn qua cả hai bên toa tàu dài, — còn nước hầm thịt thì bốc khói và sóng sánh trong những cái chén to trên chiếc mâm mà anh uyển chuyển bưng qua lối hẹp giữa các bàn bên cửa sổ. Anh mau mắn dọn đồ ăn, khéo léo xốc các lát thịt bò lên rồi trải xuống đĩa, — và trong lúc làm việc đó, cái đầu húi cua của anh cúi nhanh, trán căng, cặp lông mày đen rậm, na ná hàng ria lật ngược.

Toa đến Berlin lúc năm giờ chiều, rồi tới bảy giờ nó lại lăn theo hướng ngược lại về phía biên giới Pháp. Luzhin sống như trên những đu sắt: chỉ kịp nghĩ ngợi và nhớ nhung khi đêm xuống, trong cái kho chật hẹp, nơi bốc mùi cá và tất bần. Anh hay nhớ hơn cả về căn buồng trong ngôi nhà ở St. Petersburg — những nút da trên chỗ uốn cong của món đồ đạc mềm mại, — và về vợ mình, Lena, người mà đã năm năm rồi anh chẳng hay biết gì. Chính anh thấy đời cứ buồn đi từng ngày. Do co-ca-in, do hít quá thường xuyên, mà hồn anh trống rỗng, — và trong lỗ mũi anh, trên lớp sụn vách ngăn, đã xuất hiện các vết loét mảnh.

Khi anh cười, những chiếc răng to của anh lóe lên thứ ánh sáng đặc biệt sạch sẽ, và chính vì

nụ cười Nga trắng ngà này mà anh rất được lòng hai bồi bàn khác — Hugo, một người Berlin lực lưỡng, tóc vàng, lo việc ghi biên lai, và Max nhanh nhẹn, mũi nhọn, nhìn giống con cáo lông hung, chuyên mang bia với cà phê đi phát cho các cu-pê. Nhưng dạo gần đây, Luzhin ít cười hơn.

Vào những giờ rảnh rỗi ấy, khi làn sóng độc rục ánh pha lê đập vào anh, đâm những tia hào quang xuyên qua các suy nghĩ, biến mọi thứ tũn mủn thành điều huyền diệu nhẹ lâng lâng, anh lại tấn mẫn ghi chép trên một mảnh giấy mọi bước mà anh định thực hiện để tìm ra vợ. Lúc anh viết nguệch ngoạc, lúc mọi xúc cảm đó hãy còn căng lên đê mê, anh thấy ghi chép ấy đặc biệt quan trọng và đúng đắn. Nhưng sáng ra, khi đầu nhức và quần áo dính bết vào người, anh lại nhìn những dòng chữ nhảy múa líu nhíu ấy với sự ghê tởm và nỗi buồn chán. Gần đây, một ý nghĩ khác bắt đầu chiếm lấy anh. Với chính sự chu đáo ấy, anh bắt tay vào việc vạch kế hoạch cho cái chết của mình — và họa nên một đường cong biểu thị những sự trời sạt cảm xúc sợ hãi, rồi, rốt cuộc, để đơn giản hóa việc này, anh ấn định cho mình thời hạn cụ thể: đêm giữa mùng một và mùng hai tháng Tám. Chính cái chết lại không chiếm hữu anh nhiều bằng mọi tình tiết diễn ra trước nó, và

anh lạc vào các tình tiết này sâu đến nỗi quên mất cả chính cái chết. Nhưng ngay khi anh vừa bắt đầu tỉnh ra, thì bối cảnh cầu kỳ của một vụ tử nạn tưởng tượng theo kiểu này hoặc kiểu nọ lại mờ đi, — chỉ còn thấy rõ một điều: đời đã nhạt thếch rồi và sống nữa cũng thế thôi.

* * *

Ngày mùng một tháng Tám, lúc sáu giờ rưỡi chiều, trong căng tin tranh tối tranh sáng rộng thênh thang ở ga Berlin, cụ bà Ukhtomskaia, Maria Pavlovana, một phụ nữ béo tốt, mặc toàn đồ đen, với bộ mặt vàng bủng như của hoạn quan, ngồi bên bàn trống. Trong gian thưa người. Các quả cân đồng của những ngọn đèn treo chập chờn tỏa sáng dưới trần cao. Thỉnh thoảng có chiếc ghế nào đó bị dịch đi với tiếng rầm rầm vang dội.

Ukhtomskaia nghiêm nghị nhìn lên mũi tên vàng của đồng hồ treo tường. Mũi tên chuyển động giật cục. Sau một phút, nó lại rùng mình. Bà cụ đứng dậy, nhắc cái xác du lịch đen bóng của mình lên và, chống cây ba-toong nổi mấu của đàn ông, lê những bước chân ồn ào về phía lối ra.

Một phu khuân vác chờ bà bên chấn song. Người ta đang lái tàu vào ga. Các toa ô sồi, màu sắt, nặng nhọc chạy lùi, hết toa này đến toa khác trôi qua. Trên gỗ lát¹ của toa quốc tế, dưới các ô cửa giữa, một tấm bảng hiện lên trắng trắng: Berlin — Paris; toa quốc tế, rồi đến toa nhà hàng, nơi thấp thoáng trong cửa sổ các khuỷu tay để trần và cái đầu anh bồi tóc hung, — chúng gọi nhớ lại sự sang trọng trầm tĩnh của đoàn tàu tốc hành phương Bắc thời tiền chiến.

Tàu dừng bánh; các bộ giảm chấn kêu loảng choảng; một hơi thở huyết dài chạy theo các bánh xe. Phu khuân vác đưa Ukhtomskaia vào cu-pê hạng hai, — dành cho người hút thuốc, — bà đã yêu cầu như vậy. Trong góc gần cửa sổ, một ông mặt mũi trắng tráo, nước da ô-liu, bận bộ đồ đồng màu với áo bành-tô², đã cắt điệu xì-gà.

Maria Pavlovna ngồi xuống phía đối diện. Bà đưa ánh mắt chậm chạp soát lại xem hành lý của mình có nằm hết tại giá trên hay chưa. Hai va-li, một giỏ xách. Đủ cả. Và cái xách du lịch bóng lộn trên đầu gối. Bà nghiêm nghị nhai môi.

¹ Bản tiếng Anh: Gỗ tếch đánh véc ni. Những năm đầu thế kỷ 20, các toa tàu được làm bằng gỗ.

² Bản tiếng Anh: Màu be.

Một cặp người Đức huỳnh huých đi vào, thờ rở to.

Độ một phút trước lúc tàu khởi hành, một phụ nữ trẻ bước vô, với miệng rộng tô son, đội mũ đen bó sát, che kín trán. Cô xếp hành lý rồi bước ra hành lang. Ông bạn com-lê ô-liu nhìn theo cô. Cô nhắc khung cửa sổ lên bằng những cú giật vụng về, rồi nhòai người ra ngoài, từ biệt ai đó. Ukhtomskaia bắt được lời rì rầm tiếng Nga.

Tàu chuyển bánh. Cô gái quay vào cu-pê. Trên mặt cô vẫn còn vương vấn nụ cười, rồi nó tắt ngấm, và mặt cô lập tức trở nên mệt mỏi. Những bức tường gạch sau nhà trôi ngang cửa sổ; trên một bức có tấm quảng cáo: điều thuốc lá khổng lồ, dường như được nhồi đầy rơm vàng. Dưới những tia nắng tà, các mái nhà ướt mưa rừng rục cháy.

Maria Pavlovna không dần lòng được. Bà nhẹ nhàng hỏi bằng tiếng Nga:

— Cô có phiền không, nếu tôi để cái xách xuống đây?...

Cô gái giật mình:

— Ôi, vâng ạ...

Ông ô-liu trong góc đối diện liếc một mắt nhìn cô qua tờ báo.

— Còn tôi thì đi Paris, — Ukhtomskaia thông báo, thờ nhẹ. — Con trai tôi ở đó. Mà cô biết không, tôi sợ ở lại Đức.

Bà lấy từ trong xắc ra chiếc khăn tay rất rộng, dùng nó lau mạnh mũi, — trái qua phải rồi ngược lại.

— Tôi sợ. Người ta bảo, cách mạng sẽ nổ ra ở đó. Cô không nghe đồn gì à?

Cô gái lắc đầu. Cô đưa ánh mắt nghi ngại nhìn ông đọc báo và cặp đôi người Đức.

— Cháu không biết gì cả. Cháu mới từ Petersburg đến đây hôm kia.

Gương mặt vàng vọt, múp míp của Ukhtomskaia tỏ vẻ tò mò sống động. Cặp lông mày mỏng dính nhướng lên.

— Ôi, thật à cô!...

Cô gái nói nhanh và khẽ, dán mắt vào mũi giày mình:

— Vâng. Một người tốt giúp cháu thoát. Bây giờ cháu cũng đi Paris. Ở đó cháu có người thân.

Cô bắt đầu gỡ găng tay. Từ ngón tay sa xuống một tia sáng vàng — chiếc nhẫn cưới. Cô vội chộp lại nó.

— Đấy, cháu cứ làm mất nhẫn hoài. Chắc có lẽ tay gầy đi.

Cô im lặng, chớp chớp mi. Trong ô cửa sổ hành lang, xuyên qua cánh cửa kính dẫn ra lối đi, có thể thấy những đường dây điện tín bay vút lên thành một hàng đều chằng chịt.

Ukhtomskaia xích lại gần cô gái:

— À cô ơi, kể đi, — bà rủ rỉ hỏi rất to, — có phải bây giờ họ... tệ lắm phải không? Hả cô?

Một cộ điện tín đen sịt bay qua, chẹt ngang những cánh dây đang vẫy nhịp nhàng. Chúng rủ xuống, như lá cờ lúc lặng gió. Rồi lại bắt đầu thơn thớt góc lên... Đoàn tàu lao nhanh giữa những bức tường không khí của chiều vàng mênh mông. Trong các cu-pê, đầu dây trên trần, có gì đó kêu lách tách, loảng choảng, chẳng khác nào mưa trút lên nóc sắt. Các toa Đức lắc mạnh. Toa quốc tế, do được bọc nỉ xanh từ bên trong, nên chạy êm hơn và đỡ ồn hơn các toa còn lại. Trong toa ăn, ba anh bồi đang bày biện bữa tối. Một người, với cái đầu nhuôm nhuôm do cắt tóc ngắn và cặp

lông mày đen, giống như hàng ria lật ngược, đang nghĩ về cái lọ nhỏ nằm trong túi bên. Chốc chốc lại liếm môi và khịt mũi. Trong lọ — thuốc bột óng ánh như pha lê của hãng Merk¹. Anh sắp dao và nĩa, đặt các chai chưa mở vào vòng — và bỗng dưng không tìm được mình. Anh nở nụ cười trắng ngà bối rối với Max tóc hung, y đương buông các tấm rèm dày xuống, — và lao qua chiếc cầu sắt lắc lư vào toa bên. Anh khóa mình trong buồng vệ sinh. Thận trọng lườm trước các chấn động, anh dốc một đụn bột trắng lên móng ngón cái, nhanh nhẹn và thèm thường áp nó sát vào một lỗ mũi, rồi vào lỗ còn lại, hít mạnh, rồi đá lưởi, liếm chất bụi óng ánh khỏi móng, nhắm nghiền mắt do vị đắng đàn hồi của nó, — và ra khỏi buồng vệ sinh trong trạng thái say lử, sáng khoái, — đầu ngập tràn băng khí hoan lạc. Anh nghĩ, lúc đi qua giữa lòng cây phong cầm da thuộc để quay lại toa mình: giờ thì chết nhẹ nhàng được rồi đây. Anh cười. Đợi đến đêm thì hay hơn. Thật đáng tiếc nếu ngắt luôn tác dụng của thứ độc dược mê hoặc ấy.

— Đưa tích-kê đây, Hugo. Tớ sẽ đi phát.

¹ Bản tiếng Anh: Kramm.

— Thôi, để Max đi. Max làm nhanh hơn. Cầm lấy nào, Max.

Bồi bàn tóc hung giữ chặt tập vé trong nắm tay tàn nhang. Y lướt nhanh như con cáo giữa những cái bàn. Y đi vào hành lang xanh lam của toa quốc tế. Dọc theo các ô cửa sổ, năm sợi dây rõ mồn một vẫn tuyệt vọng bay vút lên. Bầu trời tối sầm. Trong cu-pê hạng hai, một bà cụ bận đồ đen, nhìn giống thái giám, vừa cố nén những tiếng ồ á, vừa lắng nghe cho hết câu chuyện về cuộc sống cùng khổ xa xôi.

— Còn chồng cô — vẫn ở lại à?

Cô gái mở to mắt.

— Không ạ. Anh ấy xuất cảnh lâu rồi. Chuyện là vậy. Ngay hồi đầu anh ấy đã chạy về phía nam, đến Odessa. Họ bắt được anh ấy. Cháu phải đi đến đó, nhưng không thoát kịp...

— Ghê quá, ghê quá. Thế vậy là — cô vẫn chưa hay biết gì về anh ấy?

— Vâng, chẳng tin tức gì. Cháu còn nhớ là đã quyết định rằng anh ấy chết rồi. Cháu bắt đầu đeo nhẫn lên ngực¹. Cháu sợ là cả nhẫn rồi cũng

¹ Bản tiếng Anh: Tròng nhẫn vào dây chuyền.

bị cướp. Mà ở Berlin, người quen kể là anh ấy vẫn còn sống, có ai đó từng nhìn thấy anh ấy. Đây, hôm qua cháu có đăng tin trên báo.

Cô gái lật đật lôi từ trong túi lụa sờn rách ra một trang báo cuộn tròn.

— Đây, bà xem đi ạ...

Ukhtomskaia đeo kính lên, đọc:

“Elena Nikolayevna Luzhin mong tin chồng Aleksey Lvovich Luzhin.”

— Luzhin à? — Ukhtomskaia nói, gỡ kính ra. — Có phải con trai của Lev Sergeich không nhỉ? Ông ấy có hai con trai. Tôi không nhớ tên của họ...

Elena Nikolayevna cười rạng rỡ:

— Hay quá... Thật đúng là, không ngờ. Chẳng lẽ bà có quen bố anh ấy?

— Chuyện, còn phải nói, — Ukhtomskaia nói giọng tự mãn và trù mến. — Lev Sergeich... Cựu kỵ binh mang thương... Hai điền trang của chúng tôi nằm cạnh nhau. Ông ấy hay ghé qua chơi.

— Ông ấy chết rồi, — Elena Nikolayeva nói chêm vào.

— Tôi có nghe, có nghe. Cầu mong linh hồn ông ấy yên nghỉ nơi nước Chúa... Ông ấy luôn đến cùng con chó booc-zôi¹. Còn mấy đứa con trai ông ấy thì tôi không nhớ rõ lắm. Tôi xuất cảnh đã tám năm rồi. Hình như đứa nhỏ tóc trắng... nói cà lăm...

Elena Nikolayevna lại cười.

— Dạ không, đó là anh cả...

— Thế à, vậy là tôi nhầm rồi, cô ạ — Ukhtomskaia dịu dàng nói. — Trí nhớ tệ quá. Và chắc tôi cũng chẳng nhớ ra Lyovushka Luzhin nếu tự cô không kể tên nó. Giờ thì tôi nhớ lại hết rồi. Chiều chiều, ông ấy hay qua chỗ tôi uống trà. À, tôi kể cô nghe chuyện này...

Ukhtomskaia hơi xích lại gần và tiếp tục nói — rõ, hơi du dương, không chút phiền muộn, như thể biết rằng chỉ nên nói tốt, nói một cách tử tế về những điều tốt đẹp, không nên buồn chỉ vì chúng đã mất đi:

— Nhà tôi có những cái đĩa thế này. Cô biết không, viền vàng, còn ở giữa — ở ngay chính

¹ Borzoi: Giống chó Nga, lông dài, chân cao, con đực có thể cao đến 85cm, nặng đến 48kg.

giữa — con muỗi, ừ, y như thật... Ai không biết là thế nào cũng muốn phải đi...

Cửa vào cu-pê mở ra. Bồi bàn tóc hung đưa tích-kê ăn tối. Elena Nikolayevna lấy một cái. Ông ô-liu ngồi trong góc cũng lấy một cái, nãy giờ ông ấy cứ cố đón bắt ánh mắt cô.

— À, tôi có mang theo đồ ăn rồi, — Ukhtomskaia nói, — giăm-bông, bánh sữa...

Bồi bàn tóc hung chạy khắp các cu-pê. Y lon ton đi ngược lại toa ăn. Tiện thể, y thúc khuỷu tay vào một người tóc cắt ngắn, răng trắng, đang đứng với cái khăn ăn kẹp nách trên đầu toa. Người ấy đưa đôi mắt sáng bất an dõi theo Max. Anh cảm thấy sự trống rỗng mát lạnh, buồn buồn lan khắp người mình, như thể chỉ lát nữa thôi là cả người anh sẽ hất hơi, hất bay cả tâm hồn ra ngoài. Đã trăm lần, anh hình dung xem nên dàn dựng cái chết của mình ra sao. Anh trù tính từng li từng tí, chẳng khác nào đang giải thế cờ. Anh nghĩ thế này: đêm đến sẽ ra ga, đi vòng qua một toa tàu bất động, đặt đầu mình lên khiên giảm chấn¹, khi toa khác bắt đầu chạy lại gần, để móc

¹ Còn gọi là đầu đấm. Một tấm thép hình khiên tại đầu bộ phận giảm chấn, được thiết kế để chịu lực va chạm giữa các toa.

vào toa đang đứng. Hai khiên sẽ va vào nhau. Giữa chúng sẽ là cái đầu cúi gằm của anh. Cái đầu sẽ vỡ tung như bong bóng xà phòng. Nó sẽ hóa thành không khí lấp lánh ngũ sắc. Anh sẽ phải đứng thật vững trên tà-ve-tơ, ép thái dương thật chắc lên khiên lạnh...

— Cậu không nghe thấy hay sao? Đến lúc đi gọi rồi.

Anh cười sợ sệt với Hugo lực lưỡng rồi đi qua các toa, vừa bước loạng choạng vừa luôn tay mở hé các cánh cửa con, kêu to và hấp tấp: “Mời ăn ạ! Mời ăn ạ!”.

Trong một cu-pê, anh thoáng thấy khuôn mặt múp míp, vàng vọt của một bà cụ đang giở bánh xăng-vích ra. Khuôn mặt ấy có vẻ vô cùng quen thuộc với anh. Lúc lật đật quay ngược lại qua các toa, anh cứ nghĩ mãi, không biết bà ấy có thể là ai. Cứ như anh đã từng thấy bà ấy trong mơ. Cái cảm giác rằng cơ thể sắp hắt hơi ra ngay đây, lúc này trở nên cụ thể hơn: đây, đây, sẽ nhó ra ngay bây giờ. Nhưng anh càng ráng kéo các ý nghĩ lại, thì hồi ức càng lảng đi một cách tức tối hơn. Anh cau có quay lại nhà ăn. Phòng lỗ mũi lên. Cơ co thắt làm nghẹn họng. Không nuốt được.

— Thôi, mặc xác bà ta... Vợ vẫn quá...

Trên hành lang, khách bắt đầu đi qua, lão đảo, vịn tường. Trong các tấm gương sẫm tối đã lấp lóa những bóng hình, dấu hầy còn thấy rõ dải hoàng hôn vàng đục. Elena Nikolayevna lo lắng để ý thấy là ông ô-liu cứ chần chừ có ý chờ, chùng nào cô chưa đứng dậy, và chỉ lúc ấy mới đứng dậy theo. Ông có cặp mắt lồi rất khó chịu, đờ đẫn, đưng đầy i-ốt đậm màu. Ông bước sao đó theo lối đi mà chút nữa thì giẫm lên chân cô, — và khi cô bị lẳng qua bên — các toa tàu lắc mạnh, — thì ông húng hắng ho rất đa nghĩa. Không hiểu sao cô bỗng có cảm giác rằng đây là một tên gián điệp, một kẻ chỉ điểm, và cô biết rằng nghĩ thế thì thật là ngốc — cô có còn ở Nga đâu, — mà rốt cuộc rồi vẫn cứ nghĩ thế... Sao dạo này lòng quá bất an.

Ông nói gì đó lúc họ đi dọc hành lang toa giường nằm. Khi ấy cô bước nhanh hơn. Theo chiếc cầu nhỏ lắc lư, cô đi qua đầu toa ăn, ngay sau toa quốc tế. Và tại đó, với sự âu yếm có phần thô bạo, ông bất ngờ nắm lấy tay cô, ngay trên khuỷu.

Cô suýt nữa thì hét lên và giật tay lại mạnh đến nỗi loạn choạng xém ngã.

Ông nói bằng tiếng Đức, với giọng ngoại quốc.

— Báu vật của anh...

Elena Nikolayevna quay ngoắt lại. Cô trở về — qua chiếc cầu nhỏ, qua toa quốc tế, lại qua chiếc cầu nhỏ. Cô thấy bức bội không chịu nổi. Nói chung thà không ăn tối còn hơn ngồi đối diện kẻ vô liêm sỉ quái đản đó. Có Chúa mới biết nó làm tưởng cô là ai. Chỉ vì cô tô môi son...

— Sao vậy, cháu gái?... Không đi ăn à?

Ukhtomskaia đang cầm chiếc bánh xăng-vích. Từ dưới lát bánh mì, mẩu giăm-bông thè ra như cái lưỡi hồng.

— Cháu không đi. Không muốn nữa ạ. Xin lỗi bà — cháu sẽ ngủ.

Bà cụ ngạc nhiên nhưng cặp mày mảnh. Rồi bà lại nhai tiếp.

Elena Nikolayevna ngả đầu về sau và giả bộ ngủ. Chẳng mấy chốc, cô thiu thiu ngủ thật. Khuôn mặt nhợt nhạt, phờ phạc của cô thỉnh thoảng lại co giật. Cánh mũi, nơi phấn rơi mất, bóng lên. Ukhtomskaia bắt đầu hút điếu thuốc có bót các-tông dài.

Nửa tiếng sau, ông ô-liu quay lại, thản nhiên ngồi vào góc riêng, đào bới các răng trong bằng cái tăm. Sau đó, ông nhắm mắt, cựa mình, che đầu bằng vạt chiếc bánh-tô treo trên mắc gần cửa sổ. Sau nửa giờ nữa, tàu bắt đầu chạy chậm lại. Các ngọn đèn, như những bóng ma, trôi ngang qua các ô cửa sổ mờ hơi nước. Toa dừng lại, thở dài nhẹ nhõm. Có thể nghe thấy tiếng ai đó ho trong cu-pê bên cạnh, tiếng những bước chân chạy trên sân ga, tàu dừng lâu — những tiếng còi xa gọi nhau trong đêm, — rồi rung rinh, chuyển bánh.

Elena Nikolayevna tỉnh giấc. Ukhtomskaia lơ mơ ngủ, há miệng đen ngòm. Cặp đôi người Đức đã đi rồi. Người đàn ông trùm kín mặt trong bánh-tô cũng đang ngủ, chân dạng ra một cách kỳ cục.

Cô liếm đôi môi khô nẻ. Cô mệt mỏi đặt tay lên trán. Và chợt giật mình: chiếc nhẫn đã biến mất khỏi ngón áp út.

Trong giây lát, cô nhìn bất động vào bàn tay trần của mình. Sau đó, tim đập thành thịch, cô bắt đầu luống cuống và hấp tấp sờ soạng tìm trên mặt ghế, trên sàn. Cô nhìn cái đầu gối nhọn hoắt của người đàn ông.

— Ôi Trời, cố nhiên rồi... Trên đầu toa ăn... Khi mình giật tay lại...

Cô vội vã chạy ra khỏi cu-pê; vừa chệnh choạng bước, vừa cầm nước mắt, thở gấp, chạy theo những lối đi... Một toa... toa thứ hai... toa giường nằm... thảm mềm... Cô đến cuối toa quốc tế và chẳng thấy gì qua cửa hậu ngoài không khí, trống rỗng, trời đêm, đường ray chạy mãi, như cái nệm đen.

Cô nghĩ mình đã nhầm, đi sai hướng... Cô nấc lên, quay lại.

Bên cạnh, ngay cửa buồng vệ sinh, một bà cụ đang đứng — bận tạp dề xám, với dải băng trên tay áo — giống nữ hộ lý. Bà cầm chiếc xô nhỏ, trong đó thò ra một cái chổi.

— Họ cắt rồi, — bà cụ nói và không hiểu sao lại thờ dài — đến Cologne sẽ có cái khác.

* * *

Trong cái toa ăn còn đậu lại dưới mái vòm ga đêm tối mịt, các anh bồi thu dọn, quét tước, gấp khăn trải bàn. Sau khi làm xong việc, Luzhin đi ra đầu toa và đứng trong khoang cửa, tựa sườn lên khuôn. Ga vắng và tối. Xa xa, xuyên qua

đám khói mờ, ngọn đèn nào tỏa sáng như vì sao ẩm ướt. Các tuyến ray lấp lánh mơ hồ. Và do đâu mà khuôn mặt bà cụ ấy lại khiến anh thấy bất an đến thế, — anh không hiểu. Mọi điều khác đều đã rõ ràng, — chỉ còn lại mỗi đốm mờ đó quấy quả.

Max tóc hung, mũi nhọn cũng ra đầu toa. Y quét dọn. Y trông thấy trong góc một tia sáng vàng. Y cúi xuống. Chiếc nhẫn. Y giấu vào túi áo gi-lê. Y lanh lẹn liếc quanh, xem có ai nhìn thấy không. Lưng Luzhin bất động trong khoang cửa. Max thận trọng lôi chiếc nhẫn ra; dưới ánh sáng tù mù, y nhận ra những chữ hoa và số, được khắc vô mặt trong. Y nghĩ: “chữ Tàu...”. Mà thực ra là: “1 августа 1915 г. Алексей¹”. Y nhét lại chiếc nhẫn vào túi.

Lưng Luzhin chuyển động. Anh thông thả bước xuống dưới. Anh đi xiên qua một ke tối đến nền đường sắt bên cạnh — với dáng điệu bình thản, thoải mái, chẳng khác nào đi dạo.

Chuyến tàu suốt lao vào ga. Luzhin bước đến mép ke và nhẹ nhàng nhảy xuống. Xỉ than kêu lạo xạo dưới gót giày.

¹ 1/8/1915, ALEKSEY

Và vào đúng khoảnh khắc ấy, đầu máy bắt
ngờ nhào đến với một cú nhảy háu đỏi. Max,
chưa hiểu chuyện gì, chỉ thấy từ xa, các ô cửa
sáng đèn vùn vụt bay qua thành một dải liên tục.

Hải cảng

Trong tiệm cắt tóc thấp trần phẳng phát mùi hồng héo. Ruồi vo ve nồng nực và nhọc nhằn. Nắng cháy thành những vũng mật nấu chảy trên sàn, nhấp nhánh ngất ngào các chai dầu thơm, rọi qua tấm rèm dài treo cửa: rèm — các chuỗi hạt gổm với những ống tre nhỏ, xuyên kẽ trên các sợi dây treo san sát — lờ mờ rạc, óng ánh ngũ sắc mỗi khi có ai đó bước vào và lách vai gạt nó qua bên. Đằng trước, trong tấm kính lờ mờ, Nikitin nhìn thấy gương

mặt rám nắng của mình, những lọn tóc sáng lấp nổi, ánh lấp lánh của cây kéo lích rích trên tai, — và mắt anh rất chăm chú và nghiêm khắc, như vẫn thường diễn ra, những khi ta nhìn vào gương. Hôm qua anh vừa từ Constantinople, nơi cuộc sống đã trở nên không thể chịu đựng nổi nữa, đến hải cảng cổ xưa này ở miền nam nước Pháp; sáng nay anh mới ghé lãnh sự quán Nga, vào phòng lao động, dạo quanh thành phố, cuộc bộ theo các phố hẹp xuống biển, mệt lử, kiệt sức và giờ thì đi cắt tóc, cho mát đầu. Sàn nhà quanh ghế đã rải đầy lông chuột nhất sáng màu, — các rẽ tóc vụn. Người thợ cạo lấy xà phòng lỏng vào lòng bàn tay. Cảm giác ớn lạnh ngon lành chạy xuyên đỉnh đầu anh, các ngón tay thoa mạnh chất bọt đặc quánh, — sau đó bùng lên một vòi sen băng giá, tim thắt lại, chiếc khăn lông bắt đầu hoạt động trên mặt, trên tóc ướt.

Rẽ vai lách sóng mưa rèm, Nikitin bước ra phố nhỏ thoai thoải. Bên phải chìm vào bóng tối; bên trái, trong ánh hào quang nóng ran, một rãnh nước hẹp rung rinh dọc vỉa hè, một cô bé, tóc đen, không răng, lấm chấm tàn nhang ngăm ngăm, đang hứng tia nước lấp lánh bằng chiếc xô ngân vang; và cả rãnh nước, cả nắng trời, cả bóng râm tím ngắt, — hết chảy cùng chảy, cùng tuột

xuống dưới, về phía biển: chỉ bước nửa thôi, và đằng đó, chốn xa xôi, giữa các bức tường, sẽ hiện lên ánh ngọc lam đặc quánh của nó. Các khách qua đường hiếm hoi đi theo bên rợp bóng. Anh tình cờ gặp một người da đen bận đồng phục thuộc địa, — mặt như giày cao su ướt. Chiếc ghế rơm dựng trên vỉa hè, từ đệm ghế, chú mèo nhẹ nhàng nhảy xuống. Một giọng Provence lạnh lạnh bắt đầu liến thoắng trong cửa sổ nào đấy. Cánh cửa chớp xanh lá đập mạnh. Trên quầy hàng, giữa những con vật nhuyển thể tím nhạt, thoang thoắng mùi tảo biển, các quả chanh lóng lánh ánh vàng sần.

Ra đến biển, Nikitin xao xuyến ngắm màu xanh đậm đà chuyển qua sắc bạc sáng lóa xa xa, — nhìn dợn sáng dịu dàng đùa bên mạn thuyền buồm trắng muốt, — sau đó, loạng choạng vì oi bức, anh đi tìm một tiệm ăn Nga nhỏ, mà anh đã để ý đến địa chỉ nó trên tường lãnh sự quán.

Tiệm ăn cũng nóng và bẩn hết như tiệm cắt tóc. Sâu bên trong, trên quầy rộng, lò mờ hiện lên những món đồ nguội và trái cây trong các sóng voan xám lam che đậy chúng. Nikitin ngồi xuống, ưỡn thẳng vai: chiếc sơ mi dính bết vào lưng. Tại bàn bên cạnh, có hai người Nga ngồi, chắc có lẽ là thủy thủ từ chiếc tàu Pháp nào đó,

còn đằng xa, một cụ già cô đơn, đeo kính gọng vàng, nhai nhóp nhép và húp sột soạt, tộp xúp củ cải đỏ từ chiếc thìa nhỏ. Bà chủ, vừa lau đôi tay mũm mĩm bằng khăn bông, vừa đưa ánh mắt mẹ hiền về phía kẻ mới vào. Hai con cún lông xù, lúng búng bốn chân, lăn lộn trên sàn; Nikitin huýt sáo; một con chó cái già, trụi lông, ghen xanh bên khốe mắt triu mến, đặt mõm lên đùi anh.

Một thủy thủ bảo anh, điềm tĩnh và từ tốn:

— Đuổi đi. Lây bọ chét đấy.

Nikitin vò đầu chó, ngược đôi mắt sáng ngời lên.

— Tôi không sợ chuyện ấy đâu, ông ạ... Constantinople... Lán gỗ... Ông nghĩ sao...

— Mới đến hả? — Thủy thủ hỏi. Giọng — đều đều. Tấm lưới thay cho sơ mi. Hoàn toàn lạnh lùng, khôn khéo. Mái tóc sẫm màu cắt gọn phía sau. Trán sạch. Diện mạo nhìn chung là đứng đắn và điềm đạm.

— Chiều hôm qua, — Nikitin trả lời.

Súp củ cải đỏ và rượu đen nồng khiến anh lại còn đỡ mờ hôi nhiều hơn. Những muống ngời

yên, chuyện trò khe khẽ. Năng chói rọi vào qua khe cửa, cả ánh nước rãnh phố nhỏ cũng rung rinh, — và từ trong góc nhà lấp lánh đôi kính của cụ già Nga ngồi dưới đồng hồ ga.

— Đang kiểm việc hả? — Thủy thủ thứ hai hỏi, y đã luống tuổi, mắt xanh, có bộ ria hải mã nhạt màu, nhưng cũng hoàn toàn sáng sủa, sạch sẽ, được trau chuốt bởi nắng và gió mặn.

Nikitin cười:

— Còn phải nói... Đấy, hôm nay tôi ghé qua phòng lao động... Họ đề nghị đi trồng cột điện tín, bện dây cáp, mà tôi có biết đâu...

— Thế thì cậu đi với bọn này đi, — tóc đen nói, — làm thợ đốt lò, đại loại vậy. Không giỡn, tôi hứa với cậu... Á, Lyalya... Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách!

Một cô nương bước vào, đội mũ trắng, mặt hiền, không xinh, đi giữa các bàn, thoạt tiên cười với lũ chó, rồi với các thủy thủ. Nikitin hỏi gì đó và quên bằng câu mình hỏi lúc anh nhìn cô gái, nhìn chuyển động phần hông dưới cô, mà theo đó ta luôn có thể nhận ra một tiểu thư Nga. Bà chủ âu yếm nhìn con gái, như muốn nói, chắc mệt lử rồi, ngồi cả sáng trong văn phòng, không thì

lại phục dịch ở cửa hàng. Ở cô có gì đó thương cảm, quê mùa, khiến ta những muốn nghĩ về xà phòng tím, về ga xép ngoài ô giữa rừng bạch dương. Đương nhiên ngoài cửa chẳng có nước Pháp nào. Những chuyển động lướt là. Sự vô nghĩa rạng ngời.

— Không, hoàn toàn không khó, — thủy thủ nói, — thường thì thế này: xô sắt, hổ than. Vậy là, cậu bắt đầu vét. Lúc đầu thì dễ thôi, — chừng nào than còn dốc: tụt trút vào xô; sau đó nặng hơn. Lấy đầy xô, đặt nó lên xe rùa. Lăn đến thợ cả. Ông ta tung xẻng — một! — mở toang cửa lò — hai! — cũng bằng cái xẻng ấy, hất, biết không, rộng, như quạt, cho rơi đều. Một việc tinh xảo. Chịu khó theo dõi cái kim, và nếu áp lực giảm...

Trong cửa sổ nhìn ra phố xuất hiện đầu với vai một người đội mũ pa-na-ma và mặc com-lê trắng.

— Khỏe không, Lyalya?

Y tựa khuỷu tay lên bậu cửa sổ.

— Ừ, tất nhiên nóng rồi, hừng hực ấy chứ. Phải làm với độc cái quần và áo lưới. Rồi lưới cũng đen thui. Mà này, tôi đang nói, — về áp lực nhĩ. Nghĩa là, trong lò đóng cặn, một lớp vỏ đá,

mà cậu sẽ phải phá vỡ bằng một que cời dài thế này này. Khó đấy. Thế nhưng, sau đó, lúc vọt lên boong — nắng trời, dầu là nhiệt đới, mà dường như mát rượi, — cậu đứng dưới vòi sen, rồi lao về buồng mình, lên vông, — hồng ân, thưa cậu...

Trong lúc ấy, bên cửa sổ:

— Mà hử, anh ạ, khẳng định là đã thấy tôi trong ô-tô!

Giọng Lyalya cao, xúc động. Người tiếp chuyện nàng, quý ông bận đồ trắng, đứng, chống khuỷu tay từ mặt ngoài bậu cửa sổ, và trong ô cửa chữ nhật thấy rõ đôi vai tròn, gương mặt mềm, cạo sạch râu, sáng nửa vời dưới nắng trời: một người Nga may mắn.

— Hử bảo, cô còn mặc cả váy tím hoa cà, mà tôi đâu có cái váy nào như thế, — Lyalya hét lên, — mà hử cứ nằng nặc: “Rơ-vu-zat-xuya.”

— Đừng nói tiếng Nga được không, — thủy thủ đang nói chuyện với Nikitin quay lại yêu cầu.

Người trong cửa sổ nói:

— Còn anh, Lyalya, đã kiếm được các bản nhạc ấy. Nhớ không?

Và bỗng đâu thoang thoảng, — gần như cố ý, chẳng khác nào có ai đó giải khuây với việc tưởng tượng ra cô nương này, cuộc trò chuyện này, tiếm ăn Nga nhỏ xíu này nơi một hải cảng đất khách quê người, — thoang thoảng dịu dàng mùi hương quê mùa ngày thường ở nước Nga thân thương, và lập tức, theo sự phối hợp tư duy lạ lùng và bí mật nào đó, thế giới hiện lên rộng lớn hơn, những muốn bơi theo biển, cập bến các vịnh phi thường, trộm nghe hồn lạ nơi nơi.

— Có phải cậu vừa hỏi chuyến tàu nào phải không? Đông Dương, — thủy thủ nói băng quơ.

Nikitin trầm ngâm gõ điệu thuốc lên bót xì gà; trên nắp gỗ khắc nóng một con đại bàng vàng.

— Chắc sẽ tốt thôi.

— Chứ sao? Tất nhiên là tốt rồi.

— Nào, kể gì đó đi. Nào, về Thượng Hải, về Cô-lôm-bô¹.

— Thượng Hải à? Thấy rồi. Mưa ẩm. Cát đỏ. Ấm, như trong nhà kính. Còn ở Xri Lan-ca, chẳng hạn, chưa lên bờ; phải trực, biết không... Đúng phiên tôi.

¹ Cô-lôm-bô: thành phố lớn nhất của Xri Lan-ca.

Người bạn com-lê trắng, khom vai, nói gì đó với Lyalya qua cửa sổ, khẽ khàng và đầy ý nghĩa. Cô lắng nghe, nghiêng đầu, một tay vuốt ve cái tai gập của con chó. Con chó, thè cái lưỡi hồng rực, thở gấp gấp và sung sướng, ngó khe cửa ngập nắng, chắc có lẽ đang ngắm nghĩ xem có đáng nằm trên ngưỡng cửa ấm hay không. Và dường như chó cũng nghĩ bằng tiếng Nga. Nikitin hỏi:

— Tôi phải xin ở đâu?

Thủy thủ nháy mắt với bạn: dụ được rồi, thấy chưa. Rồi y nói:

— Rất đơn giản. Sớm mai hãy đến cảng cũ, tại cầu tàu thứ hai, cậu sẽ tìm thấy “Jean-Bart” của chúng tôi. Hãy nói chuyện với thuyền phó. Tôi nghĩ là anh ta sẽ mướn cậu thôi.

Nikitin chăm chú ngắm thật rõ vàng trán sạch, thông minh của thủy thủ.

— Trước kia, hồi ở Nga, anh là gì?

Y nhún vai, cười gượng.

— Gì ư? Một thằng ngốc, Râu Quặp trả lời thay y bằng giọng nam trầm.

Lát sau, cả hai đứng dậy. Người trẻ hơn rút cái ví y nhét trước quần và dưới khóa thắt lưng,

theo kiểu thủy thủ Pháp. Lyalya bật cười chói tai chuyện gì đó, đến gần y, đưa tay: lòng bàn tay có lẽ hơi ướt. Lũ cún lẳng xăng trên sàn. Người đứng sau cửa sổ vừa quay lưng, vừa lơ đễnh và dịu dàng huýt sáo. Nikitin trả tiền rồi thông thả ra ngoài nắng.

Lúc ấy độ năm giờ chiều. Màu xanh biển ở các khoảng trống giữa phố khiến anh nhức mắt. Những tấm bảng tròn của các nhà vệ sinh trên phố tỏa sáng rùng rục.

Anh quay về khách sạn tồi tàn của mình, — và, chậm chậm chấp tay sau đầu, trong cơn say nắng khoan khoái, ngã ngửa lên giường. Anh mơ thấy mình lại là chàng sỹ quan đi dọc sườn núi Crimea mọc đầy cây đại kích với các bụi sồi, — và tiện tay phạng gậy đứt những đầu cúc gai phủ lông tơ. Anh choàng tỉnh vì bật cười trong giấc ngủ: choàng tỉnh, và trong cửa sổ đã xanh ngắt màu hoàng hôn.

Anh nhòai người ra vực sâu lạnh lẽo, trầm ngâm suy nghĩ: các phụ nữ dạo qua. Trong số họ có cả những người Nga. Một ngôi sao to biết mấy.

Anh vuốt tóc, lau góc chần lên bấu mũi giày bụi bặm, liếc vào trong ví — còn vón vện

năm phờ-răng, — và lại ra ngoài lang thang, tận hưởng sự nhàn rỗi đơn côi của mình.

Lúc này ngoài phố đã đông người hơn ban ngày. Dọc theo các con phố dốc xuống biển, người ta ngồi, hóng mát. Cô gái choàng chiếc khăn óng ánh.... nhưóng mi... Ông chủ tiệm bụng phê bận gi-lê mở nút, cưỡi trên ghế rơm, khuỷu tay tựa lưng ghế, hút thuốc — và đằng trước, trên bụng, đai áo sơ mi thò ra ngoài. Bọn trẻ con, nhảy chồm hồm, thả dưới ánh đèn đường những chiếc thuyền giấy theo dòng nước đen chạy dọc vỉa hè hẹp. Phảng phất mùi cá và vang. Từ các tủ quán cho thủy thủ, le lói ánh đèn vàng, vọng đến những thanh âm khó nhọc của cây phong cầm quay tay, tiếng vỗ lòng bàn tay lên bàn, tiếng hò reo oang oang. Và, trên phần cao hơn của thành phố, dọc theo đại lộ chính, dưới những đám mây phượng vĩ, các đám đông xếp chiều lê bước và cười đùa, thấp thoáng những mắt cá mảnh mai của phụ nữ và những chiếc giày trắng của sỹ quan hải quân. Đây đó, hết như lửa hoa từ cây pháo bông cứng đờ, một tiệm cà phê bừng sáng trong chập choạng chiều tím nhạt: những chiếc bàn tròn ngay trên vỉa hè, bóng các cây tiêu huyền trên một mái che kẻ sọc được soi sáng từ trong ra. Nikitin dừng bước, tưởng tượng một vai

bia, lạnh băng, nặng trĩu. Ở sâu bên trong, sau các bàn, các thanh âm vĩ cầm vụn vẹo như những bàn tay, còn cây thụ cầm rung những tiếng ngân sâu lắng. Nhạc càng sến thì càng dễ đến gần tim.

Tại bàn ngoài cùng, một người đàn bà đang ngồi, mặc nguyên bộ đồ xanh lá, mệt mỏi, đang điếu, đung đưa mũi giày nhọn.

“Uống, — Nikitin quyết định, — không, không uống... Vả lại...”

Người đàn bà có cặp mắt như của búp bê. Có gì đó rất quen ở đôi mắt ấy, ở đường chân thon dài ấy. Chộp lấy túi, ả đứng dậy, như thể vội đi đâu. ả mặc áo cánh dài đan tơ ngọc lục bảo, bên dưới ôm sát hông. ả đi qua, nheo mắt vì nhạc.

“Lạ thật đấy,” — Nikitin ngẫm nghĩ. Trong ký ức anh có gì đó vụt qua, như sao băng, — và quên cả bia, anh rẽ theo ả vào một con phố đen, nhóng nhánh. Đèn đường kéo giãn bóng ả. Chiếc bóng ấy thấp thoáng trên tường, rồi gập lại. ả đi thong thả, và Nikitin kìm bước, không hiểu sao lại sợ đuổi kịp ả. — Nhưng, chắc chắn là vậy mà... Trời ơi, tuyệt làm sao...”

Người đàn bà dừng chân trên lề hè. Một ngọn đèn đỏ thắm cháy rùng rục trên cánh cửa

đen. Nikitin vượt lên trước, quay lại, đi quanh người đàn bà, đứng sững. Ắ cười thỏ thẻ, buông một lời âu yếm tiếng Pháp.

Dưới ánh đèn mờ ảo, Nikitin nhìn thấy gương mặt dễ thương, mệt mỏi của ả, và nước bóng ẩm ướt trên những chiếc răng nhỏ.

— Nghe này, — anh nói tiếng Nga, giản đơn và khẽ khàng. — Ta biết nhau cũng lâu rồi, thôi hãy nói tiếng mẹ đẻ đi.

Ắ nhướn mày:

— *Inh lích? lu sò pích Inh lích*¹?

Nikitin chăm chăm nhìn ả, nhắc lại một cách hơi bất lực:

— Thôi đi. Tôi biết rồi mà.

— *T'es Polonais, alors*²? — Người đàn bà hỏi lại, kéo âm tiết ngân vang cuối cùng theo kiểu miền Nam.

Nikitin chịu thua, cười mát, dúi vào tay ả tờ bạc năm phờ-răng và, quay nhanh lại, bắt đầu đi ngang quảng trường thoai thoải. Sau khoảnh

¹ Tiếng Anh? Anh nói tiếng Anh há?

² Anh là người Ba Lan chứ gì?

khắc, anh nghe thấy bước chân vội vã sau lưng mình, hơi thở, tiếng váy sột soạt. Anh ngoái lại. Không có ai. Quảng trường vắng, tối. Gió đêm lùa từ báo theo các phiến đá lát.

Anh thở dài, lại cười mát, đút sâu hai nắm tay vào túi quần, — và vừa ngắm các vì sao khi mờ khi tỏ, tựa hồ được thổi bởi những ống bễ khổng lồ, vừa bắt đầu thả bộ xuống phía biển.

Nơi ấy, trên những làn sóng đu đưa nhịp nhàng đẫm bóng trắng, trên gờ đá cầu tàu xưa cũ, anh ngồi, thõng chân và cứ ngồi như thế rất lâu, ngửa mặt và dựa lên lòng bàn tay của đôi tay duỗi ra sau.

Một ngôi sao sa lao qua với sự bất ngờ khiến tim loạn nhịp. Cơn gió mạnh thanh khiết vờn trên mái tóc anh, nhạt nhòa trong ánh đêm lộng lẫy.

Sự trả thù

I

Ostend¹, bến đá, bờ xám, dãy khách sạn xa xa chậm chậm quay, mờ dần vào màn sương lam ngọc ngày thu.

Giáo sư ủ chân trong tấm khăn len kẻ ô và, với tiếng cọt két, ngả người dựa lên chiếc ghế xếp vải bố tiện lợi. Trên boong tàu sạch sẽ màu

¹ Một thành phố lớn bên bờ biển nước Bỉ.

hoàng thổ rất đông người, nhưng yên tĩnh. Các nôi súp-de dè dặt kê ục ục.

Cô gái Anh đi tắt len, nhướng mày về phía giáo sư.

— Giống Sheldon nhỉ? — Cô hỏi cậu em đứng bên cạnh.

Sheldon là diễn viên hài kịch, — một người khổng lồ hói đầu với gương mặt tròn mềm nhũn.

— Ông ấy có vẻ rất hài lòng với biển... — cô gái Anh khẽ nói thêm. Sau đó, thật đáng tiếc, cô rút ra ngoài câu chuyện của tôi.

Em trai cô, một sinh viên tóc hung vụng về, đương trên đường quay về trường đại học của mình — kỳ nghỉ hè đã kết thúc, — rút tẩu khỏi miệng và nói:

— Nhà sinh vật học của bọn em đấy. Một ông già cực hay. Em phải chào ông mới được.

Cậu lại gần giáo sư. Ông nhướng cặp mí mắt nặng nề lên. Ông nhận ra một trong những học trò tệ nhất và siêng nhất của mình.

— Chuyển sang ngang sẽ rất tuyệt, — sinh viên nói, sau khi nắm nhẹ bàn tay lớn mát lạnh chìa ra cho cậu.

— Tôi cũng mong vậy, — giáo sư trả lời, xoa các ngón tay lên cái má xám của mình. Và ông oai nghiêm nhắc lại: — Ừ, tôi rất mong.

Cậu sinh viên lướt ánh mắt lên hai va-li nằm cạnh ghế xếp. Một cái cũ kỹ, đường bệ: hết như vết phân chim trên bia mộ, các vết nhẵn dấn xưa cũ cũng hiện lên trắng nhờ trên nó. Cái kia — mới tinh, màu da cam, với những ổ khóa sáng rực, chẳng hiểu sao lại thu hút sự chú ý của cậu sinh viên.

— Cho phép em dựng va-li của thầy lên nhé, — nếu không thì nó đổ mất, — cậu đề nghị, để có thể phần nào duy trì được cuộc chuyện trò.

Giáo sư mỉm cười. Hoặç là diễn viên hài râu bạc, hoặç là võ sỹ quyền anh về già...

— Cậu nói va-li hả? Mà cậu có biết tôi mang gì trong đó không? — Ông hỏi, có vẻ hơi bực mình. — Không đoán được sao? Một vật tuyệt vời!... Một chiếc mắc áo loại đặc biệt...

— Sáng chế của Đức ạ, thưa thầy? — Cậu sinh viên gợi ý, sau khi nhớ lại là nhà sinh vật học vừa mới đến Berlin dự hội thảo khoa học.

Giáo sư cất tiếng cười kèn kẹt ý nhị. Chiếc răng vàng tóa lửa.

— Một sáng chế thần thánh, anh bạn ạ, thần thánh. Cần thiết cho mọi người. Vả lại, chính cậu cũng đem vật như thế theo mình đấy. Hoặc, không chừng cậu là con pô-líp?

Sinh viên nhe răng cười. Cậu biết, giáo sư định bốn cột. Trong trường có nhiều lời bàn tán về ông già. Họ bảo ông khổ vì vợ — một phụ nữ trẻ măng. Sinh viên có lần đã nhìn thấy cô ấy: rất gầy, với đôi mắt dị thường...

— Vợ thầy khỏe chứ ạ, thưa giáo sư? — Sinh viên tóc hung hỏi thăm.

Giáo sư trả lời:

— Này anh bạn, tôi nói thật nhé. Tôi đã đấu tranh rất lâu với mình, nhưng giờ thì buộc phải nói với cậu... Anh bạn này, tôi thích du hành yên tĩnh. Tôi tin là cậu sẽ thứ lỗi cho tôi.

Và đến đây, sẽ chia số phận chị mình, sinh viên ngượng ngùng huýt sáo, vĩnh viễn ra khỏi các trang sách này.

Nhà sinh vật học kéo sụp chiếc mũ phớt đen xuống tận đôi lông mày lờm chờm, vì các gợn sóng biển vỗ lóa cả mắt, và chìm vào giấc ngủ giả vờ. Khuôn mặt xám cạo nhẵn của ông, với mũi to và cằm nặng, đắm ánh nắng và dường như vừa

được nặn ra từ cao lạnh ẩm. Khi đám mây thu mỏng manh kéo ngang vầng thái dương, mặt giáo sư chợt hóa đá — sẫm lại và khô đi. Tất nhiên mọi điều này chỉ là sự thay đổi bóng râm và ánh sáng mà thôi, chứ không phản ánh các suy nghĩ của ông. Chắc gì nhìn giáo sư đã thấy dễ chịu, nếu như các ý nghĩ của ông thực sự thể hiện lên mặt.

Số là, hôm nọ ông mới nhận được từ London một báo cáo của thám tử ông thuê về việc vợ ông đã phản bội ông. Tóm được bức thư viết bằng nét chữ li ti quen thuộc và bắt đầu thế này: “Anh yêu của em, Jack của em, em vẫn còn trọn vẹn nụ hôn cuối của anh...”

Mà tên giáo sư lại tuyệt nhiên không phải là Jack. Và bản chất toàn bộ vấn đề nằm ở đấy. Sau khi thấu hiểu điều này, ông không cảm thấy ngạc nhiên, đau đớn hay thậm chí là nỗi buồn bực can trường nào đó, mà — sự căm thù, một sự căm thù sắc lạnh như dao chích. Ông hiểu rất rõ rằng ông sẽ giết vợ mình. Không thể có chuyện trù trừ. Chỉ còn việc nghĩ ra kiểu giết nào đau đớn nhất, tinh tế nhất. Ngả người trên ghế xếp, ông lựa tới lựa lui cả trăm lần mọi cuộc tra tấn đã từng được các nhà du hành và các học giả thời Trung cổ viết ra. Không cuộc nào khiến ông thấy đủ đau. Tận

đến lúc ở đằng xa, trên rìa gợn sóng xanh lá, bắt đầu hiện ra các vách đá Dover¹ trắng nhòe, mà ông vẫn chưa quyết được gì.

Con tàu im bật và, hơi trông tránh, cập bến. Giáo sư đi theo phu khuân vác xuống cầu ván. Viên chức hải quan, sau khi liếc thoáng liệt kê các món hàng cấm nhập cảng, yêu cầu mở va-li — chiếc mới, màu da cam. Giáo sư xoay chiếc chìa nhẹ bỗng trong ổ khoá, bật nắp da. Sau lưng ông, một phụ nữ Nga nào đó rú lên: Cha mẹ ơi! — sau đó bật cười kích động. Hai người Bỉ, đứng sát hai bên giáo sư, đưa mắt nhìn ông như thể từ bên dưới; một người nhún vai, người kia huýt sáo khe khẽ. Còn bọn Anh thì thờ ơ quay lưng lại. Gã viên chức, bất ngờ bắt được quả tang, trở mắt nhìn thứ bên trong va-li. Mọi người đều rất khiếp sợ và khó xử.

Nhà sinh vật học lạnh lùng xưng tên, nhắc đến viện bảo tàng của trường đại học. Các gương mặt giãn ra. Chỉ có vài phụ nữ chán nản vì hiểu là chẳng có tội ác nào xảy ra.

¹Thành phố cảng của nước Anh. Eo biển Dover là nơi nước Anh gần lục địa châu Âu nhất.

— Nhưng sao ông lại vận chuyển thứ này trong va-li? Viên chức hỏi với vẻ trách móc kính cẩn và thận trọng hạ nắp va-li xuống rồi quẹt phấn lên lớp da tươi màu.

— Tôi vội quá, — giáo sư nói, mệt mỏi nheo mắt, — chẳng có thời gian đóng nó vào thùng. Và lại, món đồ cũng giá trị, thành thử tôi không muốn gửi theo hành lý.

Giáo sư bước, với dáng đi lom khom song nhún nhẩy, trên cầu tàu, qua một viên cảnh sát nhìn giống món đồ chơi khổng lồ. Nhưng ông chợt dừng lại, như thể sực nhớ ra điều gì đó, và vừa lẩm bẫm nói vừa cười tươi, hiền hậu: “Ồ, tìm ra rồi... Một phương thức hết sức thông minh...” Sau đó, ông thở phào nhẹ nhõm, mua hai quả chuối, một bao thuốc lá, mấy tờ báo như tấm ga giường giòn tan — và sau vài phút, ông đã bay trong một cu-pê ấm cúng của con tàu tốc hành xuyên lục địa, dọc theo biển sáng chói, dọc theo các sườn dốc trắng, dọc theo các mục địa màu ngọc lục bảo của Kent.

II

Đôi mắt thật sự kỳ diệu... Con người — giọt sáng đen nhánh trên xa-tanh xám lam. Tóc — cắt

ngắn, vàng nhạt: mái lông tơ mịn dày, lông lẩy. Chính nàng: nhỏ, thẳng, ngực phẳng.

Nàng chờ chồng từ hôm qua, còn hôm nay có lẽ nàng đã biết ông sẽ về. Mặc bộ đầm xám tro hở cổ, đi đôi hài nhung, nàng ngồi trên chiếc đi-văng đuôi công, trong phòng khách, nghĩ về việc chồng nàng cứ hoài công không tin thần linh và khinh ra mặt cậu đồng người Xcốt-len có hàng mi trắng mịn, thỉnh thoảng vẫn ghé thăm nàng. Quả là đã thật sự xảy ra nhiều chuyện kỳ lạ với nàng. Mới đây, trong giấc mơ của nàng lại xuất hiện chàng trai quá cố, người mà trước khi lấy chồng, nàng từng cùng lang thang trong hoàng hôn, khi cây mâm xôi nở hoa trắng như bóng ma. Sáng ra, như thể hãy còn lơ mơ ngủ, nàng lấy bút chì biên cho anh ấy một lá thư — lá thư cho người trong mộng. Trong lá thư này, nàng đã lừa dối Jack đáng thương. Thực ra nàng gần như đã quên anh, và đang yêu với một tình yêu mặc dù có phần sợ hãi nhưng rất thủy chung với ông chồng giày vò khủng khiếp của mình, mà trong khi đó lại vẫn muốn dùng những lời trần tục nồng nàn để sưởi ấm, khích lệ vị khách ma đáng yêu ấy. Lá thư biến mất khỏi tập giấy thấm một cách bí ẩn, và vào đêm ấy, nàng mơ thấy một cái bàn dài, mà từ dưới nó, Jack bỗng dung bò ra và gật đầu cảm ơn

nàng... Không hiểu sao lúc này nàng lại thấy khó chịu khi nhớ lại giấc điệp ấy... Chẳng khác nào nàng đã phản bội chồng mình với một con ma.

Phòng khách ấm và đẹp. Chiếc gối lụa vàng rực xen sọc tím nằm trên bậu cửa sổ rộng và thấp...

Giáo sư về đúng lúc mà nàng quyết định là tàu ông đã chìm xuống đáy. Trông ra ngoài cửa sổ, nàng thấy cái mũi đen của chiếc tắc-xi, lòng bàn tay chìa ra của tài xế và đôi vai nặng của chồng, đang cúi đầu xuống, trả tiền. Nàng chạy như bay qua các phòng, lú lú xuống cầu thang, vung vẩy đôi tay trần thon gầy.

Ông chạy lên gặp nàng, lom khom, bận bành-tô rộng. Sau lưng ông là người hầu xách vali.

Nàng nép vào chiếc khăn len quàng cổ ông, hơi kiễ gót son nhấc một chân thon, đi tất xám. Ông hôn lên thái dương ấm của nàng. Với nụ cười độ lượng, ông gạt tay nàng ra.

— Hượm đã, người anh toàn bụi là bụi... ông nắm bắt, nắm lấy bàn tay nàng.

Nàng nheo mắt và hất đầu — tóc bay lửa nhạt.

Giáo sư cúi xuống hôn môi nàng, rồi lại mỉm cười.

Trong bữa tối, uốn tấm giáp trắng che ngực của chiếc áo sơ mi hồ bột và máy mạnh lưỡng quyền bóng lưỡng, ông kể về chuyến đi ngắn ngày của mình. Ông dè dặt vui. Ve áo lụa bẻ cong trên chiếc vét, quai hàm chó bun, cái đầu hói to tương với những gân sắt trên thái dương ông — tất cả những thứ này khơi lên trong lòng vợ ông một cảm giác thương xót huyền bí: nàng luôn luyến tiếc là ông, dù đã nghiên cứu mọi hạt phấn hoa đời, lại chẳng muốn bước vào thế giới của nàng, nơi những dòng thơ *de la Mare* tuôn chảy và các linh tinh vô cùng mong manh vẫn bay vụt qua.

— Sao rồi, các bóng ma của em vẫn gõ lạch cạch khi vắng anh chứ? — Ông hỏi, đoán trước ý nàng.

Nàng những muốn kể ông nghe về giấc mộng, về lá thư, — nhưng cứ thấy xấu hổ thế nào.

— À, em biết không, — ông vừa nói tiếp, vừa rắc đường lên chiếc bánh đại hoàng màu hồng, — em và các bạn em đang đùa với lửa. Quả thật là cũng thường xảy ra những chuyện lạ lùng.

Hôm trước, một bác sỹ ở Vienna có kể cho anh nghe về những sự hóa thân khó tin. Một người đàn bà nọ, — một mục thầy bói cuồng loạn, — qua đời — do vỡ tim, phải không nhỉ? — và khi bác sỹ lột quần áo mục ra — chuyện này diễn ra trong một túp nhà Hung-ga-ry, dưới ánh nến, — thì cơ thể người đàn bà này khiến ông ta sửng sốt: nó được phủ trọn vẹn trong ánh đỏ lợt, mềm và trơn lúc sờ vào. Sau khi quan sát kỹ, ông ta hiểu ra rằng cơ thể đầy đà và căng cứng này dường như bao gồm toàn các đai da tròn mảnh, chẳng khác nào nó bị quấn hết lại — đều chần chẹn và chặt cứng — bằng các sợi dây không trông thấy được, — hoặc là có một quảng cáo sẫm lớp của Pháp thế này — một người làm toàn bằng lớp xe... Chỉ có điều là các lớp xe của mục này cực mảnh và có màu đỏ nhạt. Và trong lúc bác sỹ nhìn, thì xác mục bắt đầu từ từ gỡ ra, như cuộn chỉ khổng lồ... cơ thể mục là con giun mỏng, dài bất tận, nó tự gỡ ra và trườn đi — qua bên dưới khe cửa, — và trên giường còn lại bộ xương trắng lóa lờ, hãy còn ấm... Vậy mà người đàn bà này có chồng đấy, — ông ấy từng có lúc hôn mục — hôn con giun ấy...

Giáo sư rót cho mình một ly rượu pooc-tô màu gỗ gụ và bắt đầu uống từng ngụm đậm, mà

không rời đôi mắt nheo lại khỏi mặt vợ. Nàng rùng khẽ đôi vai gầy nhợt nhạt...

— Chắc chính anh cũng không biết là đã kể cho em nghe một câu chuyện kinh khủng thế nào đâu, — nàng lo lắng thốt lên. — Vậy nghĩa là hôn bà đó nhập vào con giun. Kinh khủng quá...

— Đôi khi anh nghĩ, — giáo sư nói, nhọc nhằn xốc cổ tay áo thò ra và ngắm nghĩa các ngón tay xám, tù của mình, — rằng rốt cuộc thì khoa học của anh chỉ là sự lường gạt vớ vẩn, rằng các định luật vật lý đều do bọn anh bịa ra, rằng mọi điều, tất cả mọi điều đều có thể xảy ra... Những ai chìm đắm vào các suy tưởng này đều mất trí...

Ông cố nén ngáp, đập đập nắm tay siết chặt lên môi.

— Anh sao thế, anh yêu? — Vợ ông khẽ thốt lên. — Trước giờ anh chưa từng nói thế này... Em cứ tưởng là anh biết hết... anh vạch ra được hết...

Trong giây lát, lỗ mũi giáo sư đột ngột phồng lên, cái nanh vàng lóe sáng. Nhưng ngay lập tức mặt ông lại mềm xuống.

Ông vươn người và đứng dậy khỏi bàn.

— Anh huyền thuyên ấy mà... không có gì đâu... — ông nói dịu dàng và bình thản. — Anh mệt rồi... Anh đi ngủ đây... Đừng bật đèn lúc em vào nhé. Hãy nằm ngay lên giường chúng mình... Giường chúng mình, — ông âu yếm nhắc lại đầy ngụ ý, như đã lâu rồi ông không nói.

Những lời ấy ngân nga êm ái trong lòng nàng, khi nàng còn lại một mình trong phòng khách.

Nàng lấy chồng đã năm năm, và bất chấp tính khí kỳ quặc của chồng cũng như các cơn bão ghen tuông vô cớ thường xuyên, sự im lặng, tính cau có, cùng sự khó hiểu của ông — nàng vẫn thấy mình hạnh phúc, bởi lẽ nàng yêu và thương ông. Nàng thon và trắng, ông bự, hói, với nạm lông hoa râm giữa ngực, họ tạo nên một cặp đôi quái gở không chịu nổi, — tuy thế nàng vẫn thấy dễ chịu với những vuốt ve mạnh mẽ hiếm hoi của ông.

Bông cúc đại đóa, cắm trong cái lọ trên lò sưởi, buông rơi vài cánh hoa cong cùng tiếng ào xào khô khan.

Nàng rùng mình, tim thắt lại khó chịu, nàng nhớ lại rằng không khí luôn đầy ắp những hồn ma, thậm chí ông chồng bác học của nàng còn

đánh dấu sự hiện hình đáng sợ của chúng. Nàng nhớ lại, Jack từng nhoi lên từ dưới gầm bàn và gật đầu chào nàng với sự trù mến ghê sợ. Tuồng như mọi vật trong phòng đều nhìn nàng chờ đợi. Làn gió kinh hãi hất vào người nàng. Nàng bước nhanh ra khỏi phòng khách, cố nín tiếng kêu vô lý. Nàng thở lấy hơi: mình sao vậy nhỉ, đúng là dở hơi... Trong buồng tắm, nàng chăm chú nhìn rất lâu vào hai con người rực sáng của mình trong gương. Khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng giữa mái tóc tơ vàng mượt có vẻ xa lạ với nàng...

Nhẹ lằng, như thiếu nữ, — mặc độc áo ngủ đấng-ten, — cố không chạm phải đồ đạc, nàng bước vào phòng ngủ tối om. Nàng duỗi tay ra, sờ soạng tìm đầu giường, rồi nằm xuống sát mép. Nàng biết mình không đơn độc, biết chồng đang nằm cạnh. Trong vài phút, nàng nhìn bất động lên trên, cảm thấy trái tim nện dữ dội và ngấm ngầm trong lồng ngực.

Khi mắt nàng đã quen với bóng tối đan xen các vạch sáng từ ánh trăng trút vào qua tấm rèm voan, nàng quay đầu về phía chồng. Ông nằm quay lưng lại với nàng, trùm kín chăn. Nàng chỉ nhìn thấy đỉnh đầu hói sọc của ông, nó có vẻ trắng và nhẵn khác thường trong vũng sáng trắng.

“Anh ấy chưa ngủ, — nàng âu yếm nghĩ, — chứ nếu ngủ rồi, thì đã ngáy khẽ...”

Nàng nhoẻn cười — và trườn nhanh cả người đến chỗ chõng, dang hai tay dưới chân chõng vòng ôm quen thuộc. Các ngón tay nàng chọc vào những rẻo xương sườn nhẵn thín. Đầu gối nàng va phải xương nhẵn. Cái đầu lâu, vừa đảo ổ mắt đen ngòm, vừa lăn từ trên gối xuống vai nàng.

Ánh đèn điện tỏa rộng. Giáo sư, bận dạ phục thô kệch, cả bộ ngực hồ bột căng phồng, cả đôi mắt, cả vầng trán rộng đều ngời sáng, bước ra khỏi tấm bình phong và tiến đến giường.

Chăn ga rối tung, tuột xuống thảm. Vợ ông nằm chết, ôm bộ xương trắng được bắt vít cấu thả của một thằng gù mà giáo sư kiếm được ở nước ngoài cho bảo tàng trường đại học.

Thiện tính

Anh được thừa hưởng xưởng làm việc của một nhiếp ảnh gia. Bên tường còn dựng bức họa màu hoa tử đinh hương, miêu tả một phần lan can và cái bình đựng cốt trắng nhờ trên nền vườn cây lò mờ. Trên chiếc ghế đan, chẳng khác nào ở ngay lối vào chốn xa xôi màu bột ấy, anh ngồi đến sáng, nghĩ về em. Lúc bình minh lên, trời trở nên rất lạnh. Các khuôn đầu bằng đất sét từ từ trôi ra từ bóng tối vào màn sương lằm bụi, — một cái, giống em,

quấn giẻ ướt. Anh đi xuyên qua gian phòng mù sương ấy — có gì đó vỡ nát, kêu răng rắc dưới chân, — và anh dùng đầu cây sào dài để móc và mở lần lượt các tấm rèm đen được treo như những mảnh cò rách bươm dọc theo mặt kính xiên. Sau khi cho ban mai vào — một ban mai mắt nheo, thảm hại, — anh bật cười, chẳng hiểu vì điều gì, — có thể vì anh vừa ngồi cả đêm trên ghế đan, giữa rác, giữa các mảnh thạch cao, trong bụi của chất đất nặn đang khô lại, — và nghĩ về em.

Những khi, trước mặt anh, ai đó nhắc đến tên em, anh lại trải qua cảm giác này: một cú nện tối đen, một chuyển động mạnh, ngát hương; như thể em vừa xoay tay, chỉnh lại mạng che mặt. Anh yêu em đã lâu, còn vì sao lại yêu — anh chẳng biết. Em là cô gái gian dối và hoang dã, luôn sống trong nỗi âu sầu vu vơ.

Cách đây chưa lâu, anh tìm thấy trên bàn phòng ngủ em một hộp diêm rỗng; trên nó có nắm mồi tro và mẩu thuốc vàng, thô, nam tính. Anh van em giải thích. Em cười khó chịu. Rồi em òa khóc, còn anh thì, tha thứ hết cho em, ôm gối em, áp hàng mi ướt của anh vào lụa đen ấm. Sau đó anh không gặp em suốt hai tuần.

Buổi sáng mùa thu lấp lánh trong gió. Anh thận trọng đặt sào vào góc. Trong khoảng trống rộng thênh giữa ô cửa có thể thấy rõ những mái ngói Berlin — hình dạng chúng biến đổi nhờ vào sự lóng lánh bất tín trong kính, — và giữa những mái nhà nổi lên một đỉnh vòm xa xa nhìn như quả dưa hấu bằng đồng. Các đám mây bay qua và rách toác, để lộ ra trong giây lát sắc xanh mong manh kinh ngạc của mùa thu. Hôm qua anh mới nói chuyện với em qua điện thoại. Anh không tìm được lòng, tự gọi. Chúng mình đồng ý gặp nhau hôm nay, tại cổng chào Brandenburg. Giọng em qua tiếng ong vo ve có vẻ xa xăm và lo lắng. Nó cứ chuội đi, tắt ngấm. Anh vừa nói với em, vừa nhắm nghiền mắt, chỉ chực khóc. Tình yêu anh dành cho em là những giọt lệ ấm nhoi nhoi dâng lên. Anh vẫn hình dung ra chốn thiên đường giống vậy: sự im lặng và những giọt lệ, với lụa ấm trên đầu gối em. Đó là điều em không sao hiểu nổi.

Sau bữa trưa, khi anh ra phố — để gặp em, — đầu anh quay cuồng vì không khí quá khô, vì những sợi nắng vàng. Mỗi tia sáng đều vang dội trong thái dương. Dọc vỉa hè, với tiếng xào xạc, những chiếc lá to, màu hung đỏ, lạch bạch chạy vội vàng.

Anh vừa đi vừa nghĩ về chuyện, hẳn là em sẽ không đến cuộc hẹn. Mà nếu em có đến, thì đằng nào mình cũng lại cãi nhau. Anh chỉ biết hàn gắn và yêu thương. Với em thì chừng ấy còn chưa đủ.

Những cái cổng phục phịch đây rồi. Xuyên các lỗ khoét của chúng, những chiếc xe buýt sườn-rộng len lách và lăn bánh tiếp tục theo một đại lộ chạy dài về chốn xa, vào ánh lam nhộn nhạo của ngày lộng gió. Anh chờ em dưới mái vòm nặng trĩu, giữa những cây cột lạnh lẽo, gần ô cửa sắt của trạm gác. Chung quanh rất đông người: các công chức Berlin rời sở làm, râu cạo chưa sạch, ai cũng cắp cặp dưới nách, trong mắt họ — sự buồn nôn đục ngầu, thứ thường xuất hiện mỗi khi hút phải thuốc dở lúc bụng đói. Những cổ áo cao, những gương mặt tham tàn mỗi một của họ thấp thoáng hiện lên không ngừng. Một phụ nữ đi qua, đầu đội mũ rơm đỏ, người bạn bành-tô may từ lông cừu xám, rồi đến một thanh niên bận quần nhung với những chiếc nút dưới đầu gối. Cả những người khác nữa.

Anh chờ đợi, dựa lên ba-toong, trong bóng râm lạnh giá của những cây cột góc. Anh không tin là em sẽ đến.

Cạnh cây cột gần cửa sổ trạm gác có một khay hàng — bưu thiếp, bản đồ, các bức ảnh màu xoè như quạt, — còn bên cạnh, ngồi trên ghế đẩu, là bà cụ da nâu, chân ngắn, đẩy đà, với gương mặt tròn, rỗ hoa, — bà cũng đang chờ.

Anh nghĩ: ai trong hai người bọn anh sẽ phải đợi lâu hơn, ai sẽ xuất hiện sớm hơn — khách hay em. Bà cụ tỏ vẻ thế này: “Bà chả liên quan, bà chả sao cả, bà chỉ tình cờ ngồi đây ấy mà; thì đúng là cạnh khay hàng nào đó — những món đồ vật rất thú vị, rất hay. Nhưng bà — chả liên quan...”

Người người qua lại liên miên giữa các cây cột, đi vòng quanh góc trạm gác; ai đó liếc nhìn các bưu thiếp. Lúc ấy, bà cụ căng cả người lên, dán đôi mắt nhỏ sáng rực vào mặt vị khách qua đường ấy, chẳng khác nào ám thị y: mua đi, mua đi... — nhưng y, sau khi đưa mắt nhìn các tấm ảnh màu và xám, lại đi tiếp, còn bà cụ, làm bộ dửng dưng, cụp mắt xuống, tiếp tục đọc cuốn sách đỏ mà bà đang giữ trên đầu gối.

Anh không tin là em sẽ đến. Nhưng anh vẫn chờ em, như chưa từng chờ đợi, vừa bồn chồn hút thuốc, vừa trông qua cổng vòm về phía một quảng trường quang đãng ngay đầu đại lộ; rồi lại

lui về góc của mình, cố gắng để không tỏ vẻ đang đợi, cố gắng tưởng tượng rằng, biết đâu đấy, trong lúc anh không trông chừng thì em đến, tiến lại gần, rằng nếu anh lại nhìn về nơi đó, sau góc, thì sẽ thấy chiếc áo lông sư tử biển của em, thấy lưới đăng-ten đen, rủ từ vành mũ xuống qua mắt, — và anh cố tình không nhìn, để dối được lòng mình lâu hơn.

Gió lạnh ào ào ủa tới. Bà cụ đứng dậy, bắt đầu cắm các bưu thiệp của mình cho chắc lại. Bà mặc trên người thứ đồ gì đó giống như áo tu-lúp¹ ngắn — nhung vàng, nếp chun ở eo lưng. Phần vạt chiếc váy nâu bị kéo đằng trước lên cao hơn đằng sau, do vậy mà có cảm giác như thể bà phưỡn bụng ra khi đi lại. Anh nhận ra các nếp xếp nhu mì, hiền hậu trên chiếc mũ tròn nhỏ, trên đôi ủng vịt² sòn rách. Bà thành thạo sắp lại khay hàng. Bên cạnh, trên ghế đẩu, còn lại một cuốn sách — cẩm nang du lịch Berlin, — và gió thu lo ãng lật các trang giấy, vùn vò tẩm bản đồ, khiến nó rơi khỏi chúng như những bậc thang.

¹ Loại áo khoác bằng lông, rất phổ biến ở Mông Cổ, Nga.

² Loại ủng để đi mưa hoặc lội tuyết. Phần trên làm bằng vải không thấm nước, phần dưới bằng cao su.

Anh thấy lạnh. Điều thuốc âm ỉ cháy cong vẹo và đắng ngắt. Những làn sóng thù nghịch lạnh lẽo hắt lên ngực. Khách mua hàng vẫn chưa đến.

Bà cụ lại ngồi xuống, và do chiếc ghế đầu quá cao với bà, nên thoát đầu bà phải cựa quậy không yên, hai cái đế đôi ủng mũi tù của bà thay phiên nhau rời khỏi vĩa hè. Anh quăng điều thuốc lên, bắt lấy nó bằng đầu ba-toong, làm tung bụi lửa.

Cả tiếng đồng hồ đã trôi qua, — không chừng lâu hơn. Sao anh lại có thể nghĩ là em sẽ đến? Bầu trời đã chuyển thành một đám mây liền lạc tự lúc nào, và những người qua đường bước rảo hơn, khom lưng, giữ mũ, một phụ nữ, đương băng qua quảng trường, vừa đi vừa mở dù... Chỉ có thể là phép màu, nếu lúc này em đến.

Bà cụ, sau khi cẩn thận xếp thẻ đánh dấu trang vào trong sách, dường như trở nên tự lự. Anh cảm thấy, bà đương tưởng tượng ra một người ngoại quốc giàu có từ khách sạn Adlon đến mua hết hàng của bà, và không những trả hớ tiền, lại còn đặt thêm nhiều nhiều bưu thiếp phong cảnh với đủ thứ cấm nang du lịch nữa. Và chắc là bà cũng không đủ ấm trong chiếc áo tu-lúp

nhung ấy. Nhưng em đã hứa là sẽ đến kia mà. Anh nhớ cuộc điện thoại ấy, nhớ cái bóng loáng thoáng lướt qua của giọng em. Trời ơi, anh muốn gặp em làm sao. Cơn gió dữ lại ào đến. Anh bẻ cổ áo lên.

Đột nhiên, cửa sổ trạm gác mở ra, một anh lính xanh lục cất tiếng gọi bà cụ. Bà tụt nhanh xuống khỏi ghế, phưỡn bụng ra, rồi chạy đến cửa sổ. Anh lính, với động tác điềm tĩnh, đưa bà cái ca bốc khói rồi đóng khung cửa lại. Cái vai xanh của anh ấy quay đi và rút vào chốn sâu tăm tối.

Bà cụ cẩn thận bưng ca, quay về chỗ mình. Đó là cà phê sữa — nếu phán đoán theo viền vàng nâu vàng dính vào miệng ca.

Và bà bắt đầu uống. Anh chưa bao giờ nhìn thấy ai uống với sự khoan khoái hoàn hảo, sâu sắc, tập trung như vậy. Bà quên cả khay hàng của mình, cả các tấm bưu thiếp, cả gió lạnh, cả vị khách Mỹ, — và chỉ nhấp, mút, đắm trọn mình vào cà phê, hết như anh đang quên đi sự đợi chờ của mình và chỉ còn thấy chiếc tu-lúp nhưng, thấy đôi mắt mờ đi vì sung sướng, thấy đôi tay ngẩn đi găng len hở ngón, siết chặt ca. Bà uống rất lâu, uống từng ngụm chậm, cung kính liếm lớp vàng viền quanh miệng ca, hơi nóng lòng bàn

tay lên sát tây ấm áp. Và hơi ấm sẫm, ngọt rót vào lòng anh. Lòng anh cũng uống, cũng tự hào nóng, — còn cụ bà da nâu có vị cà phê sữa.

Bà uống xong. Bà chờ người một thoáng. Rồi bà đứng dậy và tiến về ô cửa sổ, — trả lại cái ca rỗng.

Nhưng chưa đến nơi thì bà đã dừng lại. Đôi môi bà nở nụ cười. Bà lút cút chạy ngược lại khay hàng, bứt ra hai tấm bưu thiếp màu, và lại chạy đến ô cửa lưới sắt, đập nhẹ nắm tay nhỏ bọc lên kính. Tấm lưới mở tung, một tay áo xanh lục lườn ra, với chiếc nút óng ánh trên cổ tay, và bà cụ vừa dúm cái ca với các tấm bưu thiếp vào ô cửa sổ tối tăm, vừa vội vã gật gật đầu. Anh lính ngắm các bức ảnh, quay vào trong, từ từ đóng khung cửa lại sau lưng mình.

Lúc ấy anh chợt ngộ ra sự dịu dàng của cõi sống này, thiện tính sâu đậm ở mọi thứ quanh anh, mỗi ràng buộc ngọt ngào giữa anh với vạn vật, — và anh hiểu ngay rằng niềm vui mà anh tìm ở em, thực ra không chỉ ẩn giấu trong em, mà thở khắp nơi quanh anh, trong những thanh âm vút nhanh qua phố, trong vạt chiếc váy nhấc cao một cách tức cười, trong tiếng ù ù êm ái song sắt đá của gió, trong các đám mây thu căng phồng

cơn mưa. Anh hiểu rằng cỡi trần hoàn toàn không phải là cuộc chiến, không phải sự luân phiên những ngẫu nhiên tham tàn, mà là niềm hân hoan lấp lánh, là nỗi xao xuyến thiện tâm, là món quà chưa được ta đánh giá đúng mức.

Đúng lúc ấy, cuối cùng em cũng đến, nói đúng hơn thì không phải em, mà một cặp đôi người Đức, — chàng mặc áo choàng không thấm nước, chân đi đôi tất dài — những cái chai xanh lục, — nàng gầy, cao, bẹn bành-tô da beo. Họ đến gần khay hàng, người đàn ông bắt đầu lựa, và cụ bà cà phê của anh, mặt ửng hồng, người gồng lên, lúc thì nhìn vào mắt y, lúc lại nhìn vào các tấm bưu thiếp, hót hải nhưong căng đôi lông mày, như bác xà ích già vẫn làm, khi dùng cả người mình để thúc con ngựa còm. Nhưng người Đức chưa kịp chọn xong, thì vợ y đã nhún vai, kéo tay áo y, — và lúc ấy anh mới để ý thấy cô ấy giống em, — sự tương đồng không ở các đường nét, không ở trang phục, — mà ở vẻ mặt nhăn nhó khó chịu kinh tởm ấy, ở ánh mắt dửng dưng trơn tuột ấy. Và hai người bọn họ đi tiếp mà chẳng mua gì, — còn bà cụ chỉ cười, đặt các tấm bưu thiếp vào chỗ cũ, rồi lại chìm đắm vào cuốn sách đỏ của mình. Anh chẳng còn biết đợi thêm nữa để làm gì. Anh bỏ đi theo những con phố chiều

buông, ngấm mặt người qua lại, bắt lấy những nụ cười, những chuyển động nhỏ tuyệt mỹ, — kia, bím tóc nhảy tung tung của cô bé đang ném bóng vào tường, kia nổi sần muện thần thánh in bóng trong con mắt ô-van tím nhạt của chú ngựa; anh bắt giữ và gom lại mọi thứ này, rồi những giọt mưa xiên rất lớn rớt mau hơn, còn anh nhớ lại sự thoải mái mát lạnh ở xương riêng, những bắp thịt, vầng trán với mớ tóc mà anh nặn ra, và anh thấy trên các ngón tay mình cái cảm giác buồn buồn êm ái của một ý tưởng bắt đầu thành hình.

Trời đã tối. Mưa vẫn bay. Gió ào ạt đón anh tại các chỗ rẽ. Sau đó, một toa tàu điện chật ních bóng đen ken kết lao qua, tỏa sáng bằng các ô kính hổ phách,— và anh nhảy lên theo, rồi bắt đầu lau đôi tay ướt đẫm vì mưa.

Trong toa, mọi người ngồi ủ rũ, lắc lư mơ màng. Kính đen chỉ chít những hạt mưa li ti, như thể bầu trời đêm đặc kín các hạt cườm sao. Tàu bọn anh kêu leng keng dọc theo con phố hai bên trồng những cây dẻ ồn ào, và anh cứ cảm thấy hình như những cành cây ướt sũng đương vụt vào các ô cửa sổ. Khi tàu dừng, có thể nghe rõ tiếng những hạt dẻ bị gió bứt đứt đang gõ lên trên mái: tốc — rồi lại, đàn hồi và êm ái: tốc... tốc... Tàu rung chuông và chuyển bánh, ánh đèn

đường vỡ tan trên kính ướt, còn anh đợi chờ, với cảm giác hạnh phúc cồn cào, sự lặp lại các thanh âm cao ngạo và nhu mì ấy. Cú phanh, dừng, — lại một hạt dẻ tròn đơn côi rơi xuống — và chẳng bao lâu sau, hạt thứ hai cũng rơi, rồi gõ và lăn theo mái: tốc... tốc...

Tai nạn

C hiếc tàu điện cuối cùng chạy biến vào màn sương đặc quánh như gương giữa phố, và trên nó, theo đường dây, một tia lửa pháo hoa, loẹt xoẹt, run rẩy lao về phía xa, như ngôi sao lam.

— Thôi vậy, ta đành lết bộ thôi, dù cậu say quá rồi, Mark à, say quá...

Tia lửa tắt ngấm. Các mái nhà lấp lánh dưới trăng: những góc bạc, những vạt tối liêu xiêu.

Xuyên qua ánh mặt trời, anh loạng choạng bước về nhà, — Mark Standfuss, một nhân viên bán hàng, một á thần, Mark tóc vàng, một chàng trai hạnh phúc đeo cổ áo cao, hồ bột. Trên vạch trắng đằng sau, mái tóc kết thành cái đuôi không cắt nhìn rất tức cười, như của bé trai. Cũng vì cái đuôi đó mà Klara phải lòng anh, — vâng, nàng thề thốt, là yêu anh, là đã quên gã ngoại kiều nghèo khổ, đẹp mã, từng thuê phòng hồi năm ngoái ở chỗ bà Heise, mẹ nàng.

— Nhưng mà, Mark ơi, cậu đang say...

Hôm nay bạn bè khao bia và hát tặng Mark với Klara tóc nâu đỏ, da trắng nhợt, — còn tuần sau, đám cưới họ sẽ diễn ra, sau đó cho đến tận cuối đời — hạnh phúc và yên tĩnh, đêm đêm ngọn lửa nâu đỏ trải dài trên gối, sáng sáng — lại tiếng cười khẽ, bộ đầm xanh lục, đôi tay trần mát rượi.

Giữa quảng trường — một túp lều đen, một ngọn lửa đỏ: người ta đang sửa đường ray. Anh nhớ hôm nay đã hôn nàng thế nào dưới tay áo ngắn, vào đúng vết sẹo mũi lòng còn lại sau khi tiêm chủng đậu mùa. Còn lúc này anh đi về nhà, loạng choạng vì hạnh phúc và cơn say, vung vẩy chiếc ba-toong mảnh, và trong các căn nhà tối

bên kia con phố vắng, tiếng vọng đêm khuya vỗ theo nhịp chân anh, rồi im bật khi anh rẽ sau góc phố, nơi vẫn người bận tạp dề và đội mũ cát-két ấy đứng bên cái vỉ, một người bán xúc xích nóng, cất tiếng rao như chim hót, dịu dàng và buồn bã: Vuốt-xchen, vuốt-xchen...¹

Mark cảm thấy sự thương xót ngọt ngào với xúc xích, với trăng, với tia lửa xanh lam chạy theo dây điện, — và, dựa vào hàng rào, anh co hết người lại, rồi rướn lên và đột nhiên, chết lặng vì cười, thối vào một lỗ tròn nhỏ: “Klara... Klara... ôi, Klara, em yêu của anh...”

Sau hàng rào đen, trong khoảng trống giữa những ngôi nhà, có mảnh đất hoang hình chữ nhật: nơi đó, tựa các cỗ áo quan đồ sộ, những chiếc xe tải chở đồ đạc đang đậu. Chúng căng phồng hàng hóa. Chỉ có trời mới biết cái gì chong chắt trong chúng. Các rương gỗ sồi, hẵn rồi, và các chum đèn, như những con nhện sắt, và các cốt giường đôi nặng trĩu. Trăng tưới ánh sáng rất gắt lên chúng. Còn bên trái, trên bức tường trần trụi sau nhà, các trái tim đen khổng lồ nằm dài, — những chiếc bóng bị phóng đại lên nhiều lần của các lá đoan ở gần ngọn đèn trên mép vỉa hè.

¹ Würstchen: Xúc xích đây. (Tiếng Đức).

Mark vẫn không thôi cười, khi leo theo cầu thang tối om lên tầng năm. Lúc đặt chân lên bậc thang cuối, anh nhăm, nhấc chân thêm lần nữa — và vụng về đặt nó xuống đánh rầm một cái. Khi anh sờ mò trong bóng tối theo cánh cửa, tìm ổ khoá, thì chiếc ba-toong trượt tuột khỏi nách và, vừa gõ khê, vừa trượt xuống dưới, theo các bậc thang. Mark nín thở. Anh nghĩ, — ba-toong sẽ xoay lại tại nơi cầu thang đổi hướng, rồi, vừa gõ, vừa lăn xuống tận dưới cùng. Nhưng tiếng gõ ngân mỏng manh bất ngờ im bật. Hẳn là dừng lại rồi. Anh cười nhẹ nhõm và, vịn vào lan can, — bia hát thầm trong đầu — bắt đầu đi ngược xuống, nghiêng người, chút nữa thì ngã, nặng nhọc ngời lên bậc thang, sờ soạng quanh mình bằng hai lòng bàn tay.

Trên cao, cánh cửa ở đầu cầu thang mở ra; bà Standfuss, — đèn dầu trong tay, bận đồ dờ dang, mắt nhấp nháy, khói tóc dưới mũ ngủ — bước ra, gọi: Con đấy à, Mark?

Một nêm sáng vàng chộp lấy lan can, bậc thang, chiếc ba-toong, — và Mark, thở nặng nhọc và vui mừng, leo lên đầu cầu thang, một cái bóng đen, gù cũng leo dọc tường theo gót anh.

Sau đó, trong căn phòng tranh tối tranh sáng, được ngăn bằng các tấm chắn đỏ, diễn ra cuộc nói chuyện thế này:

— Con uống nhiều quá rồi, Mark...

— Không đâu, mẹ... Con hạnh phúc lắm...

— Con làm bán hết người rồi, Mark. Gan bàn tay con đen thui kìa...

— ... Hạnh phúc lắm... Ôi, thích thật... — lạnh quá. Giội lên đỉnh đầu con đi... Nửa đi... Mọi người đều chúc mừng con, — nhân chuyện ấy... Giội nữa đi...

— Nhưng họ bảo con bé ấy từng yêu người khác cách đây chưa lâu... một ngoại kiều, một thằng xỏ lá nào đó. Nó còn chưa trả nốt năm mác cho bà Heise...

— Thôi đi... Mẹ chẳng hiểu gì cả... Hôm nay bọn con hát rất nhiều... Đứt cả cúc, mẹ nhìn này... Con nghĩ là sẽ được tăng lương gấp đôi khi lấy vợ...

— Nằm xuống, nằm xuống... Bán hết rồi... Cả cái quần mới...

Đêm ấy anh mơ thấy một giấc chiêm bao khó chịu. Anh gặp người cha quá cố của mình.

Cha đến gần anh, với nụ cười kỳ lạ trên gương mặt nhợt nhạt, đấm mồ hôi, và, túm lấy ngay nách anh, bắt đầu lạng lẽ cù anh rất mạnh, — nhất định không buông.

Chỉ khi đã đến cửa hàng¹, anh mới nhớ lại giấc chiêm bao ấy, nhớ lại vì bạn anh, Adolf vui vẻ, chọc ngón tay vào xương sườn anh. Trong giây lát, có gì đó mở toang trong lòng anh, đờ ra một cách ngạc nhiên rồi đóng mạnh lại. Lại bắt đầu thấy nhẹ nhõm và rõ ràng, còn những chiếc cà vạt mà anh chào bán cũng cười rạng rỡ, đồng cảm với niềm hạnh phúc của anh. Anh biết tối nay sẽ gặp Klara, — anh chỉ chạy về nhà ăn tối, sau đó đến chỗ nàng ngay... Mấy hôm trước, khi anh kể cho nàng nghe về chuyện họ sẽ chung sống đầm ấm và êm đềm thế nào, thì nàng bất ngờ bật khóc. Tất nhiên, Mark hiểu rằng đó là những giọt lệ hạnh phúc, — nàng đã giải thích với anh như vậy, — sau đó nàng bắt đầu lượn vòng trong phòng, — váy — cánh buồm xanh lục, — và bắt đầu mau mau chóng chóng vuốt lại trước gương mái tóc rục rỡ, màu mứt mơ. Còn gương mặt thì bối rối, nhợt nhạt — cũng vì hạnh phúc. Điều đó dễ hiểu thế kia mà...

¹ Bản tiếng Anh bổ sung: nơi anh làm việc.

— Cái có sọc ạ? Vâng, dĩ nhiên rồi...

Anh thắt cà vạt lên tay, xoay cánh tay tới lui, dụ người mua. Anh nhanh nhẹn mở chiếc hộp các-tông dẹt.

Đúng lúc ấy đang có một vị khách, bà Heise, ngồi ở nhà mẹ anh. Bà ta đến bắt chọt, mặt đầm đìa nước mắt. Thận trọng, chẳng khác nào sợ vỡ, bà ngồi xuống chiếc ghế đẩu trong căn bếp nhỏ tí, sạch tinh tươm, nơi bà Standfuss đang rửa đĩa. Trên tường treo một con lợn gỗ dẹt, và bao diêm với một que cháy sém nằm vạ vạt trên bếp.

— Tôi mang tin xấu đến thăm bà đây, bà Standfuss ạ.

Bà này chết lặng, ghì chặt đĩa vào ngực.

— Là về Klara. Đấy. Hôm nay con bé như bị điên. Gã thuê nhà nọ quay về, — bà có nhớ không, tôi từng kể rồi. Và Klara mất trí luôn. Vâng, sáng nay... Nó không muốn gặp lại con trai bà nữa... bà đã tặng nó vài may vá, sẽ trả lại bà. Còn đây — thư gửi Mark. Klara mất trí thật rồi. Tôi không biết nghĩ sao...

Còn Mark, sau khi xong việc, đã đi về nhà, và Adolf tóc húi cua đưa anh đến tận nhà. Cả hai

dừng lại, bắt tay nhau, rồi Mark ẩy vai khiến cửa mở vào khoảng trống lạnh lẽo.

— Cậu về làm gì? Thôi nào... ta cùng đi đâu đó ăn đi.

Adolf uể oải tựa lên ba-toong, như tựa lên đuôi.

— Thôi nào, Mark...

Mark lưỡng lự xoa má, rồi bật cười...

— Được rồi, nhưng tớ sẽ trả.

Sau độ nửa giờ, khi anh ra khỏi quán bia và từ biệt bạn mình, ráng chiều rực lửa lặng lẽ buông trong khoảng trống giữa con kênh, và chiếc cầu ướm xa xa phác ra một đường viền vàng mỏng mảnh, mà trên đó những bóng đen nhỏ xíu qua lại.

Anh nhìn đồng hồ, rồi quyết định không về nhà, mà đi thẳng đến chỗ vợ sắp cưới. Đầu anh hơi quay cuồng vì hạnh phúc, vì sự trong trẻo của buổi chiều. Một mũi tên da cam chọc thủng chiếc giày bóng lộn của gã công tử bột nào đó vừa nháy ra khỏi ô-tô. Các vũng nước hầy còn chưa kịp cạn, viền các vết thấm sẫm màu, — những đôi mắt sống của nhựa đường — phản

chiếu đóm cháy chiều êm dịu. Các ngôi nhà vẫn xám xịt, như mọi khi, tuy nhiên các mái, các gờ chỉ trên tầng thượng, các cột thu lôi vàng rực, các vòm đá, các cây cột nhỏ, — những thứ ban ngày chẳng ai để ý, bởi lẽ ban ngày người ta hiếm khi ngược nhìn lên trên, — lúc này được gột rửa bởi ánh hoàng thổ rực rỡ, bởi hơi ẩm phiêu diêu của ráng chiều, và do vậy mà các chỗ nhô ra trên cao, các ban-công, mái đua, cột trụ có vẻ huyền diệu bất ngờ, — chúng tách biệt rõ nét với mặt tiền xám mờ phía dưới bởi sắc vàng nâu chói lọi của mình.

“Ôi, ta mới hạnh phúc làm sao, — Mark nghĩ, — vạn vật đang làm lễ mừng hạnh phúc của ta”.

Lúc ngồi trên tàu điện, anh dịu dàng, âu yếm ngắm các bạn đồng hành. Mặt anh thật trẻ, với những mụn hồng trên cằm, đôi mắt sáng, hạnh phúc, cái đuôi tóc chưa cắt trên hõm gáy... Tưởng chừng định mệnh có thể tha cho anh.

“Ta sẽ gặp Klara ngay bây giờ, — anh nghĩ. — Nàng sẽ đón ta tại ngưỡng cửa. Nàng sẽ nói là cả ngày buồn vì thiếu ta, gắng mãi mới sống được đến chiều”.

Anh giật mình. Tàu vừa chạy qua bến, nơi anh phải xuống. Trên đường đến đầu toa, anh

vấp phải chân một ông béo đang đọc tạp chí y học; anh muốn nhấc mũ mà chút nữa thì ngã, — tàu vừa rít lên và chuyển hướng. Anh níu lấy đai treo. Quý ông ấy từ từ thụt đôi chân ngấn vào, gầm gừ tức giận và ngậy mỡ. Râu ông ta bạc phơ, vểnh ngược lên đầy vẻ hiếu chiến. Mark cười hối lỗi và bước ra đầu toa. Anh nắm cả hai tay vào các tay vịn sắt, nghiêng người ra phía trước, lườm trước cú nhảy. Bên dưới, nhựa đường lao vun vút thành dòng trơn nhẵn, lấp lánh. Mark nhảy xuống. Đế giày thiêu đốt, còn chân tự chạy, giậm gượng gạo và âm vang. Cùng lúc ấy diễn ra vài chuyện lạ lùng... Từ đầu toa, người bán vé trên chiếc tàu điện chao nghiêng vừa giận dữ hét to điều gì đó, nhựa đường lấp lánh bay vút lên như tấm ván đu, một khối đồ sộ loảng xoảng lao từ đằng sau vào Mark. Anh cảm thấy chẳng khác nào một tia sét to chọc thủng anh từ đầu đến gót chân, sau đó, — chẳng có gì. Anh đứng một mình giữa mặt đường nhựa bóng loáng. Anh nhìn quanh. Anh thấy thân hình mình đằng xa, thấy tấm lưng gầy của Mark Standfuss, đang đi xiên qua phố như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Lạ thay, anh đuổi kịp mình chỉ với một cú lắc nhẹ, và giờ thì chính anh đang bước đến vỉa hè, cả người vang lên tiếng ngân lặng dần.

— Cũng vậy... chút nữa thì bị xe buýt¹ cán...

Phố rộng và vui. Ráng chiều loang nửa bầu trời. Các tầng thượng và mái nhà tỏa sáng tuyệt đẹp. Nơi đó, trên cao, Mark nhận ra được các cổng vòm xuyên thấu, các dải trang trí và các bức tranh tường, các giàn leo mắt cáo phủ kín hoa hồng cam, các bức tượng có cánh, nâng lên trời những cây thiên cầm vàng, rực sáng đến không chịu nổi. Vừa toả sáng lấp lánh, vừa xao động nhẹ nhàng, tất cả vẻ đẹp kiến trúc ấy hân hoan và nhẹ nhõm lui về phía trời xa, còn Mark không thể hiểu nổi, tại sao trước đây anh lại không để ý đến các tầng thượng, các thánh đường lơ lửng trên cao ấy.

Anh đụng đầu gối vào đầu rất đau. Hàng rào đen quen thuộc. Anh bật cười: Ồ, dĩ nhiên rồi, — những chiếc xe tải... Chúng đậu như các quan tài đồ sộ. Cái gì được giấu bên trong chúng nhỉ? Châu báu, xương cốt những người khổng lồ? Những đồng đồ đạc sang trọng bụi bặm?

— Không, phải nhìn qua... Kéo mà Klara hỏi, mình lại chẳng biết...

¹ Bản tiếng Nga: Омнибус — loại phương tiện giao thông công cộng do ngựa kéo, tiền thân của xe buýt.

Anh đẩy nhanh cửa xe tải, bước vào. Trống không. Chỉ có ngay giữa, một chiếc ghế rơm nhỏ đứng liêu xiêu trên ba chân, cô đơn và tức cười.

Mark nhún vai và ra ngoài từ phía khác. Ánh nắng chiều ấm áp lại rơi vào mắt. Phía trước là cánh cổng gang quen thuộc, xa hơn là cửa sổ nhà Klara, bị nhánh cây xanh lục vắt ngang qua. Chính Klara mở cổng, nhắc khuỷu tay trần, — vừa đợi chờ, vừa sửa lại tóc. Những túm lông nâu đỏ lộ ra trong lỗ khoét rục nắng của các tay áo ngắn.

Mark vừa cười không thành tiếng vừa lao đến ôm nàng, áp má mình vào lụa xanh, ấm.

Lòng bàn tay nàng nằm trên đầu anh.

— Cả ngày nay em buồn lắm, Mark. Giờ thì anh đã đến rồi.

Nàng mở cửa ra, và Mark lập tức thấy mình trong căn phòng ăn mà anh thấy rộng và sáng lạ thường.

— Giờ đây chúng mình hạnh phúc đến nỗi chúng mình có thể chẳng cần đến tiền sảnh nữa, — Klara thì thảo nồng nhiệt, và anh cảm thấy một ý nghĩa đặc biệt huyền diệu nào đó trong những lời nàng nói.

Và trong phòng ăn, xung quanh chiếc khăn trải bàn hình ô-van trắng như tuyết, rất đông người đang ngồi, toàn những người mà Mark chưa từng gặp ở chỗ vợ chưa cưới của mình. Trong số họ có Adolf, da ngăm đen, với cái đầu vuông; có cả ông chân ngắn, bụng phệ, chưa thôi gặm gù, từng đọc tạp chí y học trên tàu điện.

Ngượng ngùng cúi chào mọi người, rồi anh ngồi xuống bên Klara, — và vào đúng khoảnh khắc ấy, anh cảm thấy, như vừa nãy, một cơn đau dữ dội lan tỏa khắp cơ thể. Anh rướn lên, — chiếc váy xanh lục của Klara trôi bồng bênh, rồi nhỏ dần lại, biến thành chao đền thủy tinh xanh lục. Chiếc đền chao đảo trên dây treo. Còn chính Mark nằm dưới nó, — và cơn đau nặng trĩu đè lên ngực anh, cơn đau khủng khiếp làm sao — chẳng còn nhìn thấy gì, ngoài chiếc bóng đền tròn trành, — các xương sườn tì vào tim, khiến anh không thở được, — và có ai đó, gập chân anh lại, bẻ nó, cố hết sức, nó sắp gãy ngay bây giờ. Anh lại rướn lên, — chiếc đền nhòe nhoẹt thành quầng sáng xanh lục, và Mark nhìn thấy chính mình, đằng xa, đang ngồi cạnh Klara — và vừa kịp nhìn thì chính anh đã chạm đầu gối mình vào chiếc váy lụa ấm áp của nàng. Và Klara cười, ngửa cổ lên.

Anh muốn kể về chuyện vừa mới xảy ra, và hướng về phía mọi người có mặt, về phía Adolf vui vẻ, về phía ông béo cúi kính, anh cố gắng nói:

— Người ngoại quốc dâng những lời khẩn nguyện nêu trên tại dòng sông...

Anh cảm thấy là đã giải thích mọi điều, và chắc mọi người đã hiểu... Klara, hơi bĩu môi, véo má anh:

— Tội nghiệp anh của em... Không sao đâu...

Anh thấy mệt, muốn ngủ. Anh ôm cổ Klara, kéo cô lại, rồi ngửa người ra sau. Đúng lúc đó cơn đau lại cuộn lên, và mọi chuyện trở nên rõ ràng.

Mark nằm ngửa, người băng bó, méo mó, chiếc đèn không chao đảo nữa. Ông béo rậm râu thân quen, giờ là bác sỹ mặc áo choàng trắng, vừa gằm gừ bối rối, vừa ghé mắt nhòm vào đồng tử anh. Đau đớn làm sao... Trời ơi, tim sắp bị xương sườn xuyên qua và vỡ tung... Trời ơi, ngay bây giờ.... Thật ngu ngốc. Sao lại không có Klara...

Bác sỹ nhăn mặt và tặc lưỡi.

Còn Mark đã ngừng thở, Mark đã ra đi, — đến giấc mơ nào — không rõ.

Con rỗng

Nó sống ẩn mình trong bóng tối hang sâu, ở đúng tâm ngọn núi đá, nơi tất cả món ăn của nó bao gồm dơi, chuột và nấm mốc. Thực ra thì, đôi lúc cũng có những kẻ săn nhũ đá hoặc những du khách tọc mạch ghé mắt nhòm vào hang, — và thế là được bữa ngon. Cũng rất dễ chịu khi nhớ lại tên cướp toan thoát khỏi công lý ngoài kia, và hai con chó có lần bị thả vô đây để dò xem lối vào này có thông qua cả con đường mòn trên núi không. Thiên nhiên

chung quanh rất hoang dại, tuyết rỏ hoa nằm trên khắp các tảng đá, các thác nước rền vang tiếng ào ào lạnh giá. Nó nở ra gần ngàn năm trước, — và, có thể, vì điều ấy xảy ra hơi bất ngờ, — quả trứng khổng lồ bị cú sét chẻ vỡ trong đêm bão, — cho nên con rồng thành ra nhút nhát và hơi dần.

Hơn nữa, cái chết của mẹ đã ảnh hưởng mạnh lên nó... Từ lâu, bà đã gây nên nỗi kinh hoàng cho các ngôi làng lân cận, bà khắc ra lửa, nhà vua nổi giận, các hiệp sỹ thường xuyên lùng sục trong hang ổ của bà, họ bị bà gặm nát như những quả hồ đào. Nhưng có lần, sau khi nuốt chửng gã đầu bếp béo ú của nhà vua, bà ngủ thiếp đi trên khối đá ấm nắng, và chính Ganon vĩ đại, mặc giáp sắt, cưỡi trên lưng ngựa ô dưới tấm lưới bạc, phi đến chỗ bà. Mẹ đáng thương ngái ngủ chồm lên, những cái bướu xanh đỏ của bà bùng cháy như các đồng lửa; — và tay hiệp sỹ lao đến, chọc ngọn giáo vun vút vào lồng ngực nhẵn, trắng của bà, bà ngã khụy xuống, và ngay lập tức, từ vết thương hồng, gã đầu bếp béo ú nghiêng người bò ra với quả tim khổng lồ, còn đang bốc khói của bà dưới nách.

Rồng non nhìn thấy hết mọi chuyện này từ chỗ trốn sau tảng đá, và từ hồi đó, nó không thể

không run lên khi nghĩ đến các hiệp sỹ. Nó rút vào đáy hang, chẳng dám ngó ngang đi đâu từ chỗ ấy. Cứ vậy mà qua đi mười thế kỷ — hai mươi năm tuổi rồng.

Rồi, bỗng dưng, nó thấy buồn chán đến không sao chịu nổi... Số là, thức ăn không tươi trong hang gây nên những âu lo hung ác trong dạ dày, tiếng sôi ùng ục khó chịu và cơn đau. Nó đắn đo chín năm liền và đến năm thứ mười thì quyết định. Chậm rãi và thận trọng, co duỗi các vòng đuôi, nó bò ra khỏi hang.

Và lập tức nó cảm thấy: mùa xuân. Những khối đá đen, được cơn mưa rào mới đây rửa sạch, đương tỏa sáng lấp lánh, mặt trời sôi sùng sục giữa dòng nước lũ ở con suối núi, trong không khí phảng phất mùi thịt chim muông. Và con rồng, phòng rộng các lỗ mũi rực lửa, bắt đầu xuống thung lũng. Lúc ấy, cái bụng xa-tanh, trắng như hoa súng của nó gần như chạm xuống đất, ở hai bên sườn xanh lục căng phồng hiện ra các vết sừng đỏ tấy, và các vảy cứng trên lưng biến thành đám cháy sắc nhọn — thành cột sống với những bướu kếp hồng rực, nhỏ dần về phía cái đuôi quẩy mạnh và linh hoạt. Đầu nó nhẵn, màu xanh lá, các bong đưng chất dịch lửa thông xuống từ môi dưới mềm mại đầy mụn cóc, — còn các

cẳng chân đóng vảy đồ sộ thì để lại các vết sâu, các hố hình sao. Vật đầu tiên mà nó thấy khi xuống đến thung lũng là đoàn tàu hỏa, chạy dọc theo sườn dốc lởm chởm đá.

Con rồng thoát đầu rất mừng, do lầm tưởng đoàn tàu là ai đó thân thuộc mà nó có thể chơi cùng; hơn nữa, nó còn nghĩ là dưới lớp vỏ sáng bóng, nhìn bề ngoài có vẻ cứng rắn, sẽ ẩn giấu thịt mềm. Vì vậy nó bắt đầu chạy đuổi theo, nện bàn chân kêu vang vọng và ẩm ướt, nhưng nó vừa mới định chộp lấy toa cuối, thì đoàn tàu đã lao vào đường hầm. Con rồng dừng lại, đút đầu vào lỗ hang đen, nơi con mồi chạy mất; song nó không thể chui vào. Một đôi lần, nó phà hơi nóng vào lòng hang, rồi thụt đầu lại và ngồi chồm hồm, bắt đầu đợi — biết đâu con mồi lại chạy ra. Sau khi chờ ít lâu, nó lúc lắc đầu và bỏ đi. Vào đúng khoảnh khắc ấy, một đoàn tàu chạy xổ ra từ hang đen, ranh mãnh nháy kính rồi biến mất sau khúc quanh. Con rồng tức tối ngoái lại nhìn và chống đuôi lên, tiếp tục hành trình của mình.

Chiều buông. Sương lững lờ bay trên các cánh đồng. Các nông dân trên đường về nhà nhìn thấy con dã thú khổng lồ, như quả núi sống, và họ mù đi, đứng đờ đẫn, — còn chiếc ô-tô nhỏ đương lao nhanh trên đường thì sợ hãi đến nổi

lập tức bẻ hết cả bốn bánh, và sau khi nẩy tung tung, nó lao xuống mương. Nhưng con rồng vẫn cứ đi, chẳng để ý gì; từ xa thoang thoang mùi nồng từ những đám người tập trung đông đúc — và nó tiến về phía đó. Và kìa, trước mặt nó, trên sắc xanh bao la của trời đêm, mọc lên các ống khói nhà máy đen kịt, bảo vệ cho một thành phố công nghiệp lớn.

Ở thành phố này có hai nhân vật quan trọng: ông chủ hãng thuốc lá “Kỳ diệu” và ông chủ hãng thuốc lá “Mũ giáp to”. Giữa họ lâu nay luôn sôi sục mối hận thù tể nhị, mà người ta có thể viết nguyên một trường ca sử thi về nó. Họ ganh đua nhau bằng mọi thứ: bằng sự sạch sẽ của các quảng cáo, bằng những mảnh khoe để truyền bá chúng, bằng giá, bằng cách đối xử với công nhân, — nhưng chẳng ai có thể nói dứt khoát, ưu thế đang thuộc về bên nào.

Vào đêm trọng đại ấy, ông chủ hãng “Kỳ diệu” ngồi rất muộn ở văn phòng mình. Bên cạnh, một chõng quảng cáo mới, vừa in xong, đang nằm trên bàn, các công nhân hợp tác xã sẽ phải đi dán chúng khắp thành phố lúc tảng sáng.

Đột nhiên, tiếng chuông cửa bay xuyên màn đêm tĩnh mịch, và sau vài giây, một gã xanh xao

gầy còm, với một mụn cóc to như trái ngư bàng trên má phải, bước vào. Ông chủ nhà máy biết gã: đó là tay chủ quán rượu kiểu mẫu ở ngoại ô, do hãng “Kỳ diệu” dựng lên.

— Hai giờ sáng rồi đó, anh bạn. Tôi chỉ có thể biện hộ cho cuộc viếng thăm của anh bằng một sự kiện quan trọng chưa từng thấy.

— Đúng là vậy đấy ạ, — tay chủ quán nói giọng bình tĩnh, mặc dù cái mụn cóc của gã giật giật. Và gã kể thế này.

Gã vừa tống cổ năm công nhân già say khướt khỏi quán rượu. Ra ngoài phố, có lẽ họ nhìn thấy thứ gì đó rất thú vị, vì tất cả đều phá lên cười.

— Ô-hô-hô, — giọng một trong số họ vang lên. — Chắc tao đã uống quá chén rồi, nếu tao thấy ngoài đời một con rồng hydra¹ phản cách...

Y chẳng kịp nói hết. Một tiếng động nặng nề, khủng khiếp ập đến, ai đó hét lên, chủ quán ngó

¹ Theo thần thoại Hy Lạp thì Hydra là con rồng nhiều đầu, con của Echidna và Typhon. Khi chém đứt đầu nó thì từ chỗ bị đứt liền mọc ra 2 đầu mới. Một trong 12 chiến công của Hercules là tiêu diệt Hydra. Anh chặt từng đầu quái vật rồi Iolaus, cháu anh, lấy đuốc đốt vào vết chém khiến đầu nó không mọc lại được.

ra ngoài. Quái vật, toả sáng lấp lánh trong bóng tối, như quả núi ướt sũng, đang nuốt chửng, sau khi ngửa mõm lên, thứ gì đó rất to, và do thứ đó mà cái cổ trắng nõn của nó phồng lên từng đụn luân phiên; nuốt xong, nó liếm mép, lắc cả thân mình và nhẹ nhàng nằm xuống ngay giữa phố.

— Tôi nghĩ nó đang ngủ lơ mơ, — chủ quán kể nốt, và lấy ngón tay dừng cái mụn cóc giật giật lại.

Ông chủ nhà máy đứng dậy. Các chất hàn răng rắn chắc của ông phọt ra ngọn lửa vàng cảm hứng. Sự xuất hiện con rồng sống chẳng gọi lên trong ông bất cứ cảm xúc nào khác, ngoài ước muốn nồng nàn vẫn dẫn lối ông trong mọi việc: thẳng hăng đối thủ.

— Ơ-rê-ka!¹ — Ông reo lên. — Mà này, anh bạn, có ai chứng kiến nữa không?

— Tôi nghĩ là không, — chủ quán trả lời. — Mọi người ngủ rồi, và tôi quyết định không đánh

¹ Tìm thấy rồi! Tiếng kêu nổi tiếng của Archimeds khi ông tìm ra phương pháp phát hiện lượng bạc pha trộn với vàng trong vương miện của vua Syracuse. Theo giai thoại, thì nhà khoa học đã nghĩ ra phương pháp này khi đang nằm trong bồn tắm, sau đó ông trần truồng lao ra khỏi nhà, hét toáng lên “Ơ-rê-ka” (tiếng Hy Lạp), có nghĩa là: Tìm thấy rồi.

thức ai dậy và đi thẳng đến chỗ ông. Để tránh hoang mang.

Ông chủ nhà máy đội mũ lên.

— Tuyệt. Đem cái này theo, — không, không cần mang cả đồng, — ba-bốn chục tờ thôi; và cầm cả cái lon này, ừ, — cả chổi lông nữa. Được rồi. Giờ dẫn tôi đi.

Họ đi trong đêm tối và chẳng mấy chốc đã đến con phố im lìm, mà ở cuối nó, theo lời chủ quán, quái vật đang nằm. Dưới ánh đèn vàng đơn côi, thoạt đầu họ thấy viên cảnh sát đang trồng cây chuối giữa mặt đường. Sau này mới vỡ lẽ ra là khi đang đi tuần đêm, y bỗng thấy con rồng và sợ đến nỗi lộn ngược lại rồi hóa đá. Ông chủ nhà máy, một người cao lớn và khoẻ mạnh, như con dã nhân, đặt y đứng thẳng lại và để dựa vào cột đèn; sau đó bước đến gần con rồng. Rồng ta đang ngủ, chẳng nghi ngại gì. Các nhân vật bị nó nuốt hóa ra đều đã tẩm đấm rượu và họ vỡ tung nước ra trong mồm nó. Men bia vào bụng rồng đã xông lên đầu nó, và, mỉm cười khoan khoái, nó buông màng mí mắt xuống. Nó nằm sấp, gập cảng chân trước lại, ánh đèn đường làm nổi bật các đường cung lấp lánh trên những cái bướu kép của nó.

— Dựng thang đi, — ông chủ nhà máy bảo tay chủ quán. — Tôi sẽ tự dán.

Và, không vội vã, chọn những chỗ bằng phẳng hai bên sườn trơn tuột, màu xanh lá của con quái vật, ông bắt đầu phết chổi lông lên lớp da dạng vảy và ấn vào đó những tấm quảng cáo rất rộng. Sau khi dùng hết mọi tấm, ông tặng cho tay chủ quán dũng cảm một cái bắt tay đầy ý nghĩa, rồi vừa nhai điếu thuốc, vừa cất bước về nhà mình.

Buổi sáng đã tới, một sáng xuân tuyệt trần, dịu mềm trong màn sương tím nhạt. Đột nhiên, trên phố xôn xao tiếng ồn ào vui vẻ và hồi hộp, các cánh cửa và khung cửa sổ ngân vang, mọi người ùa ra sân, hòa lẫn với những kẻ đang cười và chạy đi đâu đấy. Ở đằng ấy, uế oải nện lộp cộp trên nhựa đường, con rồng đang diễu qua, hệt như đang sống, cả thân hình bị dán các quảng cáo sặc sỡ. Một tấm thậm chí còn dính cả vào đỉnh đầu nhẵn thín của nó. “Chỉ nên hút “Kỳ diệu””, — các chữ cái xanh đỏ trên quảng cáo nhảy múa hân hoan. “Ai không hút thuốc lá của tôi là thằng ngốc”. “Thuốc lá “Kỳ diệu” biển không khí thành mật ong”. “Kỳ diệu” — “Kỳ diệu” “Kỳ diệu”!

— Quá là kỳ diệu! — Đám đông cười phá lên, — Mà sao làm được vậy nhỉ, nó là máy hay có người bên trong?

Con rồng cảm thấy ghê tởm chính mình sau cuộc nhậu vô tình. Do thứ rượu dở tệ ấy mà lúc này nó thấy hơi buồn nôn, toàn thân lử lả, và chẳng buồn nghĩ đến bữa sáng. Ngoài ra, giờ đây nó đang ngợp trong nỗi sợ sùng sùng cay đắng và sự kịch cớm đau đớn của một sinh vật lần đầu tiên bị rơi vào giữa đám đông. Thực tâm mà nói, nó rất muốn quay ngay về hang mình, nhưng thế thì còn xấu hổ hơn, — bởi vậy cho nên nó đành tiếp tục rầu rĩ điếu qua thành phố. Vài người mang biểu ngữ trên lưng bảo vệ nó khỏi những kẻ tò mò — khỏi những cậu bé cứ cố chạy qua dưới cái bụng trắng của nó, leo lên cột sừng cao ngất, sờ vào mõm. Nhạc đang chơi, người ta tò mò ngó ra từ mọi cửa sổ, những chiếc ô-tô chạy nối đuôi nhau sau con rồng, và người hùng của ngày — ông chủ nhà máy, đang ngồi chàng hảng trên một chiếc trong số chúng.

Con rồng đi, chẳng nhìn ai, bối rối vì sự vui vẻ khó hiểu mà nó gây ra.

Còn trong phòng làm việc sáng trưng, trên thảm mềm như râu, bước tới bước lui, bóp chặt

nắm tay, là ông chủ nhà máy khác — người sở hữu hãng “Mũ giáp to”. Bạn gái ông ấy, một vũ nữ đi dây nhỏ nhắn, đang đứng bên ô cửa sổ mở toang, ngắm đoàn diễu hành.

— Chướng thật! — Ông chủ nhà máy la lên — ông là một người đứng tuổi hói đầu, có các bông da xám lam nhão nhoẹt dưới mắt. — Lẽ ra cảnh sát phải ngăn chuyện tầm bậy này lại... Mà hẳn đã kịp làm ra được con thú nhồi này từ lúc nào nhỉ?

— Ralph! — Vũ nữ bỗng thốt lên, vỗ lòng bàn tay. — Em biết anh phải làm gì rồi. Trong rạp xiếc bọn em đang diễn tiết mục “Cuộc đấu”, và đây...

Và vừa tròn đôi mắt búp bê kẻ đậm, cô vừa kể cho ông nghe về kế hoạch của mình bằng giọng nói thì thào nồng nhiệt. Ông chủ tươi tỉnh hẳn. Sau giây lát, ông đã nói chuyện điện thoại với giám đốc rạp xiếc.

— Vậy là, — ông chủ nhà máy nói, sau khi gác ống nghe. — Con thú nhồi này làm từ cao su thổi phồng. Ta hãy xem nó sẽ còn lại gì, nếu bị xiên cho một nhát ra trò...

Trong lúc ấy, con rồng đi qua cầu, qua chợ, qua một đại giáo đường kiến trúc gô-tích, gọi lên trong nó những hồi ức hết sức phiền muộn, sau đó nó đi theo đại lộ chính và băng ngang một quảng trường rộng, khi, một hiệp sỹ bắt ngờ rẽ đôi đám đông và hiện ra trước mặt nó. Hiệp sỹ mặc giáp sắt, với tấm mạng che mặt hạ xuống, với chiếc lông chim tang tóc trên mũ giáp, và con ngựa của y thì nặng nề, đen như quạ, đeo lưới bạc. Những người mang vũ khí — các phụ nữ mặc đồ thị đồng, — đi bên cạnh — trên các biểu ngữ đẹp mắt làm vội là những dòng chữ: “Mũ giáp to”, “Chỉ hút “Mũ giáp to” thôi”, ““Mũ giáp to” thắng tất”.

Kỵ sỹ xiếc, diễn vai hiệp sỹ, thúc ngựa và siết chặt ngọn giáo. Nhưng con ngựa không hiểu sao lại bắt đầu đi thụt lùi, sùi bọt mép, và đột nhiên lồng lên rồi nặng nề ngồi chồm hổm. Hiệp sỹ ngã phịch xuống nhựa đường, gây ra tiếng vang chẳng khác nào ai đó ném ra ngoài cửa sổ toàn bộ nồi niêu xoong chảo. Nhưng con rồng không nhìn thấy việc ấy. Ngay từ cử động đầu tiên của hiệp sỹ, nó đã dừng phắt lại, rồi quay ngoắt đi, hơn nữa lại còn quật đuôi làm ngã hai bà cụ hiếu kỳ đứng trên ban-công, — và, giẫm bẹp những người đang chạy tán loạn, bắt đầu đào tẩu. Nó lao

một hơi ra khỏi thành phố, phi qua các cánh đồng, leo lên các sườn dốc lởm chởm đá rồi bay vào cái hang không đáy của mình. Ở đó, nó nằm bở ngửa, gập chân lại và phơi ra cho mái vòm tằm tối thấy cái bụng xa-tanh, trắng tinh, run rẩy của mình, rồi thở sâu và, nhắm các con mắt kinh ngạc lại, — chết.

Cuộc trở về của Chorb

Vợ chồng Keller ra khỏi nhà hát lúc đã khuya. Trong thành phố Đức yên bình này, nơi không khí hơi đục và trên sông vậy là đã tám thế kỷ nay, gợn sóng ngang nhẹ xóa bóng dáng đại giáo đường, Wagner¹ được đem ra

¹ Wilhelm Richard Wagner (1813 — 1883), nhạc sỹ người Đức, nổi tiếng bởi các tác phẩm ô-pê-ra.

chiêu đãi với sự lạnh lẽo và cái phong vị đặng cho người ta no ứ âm nhạc. Từ nhà hát, Keller đưa vợ vào một quán rượu sang trọng, nổi danh nhờ món rượu trắng của mình, và tới tận sau một giờ đêm thì chiếc ô-tô, bên trong sáng đèn một cách khiếm nhã, mới đưa họ phóng theo các con phố chết về đến cổng sắt của tòa biệt thự tuy nhỏ song rất đàng hoàng của họ. Keller, một ông già Đức vạm vỡ, rất giống tổng thống Kruger¹, là người đầu tiên đặt chân lên vỉa hè, nơi những bóng lá ngoằn ngoèo rung rinh dưới ánh đèn đường xám mờ. Trong giây lát, ánh sáng bắt lấy ngực áo hồ bột của Keller và những giọt thủy tinh trên váy vợ ông lúc bà thả cái chân nần nẫn xuống, đến lượt mình luồn ra khỏi ô-tô. Chị hầu gặp họ ở tiền sảnh và, vẫn đang đà, với tiếng thì thào sợ hãi, báo cho họ hay về cuộc viếng thăm của Chorb. Gương mặt mồm mĩm, hầy còn tươi tỉnh² của bà Varvara Klimovna Keller bắt đầu run lên và đỏ bừng vì lo lắng.

— Hấn bảo chị là cô bị ốm hả?

¹ Oom Paul Kruger (theo bản tiếng Anh), sinh năm 1825, mất năm 1904, làm thủ tướng Nam Phi từ 1883 đến 1900. Oom có nghĩa là Bác.

² Bản tiếng Anh bổ sung: “và phù hợp sao đó với dòng dõi gia đình thuộc giai cấp thượng gia Nga của bà.”

Chị hầu thì thảo lại còn mau hơn. Keller vuốt lòng bàn tay mập mạp lên mái tóc bạc húi đờ-mi-ca-rê của mình, và gương mặt lớn, hơi giống khỉ, với nhân trung dài và các nếp nhăn sâu, cau lại theo kiểu người già.

— Tôi không thể đợi đến mai được đâu. Chúng tôi sẽ đến đó ngay bây giờ, — Varvara Klimovna vừa lắc đầu, vừa lẩm bầm và xoay người nặng nhọc tại chỗ, cố túm đuôi chiếc khăn voan chùm trên bộ tóc giả màu hạt dẻ của bà, — Trời ơi... Thảo nào mà gần cả tháng nay không thư từ gì.

Keller thụi nắm tay để mở thẳng mũ xếp và thốt lên bằng thứ tiếng Nga chính xác, hơi có giọng yết hầu của mình:

— Tay này điên rồi. Nếu nó đang ốm, sao hẳn lại dám đưa nó vào lại cái khách sạn bí ối ấy...

Nhưng, tất nhiên, họ đã nhầm khi nghĩ rằng con gái họ đang ốm. Chorb nói vậy với chị hầu đơn giản vì đó là điều dễ thốt lên hơn cả. Trên thực tế thì anh từ nước ngoài quay về một mình và chỉ lúc này mới hiểu ra là dù thế nào đi nữa cũng phải giải thích, vợ anh chết thế nào, và tại sao anh lại chẳng viết gì. Toàn là những chuyện

rất khó. Làm sao mà giải thích được rằng anh chỉ muốn gặm nhấm nỗi đau một mình, không để nó bị ô uế bởi các thực thể lạ và cũng không chia sẻ gì về nó với bất cứ ai? Anh đành phải chịu, rằng cái chết của cô — một ca cực kỳ hiếm, gần như chưa từng nghe thấy, rằng chẳng có gì có thể thanh khiết hơn chính cái chết này, — do cú giật từ dòng điện mà khi trút vào bình thủy tinh, vẫn sinh ra thứ ánh sáng sạch nhất và chói nhất.

Kể từ ngày xuân ấy trên con lộ trắng cách Nice độ chục dặm Nga¹, khi cô vừa cười vừa sờ đường dây có điện của một cây cột bị bão quật ngã, — cả thế gian với Chorb bỗng thôi náo động, bỗng lụi xa, — thậm chí cái xác chết của cô, mà anh mang trên tay đến ngôi làng gần nhất, dường như đã khiến anh cảm thấy như thứ gì đó xa lạ và vô dụng. Ở Nice, nơi cô phải được mai táng, một gã mục sư khó chịu mắc bệnh ho lao cứ gặng một cách vô ích nhằm ép anh kể lại các tình tiết, — anh chỉ cười uể oải, cả ngày ngồi trên bãi biển ngập cuội, vốc những viên sỏi màu, trút chúng từ lòng bàn tay này sang lòng bàn tay kia, — và bỗng dưng, chẳng đợi đến đám tang, đi ngược về Đức qua mọi nơi mà trong suốt hành trình trắng

¹ 1 dặm Nga tương đương 1,06 km.

mật họ đã đến thăm cùng nhau. Ở Thụy Sĩ, nơi họ qua mùa đông và cũng là nơi giờ này táo đang nở hoa cuối vụ, anh chẳng biết gì ngoài các khách sạn; song ở Schwarzwald¹, nơi họ từng đi bộ xuyên qua từ hồi còn thu, mùa xuân lạnh lẽo không ngăn cản được hồi ức. Và cũng hết như tại bãi biển miền nam, anh cố tìm ra viên sỏi đen, tròn, duy nhất, có đai trắng nhỏ cân đối ấy, mà cô đã chỉ cho anh thấy ngay hôm trước cuộc dạo chơi cuối cùng, — y như anh vẫn gắng kiếm tìm dọc đường mọi thứ mà cô đã đánh dấu bằng tiếng kêu: nét đặc tả của một vách đá, ngôi nhà nhỏ lợp mái vảy cá xám bạc, cây thông đen và chiếc cầu nhỏ trên dòng suối trắng, và cái có lẽ là diềm gỗ, — tấm mạng nhện tỏa tròn bắc ngang các dây điện tín dính kín cườm sương. Cô đi cùng anh: đôi bốt cao nhỏ bước nhanh, — và đôi tay cô không ngừng cử động, cử động, lúc thì bứt lá khỏi bụi cây, khi lại tiện thể xoa bức vách đá lúc đi qua, — đôi tay nhẹ nhàng, tươi cười ấy chẳng biết nghỉ ngơi. Anh thấy gương mặt nhỏ nhắn của cô, rặt những đốm tàn nhang đậm, và đôi mắt, mở to, màu lục nhạt, như màu mảnh thủy tinh được sóng biển liếm nhẵn. Anh cảm thấy rằng, giả dụ anh gom góp được hết mọi thứ vật

¹ Rừng đen. (Tiếng Đức).

vĩnh mà họ đã cùng để ý đến, giả dụ anh dựng lại được thời dĩ vãng mới qua ấy, — hình ảnh cô sẽ trở nên bất tử và nó sẽ thay thế cô mãi mãi. Chỉ có điều, đêm là lúc không thể chịu đựng nổi... Đêm đêm, sự hiện diện hư ảo của cô bỗng trở nên đáng sợ, — anh hầu như không ngủ trong suốt thời gian chuyển đi ba tuần ấy và lúc này, trong trạng thái say lử vì mệt, đã về đến thành phố yên bình, nơi anh từng gặp và cưới cô, trên sân ga, mà từ đó họ đã cùng nhau lên đường hồi mùa thu trước.

Lúc đó độ tám giờ tối. Sau các ngôi nhà, tòa tháp đại giáo đường hiện lên đen thẫm và sắc nét trên réo hoàng hôn vàng-đỏ. Trên quảng trường trước nhà ga, vẫn những bác xà ích già khom ấy đứng nối đuôi nhau. Vẫn người bán báo ấy cất tiếng rao khản đặc xế chiều. Vẫn con chó pu-đô¹ đen ấy, với đôi mắt ơ hờ, nhắc cẳng chân mảnh mai lên bên cột quảng cáo, đứng ngay những con chữ đỏ của tấm áp-phích: Parsifal².

Chorb mang theo một va-li xách tay và một rương lớn màu vàng. Anh lao nhanh qua thành

¹ Poodle: Một giống chó xù.

² Parsifal, (WWV 111) là vở ô-pê-ra 3 màn của nhà soạn nhạc người Đức Richard Wagner.

phố trên xe ngựa. Bác xà ích lười biếng quất dây cương, một tay giữ rương. Chorb nhớ lại rằng, cô ấy, người mà anh chưa từng gọi tên, thích đi xe ngựa.

Trên con phố nhỏ, sau góc nhà hát ô-pê-ra thành phố, có một khách sạn ba tầng cũ, thuộc cái dạng như nhuộm, mà ở đó phòng được cho mượn theo tuần hoặc theo giờ, — một tòa nhà đen, lỗ đổ những vết tróc địa lý, với rèm voan rách bươm sau kính đục mờ và với cửa vào khó thấy, chẳng bao giờ khóa. Một anh bồi nhọt nhạt, suồng sã dẫn Chorb theo một hành lang quanh co, bốc mùi ẩm thấp và bấp cải, và khi Chorb theo sau y vào phòng, thì anh lập tức nhận ra, — theo *baigneuse*¹ hồng hào trong cái khung mạ vàng phía trên giường — rằng đây đúng là căn phòng ấy, nơi anh đã cùng vợ qua đêm chung sống đầu tiên. Lúc ấy cô thấy mọi thứ đều ngộ nghĩnh, — cả gã béo không bận áo vét, ói ngay tại hành lang, cả việc không hiểu tại sao mà họ lại chọn cái khách sạn tồi tàn thế này, cả chuyện trong bồn rửa có sợi tóc vàng tuyệt đẹp, nhưng cô thấy tức cười hơn cả là cái cách họ trốn ra khỏi nhà. Ngay lúc về nhà từ thánh đường, cô chạy lên phòng

¹ Cô gái đi tắm. (Tiếng Pháp).

mình để thay đồ, — trong lúc ở bên dưới, khách đang tề tựu cho bữa tối. Keller, bận áo đuôi tôm vải bền chắc, với nụ cười éo lá trên bộ mặt khi, vỗ vai hết người này đến người nọ, tự tay tiếp rượu sơ-náp¹, — còn Varvara Klimovna dẫn từng cặp bạn thân nhất đi coi phòng ngủ dành riêng cho đôi tân nhân, — với vẻ âu yếm, vừa thì thầm, vừa chỉ vào tấm nệm lông chim khổng lồ, vào các bông hoa cam, vào hai đôi dép ngủ mới tinh, — đôi lớn kẻ ca rô và đôi nhỏ màu đỏ với những ngũ nhỏ, — đặt bên nhau trên tấm thảm có dòng chữ chạy ngang với các ký tự gô-tích: Ta sẽ bên nhau suốt đời. Sau đó, mọi người tiến đến các bàn bày *hors d'oeuvres*², — còn Chorb với vợ, thông đồng chớp nhoáng, chạy trốn qua cửa hậu và chỉ sáng hôm sau, độ nửa tiếng trước khi chuyến tàu tốc hành chuyển bánh, mới ló mặt về nhà lấy hành lý. Varvara Klimovna thốn thức cả đêm; chồng bà, người vẫn luôn coi Chorb — một văn sỹ và một kiều dân Nga nghèo hèn, — là kẻ đáng ngờ, nguyên rủa sự lựa chọn của con gái, chi phí cho rượu, cảnh sát — những kẻ không thể làm được gì... Rồi thì, khi đôi trẻ đã đi, ông già vài lần đến xem cái khách sạn trên con đường nhỏ sau nhà

¹ Schnapps.

² Đồ ăn nhẹ, phục vụ trước các món chính. (Tiếng Pháp).

hát ô-pê-ra, — và từ dạo ấy, với ông, tòa nhà đen đúa, mù dờ dỏ trở thành cái gì đấy gớm guốc và cuốn hút, hết như hồi ức về một tội ác.

Trong lúc người ta mang rương vào, Chorb nhìn bất động vào bức tranh hồng in li-tô. Khi cửa đóng lại, anh cúi xuống rương, mở khóa. Trong góc phòng, dưới mảnh giấy dán tường bị bong ra, một con chuột cào sột soạt và guồng chân chạy. Anh giật mình, xoay người trên gót giày. Ngọn đèn trơ trụi, treo vào sợi dây từ trên trần, đương chao nhè nhẹ. Bóng dây lướt ngang chiếc đi-văng xanh lục rồi gãy theo nếp gấp. Trên chính đi-văng này, lúc ấy anh đã ngủ. Vợ anh thờ thật đều theo kiểu trẻ con. Trong đêm ấy, anh chỉ hôn lên hõm cổ cô một lần, — chỉ thế mà thôi.

Con chuột lại lục sục. Có những âm thanh tuy nhỏ mà ghê rợn còn hơn tiếng đại bác. Chorb bỏ mặc cái rương, đi lại đôi lần trong phòng. Con bươm đêm va đánh binh phải bóng đèn. Anh giật cửa rồi bước ra ngoài.

Lúc xuống thang, anh cảm thấy mới mẻ mới làm sao, và khi ra phố, đầu anh choáng váng vì sắc lam mờ đêm tháng Năm. Rẽ qua đại lộ, anh bước nhanh hơn. Quảng trường. Kỵ sỹ đá. Những đám đen ở công viên thành phố. Những cây dẻ

giờ này đương hoa, mà hồi ấy vẫn còn thu. Họ đi dạo với nhau rất lâu vào hôm trước đám cưới. Mùi đất, mùi ẩm, mùi đồng thảo thoang thoảng từ những chiếc lá héo úa rải khắp vỉa hè mới dễ chịu làm sao... Bầu trời vào những ngày vân vụ, mỹ miều ấy thường có màu trắng đục, và giữa mặt đường nhựa đen, các nhành cây soi bóng trong vũng nước nhỏ nhìn hao hao giống bức ảnh rửa chưa tới. Giữa các biệt thự xám, cây cối ngả sắc vàng dịu dàng và bất động, còn trước nhà cô, một cây dương đã héo rũ, và lá nó ngả màu nho trong. Sau chấn song cổng, thấp thoáng các thân bạch dương, — vài cái bị dây thường xuân bọc kín, — và anh kể là ở Nga, thường xuân không mọc trên thân bạch dương, còn cô nói là sắc hung hung ở các chiếc lá li ti của chúng khiến cô nhớ đến những đốm phơn phớt màu gỉ sắt trên ga giường đã úi phẳng. Các cây sồi và dẻ đứng dọc vỉa hè; vết mục nứt xanh rêu mượt mà chạy theo lớp vỏ đen; chốc chốc lại có chiếc lá lia cành, bay xiên qua phố, như mảnh giấy gói. Cô gắng bắt lấy nó ngay lúc đang bay bằng chiếc xẻng con mà cô kiếm được gần đồng gạch hồng ở nơi con phố đang được sửa. Xa xa, từ ống khói của chiếc xe hòm cho thợ, một làn khói xám lam bốc lên, chao nghiêng, tan biến giữa các nhành cây, — và người thợ nề nghỉ tay, chống nạnh, ngắm tiểu

thư nhẹ bồng, như chiếc lá vàng, múa quanh cùng chiếc xẻng nhỏ trên cánh tay vươn cao. Cô nhảy và cười. Chorb, hơi khom lưng xuống, bước sau cô, — và anh cảm thấy rằng chính niềm hạnh phúc cũng có mùi hệt như mùi lá úa.

Lúc này thì anh chật vật lắm mới nhận ra được con phố ngổn ngang các cây dẻ lộng lẫy buổi đêm. Một ngọn đèn đường tỏa sáng phía trước, một nhánh cây rủ trên kính, và vài chiếc lá, thắm đẫm ánh đèn nơi chóp, nhìn trong vắt. Chorb lại gần. Bóng cái cổng nhỏ, như chiếc rây méo, ùa đến anh từ vỉa hè, quấn quanh chân anh. Sau hàng rào, sau vệt sỏi mơ hồ, hiện lên chính diện tối om của tòa nhà thân thuộc. Một cửa sổ mở toang sáng ánh đèn. Trong hố sâu màu hổ phách ấy, chị hầu đang khoát rộng đôi tay, trái ga giương sáng chói như tuyết. Chorb lớn tiếng và cộc lốc gọi chị. Một tay anh bám lấy cổng, và cảm giác sắt đẫm sương dưới lòng bàn tay hẳn là buốt nhất trong mọi hồi ức.

Chị hầu chạy vội đến chỗ anh. Như chị kể lại cho Varvara Klimovna, thì điều khiến chị ngạc nhiên trước tiên là việc Chorb vẫn cứ đứng im trên vỉa hè, mặc dù chị đã mở cổng ngay. “Cậu không đội mũ, — chị kể, — ánh đèn đường đổ lên trán cậu, cái trán mướt mồ hôi, còn tóc thì

dính bết vào trán. Cháu bảo là ông bà đang ở nhà hát, và hỏi cậu là sao lại chỉ có mình cậu thôi. Mắt cậu sáng lên một cách đáng sợ, hình như đã lâu rồi cậu không cạo râu. Cậu nói khễ: “Hãy báo lại ông bà là cô đang ốm”. Cháu hỏi: “Cô cậu đang nghỉ ở đâu?” Cậu bảo: “Vẫn chỗ đó thôi, — sau đó: — mà sao cũng được. Sáng mai tôi ghé.” Cháu mời cậu ở lại chờ, — mà cậu chẳng đáp lời, chỉ quay lưng rồi đi mất”.

Vậy là Chorb đã quay về đúng nơi khởi nguyên những hồi ức của mình. Đó là một thử thách đớn đau và ngọt ngào, mà giờ đây đang tiến dần đến sự kết thúc. Chỉ còn phải qua nốt vồn vẹn một đêm nữa thôi trong căn phòng đầu tiên của cuộc hôn nhân của họ, và ngay ngày mai — thử thách ấy sẽ qua đi, còn hình ảnh cô sẽ trở nên hoàn hảo.

Song, lúc anh lê bước quay lại khách sạn theo đại lộ, nơi trên mọi băng ghế, trong bóng tối xám lam, các hình người lơ mờ đang ngồi, anh bỗng hiểu ra rằng, dù mệt, nhưng anh không thể ngủ một mình trong căn phòng ấy, với cái bóng đèn trần trụ và các xó xì xào. Anh đến quảng trường, lê chân theo phố chính, — và đã biết phải làm gì. Nhưng anh tìm khá lâu: thành phố yên tĩnh, trinh trắng, — còn con phố bí mật ấy,

nơi mua bán tình yêu, thì Chorb lại không biết ở đâu. Và chỉ sau cả tiếng lang thang bất lực, khiến gót chân bốc hỏa và tai ù đặc, anh mới tình cờ rơi vào con phố nhỏ ấy và lập tức tiến đến gần cô gái đầu tiên réo gọi anh.

— Qua đêm, — Chorb nói xuyên răng.

Cô gái nghiêng đầu qua bên, lắc lư túi xách và đáp lại: “Hai lăm.”

Anh gật. Chỉ sau đó rất lâu, khi tình cờ liếc nhìn cô, Chorb mới thờ ơ nhận ra rằng cô khá xinh, mặc dù rất rã rượi, và tóc cô sáng màu, cắt ngắn.

Cô đã hơn một lần, cùng những người đàn ông khác, ghé vào cái khách sạn, nơi Chorb trú, — và gã bồi xanh xao, mũi nhọn, đang chạy xuống cầu thang lúc họ đi lên gác, nháy mắt thân thiện với cô. Khi họ bước dọc theo hành lang, có thể nghe thấy, sau một trong các cánh cửa, chiếc giường nào đó kêu ken két nhịp nhàng và nặng nhọc, chẳng khác nào có ai đó cưa súc gỗ. Sau vài cánh cửa nữa, từ phòng khác lại vọng ra cũng thanh âm đơn điệu ngấm ngấm ấy, và lúc họ đi ngang qua, cô gái ngoảnh lại nhìn Chorb với vẻ lả lơi lạnh lẽo.

Anh lặng lẽ đưa cô vào phòng mình và lập tức, với dự cảm sâu sắc về giấc ngủ, bắt đầu giật cổ áo khỏi khuy cài. Cô gái đến sát anh, vừa cười vừa hỏi:

— Quà em đâu?

Chorb lơ đãng và lơ đãng nhìn cô, vất vả mãi mới hiểu là cô nói gì.

Nhận được tiền rồi, cô cẩn thận xếp chúng vào túi, và, thở nhẹ, lại đến gần, giữ tóc:

— Em cởi đồ nhé?

— Ừ, nằm xuống đi, — Chorb lẩm bẩm, — sáng sẽ đưa thêm.

Cô bắt đầu vội vã cởi nút áo cánh và cứ liếc nhìn Chorb, hơi ngạc nhiên với vẻ buồn bực lơ đãng của anh. Anh cởi đồ rất nhanh và cẩu thả, rồi nằm lên giường, quay vào tường.

“Chắc lại giờ trò gì đây,” — cô gái đoán mò. Cô từ từ gập áo lót của mình lại, đặt lên ghế. Chorb đã ngủ say.

Cô gái lang thang quanh phòng, và, để ý thấy là nắp cái rương nằm gần cửa sổ đang mở hé, liền ngồi xổm xuống, ngó dưới cạnh cái nắp. Chớp chớp mắt và thận trọng duỗi cánh tay trần

ra, cô mò được một bộ váy nữ, một bút tất dài, các mảnh lụa nào đó, — tất cả được nhét đại vào và tỏa mùi hương dễ chịu đến nỗi cô đắm ra lại thấy buồn.

Ngay sau đó, cô ưỡn thẳng người, ngáp, gãi đùi, và hết như trước, — trần truồng, đi mỗi đôi bút tất dài, bước đến cửa sổ, gạt rèm ra. Sau rèm, khung cửa sổ mở toang, và trong vực thẳm mướt như nhung dưới phố, có thể nhìn thấy rõ góc nhà hát ô-pê-ra, bờ vai đen của tượng đá Orpheus¹, nổi bật trên màn đêm xanh thẳm, và một dãy ánh đèn dọc theo dải mặt tiền mờ mịt chạy xiên vào bóng tối. Dưới đó, đằng xa, trên các lớp bậc thềm bán nguyệt sáng đèn, nhưng nhúc những hình bóng tí hon, thắm màu đang tuôn ra khỏi ô cửa chói lọi, và những chiếc ô-tô vừa lướt đến bậc thềm, vừa đùa giỡn ánh đèn pha, vừa nhấp nhánh các mui xe nhẵn bóng. Và chỉ đến lúc đó mới kết thúc cuộc chia ly, ánh sáng tàn lụi, cô gái buông rèm, tắt đèn, nằm duỗi lên giường, bên Chorb. Lơ mơ ngủ, cô nghĩ về việc đã đôi lần ở

¹ Orpheus (tiếng Hy Lạp: Ορφεύς) là một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, con trai của vua Oeagrus xứ Thrace và nữ thần thi ca (muse) Calliope.

trong chính căn phòng này, còn nhớ cả bức tranh hồng trên tường.

Cô ngủ được chưa đầy một tiếng: tiếng la hét thảm thiết, thất thanh đã đánh thức cô. Là Chorb gào thét. Anh thức giấc giữa đêm, quay qua nằm nghiêng, và nhìn thấy vợ mình đang nằm cạnh. Anh gào ghê rợn, bằng cả ruột gan. Cái bóng phụ nữ trắng toát nhảy khỏi giường. Khi cô, run cầm cập, bật đèn, — Chorb ngồi quẩn tẩm vải trải giường rối tung, lưng quay vào tường, và qua những ngón tay xò ra của anh, có thể thấy một con mắt đang cháy lên ánh lửa điên dại. Sau đó, anh từ từ mở mắt ra, từ từ nhận ra cô gái. Còn cô, vừa sợ hãi lấp bắp, vừa vội vã mặc lại áo lót.

Và Chorb thở dài nhẹ nhõm, vì anh hiểu rằng thử thách đã qua. Anh dời sang đi-văng và, ngồi đó, tay siết căng chân lông lá, ngắm cô điếm với nụ cười dừng đọng. Nụ cười ấy khiến cô còn sợ hãi hơn, và, quay người lại, cô gài nhanh móc cuối, thắt dây đôi bốt, bắt đầu đội mũ.

Vào đúng lúc này, trong hành lang vang lên những giọng nói và bước chân.

— Nhưng anh ấy đang ở cùng một quý cô...
— giọng anh bồi buồn bã nhắc đi nhắc lại.

Và giọng yết hầu giận dữ vẫn cứ nặng nề đòi:

— Tôi bảo anh rồi kia mà, đó là con gái tôi.

Các bước chân dừng lại sau cửa. Rồi tiếng gõ vang lên. Lúc ấy, cô gái chộp lấy cái túi từ trên bàn và quả quyết mở tung cửa. Trước mặt cô, một ông già sừng sốt, đội mũ chóp xỉn màu, đeo viên ngọc trai trên ngực sơ mi trắng, đứng sừng sững, và từ sau vai ông, một quý bà đầy đà, dẫm lệt, choàng khăn voan trên tóc, cổ ngó vào, còn đằng sau họ, anh bồi nhỏ con, xanh xao, kiễng chân lên, trố mắt, khoát tay mời. Cô gái hiểu ám hiệu của y và lao vọt ra hành lang, ngang qua ông già, ông quay đầu theo cô với vẻ phân vân ấy, — rồi cùng quý bà bước qua ngưỡng cửa. Cửa đóng lại. Cô gái cùng anh bồi vẫn nấn ná đứng tại hành lang, sợ hãi nhìn nhau và, nghiêng đầu, lắng nghe. Nhưng trong phòng im phăng phắc. Tuồng như không thể tin được rằng, ở đó, sau cửa, có ba người. Không một tiếng động nào vẳng đến từ nơi ấy.

— Họ im lặng, — anh bồi thì thào và đặt ngón tay lên môi.

Nỗi sợ

Thình thoảng có chuyện thế này xảy ra với tôi: sau khi ngồi vào bàn viết suốt nửa đầu đêm, lúc đêm hãy còn nặng nhọc leo dốc, — và tỉnh việc đúng vào khoảnh khắc, lúc đêm lên đến đỉnh và sắp trượt xuống, lăn vào màn sương mỏng bình minh, — tôi nhóm dậy khỏi ghế, lạnh run, trống rỗng, bật đèn phòng ngủ — và bỗng thấy mình trong gương. Rồi thế này: trong thời gian miệt mài làm việc, tôi đã trở nên xa lạ với chính mình, — và, giống như sau

cảnh biệt ly, khi gặp lại một người rất quen, vào khoảng vài phút rỗng không, trong veo, vô cảm, bạn sẽ thấy y hoàn toàn theo kiểu mới, dẫu bạn biết rõ rằng cảm giác ớn lạnh tê mê bí ẩn ấy sẽ trôi qua ngay bây giờ, còn dung mạo người mà bạn đang nhìn sẽ tái sinh, ấm lên, giành lấy chỗ thông thường của mình và lại trở nên thân quen đến nỗi chẳng nỗ lực ý chí nào còn có thể khiến cho cảm giác xa lạ thoáng qua ấy quay về nữa, — tôi đã ngắm hình ảnh phản chiếu của tôi trong gương đúng như vậy và không nhận ra mình nữa. Và tôi càng chăm chú nhìn mặt mình, — đôi mắt xa lạ, không chớp, ánh lông tơ trên gò má, bóng đổ dọc theo mũi, — càng kiên nhẫn tự nhủ: đấy là tôi, một ông mỗ nào đó, — tôi càng không hiểu tại sao đó chính là tôi, và tôi càng khó đồng nhất bộ mặt phản chiếu trong gương với nhân vật “tôi” khó hiểu nào đó. Khi tôi kể về chuyện này, người ta nhắc tôi một cách xác đáng rằng cứ vậy thì có thể phát điên. Quả thật, một đôi lần tôi chăm chú nhìn giữa đêm khuya vào phản ảnh của mình lâu đến nỗi tôi đâm ra thấy khiếp sợ và vội vã tắt đèn. Vậy mà sáng hôm sau, khi đang cạo râu, trong đầu tôi đã không còn nảy ra ý nghĩ ngạc nhiên với phản ảnh của mình nữa.

Đôi khi có chuyện khác xảy đến với tôi: giữa đêm, đang nằm trên giường, tôi bỗng nhớ ra là tôi phải chết. Lúc ấy, trong lòng tôi diễn ra cũng cái cảnh vẫn diễn ra tại một rạp hát khổng lồ, nơi ánh sáng chột tắt, và trong bóng tối ủa đến, có ai đẩy rú lên the thé, sau đó vài giọng khác lập tức rú lên theo, — cơn bão mù lòa, tiếng ồn ào hắc ám hốt hoảng trời dậy, — rồi đột nhiên ánh sáng lại bùng lên, và buổi diễn diễn nhiên tiếp tục. Đôi khi, tâm hồn tôi ngạt thở trong chốc lát, lúc tôi nằm ngửa, mở to mắt, và gắng hết sức kìm nén nỗi sợ, thấu hiểu sự chết, nhận thức nó theo lẽ thường, không nhờ đến tôn giáo với triết học. Sau đó tự nhủ rằng cái chết vẫn còn xa, vẫn còn kịp suy ngẫm về nó, — tự biết rằng chẳng nào thì cũng chẳng bao giờ nghĩ ra, và một lần nữa, trong bóng tối, trên tầng gác ý thức, nơi trần trở các suy tưởng sống động, nòng nọc về những chuyện vặt vãnh trần tục thân thương, vang đến một tiếng thét — ngay sau đó nó lắng xuống khi rớt cuộc ta trở mình trên giường và bắt đầu nghĩ về chuyện khác.

Tôi cho rằng mọi cảm giác ấy — cả nỗi phân vân trước tấm gương đêm, cả dự cảm hoang mang bất ngờ về cái chết, — đều quen thuộc với nhiều người, và nếu tôi cứ xoáy vào chúng thì chỉ

vì trong các cảm giác này có một phần nỗi sợ hãi tột cùng mà tôi có lần từng trải qua. Nỗi sợ tột cùng... nỗi sợ đặc biệt... tôi đang mò tìm một tính ngữ chính xác, nhưng trong kho từ có sẵn chẳng cái nào thích hợp. Tôi hoài công ước thử các từ, chẳng cái nào trong số chúng vừa ý tôi.

Tôi từng sống hạnh phúc. Tôi từng có bạn gái. Tôi vẫn nhớ, cuộc chia ly đầu tiên của chúng tôi đã hành hạ tôi thế nào, — tôi đi công tác nước ngoài, — sau đó nàng đón tôi ở ga ra sao — nàng đứng trên ke, hệt như trong chiếc lồng ánh sáng vàng, trong chùm bụi nắng rọi xuyên qua vòm kính, và từ từ quay mặt tới lui theo cửa sổ các toa tàu trườn qua. Bên nàng, tôi luôn thấy bình an và dễ chịu. Chỉ một lần... Vâng, chỗ này tôi lại cảm thấy từ ngữ là công cụ vụng về làm sao. Mà tôi muốn giải thích... Đó là chuyện hết sức tầm phào, hết sức phù du: chỉ có mỗi tôi với nàng trong phòng nàng, tôi viết, nàng mạng lại chiếc bút tất lựa căng trên thìa gỗ, đầu nàng cúi thấp, tai ửng hồng và giấu nửa vờn sau lọn tóc vàng, chuỗi trân châu li ti lấp lánh sáng đến xao lòng quanh cổ, còn cái má mịn màng tưởng như hóp lại, vì nàng cố gắng chu môi. Bỗng nhiên, hoàn toàn vô cớ, tôi trở nên sợ hãi với sự hiện diện của nàng. Sợ hơn nhiều so với lúc tôi không lập tức cảm thấy nàng

ở ga. Tôi sợ vì cạnh tôi trong phòng là một người khác, tôi sợ chính khái niệm ấy: người khác. Tôi hiểu vì sao mà bọn điên không nhận ra người thân của chúng... Nhưng nàng ngẩng đầu lên, cười với tôi rất nhanh bằng mọi nét mặt mình, — và thế là nỗi sợ hãi lạ lùng của tôi biến mất chẳng còn để lại dấu vết nào. Xin nhắc lại, chuyện đó xảy ra chỉ một lần, lúc bấy giờ tôi cảm thấy thần kinh không bình thường — tôi quên mất là vào một đêm cô đơn, trước gương, tôi từng trải qua chuyện gì đó giống hệt.

Chúng tôi chung sống gần ba năm. Tôi biết là nhiều người không sao hiểu nổi mối quan hệ của chúng tôi. Họ băn khoăn, chẳng biết cô gái giản dị đó có thể lôi cuốn và níu giữ tôi bằng điều gì, nhưng, Chúa ơi, tôi yêu nét duyên ngầm, tính vui vẻ, sự dịu dàng, tâm hồn chấp chới mong manh của nàng làm sao... Vấn đề ở chỗ là chính sự giản dị hiền lành của nàng đã bảo vệ tôi: mọi thứ trên thế gian này với nàng đều rõ ràng một cách rất đời thường, và đôi khi tôi thậm chí còn cảm thấy nàng biết hoàn toàn chính xác về những gì sẽ đợi chờ ta sau cái chết, — thành thử chúng tôi chẳng bao giờ đã động đến cái chết. Vào cuối năm chung sống thứ ba, tôi lại phải đi xa một thời gian khá lâu. Trước hôm tôi lên đường, không

hiếu sao chúng tôi lại đi coi nhạc kịch. Khi ngồi trên chiếc đi-văng nhỏ màu huyết dụ ở hành lang kín đáo tối om trước khoang lô của chúng tôi, nàng tháo đôi bốt xám khổng lồ, kéo ra khỏi chúng đôi chân thon đi tất lụa, tôi nghĩ đến những con bướm hết sức mỏng manh vẫn nở ra từ những cái kén xồm xoàm kèn càng. Và thật vui, khi tôi với nàng cúi người trên vực thảm hồng nhạt của gian phòng để chờ đợi tấm màn dày, bạc màu được nhấc lên cao trong những cảnh trí vàng óng thuộc các lớp nhạc kịch khác nhau. Và nàng chút nữa thì gạt khuỷu tay trần phải chiếc ống nhòm nhỏ nạm xà cừ của mình khiến nó rớt từ lan can xuống dưới.

Rồi khi mọi người đã ổn định chỗ ngồi và dàn nhạc, hít đầy không khí, chuẩn bị bùng vang, — đột nhiên, trong nhà hát hồng khổng lồ, mọi bóng đèn cùng lúc tắt phụt, — và bóng tối đặc quánh ùa đến, tối đến nỗi tôi cảm thấy mình đã bị mù. Trong bóng tối ấy, mọi thứ lập tức động đậy, bắt đầu ồn ào, rồi sự run rẩy kinh hoàng chuyển thành những tiếng phụ nữ kêu la, và do những giọng đàn ông riêng lẻ lớn tiếng yêu cầu bình tĩnh, nên các tiếng kêu trở nên lo lắng hơn. Tôi bật cười, bắt đầu nói gì đó với nàng, — và cảm thấy nàng đang bám chặt lấy tay tôi, lặng lẽ

vò nhàu cổ tay áo tôi. Và khi ánh sáng lại chan hòa khắp nhà hát, tôi nhìn thấy nàng ngồi tái mét cả người, nghiêng chặt răng. Tôi giúp nàng ra khỏi khoang lô, — nàng lắc đầu, với nụ cười biết lỗi, tự chê bai nỗi sợ hãi ngây ngô của mình, — sau đó khóc òa lên, đòi về nhà. Chỉ trong xe ngựa, nàng mới bình tĩnh lại, và, ấn chiếc khăn tay vo thành nắm lên đôi mắt sáng ngời, bắt đầu giải thích cho tôi biết nàng buồn thế nào vì mai tôi sẽ đi xa, và thật không hay khi qua tối cuối cùng này nơi đông người, trong buổi xem nhạc kịch.

Mười hai giờ sau, tôi đã ngồi trong toa, ngắm qua cửa sổ vào trời đông mịt mù, vào mắt nắng sừng tấy bám riết sau tàu, vào những cánh đồng trắng không ngừng mở ra, như chiếc quạt lông thiên nga vĩ đại. Tại một thành phố lớn không thuộc Nga, nơi tôi đến sau trọn một ngày tàu, tôi đã phải trải qua nỗi sợ tột cùng.

Bắt đầu từ việc tôi ngủ chập chờn ba đêm liên tiếp, còn đêm thứ tư thì không chợp mắt được chút nào. Sau mấy năm gần đây, tôi đã mất thói quen ở một mình, và giờ đây, những đêm cô đơn này gây cho tôi nỗi đau buốt nhói, bẽ tắc. Vào đêm đầu, tôi thấy nàng trong mơ: nắng chan hòa, còn nàng ngồi trên giường, bận đọc một chiếc áo lót đấng-ten và cười khanh khách đến

kiệt sức, không tài nào ngưng lại được. Tôi hoàn toàn tỉnh còn nhớ lại giấc mơ ấy, lúc đi ngang qua cửa hàng bán đồ lót, — và khi nhớ lại, thì tôi cảm thấy mọi điều trong mơ đều vui vẻ — đấng-ten, gương mặt ngửa lên, tiếng cười của nàng, — giờ đây, trong thực tại, thật khủng khiếp, — và tôi không thể nào cắt nghĩa cho mình, tại sao mà tôi lại thấy khó chịu đến thế, ghê tởm đến thế với giấc mơ đấng-ten, khanh khách ấy. Tôi làm nhiều, hút cũng lắm, và tôi luôn có cảm giác rằng tôi cần, như người ta thường nói, tự kiềm chế. Đêm về, sau khi cởi quần áo, tôi cố tình huýt sáo và hát nho nhỏ, nhưng đột nhiên, như đứa trẻ nhát gan, rùng mình vì tiếng động rất khẽ sau lưng, vì tiếng áo vét tuột khỏi ghế.

Đến ngày thứ năm, lúc sáng sớm, sau đêm thao thức, tôi ra ngoài đi dạo. Tôi muốn những điều tôi sẽ kể tiếp nên được in nghiêng, — thậm chí không, không in nghiêng, mà bằng các kiểu chữ mới, chưa từng thấy. Vì đêm qua không ngủ, nên trong tôi có sự rỗng roãng nhậy cảm lạ thường nào đó. Tôi cảm thấy đầu mình bằng thủy tinh, và cơn nhức nhẹ nơi chân dường như cũng có tính thủy tinh. Và lập tức, ngay khi tôi ra phố... Vâng, giờ đây tôi đã tìm được lời. Tôi vội vã chép lại chúng, trong lúc chúng còn chưa kịp mờ đi.

Khi tôi ra phố, tôi chợt nhìn thấy thế giới này như nó vốn có trên thực tế. Ta vẫn thường an ủi mình rằng thế giới không thể tồn tại mà thiếu ta, rằng nó tồn tại chừng nào ta còn tồn tại, chừng nào ta có thể tự hình dung ra nó. Cái chết, sự vô hạn, các hành tinh — tất cả những thứ này đáng sợ chính vì chúng ở ngoài hiểu biết của ta. Và đây, vào cái ngày khủng khiếp ấy, khi, lòng trống rỗng vì mất ngủ, tôi ra phố, tại một đô thị tình cờ, tôi thấy nhà, thấy cây, thấy xe, thấy người, — mà tâm hồn tôi chợt khước từ xem chúng như điều gì đó quen thân, nhân tính. Mối liên hệ của tôi với thế giới bị đứt rời, tôi là tôi, thế giới là thế giới — và cái thế giới ấy chẳng có ý nghĩa nào. Tôi thấy nó như nó vốn có trên thực tế: tôi ngắm các ngôi nhà, và với tôi, chúng đã đánh mất ý nghĩa quen thuộc của mình; mọi điều mà ta có thể nghĩ đến, khi ngắm một ngôi nhà... kiến trúc... phong cách nào đấy... những căn phòng nào đấy bên trong... ngôi nhà xấu xí... ngôi nhà tiện lợi... — mọi thứ này trôi tuột đi, như giấc mơ, chỉ còn lại vẻ ngoài vô nghĩa, như một thanh âm vô nghĩa sẽ còn lại, nếu vừa nhắc mãi, vừa suy ngẫm, một và chỉ một lời bình thường nhất. Cả với cây cối cũng vậy, và cả với người cũng thế thôi. Tôi hiểu, mặt người đáng sợ thế nào. Hết thấy — cấu trúc, sự khác biệt giới tính, ý niệm về chân, tay, quần áo, —

bay đâu mất tiêu, và trước mặt tôi là thứ gì đó — thậm chí không phải sinh vật, bởi lẽ sinh vật cũng là ý niệm của con người, — chỉ là thứ gì đó chuyển động ngang qua. Tôi hoài công cố gắng thắng nỗi sợ, hoài công nhớ lại, một lần nọ, thuở ấu thơ, tôi thức giấc và, vừa áp gáy vào chiếc gối thấp, vừa ngược mắt lên và nhìn thấy, trong lúc còn ngái ngủ, ngay trên chấn song đầu giường, một khuôn mặt khó hiểu cúi xuống tôi, không mũi, với bộ ria kỳ binh đen sì ngay dưới đôi mắt, với bộ răng trên trán — tôi rú lên, nhồm dậy, và tức thì, bộ ria đen hóa thành đôi lông mày, còn cả bộ mặt biến thành mặt mẹ tôi, mà thoát đầu tôi nhìn thấy dưới dạng lộn ngược, không quen. Lúc này tôi cũng cố gắng nhồm dậy, để thế giới hữu hình lấy lại vị trí bình thường của mình, nhưng tôi không làm nổi việc đó. Trái lại, tôi càng chăm chú nhìn mọi người thì diện mạo họ càng trở nên vô nghĩa hơn. Bị nỗi sợ xâm chiếm, tôi cố kiếm tìm điểm tựa nào đó, ý tưởng khởi nguyên nào đó, đặng, bắt đầu từ nó, dựng lại cái thế giới đơn giản, tự nhiên, quen thuộc mà chúng ta biết. Tôi dường như ngồi trên ghế băng tại công viên nào đó. Tôi không nhớ được chính xác các hành vi của mình. Như một người lên cơn đau tim giữa phố sẽ chẳng hề quan tâm đến khách qua đường, đến mặt trời, đến vẻ đẹp của đại giáo đường cổ

kính, — mà chỉ còn một mong muốn chiếm lĩnh y: thờ được, — tôi cũng chỉ có một mong muốn: không mất trí. Tôi nghĩ rằng chẳng ai từng được thấy thế giới như tôi thấy vào những phút giây ấy. Trần trụi khủng khiếp, vô nghĩa khủng khiếp. Bên cạnh tôi có con chó nào đó đánh hơi khắp mặt tuyết. Tôi khổ sở tìm cách hiểu, “chó” nghĩa là gì, — và do tôi cứ chăm chăm nhìn nó, nên nó cả tin bò đến gần tôi, nhưng tới lúc ấy tôi bắt đầu thấy buồn nôn, đến nỗi tôi đứng dậy khỏi ghế băng rồi đi mất. Khi đó, nỗi sợ đạt đến đỉnh cao nhất. Tôi đã thôi kháng cự. Tôi đã không còn là người, mà là một con mắt trần trụi, một cái nhìn băng quơ, chuyển động trong thế giới vô nghĩa. Về mặt người khiến tôi muốn hét lên.

Bằng cách nào đó không rõ, tôi lại lạc về cửa khách sạn mình. Khi ấy, có ai đó đến gần và gọi tên tôi. Y dúi vào tay tôi một mẫu vo tròn. Tôi máy móc giở tờ giấy đó ra. Và lập tức, toàn bộ nỗi sợ của tôi qua đi, tôi quên nó ngay lập tức, mọi thứ lại trở nên bình thường và không có gì nổi bật: khách sạn, ánh kính biến đổi trên những cánh cửa quay, gương mặt quen thuộc của người gác cửa vừa đưa tôi bức điện tín. Tôi đứng giữa sảnh rộng. Một quý ông ngậm tẩu, đội mũ cát-két kẻ ô, đi ngang qua, xô phải tôi và trịnh trọng xin

lỗi. Tôi thấy ngạc nhiên và một nỗi đau lớn, khôn kham, song hoàn toàn tự nhiên, hoàn toàn con người. Bức điện thông báo rằng nàng đang trong tình trạng hấp hối.

Và khi tôi đến với nàng, khi ngồi bên giường nàng, trong đầu tôi không chút nghĩ suy về những ý niệm như cuộc đời là gì, cái chết là gì, tôi cũng không khiếp sợ cuộc sống và cái chết. Cô gái tôi yêu hơn mọi thứ trên đời này đang hấp hối. Tôi chỉ nhìn được và cảm thấy mỗi điều này thôi.

Nàng không còn nhận ra tôi, khi tôi thúc đầu gối vào cạnh chiếc giường nàng nằm, dưới những tấm chăn khổng lồ, trên những cái gối khổng lồ, — chính nàng thì nhỏ nhắn, với mái tóc lật ra sau trán, nhờ đó mới thấy rõ trên gò thái dương tròn trịa có vết sẹo mảnh, mà nàng luôn giấu sau sóng tóc chải thấp. Nàng không nhận ra tôi, song tôi cảm thấy theo nụ cười một đôi lần nhắc khẽ khóe môi nàng, rằng nàng đang trong cơn mê sáng lạng lẽ của mình, đang thấy tôi trong trí tưởng tượng trước lúc chết, như thể trước mặt nàng có hai người đang đứng, — chính tôi, mà nàng không thấy, và bản sao tôi, vô hình với tôi. Sau đó tôi còn lại một mình, — bản sao tôi chết cùng nàng.

Cái chết của nàng cứu tôi khỏi bị mất trí. Nỗi đau dung dị tình người chất chứa đời tôi đến nỗi chẳng còn chỗ nào nữa cho các cảm xúc khác. Nhưng thời gian trôi qua, bóng hình nàng trong lòng tôi càng ngày càng hoàn hảo hơn và vô hồn hơn, — còn những chuyện vặt vãnh quá khứ, những hồi ức nhỏ sống động thì cứ âm thầm tắt dần, tắt dần, hết cái này đến cái khác, đôi khi hai ba cái cùng lúc, khi chỗ này, khi chỗ kia, như những ánh đèn trong cửa sổ ngôi nhà lơ mơ ngủ. Và tôi biết rằng mình phải cam chịu thôi, rằng nỗi sợ mà tôi có lần đã trải qua, nỗi âu lo bất lực với cuộc sinh tồn sẽ có lúc nào đó lại chiếm lấy tôi, đến khi đó sẽ chẳng còn sự cứu rỗi nào cho tôi nữa.

Tiếng chuông cửa

Bây năm đã trôi qua từ dạo anh già biệt người đàn bà ấy¹. Chúa ơi, đám đông đã chen lấn xô đẩy nhau thế nào tại ga Nikolaevsky! Đừng đứng sát vậy, tàu sắp chuyển bánh rồi. Thôi thế, — tạm biệt nhé, người thân yêu nhất của tôi... Người ấy bước bên cạnh, cao, gầy, bận áo mưa, choàng khăn phu-la đen-trắng quanh cổ, — và dòng đời chậm chậm mang

¹ Bản tiếng Anh viết rõ là ở Petersburg.

người ấy đi khuất về phía sau. Rồi anh chiến đấu, miễn cưỡng và bừa phứa. Rồi, vào một đêm tuyệt vời nọ, theo tiếng ri rả hân hoan của lũ đế, anh chạy qua bên bạch vệ. Rồi, — sau một năm¹, — không lâu trước khi đi qua nơi đất khách quê người, — trên con phố đá dốc đứng Chainaya ở Yalta, anh tình cờ gặp chú mình, một luật sư Moskva. Còn phải nói, còn phải nói, có tin đây, — hai bức thư. Cô ấy chuẩn bị đi Đức và đã nhận được giấy phép rồi. Còn cháu — cừ thật đấy, chàng trai. Và, rốt cuộc, nước Nga cũng cho anh một kỳ nghỉ, — theo kiến giải nào đó — vô thời hạn. Nước Nga đã giữ anh quá lâu, anh tuột chậm chậm từ bắc xuống nam, và nước Nga vẫn cứ cố níu giữ anh, mà Tver, Kharkov, Belgorod, — cùng đủ mọi ngôi làng nhỏ hấp dẫn... cũng chẳng giúp được gì. Nước mẹ còn dự trữ một cám dỗ nữa, một món quà cuối cùng nữa, — Tavrida², — nhưng nó cũng chẳng giúp được gì hơn. Anh ra đi. Trên tàu thủy, anh làm quen với một người Anh trẻ tuổi, một gã vui nhộn và cũng là vận động viên, đang trên đường đi châu Phi.

¹ Bản tiếng Anh: Năm 1920.

² Tên bán đảo Crimea sau khi nhập vào Nga (1783).

Nikolay Stepanych sang châu Phi, rồi Ý, rồi không hiểu sao lại đến quần đảo Canary, rồi lại về châu Phi, nơi anh phục vụ ít lâu trong đội lính lê dương. Thoạt đầu, anh hay nhớ về người ấy, rồi — năm thì mười họa, rồi lại — càng ngày càng thường xuyên hơn. Chồng thứ hai của người ấy, dân Đức¹, chết hồi chiến tranh. Ông ta sở hữu hai ngôi nhà ở Berlin². Nikolay Stepanych trú tính là ở Berlin người ấy cũng sẽ không thiếu thốn gì. Nhưng thời gian trôi qua nhanh làm sao! Thật lạ lùng... Lẽ nào rỗng rã đã bảy năm?

Sau những năm ấy, anh đã rắn rỏi hơn, thô lỗ hơn, mất một ngón trỏ, học được hai ngôn ngữ — Ý và Anh. Mắt anh trở nên hồn nhiên hơn và sáng màu hơn, do làn da rám nắng đều và què kệch che phủ gương mặt. Anh hút tẩu. Dáng anh đi, — vững vàng, như phần lớn những người chân ngắn, — bắt đầu nhịp nhàng lạ thường. Một thứ hoàn toàn không thay đổi ở anh: tiếng cười, — với cái nheo mắt, với câu bông đùa.

Anh cười rất lâu, lắc đầu, khi cuối cùng quyết định bỏ hết và từ từ chuyển tới Berlin. Có một lần — hình như ở Ý, — anh trông thấy trên

¹ Bản tiếng Anh: Nhà công nghiệp Đức, tên Kind.

² Bản tiếng Anh không nói rõ có bao nhiêu ngôi nhà.

quầy một tờ báo Nga, xuất bản tại Berlin. Anh biên thư đến đó, xin đăng mẫu tin, bảo là anh đang tìm kiếm... Sau đó ít lâu, anh lại chạy tiếp, thành thử chẳng hay biết gì. Lão phóng viên Grushevski về Berlin từ Cairo. Nhờ lão dò la tin tức ở đảng ấy giùm tôi. Không chừng lão lại tìm thấy. Hãy nói rằng tôi còn sống, vẫn khỏe... Nhưng rồi anh cũng chẳng nhận được chút tin tức nào từ nguồn này. Giờ đã đến lúc... đột ngột xuất hiện. Ở đó, tại chỗ, sẽ dễ tìm kiếm hơn. Lấn biển mãi với thị thực vào Đức, tiền bạc cũng chẳng nhiều nhận gì cho cam. Ừ, được thôi, rồi thì bằng cách này cách khác, ta cũng sẽ đến nơi...

Và anh đã đến nơi. Bận áo choàng vàng đem nút lớn, đội mũ cát-két kẻ ô, lùn và vai rộng, với cái tẩu giữa đôi hàm răng và va-li trong tay, anh bước ra quảng trường trước nhà ga, cười mát, ngắm một bảng quảng cáo sáng ánh kim cương đương ăn thủng bóng tối. Anh qua một đêm tồi tệ trong căn phòng ngọt ngào của một khách sạn rẻ tiền, — nghĩ mãi xem bắt đầu cuộc tìm kiếm thế nào. Phòng địa chỉ, tòa soạn báo tiếng Nga... Bảy năm. Chắc người ấy đã già đi nhiều. Thật hèn hạ là đã chờ đợi lâu như vậy, — lẽ ra có thể đến sớm hơn. Nhưng những năm ấy, sự rung chuyển kỳ diệu ấy quanh địa cầu, làn sóng tự do, thứ tự

do mà anh hằng mơ về nó từ thời thơ ấu!... Rất chất Mayne Reid¹... Và lại lần nữa — thành phố mới, tấm nệm lông chim đáng ngờ cùng tiếng ken két của tàu điện. Anh mò diêm, dùng mỏm cụt ngón tay với một chuyển động quen thuộc, bắt đầu nhồi thuốc lá mềm vào tẩu.

Trong thời gian du hành, ta thường quên tên ngày tháng: chúng bị các đô thị thế chỗ. Sáng sớm, khi Nikolay Stepanych đi ra phố với ý định lên đồn cảnh sát, thì thấy lưới sắt trước mọi cửa hiệu. Hóa ra là Chủ Nhật. Quý tha ma bắt cả phòng địa chỉ, cả tòa soạn. (Cầu trời, đừng rơi vào thành phố lạ đúng hôm Chủ Nhật!) Đang tiết thu: gió, cúc tây trong công viên, bầu trời rạt một màu trắng, những đoàn tàu điện vàng, tiếng gầm ống xả của những chiếc ta-xi bị cảm hàn. Anh hơi ớn lạnh vì xao xuyến, vì ý nghĩ rằng, vậy là anh đã ở cùng thành phố với người ấy. Với giá năm hào tiền Đức, người ta đưa anh một cốc vang poc-tô trong tửu quán cho tài xế, và rượu lúc bụng đói có tác dụng thật dễ chịu. Đây đó trên phố lờ mờ tiếng Nga: “...Сколько раз я тебя просила...” (...Em đã xin anh bao nhiêu lần rồi...)” và sau vài khách bán xứ qua đường: “...Y

¹ Bản tiếng Anh: Jack London.

mời tôi mua chúng, nhưng tôi, nói thật là...” Nổi xao xuyến khiến anh bật cười và hút hết tẩu nhanh hơn nhiều so với bình thường. “...Tuởng là đã qua, — mà giờ thì cả Grisha cũng nằm bẹp...” Lại người Nga! Anh nghĩ, hay là đến gần họ, hay là hỏi họ thật nhã nhặn: “Chắc có lẽ ông biết cô...?” Ở cái tỉnh Nga lăm lặc này, không chừng mọi người đều quen nhau.

Trời đã về chiều, và trong hoàng hôn, ánh sáng tuyệt đẹp màu vỏ quýt lấp đầy các tầng lấp kính của một cửa hàng bách hóa khổng lồ, — khi Nikolay Stepanych đi ngang qua tòa nhà nào đó, anh tình cờ để ý thấy trên cái cột xám phẳng của mi cửa, một tấm biển trắng nhỏ: “Bác sỹ nha khoa I. S. WEINER, từ PETROGRAD.” Một hồi ức bất ngờ làm anh gần như bị bóng. “Chiếc này, thưa ngài, bị mục rồi, đành phải nhổ thôi.” Trong cửa sổ — ngay đối diện ghé tra tấn — là những bức ảnh lồng kính, phong cảnh Thụy Sĩ... Cửa sổ trông ra phố Moika. “Giờ thì súc miệng đi.” Và bác sỹ Weiner, một ông già mập mạp, điềm đậm, mặc bờ-lu trắng, đeo đôi kính thấu suốt, đang sắp lại dụng cụ. Người ấy thường ghé chỗ ông ta, các anh em thúc bá của anh cũng thường ghé, — và còn nói, khi giữa họ xảy ra sự méch lòng nào

đó: mày muốn Weiner không? (nghĩa là một cú đấm vào răng)?

Nikolay Stepanych đứng trước cửa, những muốn nhấn chuông, — nhưng chợt nhớ ra rằng hôm nay là Chủ Nhật, anh nghĩ ngợi — song vẫn nhấn chuông. Có gì đó kêu lạch xạch trong ổ khóa, rồi cánh cửa thôi cưỡng lại. Anh bước lên tầng một. Cô hầu mở cửa.

— Không, hôm nay ông bác sỹ không tiếp khách.

— Răng tôi không đau, — Nikolay Stepanych phản đối bằng thứ tiếng Đức hết sức tồi tệ. — Bác sỹ Weiner là bạn cũ của tôi... Họ tôi là Galatov, chắc ông ấy còn nhớ đấy...

— Tôi sẽ trình lại, — cô hầu nói.

Lát sau, một người đàn ông đứng tuổi, da hung hung, bận áo vét ở nhà với các dây thắt ngực, coi bộ cực kỳ niềm nở, bước vào phòng ngoài, vui vẻ tự giới thiệu, rồi nói thêm:

— Nhưng mà, tôi không nhớ được ông, — chắc là có gì đó nhầm lẫn xảy ra ở đây.

Nikolay Stepanych nhìn ông ta và xin lỗi:

— Vâng, tôi cũng không nhớ ông. Tôi định tìm ông bác sỹ Weiner mà hồi trước cách mạng từng sống trên phố Moika¹. Tôi nhầm rồi, — xin thứ lỗi.

— Ồ, đấy là người cùng họ, — nha sỹ nói. — Người cùng họ. Đấy là người cùng họ thôi. Tôi sống ở đại lộ Zagorodny cơ.

— Chúng tôi ai cũng chữa ở chỗ ông ấy, — Nikolay Stepanych cắt nghĩa. — Vậy nên tôi mới nghĩ... Vấn đề ở chỗ là tôi đang tìm kiếm một phụ nữ, — phu nhân Nellis²...

Weiner cắn môi, căng thẳng nhìn qua bên, sau đó lại quay về phía anh.

— Cho phép tôi... Nếu như tôi không nhầm... Theo tôi... Theo tôi, có một bà Nellis nào đó từng ghé qua tôi cách đây cũng chưa lâu... Ta sẽ xác minh ngay. Làm ơn vào phòng làm việc của tôi.

Trong phòng, Nikolay Stepanych chẳng thấy gì cả. Anh không rời mắt khỏi chỗ hói hoàn hảo

¹ Bản tiếng Anh: Phố Moika ở Petersburg.

² Bản tiếng Anh: Phu nhân Kind, đó là tên người chồng thứ hai của bà ấy.

của Weiner, khi ông này nghiêng người xuống số hện của mình.

— Ta sẽ xác minh ngay, — Weiner vừa nói, vừa đưa các ngón tay theo những trang giấy. — Ta sẽ xác minh ngay. Ta sẽ... Đây, chắc là đây rồi, — Nellis. Hàn vàng và thêm việc gì đó nữa, — mà tôi không thấy, chỗ này có vết mực.

— Còn tên với phụ danh thế nào ạ? — Nikolay Stepanych vừa hỏi, vừa đến gần bàn, và chút nữa thì gạt cổ tay áo phải cái gạt tàn.

— Cũng có ghi. Olga Kirillovna.

— Vâng, đúng rồi, — Nikolay Stepanych thở phào nhẹ nhõm.

— Địa chỉ: Plannerstrasse, số 59, bai¹ Babb, — Weiner chép miệng và chép nhanh địa chỉ lên một mảnh giấy rời. — Phố thứ hai từ đây. Không dám. Rất hân hạnh được phục vụ. Đó là người thân của ông à?

— Mẹ tôi, — Nikolay Stepanych nói.

Ra khỏi chỗ nha sỹ, anh bước rảo chân hơn một chút. Việc tìm được mẹ nhanh như vậy khiến

¹ Ông chủ.

anh kinh ngạc, như trò ảo thuật với những lá bài. Khi đi Berlin, không phút nào anh không nghĩ về việc, không chừng mẹ chết đã lâu hoặc đã chuyển qua thành phố khác, qua đất nước khác, — tuy nhiên, trò ảo thuật đã thành công. Weiner không phải Weiner ấy, — tuy nhiên số mệnh vẫn vượt ra khỏi hoàn cảnh. Một thành phố tuyệt vời, một cơn mưa tuyệt vời! (Cơn mưa thu lâm râm hạt cườm dường như đương thì thầm, và trên phố tối om.) Mẹ sẽ gặp anh thế nào đây? Âu yếm? Hay buồn phiền? Hay hoàn toàn thản nhiên? Mẹ không chiều chuộng anh thuở ấu thơ. Con không được chạy ở đây khi mẹ chơi dương cầm. Sau này, khi anh đã lớn, anh thường xuyên cảm thấy rằng anh ít cần đến mẹ. Giờ đây, anh cố gắng hình dung gương mặt mẹ, nhưng các suy nghĩ cứ ngoan cố không chịu nhuộm màu, và anh không tài nào sắp đặt được một hình ảnh thị giác sống động từ những thứ mà anh biết trong tâm trí: dáng người cao, gầy, như thể vụn không chặt của mẹ, mái tóc thắm màu lấm tẩm bạc nơi thái dương, cái miệng lớn nhọn nhọn, chiếc áo mưa tả tơi mà mẹ mặc trong lần cuối, và vẻ mệt mỏi, đấng cay, đã già nua, xuất hiện trên gương mặt héo hon của mẹ vào những năm bất hạnh ấy. Số năm mươi mốt. Còn tám nhà nữa.

Anh bỗng nhận thấy rằng mình hồi hộp không chịu nổi, đến mức bất nhã, — hơn nhiều so với, chẳng hạn, giây phút lúc anh nằm, mồ hôi toát ra ướt sũng, nép sườn vào vách đá, nhắm vào cơn lốc đang lao đến, — vào hình nộm trắng trên lưng con ngựa Ả Rập tuyệt đẹp. Đến sát nhà số năm mươi chín, anh dừng bước, lấy tẩu và túi cao su đựng thuốc lá ra, nhồi tẩu một cách chậm rãi, kỹ càng, không làm rơi dù chỉ một sợi thuốc, — bật diêm, rít vào, nhìn xem đụn lửa phình lên thế nào, nuốt đầy mồm khói ngọt, cay rát lưỡi, thận trọng nhả nó ra — và không vội vàng, bằng các bước chân rần rỏi, tiến đến ngôi nhà ấy.

Cầu thang tối đến nỗi anh vấp đôi lần. Mò mẫm trong bóng tối dày đặc đến được chiếu nghỉ đầu tiên, anh quẹt diêm và soi sáng tấm biển vàng bên cạnh cửa. Không phải cái họ ấy. Anh chỉ tìm thấy cái tên “Babb” lạ lùng trên chỗ cao hơn nhiều. Ngọn lửa làm bóng ngón tay anh rồi tắt ngấm. Trời ơi, tim đập thình thịch làm sao... Trong bóng tối, anh mò nút và bấm chuông. Sau đó, anh kéo tẩu ra khỏi hàm răng và bắt đầu đợi, cảm thấy một nụ cười đau đớn đang xé rách miệng mình.

Đây rồi — có gì đó lạch xạch sau cửa, một lần, thêm lần nữa — và như ngọn gió, cửa đu

đưa. Phòng ngoài cũng tối om, hệt như cầu thang, và từ trong bóng tối này, bay đến anh một giọng nói ngân vang vui vẻ. “Cả tòa nhà mất điện, — pờ-ri-am-mơ u-zát¹ (khiếp thật)”, — và anh lập tức nhận ra chữ u ngân dài ấy trong từ “u-zát” và theo thanh âm này, anh lập tức tái tạo được, đến tận các nét nhỏ nhất, hình ảnh người đàn bà đang đứng trong ô cửa, giấu mình bằng bóng tối.

— Đúng rồi ạ, — chẳng trông thấy gì cả, — anh cười và bước đến chỗ mẹ.

Bà kêu “ôi”, như thể có ai đó thẳng tay đánh bà. Trong bóng tối, anh tìm tay bà, vai bà, và đụng phải cái gì đó (chắc là giá treo dù).

— Không, không, không — không thể nào, không thể nào... — bà nhắc đi nhắc lại rất nhanh và lúi đi đầu đó.

— Ôi, đứng lại đi nào, mẹ ơi, đứng lại đi, — anh nói, — và lại vấp (lần này thì vào cái cửa mở hé, nó đóng sầm lại).

— Chết mất thôi... Kolenka, Kol²...

¹ прямо ужас. (Tiếng Nga).

² Bản tiếng Anh: Nicky, Nick. Còn Kolenka, Kol là tên thân mật kiểu Nga của nhân vật chính.

Anh hôn mẹ lên má, tóc, bất kể chỗ nào, — và dầu chẳng thấy được gì trong bóng tối, nhưng vẫn nhận ra mọi thứ thuộc về mẹ, từ đầu đến gót chân, bằng tâm nhãn nào đó, — và chỉ có một thứ của mẹ là mới (nhưng chính thứ mới mẻ này đột nhiên nhắc anh nhớ lại những ngày xa xôi nhất trong tuổi ấu thơ, — khi mẹ chơi dương cầm) — mùi dầu thơm rất gắt, rất đỏm đàng, — chẳng khác nào chưa hề có những năm tháng trung gian ấy, khi anh trưởng thành, còn mẹ già đi¹, không xúc nước hoa nữa, sau đó héo hon một cách chua xót làm sao, — trong những năm tháng bất hạnh ấy, — chẳng khác nào mọi chuyện ấy chưa từng diễn ra, và anh rơi thẳng về tuổi thơ từ chốn đày ải xa xôi...

— Con đây rồi. Con đây mà. Con đây... — mẹ thủ thỉ, áp đôi môi mềm lên mặt anh. — Tốt rồi... Phải vậy chứ...

— Chẳng lẽ không chỗ nào có đèn sao mẹ. — Nikolay Stepanych bật cười.

Bà đẩy cánh cửa nào đó và nói với giọng xúc động:

¹ Bản tiếng Anh: Còn mẹ ở góa.

— Đây. Vào đi con. Trong đây mẹ có thấp nển.

— Nào, cho con nhìn mẹ... — anh vừa nói, vừa bước vào ánh nển chập chờn da cam, say mê ngắm mẹ. Tóc bà hoàn toàn sáng màu, được nhuộm qua sắc vàng rơm rất nhạt.

— Sao nào, nhận ra mẹ không? — Bà nói, thở dốc, và vội vã thêm lời: — Thôi đừng nhìn mẹ thế. Hãy kể đi, kể mẹ nghe! Con cháy nắng quá rồi... Trời ơi! Nào, kể mẹ nghe!

Mái tóc vàng cắt ngắn... Gương mặt tô điểm với sự kỹ lưỡng đón đầu nào đó. Nhưng vết lệ ướt đã ăn thủng lớp phấn hồng, nhưng hàng mi dày đậm do mát-ca-ra¹ đang run rẩy, nhưng lớp phấn trên cánh mũi đã ngả màu tím nhạt... Bà mặc chiếc váy xanh bóng cao cổ. Và mọi thứ ở bà đều lạ lẫm, bất an, đáng sợ.

— Chắc hôm nay mẹ có hẹn ai, — Nikolay Stepanych nhận xét, và không biết phải nói gì nữa, hăng hái cởi áo choàng.

Bà rời anh, đi tới cái bàn, nơi có gì đó chất đống và sáng lấp lánh, — rồi lại quay về với anh,

¹ Mascara.

nhìn vào gương, — cứ như không biết phải làm gì.

— Bao nhiêu năm rồi... Trời ơi! Mẹ thật là không tin vào mắt mình nữa. Ừ, ừ, mẹ sắp có khách. Mẹ sẽ hoãn họ lại. Mẹ sẽ gọi điện. Mẹ sẽ làm gì đó. Phải hoãn lại... Ôi, Chúa ơi...

Bà ôm chặt anh, sờ nắn tay áo anh.

— Yên nào, mẹ, mẹ sao vậy, đừng thế chứ. Ta ngồi xuống đâu đó đi. Nói con nghe, mọi chuyện với mẹ ra sao? Mẹ sống thế nào?... Và chẳng hiểu vì sao mà anh lại sợ những câu trả lời cho các câu hỏi của mình, thành thử anh bắt đầu kể về mình, chấp lời với lời một cách trôi chảy, bập bập tẩu, cố gắng nói át đi, hút tan đi nỗi ngạc nhiên của mình. Hóa ra là bà có thấy mẫu tin ấy, có gặp lão phóng viên ấy, và vài lần biên thư cho con trai đến Ý, đến Cairo... Giờ đây, sau khi anh đã ngấm nhìn gương mặt biến dạng vì son phấn của bà, mái tóc vàng giả tạo của bà, — anh cảm thấy giọng bà đã không còn như thế nữa. Và, vừa kể về các chuyến phiêu lưu của mình, mà vẫn không hề dừng lại dù chỉ một giây, anh vừa nhìn quanh căn phòng rung rinh, tranh sáng tranh tối, với con mèo nhung trên lò sưởi, với tấm bình phong, mà từ sau nó thò ra một chân giường, với

Friedrich thối sáo, với các bình hoa nhỏ trên giá, mà trong chúng nhảy múa những ánh lửa tựa thủy ngân,... Lúc đưa mắt lãng du khắp phòng, anh cũng xem kỹ cả thứ mà trước đây anh thoáng trông thấy, — cái bàn bày cho hai người, chai rượu mùi phê bụng, hai chiếc ly cao, chiếc bánh ga-tô hồng khổng lồ trong cái vòng nhiều màu từ các cây nến sáp hầy còn chưa được thắp. “...Dĩ nhiên con nhảy ngay ra, và mẹ nghĩ xem, hóa ra là gì? Nào, đoán đi mẹ!” — Bà dường như bưng tỉnh, sợ hãi nhìn anh, (mà bà ngồi cạnh anh trên đi-văng, hơi ngả người, tay bóp thái dương, — và đôi chân bà óng ánh lạ thường). “Chẳng lẽ mẹ không nghe, hả mẹ?”

— Không, đâu nào, — mẹ nghe, mẹ nghe...

Và bây giờ anh phát hiện thêm một điều: bà lơ đãng lạ lùng, cứ như đang lắng nghe không phải lời anh, mà thứ gì đó bên ngoài, đe dọa và không thể tránh khỏi... Anh tiếp tục câu chuyện của mình, — nhưng lại dừng lời, hỏi:

— Chiếc bánh ga-tô đó để mừng ai đấy ạ? Rất ngon. — Mẹ anh cười bối rối.

— Ôi, chỉ là... Mẹ nói con rồi mà, hôm nay mẹ có khách.

— Con nhớ Petersburg khủng khiếp, — Nikolay Stepanych nói. — Mẹ có nhớ cái lần mẹ nhầm, quên mất một cây nến không. Con tròn mười tuổi, mà chỉ có chín cây nến. Mẹ thổi mất ngày sinh của con. Con đã gào tướng lên thế. Còn ở đây có bao nhiêu cây?

— Đẳng nào cũng thế mà con!... bà kêu lên và đứng dậy, tuồng như muốn che khuất cái bàn.

— Hãy nói cho mẹ biết mấy giờ rồi thì hay hơn? Mẹ phải hoãn lại, phải gọi điện, phải làm gì đó.

— Bảy giờ mười lăm, — Nikolay Stepanych nói.

— Ôi, quá muộn rồi! — Bà lại kêu lên. Đẳng nào cũng vậy rồi! Giờ thì đẳng nào cũng vậy rồi...

Cả hai im lặng. Bà lại ngồi xuống. Còn Nikolay Stepanych cố gắng ép mình ôm bà, quần lấy bà, hỏi: Nghe này, mẹ ơi, — có chuyện gì xảy ra với mẹ vậy? Rốt cuộc thì hãy kể cho con đi... Anh lại nhìn cái bàn lấp lánh, đếm nến quanh bánh ga-tô. Chúng có hai lăm cây. Hai mươi lăm! Mà anh thì đã hai mươi tám.

— Đừng soi kỹ phòng mẹ như thế! — mẹ anh nói. — Cứ như thám tử! Căn phòng này kinh

quá, mẹ muốn chuyển đi, — bà tiếp tục nói rất nhanh — rồi đột nhiên kêu khẽ: — Hượm đã... Cái gì vậy? Là con gõ à?

— Vâng, — Nikolay Stepanych trả lời, — con đang gõ tàn khỏi tẩu. Mà, mẹ kể đi, — mẹ có tiền không? Mẹ sống có thiếu thốn không?

Bà bắt đầu sửa lại dải băng nào đó trên tay áo và nói, mà không nhìn anh...

— Ừ... Chính con cũng biết mà, Henrich để lại cho mẹ một ít¹... Nhưng mẹ phải báo trước cho con là mẹ chỉ vừa đủ sống thôi. Lạy Chúa, con đừng gõ tẩu nữa. Mẹ phải báo trước cho con, là mẹ... Là con... Ôi, con hiểu không, Kolia, mẹ sẽ khó mà chu cấp cho con được...

— Ấy, mẹ yêu, mẹ nói gì kỳ vậy, — Nikolay Stepanych thốt lên (và vào đúng khoảnh khắc này, như mặt trời ló ra khỏi đám mây, ánh đèn điện bùng lên từ trên trần). — Thế là có thể tắt nến được rồi, — còn không thì ta ngồi cứ như trong hầm mộ vậy. Mẹ biết không, con có chút tiền tích góp, — và nói chung thì, con — chim

¹ Bản tiếng Anh: Để lại cho mẹ vài cổ phiếu ngoại quốc, một bệnh viện và một nhà tù cổ.

trời cá nước... Ngồi xuống nào, sao mẹ cứ chạy quanh phòng làm gì?

Cao, gầy, xanh rục, bà dừng bước ngay trước anh, và lúc này, dưới ánh sáng đủ đầy, anh mới nhìn thấy mẹ đã già đi thế nào, các nếp nhăn trên má và trán ngoan cổ hiện lên qua lớp sáp trang điểm thế nào. Và mái tóc vàng kinh dị ấy!...

— Con đến bất ngờ quá, — bà nói và, vừa cắn môi, vừa liếc nhìn mặt chiếc đồng hồ nhỏ, đứng trên giá. — Như tuyết rơi lên đầu... Nó vội vàng quá. Không, đứng lại rồi. Hôm nay mẹ có khách, — mà con lại đến... Điên mất thôi...

— Nhảm nhí, mẹ ơi. Họ đến, họ thấy con trai mẹ về, rồi họ bốc hơi rất nhanh. Còn mẹ con mình chiều nay phóc đi phòng hòa nhạc nào đó, ăn tối ở đâu đó... Con nhớ là đã thấy một nhà hát châu Phi, — một thứ rất kỳ lạ, một tiết mục quả là quái đản! Mẹ hãy hình dung, độ năm chục người da đen, và một cái đặc biệt, khá lớn, áng chừng, như...

Tiếng chuông rất to kêu vang từ cửa chính. Olga Kirillovna, đang nựng trên tay ghế, giật mình và ưỡn thẳng người.

— Hượm đã, con mở, — Nikolay Stepanych nói và đứng dậy.

Bà túm tay áo anh. Mặt bà giật giật. Tiếng chuông tắt lịm, — đợi chờ.

— Chắc đó là khách của mẹ đấy, — Nikolay Stepanych nói. — Phải mở cửa thôi¹.

Mẹ anh lắc đầu cộc cằn, lắng nghe,

— Vậy là sao... Nikolay Stepanych lên tiếng.

Bà kéo tay áo anh, thì thào:

— Đứng! Mẹ không muốn... Đứng...

Tiếng chuông lại bắt đầu khoan, lần này kiên nhẫn và tức giận. Và khoan lâu.

— Để con, — Nikolay Stepanych nói. — Thật ngớ ngẩn... Nếu họ bấm chuông thì ta phải mở. Mẹ sợ gì vậy?

— Đứng... Nghe chưa, đứng... bà nhắc lại, ráo riết giữ tay anh — mẹ van con đấy... Kolia, Kolia, Kolia! Không nên.

¹ Bản tiếng Anh bổ sung: “Hai lăm vị khách của mẹ đấy.”

Tiếng chuông lại tắt. Nó bị thay bằng tiếng gõ mạnh, — được tạo ra bằng mồm ba-toong, thì phải.

Nikolay Stepanych quả quyết đi về phía phòng ngoài. Nhưng trên ngưỡng cửa phòng, mẹ giữ vai anh, — cố hết sức lôi anh lại và luôn miệng thì thào: “Đừng... Đừng... Lạy Chúa!...”

Tiếng chuông lại vang lên, ngân ngùn và tức tối.

— Tùy mẹ thôi, — Nikolai Stepanych cười mát và, đút tay vào túi, bước dọc theo phòng. “Ác mộng — mãi không thôi”, anh nghĩ và lại cười mát.

Tiếng chuông ngưng hẳn. Mọi thứ lặng im. Chắc là kẻ bấm chuông đã chán ngấy và bỏ đi. Nikolay Stepanych đến gần bàn, ngắm nghía chiếc bánh ga-tô lộng lẫy phủ đẫm kem tươi lóng lánh, hai lăm cây nến lễ hội, hai chiếc ly mỏng tang. Bên cạnh, nằm như nấp vào bóng chai, là một hộp các-tông trắng. Anh nhặt nó lên, nhấc nắp ra. Bên trong có một bóp thuốc lá mới tinh, bằng bạc, không nhả lăm.

— Thế đấy, — Nikolay Stepanych nói.

Anh quay lại — và chỉ lúc đó mới nhận ra là mẹ anh, nửa nằm nửa ngồi trên đi-văng và rúc mặt vào gối, đang run lên vì nức nở. Hồi xưa anh thường thấy bà khóc, — nhưng khi ấy bà khóc hoàn toàn khác, — bà ngồi sau bàn, hay sao nhỉ, vừa khóc, mà không quay mặt lại, vừa hỉ mũi rất to và nói, nói, nói — còn giờ đây, bà nức nở theo cái kiểu mới trẻ trung làm sao, bà nằm theo cái kiểu mới buông thả làm sao... và có nét gì đó yêu kiều nơi lưng bà uốn lượn, trong cái cách mà một chân đi giày nhưng chạm xuống sàn... Thật sự có thể nghĩ rằng đó là cô gái tóc vàng đang khóc... Và khăn tay bà, như trông chờ, nằm nhàu nhĩ một nắm trên thảm.

Nikolay Stepanych kêu cạp cạp, đến gần, ngồi cạnh bà, trên mép đi-văng. Lại cạp cạp. Mẹ anh, vẫn giấu mặt, nói vào gối:

— Ôi, có sao con không đến sớm hơn! Dù chỉ một năm sớm hơn... Chỉ một năm thôi...

— Tự con cũng không biết, — Nikolay Stepanych nói.

— Giờ thì tất cả chấm dứt rồi... bà nấc lên, và mái tóc sáng màu của bà rung rung. — Tất cả chấm dứt rồi. Tháng Năm tới mẹ sẽ năm mươi tuổi. Đứa con trai trưởng thành đến với bà mẹ

già. Cớ sao con đến... đúng lúc này... đúng hôm nay...

Nikolay Stepanych mặc áo choàng (nó bị ném đại vào góc, chứ không theo kiểu Âu), kéo mũ cát-két ra khỏi túi và lại ngồi xuống cạnh mẹ.

— Sáng mai con sẽ đi tiếp, — anh nói, xoa vai mẹ, xoa lớp lụa xanh óng ánh. — Giờ đây con muốn lên phía bắc, — đến Na Uy, không chừng. Hoặc ra biển, săn cá voi. Con sẽ biên thư cho mẹ. Vậy là, sau độ một năm thôi, mẹ con mình lại gặp nhau, khi ấy, có thể, con sẽ ở lại lâu hơn. Đừng trách con nhé, — con rất muốn đi đó đi đây.

Bà nhanh nhẹn ôm anh, áp má ướt vào cổ anh. Sau đó bà siết tay anh và bỗng la lên kinh ngạc:

— Đạn tiện đứt ấy mà, — Nikolay Stepanych bật cười. — Tạm biệt, người thân yêu nhất của con.

Bà rờ mó mồm cụt ngón nhẫn nhụi và thận trọng hôn nó. Sau đó bà ôm con trai, tiễn anh đến cửa.

— Nhớ viết thư con nhé, năng vào đấy... Con cười gì? Chắc là phần của mẹ trôi hết rồi.

Và ngay khi cửa vừa mới đóng lại sau lưng anh, là bà, sột soạt váy xanh, lao nhanh đến điện thoại.

Tay chơi

Va-li ta được tô điểm kỹ càng bằng các nhãn dán đậm màu, — Nürnberg, Stuttgart, Köln (và thậm chí Lido, nhưng đó là giả mạo); ta có bộ mặt ngăm đen, nổi gân đỏ thẫm, bộ ria đen tía tót và đôi lỗ mũi lông lá; ta vừa thở phì phò vừa giải ô chữ. Trong cu-pê hạng ba có mỗi mình ta, bởi vậy ta buồn.

Đêm nay ta sẽ đến một thị trấn phóng dăng. Tự tung tự tác! Hương vị các chuyến buôn! Sợi tóc vàng kim vương lên tay áo vét! Ôi, đàn bà, tên

người là Hoàng Kim... ta đã gọi mẹ mình như vậy, và sau đó — Katya. Phân tâm học: cả lũ đàn ông bọn ta là Oedipus¹. Trong chuyến đi vừa qua, ta đã phàn bội Katya ba lần, và điều ấy khiến ta tổn ba chục mác. Tại sao ở thành phố nơi bạn sống, họ lúc nào cũng phèn phẹt cái mặt, còn ở chốn lạ thì lại tuyệt hơn cả các kỹ nữ thời cổ đại? Song, thậm chí còn ngọt ngào hơn nữa, là sự tao nhã của cuộc gặp tình cờ, gương mặt chị nhìn nghiêng khiến tôi nhớ tới cô gái mà vì nàng nên ngày xưa... Một đêm duy nhất, sau đó ta chia tay nhau, như những con tàu... Thêm khả năng nữa: hóa ra nàng là phụ nữ Nga. Hãy cho phép tôi được tự giới thiệu: Konstantin... còn họ, chắc là, không nói thì hơn, — hay có lẽ cứ bịa đại ra? Sumarokov. Vâng, quyền thuộc ấy mà.

Ta chẳng biết danh tướng nào người Thổ và không thể đoán nổi cả cha đẻ ngành hàng không lẫn con thú gặm nhấm nào của Mỹ, mà nhìn qua cửa cũng chẳng lấy gì làm vui. Cánh đồng. Con lộ.

¹ Oedipus (Ê-đíp) là vị vua huyền thoại của Thebes. Một người anh hùng có số phận bi thảm trong thần thoại Hy Lạp. Oedipus đã vô tình thực hiện lời tiên tri rằng ông sẽ giết chết cha và kết hôn với mẹ. Khi phát hiện ra sự thật này, vợ ông tự vẫn và ông tự khoét mắt mình.

Bu-lô. Dã thự với vườn rau. Em gái què, khá xinh, rất trẻ.

Katya thuộc dạng vợ hiền. Chẳng ham hố gì, khéo nấu ăn, sáng nào cũng rửa tay đến tận vai và không thông minh cho lắm: bởi vậy mới không biết ghen. Nếu coi trọng bề rộng tuyệt hảo của khung chậu cô, thì khá lạ là cô đã hai lần sinh con chết non. Những năm gian khó. Sống bươn chải. Suy nhược hoàn toàn, khi thuyết phục khách, mất đến hai chục bận đổ mồ hôi, mà khoản hoa hồng từ chúng thì phải vắt từng giọt. Ôi trời ơi, ước gì được chơi trong phòng khách sạn sáng đèn huyền ảo với em quý nhỏ tóc vàng kiêu diễm... Những tấm gương, cuộc truy hoan, đôi ba ly rượu. Còn nguyên cả năm giờ nữa. Người ta bảo, việc đi xe lửa thúc đẩy khách đến chuyện ấy. Cực kỳ hối thúc. Dẫu có nói gì chẳng nữa thì điều cốt yếu trong đời vẫn là sự lãng mạn lành mạnh. Tôi không thể nghĩ về chuyện bán buôn, chừng nào chưa thỏa được các nhu cầu lãng mạn của tôi. Kế hoạch thế này: đầu tiên — vào tiệm cà phê mà Lange từng kể. Còn nếu như không tìm được gì ở đó...

Ba-ri-e, kho hàng, nhà ga lớn. Lữ khách của chúng ta hạ khung cửa sổ xuống và tựa lên nó, dang rộng hai khuỷu tay. Bên kia sân ga, các toa

tàu tốc hành nào đó nhả khói. Dưới mái vòm nhà ga, lũ bồ câu bay qua bay lại mơ hồ. Xúc xích được rao bằng giọng trẻ cao, bia — giọng nam trung. Một tiểu thư bận săng-day trắng, lúc thì chấp đôi tay trần sau lưng (vừa lắc lư, vừa đập đập túi xách lên đằng sau váy mình), lúc thì bắt chéo chúng trên ngực (và giẫm chân này lên chân kia), lúc thì, rớt cuộc, kẹp túi dưới nách và với tiếng lách cách khe khẽ, thọc các ngón tay nhanh nhẹn sau chiếc dây lưng đen bóng, đứng, nói, cười, — chốc chốc lại chạm vào người đối thoại với cử chỉ từ biệt, rồi lại uốn éo tại chỗ, rám nắng, với đôi tai để hở, — và trên làn da căng tay màu bánh quế — một vết trầy quyến rũ mê hồn. Nàng ngó lơ, nhưng kệ, ta cứ chăm chăm vào nàng. Dưới những tia nhìn hau háu căng cứng, nàng bắt đầu ngậy ra và hơi nhòe đi. Giờ thì, xuyên qua nàng hiện ra mọi thứ sau nàng, — thùng rác, tờ quảng cáo, băng ghế. Nhưng đúng lúc ấy, thật đáng tiếc, thủy tinh thể phải quay về trạng thái bình thường, — mọi thứ chuyển động, người đàn ông nhảy lên toa bên cạnh, tàu chuyển bánh, nàng lấy từ trong túi ra chiếc khăn tay. Khi nàng bị tụt lại sau và đang đi ngang hàng với cửa sổ, Konstantin, Kostya, Kostenka, ba lần khoái trá hôn lên lòng bàn tay mình và nở nụ cười toe toét,

— nhưng nàng không còn trông thấy lời chào ấy nữa: vừa vẫy khăn nhíp nhàng, nàng vừa trôi xa.

Anh nhắc khung cửa lên và quay lại, nhìn thấy, với sự ngạc nhiên dễ chịu, là, sau buổi tập thoi miên của mình, cu-pê đã kịp lấp đầy. Ba người với báo, — còn trong góc, theo đường chéo, một quý cô bự phần tóc đen đội mũ bê-rê và bận áo choàng bóng loáng, trong mờ, như gê-la-tin, có lẽ kín mít với cơn mưa, song không với ánh mắt người. Bông lợn đúng mực và mắt lườm chính xác, — ấy là phương châm của ta.

Chục phút sau, anh đã vui chuyện với một cụ già ăn bận tươm tất, ngồi đối diện, — chủ đề khai mào trôi ngang cửa sổ trong lối ống khói nhà máy, — sau đó có nhắc tới vài con số, — và cả đôi đều được diễn đạt cùng lời nhạo báng buồn bã về thời đại đã đến, còn quý cô trắng nhợt thì đặt bó lưu ly hao gầy lên giá để hành lý, rồi rút tờ tạp chí ra khỏi va-li, mãi mê vào sự đọc trong trẻo: xuyên qua nó lộ rõ giọng nói trù mẩn và câu chuyện thiết thực của ta. Người đàn ông thứ hai, một gã béo rất duyên bận quần kẻ ô chèn gổi nhét trong bút tất dài xanh lục, xen vào và nói về chăn nuôi lợn. Một dấu hiệu tốt làm sao: cô ả sửa sang lại mọi chỗ mà ta để mắt đến. Người thứ ba, một kẻ ẩn dật xác lác, giấu mình sau tờ báo. Tại

ga sau, gã chần lộn và cụ già rời tàu, kẻ ẩn dật lảng đến toa ăn, còn quý cô chuyển chỗ ngồi tới gần cửa sổ.

Nào ta hãy đánh giá ả theo từng mục. Về tang tóc của đôi mắt, cặp môi dâm đãng. Đôi chân thượng hạng, lụa nhân tạo. Cái gì hay hơn: sự kinh nghiệm của cô gái tóc đen ba-mươi-tuổi duyên dáng hay vẻ thanh tân ngốc nghếch của con bé tóc vàng hiếu động? Hôm nay cái thứ nhất hay hơn, còn thì mai sẽ rõ. Tiếp nữa: xuyên qua lớp gê-la-tin của chiếc áo choàng — một thân hình trần truồng tuyệt đẹp, — tựa như nàng tiên cá xuyên qua sóng nước vàng sông Rhine. Đột ngột đứng phắt dậy, ả cởi áo choàng, song bên dưới nó hóa ra là chiếc váy màu be với cổ tròn vải pi-kê. Chính lại nó. Được rồi.

— Thời tiết tháng Năm, — Konstantin nhã nhận cất lời, — mà ở đây còn sương ẩm.

Ả nhướn mày và trả lời: “Vâng, nóng thật, tôi mệt gần chết. Hợp đồng của tôi kết thúc rồi, giờ tôi đi về nhà. Mọi người đả tôi, căng tin ở ga thuộc loại hảo hạng, tôi uống quá nhiều, — nhưng tôi chẳng bao giờ say đâu, mà chỉ thấy nặng bụng. Sống ngày một khó, tôi nhận hoa nhiều hơn tiền, giờ thì tôi sẽ vui vẻ nghỉ ngơi, rồi

sau một tháng lại hợp đồng mới, song trì hoãn gì đó lại thì cố nhiên là không thể. Gã bụng phê vừa mới đi ra ấy cư xử thật bất nhã. Gã nhìn tôi mới ghê làm sao. Tôi cảm thấy là mình đã đi trên chuyến tàu này lâu thiệt lâu rồi, và những muốn mau mau chóng chóng quay về căn phòng ấm cúng của mình, cách xa mọi sự hỗn loạn, mọi chuyện ba hoa, mọi điều vớ vẩn ấy.”

— Cho phép tôi đưa chị, — Kostya nói, — một thứ giảm nhẹ cơ sự.

Anh lôi từ dưới mông mình ra một cái gối bươm hơi, vuông vắn, bọc xa-tanh lòn lòn, mà anh luôn lót dưới người trong thời gian các chuyến đi cứng, phẳng, lò dò của mình.

— Vậy còn anh thì sao? — Quý cô thắc mắc.

— Ta sẽ ổn mà, ta sẽ ổn mà. Xin chị nhồm lên. Tha lỗi cho tôi. Giờ thì mời chị ngồi xuống đi ạ. Mềm, phải không? Cái phần ấy đặc biệt nhạy cảm khi đi đường.

— Cảm ơn anh, — ả nói. — Đàn ông không mấy ai chu đáo như vậy. Tôi gầy đi nhiều sau tháng qua. Hay quá: cứ như đang ở toạ hạng hai.

— Thưa chị, phép lịch sự là đặc tính bẩm sinh của chúng tôi. Vâng, tôi là ngoại kiều. Người

Nga. Có lần thế này: cha tôi đi dạo ở thái ấp của mình cùng cố hữu, một danh tướng, thì gặp phải một tá điền — một bà già nhỏ thó nào đó với bó củi, — và cha tôi bỏ mũ, còn vị tướng rất ngạc nhiên, lúc bấy giờ cha tôi nói: “Thưa tướng công, lẽ nào ngài muốn để cho mục tá điền chất phác lại lịch thiệp hơn người quý tộc?”

— Tôi có quen một người Nga, — chắc anh cũng có nghe tên, — để tôi xem, là gì nhỉ? Baretski ... Baratski.... từ Warsaw, — giờ thì ông ta có tiệm thuốc ở Chemnitz... Baratski ... Baritski. Chắc anh biết chứ ạ?

— Không. Nước Nga rộng lắm. Chẳng hạn như thái ấp chúng tôi cũng to cỡ bang Saxony nước chị. Mà mất hết rồi, bị đốt sạch. Ánh hồng thấy rõ từ bảy chục cây số. Cha mẹ tôi bị xé xác ngay trước mắt tôi. Tôi được một gia nhân trung thành cứu thoát, y là cựu binh chiến dịch Thổ Nhĩ Kỳ...

— Thật kinh khủng, — ả nói, — thật kinh khủng.

— Vâng, nhưng thép đã tôi thế đấy. Tôi chạy, cải trang thành gái quê. Những năm ấy, tôi biến thành một thiếu nữ rất xinh. Bọn lính cứ bám theo tôi... Đặc biệt là một thằng khốn nạn...

Nhân thế, từng xảy ra một chuyện cực kỳ buồn cười.

Anh kể câu chuyện ấy. “Phù,” — ả thốt lên, và cười.

— Thế đấy, còn sau đó — những năm phiêu bạt, làm đủ thứ nghề. Chị biết không, thậm chí tôi còn đi đánh giày, — và trong mơ vẫn thấy góc vườn ấy, nơi, dưới ánh đuốc, lão quản gia chôn châu báu nhà tôi... Tôi nhớ là có thanh kiếm nạm kín kim cương...

— Tôi quay lại ngay, — quý cô nói.

Quay về rồi, ả lại ngồi lên cái gối hãy còn chưa kịp nguội và dịu dàng bắt chéo đôi chân.

— Ngoài ra còn có hai viên hồng ngọc — to thế này này, cổ phiếu trong tráp vàng, ngù vai của cha tôi, một chuỗi trân châu đen...

— Vâng, hiện nay rất nhiều người bị phá sản, — ả thở dài nhận xét và vừa nói tiếp vừa nhướng, như lúc nãy, mày trái lên. — Tôi cũng trải qua biết bao chuyện... Tôi lấy chồng sớm, đó là một cuộc hôn nhân kinh khủng, tôi quyết định — đủ rồi! Tôi sẽ sống theo ý mình... Tôi bất hòa với cha mẹ vậy là đã hơn năm nay, — các cụ già ấy mà, chẳng hiểu được bọn trẻ đâu, — và điều

đó khiến tôi thấy rất khổ tâm, — đôi khi tôi đi ngang qua nhà họ và ước ao — đây, tôi bước vào, còn ông chồng thứ hai của tôi, ơn Chúa, giờ này đang ở Argentina, ông ấy biên cho tôi những lá thư hết sức kỳ diệu, nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ quay lại với ông ấy. Còn một người nữa, — giám đốc nhà máy, rất đàng hoàng, yêu tôi tha thiết, muốn chúng tôi có con chung. Vợ ông ấy cũng rất tốt bụng, rất chân thành, — già hơn ông ấy nhiều, — ba chúng tôi thật hòa thuận, đi thuyền hồi mùa hè, nhưng sau đó họ chuyển đến Frankfurt. Hoặc đấy, các nghệ sỹ, — những người tuyệt vời, vui vẻ, — và tất cả đều theo kiểu bạn bè vậy thôi, chẳng có ai để mà ngay, liền, lập tức...

Còn Kostya lúc đó nghĩ: ta biết các ông bố bà mẹ và các vị giám đốc ấy. Bịa hết. Nhưng ả rất xinh. Vú như cặp lợn sữa, hông thon. Chắc là tửu lượng cũng khá. Có lẽ ta kêu bia.

— Thế rồi, sau đó gặp may, tôi kiếm được cả đồng tiền. Tôi có bốn ngôi nhà ở Berlin. Nhưng người mà tôi tin tưởng, bạn tôi, đồng sự của tôi, đã lừa tôi... nhớ lại vẫn đau. Tôi bị phá sản, song chẳng nản lòng, và bây giờ lại, ơn Chúa, bất chấp khủng hoảng... Đây, nhân thế, tôi cho chị xem chút này, thưa chị...

Trong cái va-li dán các nhãn hiệu sang trọng có (giữa những món hàng hào nhoáng khác) các mẫu gương soi mới nhất cho phụ nữ (để trong ví trang điểm). Những chiếc gương nhỏ không tròn cũng không vuông, mà rất kỳ lạ, — mang hình, ta nói, hoa, bướm, trái tim. Họ mang bia đến. Á ngấm nghĩa những chiếc gương nhỏ và soi mình vào chúng; những con thỏ ánh sáng bắn lên tường. Á nốc bia một hơi, như lính, và chùi bọt khỏi đôi môi đỏ cam bằng mu bàn tay. Kostenka âu yếm xếp các mẫu hàng vào va-li và đặt lại nó lên giá. Tốt rồi, — khởi sự thôi.

— Chị biết không, — tôi nhìn chị, và tôi cứ thấy hình như ta đã có lúc nào đấy từng gặp nhau. Chị giống đến mức tức cười với một cô gái, — cô ấy đã chết vì bệnh lao phổi, — mà vì nàng, tôi chút nữa thì tự bắn mình. Vâng, chúng tôi, dân Nga, là những kẻ lập dị đa tình, nhưng hãy tin rằng chúng tôi biết yêu với sự đam mê của Rasputin¹ và với tính đại khờ con trẻ. Chị đơn côi, tôi cũng một mình. Chị tự do, tôi cũng rảnh

¹ Григорий Ефимович Распутин (1869-1916): một nhân vật lịch sử Nga, tự phong mình là tu sĩ với thần lực của Thượng đế, và là bạn của gia đình Sa hoàng Nikolai II. Tên tuổi nhân vật này cũng liên quan đến nhiều vụ bê bối tình dục trong giới thượng lưu Nga thời đó.

rang. Liệu ai có thể cấm hai ta qua vài giờ vui vẻ cùng nhau ở một nơi hẻo lánh nào đó?

Ả im lặng một cách quyến rũ. Anh ngồi xuống bên ả. Cười cười và trở mắt, đập gối vào nhau và xoa lòng bàn tay, anh nhìn trác diện ả.

— Anh đi đâu? — Ả hỏi. Kostenka nói.

— Còn tôi xuống ở...

Ả kêu tên một thành phố nổi danh vì ngành sản xuất phó-mát của mình.

— Thôi được, — tôi sẽ hộ tống chị, và mai tôi đi tiếp. Chưa dám khẳng định gì, thưa chị, nhưng tôi có mọi cơ sở để nghĩ là cả chị lẫn tôi sẽ không ân hận.

Nụ cười, lông mày.

— Anh thậm chí còn chưa biết tên tôi mà.

— Ôi, không cần, không cần... Sao ta lại phải có tên?

— Dẫu sao thì, — ả nói và chìa tấm danh thiếp dễ gãy ra. Sonja Bergmann.

— Còn tôi đơn giản là Kostya, — Kostya và không gì cả. Hãy gọi tôi là Kostya, — được chứ?

Một phụ nữ đáng yêu. Một phụ nữ bồn chồn, mềm mỏng, duyên dáng. Ta sẽ đến nơi đó sau độ nửa giờ. Cuộc sống, hạnh phúc, sức xuân sung mãn muôn năm! Đêm dài khoái lạc đôi bên! Đủ kiểu vuốt ve! Hercules¹ si tình!

Vị hành khách mà ta vẫn gọi là kẻ ẩn dật đã quay về từ toa ăn, và cuộc ve vãn đành phải tạm ngưng. Á lấy ra vài bức ảnh nghiệp dư và bắt đầu chỉ: đây là bạn gái tôi, còn đây là cậu bé rất đáng yêu, — anh nó làm ở đài phát thanh. Trong đấy nhìn tôi thấy mà ghê. Đó là chân tôi. Còn ở đây, anh nhận ra ai không? — Tôi đội mũ quả dưa và đeo kính. Ngộ, ha?

Ta đang đến gần ga. Cái gói nhỏ được hoàn trả với lời cảm tạ. Kostya xả không khí ra khỏi nó và cất đi. Tàu bắt đầu hãm phanh.

— Nào, tạm biệt, — quý cô nói.

Một cách mạnh bạo và vui vẻ, anh xách cả hai va-li ra, — của ả nhỏ, bằng các-tông phíp, và của mình, thanh lịch. Nhà ga bị xuyên thấu bởi ba tia nắng lờ mờ bụi. Kẻ ẩn dật lim dim ngủ và bó lưu ly bị bỏ rơi lên đường lưu lạc chốn xa.

¹ Hercules (Héc-quyn), vị thần có sức mạnh phi thường, là con trai của thần Zeus và Alcmene.

— Anh điên rồi, — ả vừa cười vừa nói.

Anh đem va-li của mình đi gửi vào kho giữ đồ, nhưng trước đó, lấy từ đấy ra đôi dép ngủ bệt. Trước nhà ga chỉ có một chiếc ta-xi đang đậu.

— Đi đâu đây? Đến tiệm ăn à? — ả hỏi.

— Ta sẽ bày tiệc ở chỗ chị, — Kostya sốt ruột nói. — Sẽ ấm cúng hơn nhiều. Giờ ta đi nhé. Vậy hay hơn. Tôi đang nghĩ, liệu hẳn có đổi được tờ năm chục mác không? Tôi mang toàn tiền chẵn. Không, tuy nhiên, có tiền lẻ rồi. Địa chỉ, đọc địa chỉ đi.

Trong ô-tô phảng phất mùi dầu lửa. Ta sẽ không làm hỏng niềm vui của mình bởi những đụng chạm bên ngoài. Sắp đến chưa? Thành phố êm ả quá. Sắp đến chưa? Bắt đầu không chịu nổi nữa. Tôi biết hăng này. Hình như đến rồi.

Họ dừng lại trước một tòa nhà cũ, đen như than, với các cánh cửa chớp màu xanh lá. Tại chiếu nghỉ thứ tư, ả dừng lại và bảo: “Thế nhờ không nên vào chỗ tôi thì sao? Do đâu mà anh biết là tôi cho anh vào? Cái gì trên môi anh vậy?”

— Mụn giộp ấy mà, — Kostya nói, — mụn giộp thôi. Nào, mở khóa cửa đi chứ. Ta hãy quên hết mọi thứ trên đời. Nhanh lên. Mở đi.

Họ bước vào. Phòng ngoài có một cái tủ lớn, bếp và buồng ngủ nhỏ.

— Không, chờ đã. Tôi đói. Ta ăn trước nhé. Đưa tờ năm chục mác ấy đây, — tôi tiện thể đổi cho.

— Thôi thì, vì Chúa, nhanh lên nhé, — Kostya vừa nói, vừa lục ví. Không cần đổi nữa, tôi có vừa xoắn tờ mười mác đây.

— Mua gì nào? — Á hỏi.

— Ôi, gì cũng được. Chỉ xin chị nhanh lên.

Á đi, — và lại còn khóa mọi ổ khóa cửa sau mình. Quá cẩn thận. Nhưng liệu có thể xoay được gì ở đây? Chẳng có gì. Giữa bếp, một con gián chết nằm ngửa bụng, xoạc những chân nâu. Bên trên cái giường gỗ phủ đăng-ten có bức ảnh một người đàn ông tóc xoắn má phính được đóng đinh vào bức tường lổm đổm. Kostya ngồi lên chiếc ghế duy nhất, vội vã thay đôi giày đỏ qua đôi dép mang theo. Sau đó, hấp tấp lột áo vét, tháo dây đeo quần màu hoa tử đinh hương, gỡ cổ cồn. Đi nhanh ra bếp, anh rửa tay dưới vòi (không có buồng vệ sinh) và xem xét môi mình trong gương. Bỗng tiếng chuông vang lên.

Anh chạy nhón chân rất khê đến cửa, nhìn vào lỗ nhòm, nhưng chẳng thấy gì. Người đứng sau cửa lại nhấn chuông, và có thể nghe thấy chiếc vòng đồng gõ leng keng. Kệ, chẳng cho vào. Cửa khóa, chìa không.

— Ai đấy? — Kostya hỏi ngọt xót.

Giọng đàn ông run run dò xét: “Vui lòng cho biết, bà Bergmann về chưa?”

— Vẫn chưa, — Kostya trả lời, — gì thế?

— Có chuyện không may, — giọng nói đáp lời và ngưng lại đợi. Kostya cũng chờ.

Giọng nói tiếp tục: “Ông có biết khi nào bà về tới không? Tôi nghe nói là hôm nay bà phải quay về. Có lẽ ông là ngài Seidler?”

— Chuyện gì vậy? Tôi sẽ chuyển lời cho bà ấy.

Giọng ấy dặng hắng và nói, hết như qua điện thoại:

— Franz Loschmidt nói đây. Xin ông vui lòng chuyển lời cho bà...

Lại ngừng bật và lưỡng lự hỏi: “Hay là, ông cứ cho tôi vào đi?”

— Đừng lo, đừng lo, — Kostya vội vã nói, — tôi sẽ chuyển lại hết cho bà ấy. Vậy có chuyện gì đấy?

— Vui lòng chuyển lời cho bà là phụ thân của bà đang hấp hối, cụ không sống nổi đến sáng đâu, cụ bị đột quỵ trong cửa hàng. Hãy bảo bà đến ngay. Ông nghĩ khi nào thì bà về tới?

— Sắp rồi, — Kostya trả lời, — sắp rồi. Tôi sẽ chuyển lời. Tạm biệt.

Cầu thang kêu ken két rồi im bật. Kostya lao tới cửa sổ. Một thanh niên cao lênh khênh bận áo mưa, với cái đầu nhỏ xám lam, đi ngang phố và biến mất sau góc trái. Độ năm phút sau, ả xuất hiện từ phía bên phải, xách chiếc túi lưới nhồi đầy những gói.

Chìa kêu lách cách trong ổ khóa trên, rồi dưới.

— Úi, — ả vừa nói vừa bước vào, — tôi mua trăm thứ bà giần đây này.

— Để sau, để sau, — Kostya nói, — ta ăn tối sau nhé. Vào buồng ngủ đi. Để mọi thứ này lại. Tôi xin chị.

— Tôi muốn ăn, — ả dài giọng trả lời, và, đập tay anh, đi vào bếp. Anh bám theo ả.

— Thịt bò nướng, — ả nói. — Bánh mì trắng. Bơ. Phó-mát trừ danh của chúng tôi. Cà phê. Nửa chai cô-nhắc¹. Ôi, trời ơi, lẽ nào anh không thể đợi được sao? Buông ra, thế là bất lịch sự.

Tuy nhiên, Kostya vẫn ép ả lên bàn, còn ả bỗng dưng bắt đầu cười bất lực, móng tay ả cứ bầu vào lụa dệt xanh lá, và mọi chuyện diễn ra một cách rất không thành công, hết sức bất tiện và quá sớm.

— Phù! — Ắ thốt lên và cười.

Không, không đáng. Chân thành cảm ơn vì khoái cảm này. Thật phí sức. Ta đã không còn ở tuổi hoa. Nói chung là kinh tởm. Mũi đổ mồ hôi, mặt bơ phờ. Ắ nên rửa tay trước khi sờ vào đồ ăn. Mối anh có gì vậy? Hồn hào. Hãy còn chưa biết, ai lây ai. Thôi đành vậy.

— Có mua thuốc lá cho tôi không? — Anh hỏi.

Ắ đang mãi lấy đĩa ra khỏi tủ búp-phê, thành thử không nghe thấy.

¹ Một loại rượu mạnh có nguồn gốc từ vùng Cognac của Pháp.

— Thuốc lá đâu? — Anh nhắc lại.

— Ôi, tôi không biết là anh hút thuốc. Có thèm không, tôi chạy đi mua?

— Không sao, tôi tự đi, — anh cau có nói và, bước vào buồng ngủ, nhanh chóng thay giày và mặc đồ lại. Qua cánh cửa mở có thể nhìn thấy ả chuyển động một cách rất vô duyên khi bày biện bàn ăn. “Tiệm thuốc lá ngay bên phải nha,” ả hát vang và nâng niu đặt lên đĩa những lát thịt bò nướng màu hồng nhạt, lạnh ngắt, mà ả không được ăn đã hơn năm nay.

— Tôi sẽ mua bánh ngọt nữa, — anh nói rồi đi ra. — “Với cả kem sữa đánh đặc, nửa quả dưa và kẹo nhân rượu¹,” — anh thầm nhủ thêm.

Ngay khi ra phố, anh ngó lên trên, lên cửa sổ nhà ả (hình như cái kia, với những cây xương rồng, — hay cái sau nhỉ?) sau đó quẹo phải, đi vòng qua chiếc xe van chở đồ gỗ, chút nữa thì rơi vào dưới bánh của một người đạp xe và dứ nắm đấm dọa hấn. Xa hơn nữa là một vườn hoa, một đài tưởng niệm nào đó. Anh lại quẹo và nhìn thấy tận cuối phố, trên nền mây giông rực sáng rắng chiều, ngọn tháp gạch của tòa thánh đường mà

¹ Bản tiếng Anh: sô-cô-la nhân rượu mạnh.

anh nhớ là họ đã đi xe ngang qua. Từ đó đến ga hóa ra lại rất gần. Chuyến tàu cần thiết sẽ khởi hành sau mười lăm phút nữa, — ít ra thì cũng còn may trong chuyện này. Va-li — ba mươi phen-ních, ta-xi — một mác bốn mươi, ả — mười (năm có khi cũng đủ), còn gì nữa? Ừ, bia trên tàu, năm mươi lăm. Tổng cộng: mười bốn mác chín mươi lăm phen-ních¹. Khá ngu. Còn về chuyện đã xảy ra thì sớm muộn gì đảng nào mà ả chẳng biết. Ta đã giúp ả tránh được vài phút nặng nề bên giường người chết. Hay là, dù sao đi nữa cũng nên gửi cho ả một mẩu thư từ đây nhỉ? Nhưng ta quên bém số nhà. Không, nhớ ra rồi: 27. Nhưng, dẫu thế nào, vẫn có thể giả định là ta quên, — chẳng ai có nghĩa vụ phải sở hữu trí nhớ tốt như vậy. Có thể hình dung được vụ om sòm sẽ diễn ra thế nào nếu ta báo lại cho ả ngay sau đó. Con đười ươi! Không, ta chỉ thích các bé tóc vàng, — nhất định phải nhớ lấy điều này.

Trong tàu chật cứng, nóng bức. Ta thấy khó chịu sao đó, ta nửa muốn ăn, nửa muốn ngủ. Nhưng khi ta ăn no và ngủ đầy, đời lại vui, các

¹ Bản tiếng Anh: Mười hai mác hai mươi lăm phen-ních. Chúng tôi không rõ rằng Nabokov vô tình hay cố ý cộng sai trong bản gốc tiếng Nga.

nhạc cụ Hoa Kỳ lại chơi trong cái tiệm cà phê vui
vẻ mà Lange từng kể. Và rồi, vài năm sau, ta chết.

Âm nhạc

Sảnh chật ních bành-tô mùa đông thuộc cả hai giới tính, còn từ phòng khách vọng lại những thanh âm đơn độc, gấp gáp của chiếc dương cầm. Bóng Victor Ivanovich nấn lại nút cà vạt. Chị hầu phòng, rướn lên, treo chiếc bành-tô của anh: nó bung ra, lôi theo mình hai chiếc măng-tô lông, và chị đành phải làm lại từ đầu.

Bước nhón chân rồi, Victor Ivanovich mở cửa, — nhạc lập tức bắt đầu to hơn, hùng tráng

hơn. Người đang chơi đàn là Wolf, — một vị khách hiếm trong ngôi nhà ấy. Những người còn lại — độ ba chục cả thầy — đang lắng nghe theo nhiều kiểu khác nhau, kẻ thì chống cằm tay lên gò má, kẻ thì nhả khói thuốc lá lên trần, và ánh sáng bất tín trong phòng nê thêm chất hội họa mơ hồ vào vẻ đờ đẫn của họ. Nữ chủ nhà, cười biểu cảm, chỉ từ xa cho Victor Ivanovich thấy chỗ trống — một chiếc ghế bành nhỏ lưng hình bánh quy xoắn gần như ngay dưới bóng dương cầm. Anh trả lời bằng các cử chỉ khiêm nhường, ra ý: “không sao, không sao, tôi có thể đứng cũng được,” — nhưng tuy vậy, sau đó anh vẫn đi theo hướng được chỉ và thận trọng ngồi xuống, thận trọng khoanh tay lại. Vợ dương cầm thủ, môi he hé, mắt máy mau, chuẩn bị lật trang — và kìa, cô lật rồi. Cánh rừng đen những nốt nhạc dâng trào, dốc thoải, hố sâu, một nhóm riêng những người bay trên thang. Wolf có hàng mi dài, vàng hoe; tai lộ màu đỏ dịu; y gõ phím nhanh mạnh khác thường, và trong thăm thẳm nắp đàn sơn bóng đang mở, các bản sao đôi bàn tay y đang mãi diễn màn bắt chước ma quái, phức tạp, thậm chí hơi hài. Với Victor Ivanovich thì bất cứ loại nhạc nào mà anh không biết, — và anh chỉ biết độ một tá giai điệu phổ biến, — cũng giống như cuộc trò chuyện nhanh bằng ngôn ngữ xa lạ; dẫu ta chỉ cố

gắng xác định đường biên các từ thôi cũng chẳng ăn thua, — mọi thứ trượt đi, mọi thứ hòa lẫn, và thính giác rù rờ bắt đầu thấy buồn. Victor Ivanovich thử lắng nghe, — nhưng chẳng mấy chốc đã bắt gặp mình đang dõi theo đôi tay Wolf, theo những chiếc bóng thiếu máu của chúng. Khi âm thanh chuyển thành tiếng sấm bèn bĩ, cổ dương cầm thủ phồng lên, y căng các ngón tay xò rộng và phát ra những tiếng lảm bảm yếu ớt. Vợ y hơi hấp tấp, — y giữ trang lại bằng một cú đập lòng bàn tay chớp nhoáng và sau đó, với tốc độ không thể hiểu nổi, tự lật trang, và cả hai bàn tay y đã lại nhào nặn dữ dội cái bàn phím nhu thuận. Victor Ivanovich nghiên cứu y tỉ mỉ, — cái mũi nhọn, cặp lông mày lưỡi trai, vết nốt trên cổ, mái tóc, như lông tơ vàng hoe, áo vét đen may kiểu vai rộng, — trong phút chốc, anh lại cố chú tâm nghe nhạc, nhưng chỉ lảng máng nhập được vào nó, sự chú ý của anh tản mát, và anh, vừa chậm chậm móc bút xì gà, vừa quay đi và bắt đầu quan sát các vị khách còn lại. Anh thấy, giữa những người lạ, vài gương mặt quen, — kia là Kocharovsky — dễ thương, tròn trĩnh làm sao, — có nên gật đầu chào y không? Gật, nhưng không trúng: bay qua đích, — và người cúi chào đáp lại là Shmakov, kẻ, nghe nói, sắp đi nước khác, rời Berlin đi Paris, — sẽ phải hỏi hấn về

chuyện này... Trên đi-văng, giữa hai bà già, Anna Samoylovna béo tốt, tóc hung, nửa nằm nửa ngồi, nhắm mắt, còn chồng ả, bác sỹ họng, ngồi, chống cùi chỏ lên tay ghế, trong các ngón của bàn tay đang rảnh có cái gì đó lấp lánh quay, — một chiếc kính kẹp mũi đeo dải băng kiểu Chekhov. Xa hơn, khuất nửa người trong bóng tối, áp ngón trở duỗi thẳng lên thái dương, một người đàn ông râu đen, lưng gù, yêu nhạc, đang lắng nghe. Victor không thể nào nhớ được họ tên hẳn. Boris? — không, không phải Boris... Borisovich? cũng không phải. Xa hơn, — thêm nhiều nhiều gương mặt nữa, — không biết, liệu nhà Haruzin có đây không. — Có, họ đằng kia. Không nhìn về phía ta... Và ngay khoảnh khắc kế tiếp, ngay đằng sau họ, Victor nhìn thấy vợ cũ của mình.

Anh lập tức sụp mắt xuống, máy móc gảy khỏi điệu thuốc chỗ tàn hầy còn chưa kịp thành hình. Từ nơi nào đó bên dưới, tim anh nện, như quả đấm, thụt vào và lại thụt tới, — sau đó bắt đầu đập nhanh và loạn xạ, trái với nhạc và át cả nó. Do không biết nhìn đi đâu, nên anh đành liếc nhìn dương cầm thủ, — nhưng không còn nghe thấy âm thanh nào nữa, dường như Wolf đang nện lên một bàn phím câm, — khi ấy ngực thắt lại đến nỗi Victor Ivanovich ưỡn thẳng người và

hít một hơi thở sâu hơn, — một lần nữa, gấp gáp, từ xa, hóp lầy hóp để không khí, ùa đến tiếng nhạc mới hồi sinh, và tim đập đều hơn đôi chút.

Họ chia tay nhau hai năm trước, tại thành phố khác, nơi biển gầm đêm đêm, nơi họ sống từ khi kết hôn. Vẫn còn chưa nhướng mắt lên, anh cố kháng cự tiếng ồn ào xô về từ dĩ vãng bằng những suy nghĩ tầm phào, — chẳng hạn về chuyện, khi anh vào cách đây chưa lâu, đi nhón chân, bằng các bước dài, vô âm, hụp lên hụp xuống thân mình qua cả căn phòng đến chiếc ghế ấy, thì cô tất nhiên đã nhìn thấy anh đi qua, — và điều đó như thể anh bị bắt gặp bất thành hình, lúc đang lóa lờ, hoặc do một việc rỗng tuyếch ngu ngốc nào đó, — và ý nghĩ về việc anh đã cả tin bập bều và hì hụp dưới ánh mắt cô — ánh mắt thế nào nhỉ? thù hằn? giễu cợt? tò mò? — ý nghĩ ấy bị ngắt quãng bởi các câu hỏi, — liệu nữ chủ nhân có biết không, liệu có ai đó trong phòng biết không, — và qua ai mà cô ấy đến đây, đến một mình cô, hay đến với chồng mới, — và nên xử sự thế nào đây, — cứ giữ như vậy hay nhìn cô? Đẳng nào thì bây giờ anh cũng không thể nhìn, — trước tiên cần quen dần với sự có mặt của cô trong cái phòng khách lớn nhưng chật này, bởi chừng âm nhạc quây rào quanh họ và

dường như thành ngọc tối dành cho họ, nơi cả đôi bọn họ buộc phải ngồi tù, chùng nào dương cầm thủ chưa thôi tạo dựng và nâng đỡ những vòm thanh âm lạnh lẽo.

Anh đã kịp nhìn thấy gì, khi vừa nhận ra cô? Rất ít, — đôi mắt ngó lơ, cái má nhợt nhạt, búp tóc đen — và, như dấu hiệu mơ hồ thứ yếu, một chuỗi ngọc hay thứ gì đó tương tự chuỗi ngọc, — rất ít, — nhưng dáng hình vẽ dờ, nhuộm nhóa ấy đã từng là vợ anh, cái hỗn hợp nhất thời giữa sáng và tối ấy đã là thực thể duy nhất mang tên cô.

Chuyện cách đây đã lâu làm sao. Anh từng đem lòng yêu cô đến mất trí vào một chiều ngọt ngọt, ngắt ngắt, trên hiên đình câu lạc bộ quần vợt, — và, sau đó một tháng, trong đêm tân hôn, mưa to đến nổi át cả tiếng biển âm ào. Chúng mình đã hạnh phúc làm sao. “Hạnh phúc” — một từ xào xạc, oàm oạp, ướt át, vô cùng sống động, vô cùng thuần phục, tự cười, tự khóc, — và sáng ra, những chiếc lá trong vườn tỏa sáng lấp lánh, còn biển gần như không nghe tiếng, — biển lừ đừ, bạc màu sữa.

Phải làm gì đó với mẩu thuốc, — anh quay đầu, tìm anh lại đập lạc nhịp. Ai đó, đối tư thế cơ

thể, gần như che hết cô, rút chiếc khăn tay trắng như cái chết ra, nhưng ngay tức thì, một cái vai lạ dịch ra, cô lại xuất hiện, cô lại xuất hiện tức thì. Không, không thể nhìn. Cái gạt tàn trên chiếc dương cầm.

Rào thanh âm hãy còn cao và kín; các bàn tay côi lạ hãy còn uốn éo trong thăm thẳm bóng sơn. Chúng mình sẽ hạnh phúc mãi mãi, — câu ấy vang lên mới hay làm sao, mới ngân nga làm sao... Cô mềm hết như nhung, nhưng muốn gấp cô lại, — như gập chân ngựa non, — ôm và gập, — còn sau đó thì sao? Làm thế nào để chiếm hữu cô trọn vẹn? Anh yêu gan em, thận em, huyết cầu em. Cô đáp lại: “Đừng nói năng tởm lợm thế”. Họ sống tuy không giàu, nhưng cũng chẳng nghèo, tám biển gần như quanh năm. Những con sứa đông, bị ném lên cuội, rung rung trước gió. Các tảng đá ẩm lấp lánh sáng. Có lần họ thấy các ngư phủ khênh người chết đuối, — từ dưới chần, đôi bàn chân trần kinh ngạc thò ra. Chiều chiều, cô nấu ca cao.

Anh lại nhìn, — lúc này cô đang ngồi, nhìn xuống, đỡ tay nơi lông mày, — vâng, cô rất có khiếu âm nhạc, — hẳn là Wolf đang chơi một bản nhạc nổi tiếng, tuyệt vời nào đó. “Giờ thì mình sẽ mất ngủ vài đêm”, — Victor Ivanovich nghĩ, khi

ngắm cần cổ trắng, ngắm góc gối mềm của cô, — cô ngồi bắt chéo chân, — váy đen, nhẹ, lạ, chuỗi ngọc lóng lánh. “Chà, giờ mình sẽ mất ngủ, sẽ phải thôi đến đây, và mọi thứ mất đi vô ích — hai năm chuyên cần, cố gắng ấy, và cuối cùng gần như đã bình yên, — giờ đây phải bắt đầu lại hết, — cố quên đi tất cả, tất cả những gì gần như đã quên, nhưng thêm cả chiều nay.” Anh bất giác cảm thấy là cô đang nhìn trộm anh qua kẽ ngón tay, và anh vô tình quay lại.

Chắc có lẽ nhạc đang tới lúc kết thúc. Khi vang lên những hợp âm sôi sục, ngạt thở ấy, có nghĩa là sắp kết thúc. Đây cũng là một từ thú vị: kết thúc. Kết và thúc. Mây bụi, tin dữ. Xuân sang, cô lãnh đạm lạ lùng; cô nói mà gần như không mở miệng. Anh hỏi: “Em sao vậy?” — “Chẳng sao cả. Thế thôi.” Đôi lúc cô nhìn anh, nheo mắt với vẻ khó hiểu. “Em sao vậy?” — “Chẳng sao cả. Thế thôi.” Đêm đến thì cô như chết hẳn, — không thể làm gì được với cô, — và, mặc dù là một phụ nữ nhỏ nhắn, thon thả, nhưng khi đó cô tuồng như nặng trĩu, rù rờ, sắt đá. “Thôi, rốt cuộc thì nói đi nào, em sao vậy?” Cứ thế kéo dài hơn một tháng. Rồi, một sáng nọ, — vâng, đúng sinh nhật cô — cô bảo, hoàn toàn đơn giản, tựa hồ đang nói về những thứ vật vãnh nào đó: “Mình chia tay nhau

ít lâu đi. Không nên tiếp tục thế này.” Cô bé con gái nhà hàng xóm chạy xộc vào, — khoe chú mèo con, những con cùnh lúca còn lại đã bị dìm chết. Ra nào, ra nào, để sau. Cô bé đi ra, im lặng rất lâu. Hãy ra ngoài với chú mèo của mình, để yên cho cô chú im lặng. lát sau, chậm chạp, lặng lẽ, anh bắt đầu vịn tay cô, — những muống vịn gầy cả người cô, làm trật hết các khớp của cô cùng tiếng răng rắc. Cô òa khóc. Anh ngồi vào bàn và làm bộ đọc báo. Cô ra vườn, nhưng quay lại ngay. “Em không thể. Em phải kể hết cho anh.” Và với vẻ ngạc nhiên kỳ quặc nào đó, như thể đang bàn luận về người đàn bà khác, và lấy làm ngạc nhiên về ả, và mời anh chia sẻ sự ngạc nhiên của mình, cô kể, cô kể hết. Đó là người đàn ông cao lớn, khiêm nhường, dè dặt, hay đến chơi bài ụyt và nói về giếng phun. Lần đầu trong công viên, sau đó ở chỗ anh.

Mọi thứ còn lại rất mơ hồ. Tôi đã đi dọc bờ biển đến khi đêm xuống. Vâng, hình như nhạc đang kết thúc. Khi tôi nện vào mặt hấn trên bờ kè, hấn nói: “Anh sẽ trả giá đắt cho chuyện này,” rồi nhặt chiếc mũ cát-két dưới đất lên và bỏ đi. Tôi không nói lời chia tay với cô ấy. Thật ngu ngốc khi nghĩ về chuyện giết cô. Hãy sống, hãy sống. Hãy sống như lúc này em đang sống; như

lúc này em đang ngồi, hãy ngồi như thế mãi; nào, hãy nhìn anh, anh van em, — hãy nhìn anh, hãy nhìn, — anh sẽ tha thứ hết cho em, bởi một ngày nào đó ta sẽ chết, và ta sẽ biết tất cả, và tất cả sẽ được tha thứ, — vậy thì trì hoãn làm gì, — hãy nhìn anh đi, hãy nhìn anh, — nào, hãy quay mắt lại đi, đôi mắt của anh, đôi mắt thân thương của anh. Không. Kết thúc.

Những âm thanh cuối, đa-ngón, nặng nề, — một lần, một lần nữa, — thêm một lần nín thở, — và sau cái hợp âm đã kết thúc, đã dâng hiến dường như cả tấm lòng ấy, dương cầm thủ nhắm và, với sự chuẩn xác của mèo, chộp một nốt vàng, nhỏ, hoàn toàn riêng. Hàng rào âm nhạc tan biến. Vỗ tay. Wolf nói: “Lâu lắm rồi tôi không chơi tác phẩm này.” Vợ Wolf nói: “Quý vị biết không, chồng tôi lâu lắm rồi không chơi tác phẩm này.” Bác sỹ hòng quay về phía Wolf, tiến đến gần, chèn ép y, xô đẩy bằng bụng: “Tuyệt vời! Tôi luôn nói rằng đây là bản hay nhất trong số tất cả những gì ông ấy đã từng soạn. Theo tôi, lúc cuối ông đã cách tân âm thanh một chút, — tôi không biết, tôi diễn đạt có dễ hiểu không, nhưng, ông thấy đấy...”

Victor Ivanovich nhìn về hướng cửa. Nơi đó, một phụ nữ nhỏ nhắn, tóc đen, cười bối rối, chia

tay bà chủ nhà đang la lên kinh ngạc: “Sao cô lại thế! Bây giờ mọi người sẽ uống trà, sau đó sẽ có tiết mục hát nữa mà.” Nhưng vị khách nữ cứ cười bối rối và tiến về phía cửa, và Victor Ivanovich hiểu ra rằng âm nhạc, thứ ban đầu tưởng như một nhà ngục chật chội, mà trong đó cả hai người bọn họ, bị âm thanh trói buộc, phải ngồi đối diện nhau trong khoảng cách độ bảy-tám mét, — thực ra lại là niềm hạnh phúc khó tin, một vòm kính màu nhiệm, bao bọc và giam giữ anh với cô, cho anh khả năng thở cùng cô một bầu không khí, — giờ thì tất cả đã vỡ tung — cô đã biến mất sau cánh cửa, Wolf đã đập nắp dương cầm, — và chẳng thể nào phục hồi cảnh ngục tù tuyệt trần ấy nữa.

Cô đã bỏ đi. Dường như chẳng ai để ý thấy gì. Một gã Boke nào đó chào anh, nói giọng nhẹ nhàng: “Tôi theo dõi anh suốt. Anh thưởng nhạc thật là! Anh biết không, nhìn anh có vẻ buồn chán đến nỗi tôi lấy làm tiếc cho anh. Chẳng lẽ anh thờ ơ với âm nhạc đến mức ấy sao?”

“Không, không phải đâu, tôi không chán, — Victor Ivanovich lúng túng trả lời. — Chẳng qua là tôi không có nhạc cảm, không phân biệt được mấy. Nhân thế, đó là thứ gì vậy?”

“Gì chẳng được, — Boke nói bằng giọng thì thầm sợ sệt của kẻ phàm phu tục tử, — “Lời nguyện cầu thiếu nữ” hay “Sonata Kreutzer,” — gì chẳng được.”

Làn khói lừ đừ

Khi những ngọn đèn treo trên phố bật sáng gần như cùng một lượt đến tận Bayerischer Platz¹, mọi thứ trong căn phòng còn tối lửa hơi dịch khói lối mình dưới ảnh hưởng những tia sáng ngoài đường, mà việc chúng làm trước tiên là sao lại hoa văn tấm rèm ren. Đã ba tiếng rồi, trừ khoảng thời gian ngắn cho bữa tối (ngắn và lặng như tờ, do bố với chị lại

¹ Một quảng trường ở Berlin, gần khu phố kiều dân Nga hay ở.

bất hòa và cứ mãi đọc ngay tại bàn), cậu nằm như vậy trên đi-văng, một chàng trai dài, dẹt, đeo chiếc kính kẹp mũi lấp lánh sáng giữa bóng tối lơ mờ. Đờ đẫn vì cảm giác lử lả kéo dài mà cậu đã quá quen, cậu nằm, và nhìn, và nheo mắt, và bất cứ nét dọc, xà ngang, bóng xà ngang nào cũng đều biến thành chân trời góc biển hay dải bờ xa. Và ngay khi con mắt học được cơ chế của những sự biến hình này, thì chúng bắt đầu tự diễn ra, như các viên sỏi tiếp tục sống dậy một cách vô ích sau lưng đức thánh, và giờ đây, khi ở chỗ này, khi ở chỗ kia của vũ trụ trong phòng, một viễn cảnh hư ảo bỗng định hình sâu đậm, một ảo ảnh đồ họa, làm xao lòng người bằng sự trong trẻo cô liêu: dải nước, chẳng hạn, và doi đất đen với bóng hình cây bách tán nhỏ.

Từ giữa phòng khách¹ bên cạnh, được ngăn cách khỏi phòng cậu bằng các cửa trượt (xuyên qua lớp kính mờ, tròng trành của chúng, ánh đèn vàng nơi ấy sáng lác đác theo gợn sóng, còn thấp hơn, hiện lên, như trong nước sâu, lưng một chiếc ghế đen nhờ, được kê như vậy do những

¹ Bản tiếng Anh bổ sung: Tâm điểm của một trong những căn hộ trường giả mà hồi đó các gia đình lưu vong Nga thường thuê ở Berlin.

cánh cửa cứ toan rung lên, từ từ trượt dạt ra), thỉnh thoảng nghe được cuộc nói chuyện lí nhí, kiệm lời. Trong đó (chắc là trên trường kỷ đằng xa), chị cậu ngồi cùng bạn trai, và xét đoán theo khoảng lặng bí mật mà rốt cuộc được giải đáp bằng tiếng ho húng hắng hay tiếng cười thắc mắc dịu dàng thì họ đã hôn nhau. Thêm vào đó là những thanh âm từ ngoài phố: tiếng ô-tô cuộn lên cao, như luồng xoáy nhẹ bỗng, rồi kết thúc bằng tiếng còi tại giao lộ, hoặc, ngược lại, bắt đầu bằng tiếng còi rồi lao vút qua với tiếng rung âm âm, mà trong đó các cánh cửa góp sức tối đa bằng sự run rẩy của chúng.

Và hết như ánh nước cùng mọi dao động của nó rọi xuyên con sứa, mọi thứ cũng lọt qua cậu, và cảm giác lưu chuyển ấy biến đổi thành điều gì đó giống như tài tiên tri: nằm sõng soài trên đi-văng, được khênh nghiêng bởi dòng chảy râm mát, cậu đồng thời theo gót các khách qua đường xa xôi và hình dung đến vĩa hè ngay trước mắt, với sự rõ ràng tỉ mỉ mà con chó vẫn nhìn nó, đến hình những cành cây trần trụi trên bầu trời vẫn còn chưa hoàn toàn vô sắc, đến các quầy hàng xen kẽ: con búp bê của thợ cắt tóc, về mặt giải phẫu học không phát triển hơn quân đầm cơ; cửa hàng khung tranh với phong cảnh thạch thảo và

*Inconnue de la Seine*¹ không thể tránh khỏi (cực kỳ phổ biến ở Berlin) giữa vô số chân dung Quốc trưởng²; tiệm bán đèn, nơi tất cả các bóng cùng toả sáng, và ta bất giác tự hỏi mình, cái nào trong số chúng là cái mà tiệm ấy thường dùng...

Cậu sực nhớ ra, lúc nằm như xác ướp trong bóng tối, là tình huống thành ra khó xử: chị cậu có thể nghĩ cậu không ở nhà³. Nhưng cực kỳ khó nhúc nhích. Khó, — vì lúc này chính hình thái bản thể cậu đã mất hết các dấu hiệu đặc trưng và các đường biên cố định; chẳng hạn, ngõ hẻm bên này nhà có thể là tay cậu, còn dải mây hình mạch núi bắc ngang cả bầu trời với sự lạnh lẽo của các ngôi sao phương Đông có thể là cột sống cậu. Cả bóng tối vẫn vện trong phòng lẫn biển đêm rực sáng các gợn sóng vàng biến hóa từ kính cửa đều không cho cậu một phương pháp đáng tin để đo đạc và phân định chính mình, và cậu chỉ tìm thấy phương pháp đó khi sử dụng khả năng cảm nhận mau lẹ của cái lưỡi bồng dưng vặn vẹo trong miệng (nó xông tới như thể soát lại, trong lúc còn ngái ngủ, xem mọi chuyện có yên ổn không) để

¹ Cô gái vô danh trên sông Seine.

² Bản tiếng Anh: Tổng thống Hindenburg.

³ Bản tiếng Anh: Hoặc đang nghe trộm.

sờ soạng tìm chất mềm khác lạ của sợi thịt bò giắt răng, và nhân thể ngẫm nghĩ xem đã bao nhiêu lần trong suốt hai mươi năm¹ sống vừa qua từng xảy ra sự thay đổi cái tình trạng tuy không thể nhìn thấy, song có thể sờ mó được của những chiếc răng mà lưỡi đã quen, chừng nào chất hàn chưa rơi ra, bỏ mặc sau mình một hố thẳm sẽ lại bị lấp đầy theo thời gian.

Bị thúc bách không hẳn chỉ bởi sự im lặng lộ liễu sau cửa, mà chủ yếu bởi ham muốn kiếm tìm thứ gì đó sắc nhọn để giúp kẻ lao công mù lòa đơn độc, cuối cùng cậu nhào người ra, nhóm dậy và, bật đèn bàn, phục hồi hoàn toàn hình dáng nhục thể mình. Cậu nhìn được và cảm thấy mình (đôi kính kẹp mũi, bộ ria đen, làn da như bần trên trán) với sự ghê tởm mà cậu luôn nếm trải khi quay về trong chốc lát với mình và vào mình từ màn sương tối tăm báo hiệu... sao? Thế lực vẫn hành hạ và chòng ghẹo tâm hồn cậu rốt cuộc sẽ đội lốt nào? Nó sinh ra từ đâu nhỉ, thứ đang lớn lên trong tôi? Ngày của tôi trôi qua như mọi khi, trường đại học, thư viện, nhưng theo mái ước của một tửu quán trên rìa mảnh đất trống, khi tôi phải lê bước đến nhà Osipov theo phố

¹ Bản tiếng Anh: mười chín năm.

thác của bố, một làn khói ngái ngủ, no nê, nặng hơi ẩm, là là bay ra từ ống khói, không muốn bốc lên, không muốn rời khỏi sự leo lét thân thương, và đúng lúc ấy trong ngực thất lại, đúng lúc ấy...

Trên bàn, cuốn vở bọc vải dầu sáng bóng lên, và nằm vạ vật bên cạnh, trên tập giấy thấm loang lổ vết mực, là con dao cạo với vết gỉ viền quanh lỗ. Ngoài ra, bóng đèn còn rọi sáng chiếc kim băng. Cậu uốn thẳng nó lại và dùng mũi nhọn, bám theo vài chỉ dẫn rối rít của lược, moi sợi thịt ra, nuốt chửng... ngon hơn mọi món ăn... sau đó cái lược hài lòng nằm yên

Đột nhiên, xuyên qua lớp kính cửa trông thành, một bàn tay tiên cá xuất hiện, áp vào từ bên ngoài; sau đó, hai nửa gấp gáp tách ra, và cái đầu rối bù của chị cậu thò vào.

— Grishenka ơi, — chị nói, — làm ơn, làm phước, lấy cho chị ít thuốc lá ở chỗ bố.

Cậu không trả lời, và chị nhíu hết khe mắt rậm mi sáng rực (chị nhìn rất kém nếu thiếu cặp kính gọng sừng), cố nhìn xem có phải cậu đang ngủ hay không.

— Lấy giùm chị đi, Grishenka, — chị nhắc lại, còn khẩn khoản hơn, — nào, làm ơn đi. Chị

không muốn ghé qua chỗ ông già sau chuyện hôm qua.

— Có lẽ em cũng không muốn đâu, — cậu nói.

— Nhanh lên, — chị dịu dàng bảo. — Grishenka nha?

— Thôi được rồi, để em yên, — rớt cuộc, cậu nói, và, sau khi cẩn thận kéo hai nửa cửa hợp lại, chị tan ra trong kính.

Cậu lại nhích đến gần cái bàn sáng đèn, khấp khởi hy vọng, nhớ là có lần từng nhét đâu đó một bao thuốc bùa để quên. Giờ thì đã không còn thấy chiếc kim băng óng ánh, còn cuốn tập bọc vải dầu thì nằm khác đi, mở một nửa (như người ta đối tư thế trong giấc ngủ). Hình như — giữa mấy cuốn sách. Các giá sách vươn đến ngay trên bàn, ánh đèn rọi tới tận gáy sách. Trên đó có cả đồ bỏ đi tình cờ (nhiều nhất), cả sách giáo khoa kinh tế chính trị (tôi muốn thứ hoàn toàn khác, nhưng bố cứ nhất định theo ý mình); cả những cuốn sách yêu thích, nuôi dưỡng tâm hồn trong những thời kỳ khác nhau, “Túp lều¹” và “Cuộc

¹ Tuyển thơ Gumilyov.

đời — chị tôi¹”, “Buổi chiều bên Claire²” và “*Bal du compte d’Orgel*³”, “Phòng thủ Luzhin⁴” và “Mười hai chiếc ghế⁵”, Hoffmann, Hölderlin, Baratynski, và cuốn cẩm nang du lịch Nga cũ. Cậu cảm thấy, không còn là lần đầu, — sự rung động bí ẩn, êm ái ấy trong tâm hồn và lặng đi, lắng nghe xem — nó có lặp lại không? Tâm trí cậu căng ra hết cỡ, các ý nghĩ bị che khuất, và khi hoàn hồn, cậu không nhớ được ngay là tại sao lại đứng cạnh bàn và sờ các cuốn sách. Cái bao các-tông trắng-xanh nhét giữa Sombart và Dostoyevsky⁶ hóa ra trống rỗng. Rõ ràng là không né việc được rồi. Tuy nhiên, cũng còn một khả năng.

Uể oải và gầy như lặng lẽ lê đôi chân đi dè dặt rách bươm, người bạn quần tụt, cậu di chuyển từ phòng mình qua hành lang và mò tìm công tắc đèn tại đó. Trên cái bàn dưới tấm gương, gần chiếc mũ cát-két màu be đốm đáng

¹ Của Boris Pasternak.

² Của Gazdanov.

³ Vũ hội của bá tước d’Orgel. Một tác phẩm của Radiguet.

⁴ Của Sinn.

⁵ Của Ilf và Petrov.

⁶ Фёдор Михайлович Достоевский (1821-1881) là nhà văn nổi tiếng người Nga.

của vị khách, còn vương lại mảnh giấy mềm nhàu nát; vỏ bọc những bông hồng đã được phóng thích. Cậu lục bánh-tô của bố, luồn các ngón tay kinh tởm vào thế giới vô tri vô giác trong túi người khác, nhưng không tìm thấy trong đó các điều thuốc dự trữ mà cậu hy vọng kiếm được, do biết tính phòng xa khá kỹ của bố. Thôi đành vậy, phải đến chỗ ông ấy thôi...

Nhưng ở đấy, nghĩa là tại nơi vô định nào đó trên hành trình mộng du của mình, cậu lại lạc vào dải sương mù, lần này thì các rung động tái diễn trong tâm hồn rất đổi quyền lực, và quan trọng là sống động hơn mọi tri giác ngoại vi đến nỗi cậu không lập tức và không hoàn toàn thừa nhận mình, theo ranh giới với diện mạo riêng, là chàng thanh niên lưng còng vai so với má nhợt nhạt chưa cạo và tai đỏ, lặng lẽ lướt trong gương. Cậu đuổi kịp mình và bước vào phòng ăn.

Ở đó, bên chiếc bàn được cô hầu đi ngủ đã lâu bày sẵn tiệc trà khuya, bố cậu đương ngồi, sột soạt một ngón tay trong bộ râu đen điểm bạc, còn giữa các ngón bàn tay kia thì cầm cái kẹp đàn hồi của cặp kính không gọng và giữ nó cách xa mình, nghiên cứu tấm sơ đồ Berlin khổ lớn, rách bươm tại các đường gấp. Mấy hôm trước đã diễn ra một cuộc cãi vã dữ dội, theo lẽ thói Nga, ở nhà

bạn bè về việc làm sao để đi gần hơn từ con phố nào đó đến con phố nào đó, toàn những nơi tuy vậy nhưng chưa ai trong số những kẻ cãi vã từng lai vãng, và lúc này, xét đoán theo vẻ không hài lòng một cách ngạc nhiên trên gương mặt nghiêng nghiêng của bố, với hai số tám hồng hồng bên cánh mũi, thì rõ ràng là lúc ấy ông già đã sai.

— Con à? — Ông vừa hỏi, vừa nhướn mắt nhìn con trai (có lẽ với hy vọng thầm kín rằng tôi sẽ ngồi xuống, cắt tẩm phủ ấm trà, rót cho mình, cho ông). — Thuốc lá hả? — Ông tiếp tục với cũng giọng hỏi han ấy, đón bắt hướng nhìn của cậu con trai đã đi vòng ra sau lưng ông, để lấy bao thuốc nằm gần bộ đồ ăn của ông, nhưng bố cậu đã chuyển nó từ trái qua phải, thành thử gặp chút trắc trở.

— Nó đi chưa? — Ông hỏi câu thứ ba.

— Chưa, — cậu con trai nói, bốc một vốc thuốc mượn như tơ.

Lúc ra khỏi phòng ăn, cậu còn trông thấy bố quay toàn thân trên ghế về phía chiếc đồng hồ treo tường với bộ dạng như thể nó vừa nói gì đó, sau đó bắt đầu xoay ngược lại, nhưng lúc ấy cửa đã đóng, tôi không kịp xem hết. Tôi không kịp

xem hết, tôi không có thời gian cho việc ấy, nhưng cả cảnh đó, cả những gợn sóng biển xa mới đây, cả gương mặt nhỏ đỏ bừng của chị tôi, cả tiếng xôn xao rì rầm của đêm tròn trịa, trong veo, hết thấy dường như đã giúp tạo nên cái mà rốt cuộc lúc này đã định hình. Với sự rõ ràng đáng sợ, chẳng khác nào tâm hồn được rọi sáng bởi vụ nổ lạng côm, tôi thấp thoáng thấy một hình ảnh tương lai, trong tôi lóe lên ý nghĩ rằng hệt như lúc này thỉnh thoảng vẫn nhớ về cái cách mà người mẹ quá cố, trong các cuộc cãi vã quá lớn tiếng bên bàn ăn, thường làm mặt khóc và bóp chặt thái dương, rồi một khi nào đó tôi sẽ phải hình tượng, với sự sắc nét tàn nhẫn và không còn sửa được nữa, về đôi vai phật ý của người bố râu rĩ, ngồi trước tấm bản đồ rách bươm, bên chiếc bờ-lu-dông ấm trong nhà, bị rắc đầy tàn vôi gàu; và tất cả những thứ này hoà trộn một cách đầy sức sống với ấn tượng hôm nay về làn khói lam cứ quán lấy những chiếc lá vàng trên mái ướt.

Qua khe hở giữa các cánh cửa, những ngón tay vô hình, tham lam tước khỏi tay cậu thứ cậu đang giữ, và vậy là cậu lại nằm trên đi-văng, nhưng đã không còn sự lử lả lúc này. Một dòng thơ lớn lao, sống động, giãn ra và uốn cong; trên chỗ uốn, vần thơ rực sáng ngọt ngào và nóng

bóng, và khi ấy xuất hiện, như trên tường, lúc ta lên cầu thang cùng ngọn nến, cái bóng chuyển động của những dòng tiếp theo.

Say vì tiếng nhạc Ý điệp âm, vì lòng ham sống, vì sức quyến rũ mới của các từ cổ — “хлад¹”, “бред²”, “ветр³”, — những bài thơ vật vãnh, phù du, mà đến thời hạn xuất hiện những bài sau tất sẽ tiêu tan, như từng tiêu tan, hết bài này đến bài khác, mọi bài trước kia được biên trong cuốn vở đen; nhưng cũng chẳng sao: giờ thì tôi tin vào những lời hứa mê ly của bài thơ vẫn còn chưa cứng đờ, vẫn còn xoay chuyển, mặt tôi ướm lệ, hồn tôi vỡ tung vì hạnh phúc, và tôi biết rằng niềm hạnh phúc ấy — đẹp hơn mọi điều trên trái đất này.

¹ Lạnh.

² Bờ.

³ Gió. (Các từ tiếng Nga cổ, ít dùng)

Một lát đời

Sau tường, Pavel Romanovich đang cười hô hố và thuật lại chuyện vợ y đã bỏ đi thế nào.

Tôi không chịu được âm thanh kinh khủng ấy và, chẳng thèm hỏi ý tấm gương, bần luôn chiếc váy nhàu mà tôi mặc nằm ườn sau bữa trưa, rồi, chắc là, với vết gốỉ hằn trên má, chạy bổ vào đó, nghĩa là vào phòng ăn của chủ nhà, nơi tôi bắt gặp cảnh này: chủ nhà tôi, một ông Prishvin nào đó (không phải người thân của nhà

văn) vừa lắng nghe với vẻ khích lệ, vừa liên tục nhồi thuốc lá, còn Pavel Romanovich đi quanh bàn với bộ mặt kính kỉnh, tái nhợt đến độ dường như thậm chí cả cái đầu cạo sạch của y cũng tái nhợt, — một sự sạch sẽ đặc biệt Nga, như của tên lính công binh nào đấy, nhưng giờ đây lại khiến tôi nhớ lại cái gì đó tồi tệ, đáng sợ, tựa như đầu tù khổ sai. Đúng ra là y đến thăm anh tôi, mà anh ấy lại vừa mới đi khỏi, nhưng điều đó với y thực sự thì cũng thế cả thôi, nỗi đau của y phải được nói ra, và đây, y kiếm được một thính giả sẵn lòng ở kẻ khó ưa mới quen này và, vừa cười hô hố, mà trong khi ấy đôi mắt không hề nhập cuộc, vừa kể về việc vợ y gom đồ khắp căn hộ, mang nhằm đi đôi kính kẹp mũi yêu thích của y, còn mọi người thân của ả đều biết rõ chuyện trước y, và — “Hay nhỉ”, — đột nhiên y hỏi thẳng Prishvin, một ông góa ngoạn đạo, còn không thì nãy giờ vẫn nói chủ yếu vào khoảng không, — “hay nhỉ, trên cõi ấy sẽ ra sao, ả sẽ chung sống ở đấy với tôi hay thẳng lộn đó?” “Ta về phòng tôi đi, Pavel Romanovich”, — tôi nói bằng cái giọng trong trẻo nhất của mình, và chỉ khi đó y mới để ý thấy sự hiện diện của tôi, tôi đứng, rầu rĩ ép người vào góc cái tủ búp-phê sẫm màu, dường như thân hình nhỏ nhắn bận váy đen của tôi đã hòa lẫn với nó, — vâng, tôi đương

để tang, cho mọi người, cho mọi điều, cho mình, cho nước Nga, cho các bào thai từng bị nạo khỏi người tôi. Chúng tôi qua căn phòng nhỏ xíu của tôi, ở đó chỉ đặt vừa chiếc giường lụa rộng chiều ngang và trên cái bàn thấp để chiếc đèn như quả bom thủy tinh chứa nước, và trong bầu không khí ấm cúng riêng tư của tôi, Pavel Romanovich lập tức biến thành người khác, lặng lẽ ngồi, lau đôi mắt sừng. Tôi cuộn người lại bên cạnh y, vỗ vỗ những chiếc gối, và vừa ngắm nghĩ, với vẻ trầm ngâm chống-khuỷu rất đàn bà, vừa ngắm y, ngắm cái đầu xanh lam của y, ngắm đôi vai vạm vỡ, thấy chúng có vẻ hợp với áo nhà binh cổ đứng hơn cái áo vét vạt chéo này. Tôi ngắm y và cứ lấy làm lạ là sao mà hồi xưa tôi lại có thể mê thằng cha lùn xùn, lực lưỡng với bộ mặt tầm thường này (chỉ có răng là đẹp đến đau lòng, phải công nhận thế), vậy mà tôi từng mê y mới hai năm trước đây¹ thôi, khi y hãy còn mới đương chuẩn bị cưới người đẹp của mình, — và tôi còn mê mê y, khóc lóc vì y, mơ về cái lắc mỏng ấy quanh cổ tay lông lá của y! Y móc từ túi quần sau ra một bóp thuốc to và, theo như y bảo, cũng là “hàng chiến” của mình, rồi vừa chán nản

¹ Bản tiếng Anh: Ngay lúc đầu cuộc sống di cư của mình ở Berlin.

gật gật đầu, vừa gõ điếu thuốc lên nắp vài lần, nhiều lần hơn so với thường lệ. “Vâng, Maria Vasilevna, — rất cuộc y nói qua kẽ răng, lúc châm thuốc và nhướn cặp mày tam giác lên, — vâng, không ai có thể nghĩ rằng chuyện lại xảy ra như vậy, tôi tin đàn bà, tin tuyệt đối”. Sau cơn mau miệng của y, giờ thì mọi thứ dường như im lặng rợn người, nghe rõ tiếng mưa rỏ lên bậu cửa sổ, tiếng Prishvin nhồi thuốc kê lách cách sau tường¹. Có phải vì ngày âm u, hay vì một điều không may, như điều không may của Pavel Romanovich, đòi hỏi từ thế giới hữu hình một sự suy sụp, một hiện tượng thiên thực, nhưng tôi cảm giác rằng chiều xuống đã lâu, cho dù mới có ba giờ, và tôi còn phải đi ra ngoài ô vì một việc của anh trai. “Đúng là con nặc nô, — Pavel Romanovich nói với tiếng huýt gió, chính mụ và chỉ mình mụ đã mối lái ả với thằng đó, tôi luôn thấy mụ thật đáng ghét, tôi không giấu điều này với Lenchka! Con nặc nô! Có lẽ chị đã thấy mụ rồi, gần sáu mươi, tô son màu lông ngựa tía, toàn mỡ, còng cả lưng vì mỡ. Rất tiếc là Kolia đi rồi. Khi anh ấy quay về, hãy bảo anh ấy gọi lại cho tôi ngay. Chị biết rồi đấy, tôi là người đơn giản,

¹ Bản tiếng Anh bổ sung: “Tiếng rên rì của con chó già loạn thần bị khóa lại trong phòng anh tôi phía bên kia hành lang”.

thẳng thắn, và tôi lâu nay vẫn bảo Lenchka là mẹ cô xấu xa độc ác. Giờ thì chuyện là thế này: có thể Kolia sẽ giúp tôi chấp nối một lá thư gửi mẹ già, đại loại như lời tuyên bố có tính chất hình thức rằng tôi biết quá rõ và quá hiểu, sự xúi giục đó là của ai, ai là kẻ thúc ép vợ tôi, — đấy, tinh thần là vậy, và hoàn toàn nhã nhặn, dĩ nhiên.

Tôi im lặng. Lần đầu tiên y ở chỗ tôi, ở đúng chỗ tôi ở, không tính các chuyến thăm anh tôi, lần đầu tiên y ngồi trên đi-văng của tôi, vẩy tàn thuốc lên những chiếc gối nhiều màu của tôi, — song, điều mà trước kia với tôi có lẽ là lạc thú thiên đàng, giờ lại tuyệt nhiên chẳng làm tôi thấy vui nữa. Đã lâu nay, những người tốt bụng vẫn xì xào rằng cuộc hôn nhân của y đã thất bại, còn vợ y hóa ra lại là một con ngốc xấu tính, đồng bóng, — và lời đồn nhìn xa trông rộng lâu nay vẫn gán ghép cho ả một tình nhân là chính thẳng cha lập dị hiện nay đang đăm đuổi vẻ đẹp bỏ cái của ả. Bởi vậy cho nên thảm họa ấy không bất ngờ với tôi, — không những thế, mà có lẽ tôi lại còn chờ đợi rằng lúc nào đó Pavel Romanovich sẽ giạt đến chân tôi như thế này đây. Nhưng không, — dẫu có nạo đến tận đáy lòng mình thế nào đi nữa, tôi cũng chẳng tìm được chút gì vui, mà ngược lại, tôi thấy đau lòng làm sao, đau lòng đến nỗi

mà tôi đơn giản là chẳng biết diễn đạt thành lời. Mọi chuyện tình của tôi, theo thỏa thuận bí mật nào đó giữa các nhân vật của chúng, luôn luôn cùng loại vụng về và bi thảm như nhau, hoặc chính xác hơn, chính sự vụng về là nguyên nhân gây nên tính bi thảm của chúng. Tôi nhớ về những khởi đầu của chúng một cách ngượng ngùng, các kết cục — một cách khó chịu, — còn phần giữa, tức là chính cái thực chất nhất, thì dường như lại hoàn toàn chẳng có gì, mà chỉ nhớ được sự nhúc nhích uể oải nào đó, như xuyên qua nước đục hoặc sương mù nhớp nháp. Sự si mê của tôi với Pavel Romanovich chí ít thì cũng tuyệt vời ở chỗ nó chẳng giống mọi cái khác, mà vẫn còn giữ được sự lạnh lùng và đáng yêu, — nhưng giờ thì cả nó, đã rất xa xôi, đã trôi rất sâu vào dĩ vãng — cũng vay mượn từ hiện tại, theo thứ tự đảo ngược, các sắc thái bất hạnh, thất bại, thậm chí đơn giản là sự thẹn thùng nào đó, chỉ vì giờ đây tôi phải nghe những lời than vãn này về vợ y, về mẹ vợ y.

“Giá Kolia về sớm hơn, — Pavel Romanovich nói. — Tôi còn một kế hoạch nữa, nghe chừng, không tệ. Giờ thì, có lẽ, tôi nên đi.”

Tôi im lặng, đau khổ nhìn y và che miệng bằng tua khăn san đen. Y đến gần cửa sổ, trên

kính nó, một con nhặng, đập đập và vo ve, nhào ngược lên và lại tuột xuống, sau đó y sờ mó các gáy sách trên giá. Như phần lớn những kẻ ít đọc, y nuôi dưỡng niềm đam mê thầm kín với các cuốn từ điển và giờ đây đang lôi ra một tập sách lưng béo ú với cây bồ công anh và cô gái tóc hung xoắn tít trên bìa. “Một thứ tuyệt vời,” — y nói, nhét chú voi đó lại và bỗng dưng òa khóc rất to. Tôi kéo y ngồi xuống bên mình, y lão đảo, nức nở mỗi lúc mỗi to hơn, rúc mặt vào lòng tôi. Tôi chạm các ngón tay nhẹ nhàng lên cái đầu ráp nóng của y với cái gáy cứng hồng hồng mà tôi rất thích ở đàn ông. Tiếng nức nở của y dần dần lặng đi. Y cắn nhẹ tôi qua váy và ưỡn thẳng người lên. “Biết không, — y nói, vỗ rất vang đôi lòng bàn tay lớn rỗng không, (tôi có ông chú, địa chủ vùng Volga, hay diễn tả theo lối ấy thứ âm thanh mà lũ bò rải những bánh phân của chúng), — đến chỗ anh đi, cưng ơi. Anh không còn đủ sức để ở một mình. Ta sẽ ăn tối cùng nhau, quất vài li vốt-ka, rồi đi coi phim, nha?”

Tôi không thể không đồng ý, dẫu biết rằng sẽ hối hận về chuyện này. Lúc hoãn việc qua điện thoại, tôi ngắm mình trong gương và thấy chính mình như một nữ tu sỹ với bộ mặt sáp nghiêm nghị, nhưng sau một phút, đánh xong phấn và

đội mũ lên, tôi dường như chìm sâu vào đôi mắt to, đen, từng trái của mình, trong chúng có thứ ánh sáng tuyệt nhiên không thuộc về tu sỹ, — thậm chí qua lớp voan mà chúng vẫn rực cháy, ôi, rực cháy làm sao. Trên đường, trong tàu điện, Pavel Romanovich trở nên xa lạ, cau có, tôi kể y nghe về công việc của Kolia, mà ánh mắt y cứ lục lạo, rõ là y chẳng nghe. Chúng tôi đến nơi. Trong ba căn phòng không lớn lắm, mà y với Lenchka của y chiếm giữ, một sự bừa bộn khó tin đương thống trị, hết như thể chính các món đồ, của y và của ả, vừa choảng nhau. Để Pavel Romanovich khuây khỏa, tôi bắt đầu diễn vai cô hầu, mặc mọi chiếc tạp dề bé tí bị bỏ quên trong xó bếp, trấn an hàng loạt đồ đạc, trái bàn sạch sẽ, đến nỗi Pavel Romanovich cuối cùng lại vỗ lòng bàn tay và quyết định nấu súp củ cải đỏ, y rất tự hào về tài làm bếp của mình.

Sau đôi ba ly đầu, y chuyển qua tâm trạng sáng khoái, tháo vát khác thường, như thể thật ra đang có kế hoạch nào đó phải bắt tay vào thực hiện. Tôi không rõ, liệu y có tự lây từ chính mình cái sự nghiêm túc vờ vịt, mà một bọm nhậu dùng để bày cuộc rượu, hay thật sự là y cảm thấy rằng trong phòng tôi, y với tôi đã bắt đầu cùng nhau vạch ra, bàn luận việc gì đó, nhưng y nạp mực

vào cây bút máy, và, với vẻ quan trọng, mang lại một hồ sơ, — các bức thư vợ y gửi cho y, khi y đi Bremen hay đâu đó hồi mùa xuân, và bắt đầu dẫn ra từ chúng các đoạn trích nhằm chứng minh rằng ả yêu chính y, chứ không phải gã kia. Giữa lúc ấy, y hớn hỡ nói, “đó đó,” “hay thật là hay,” “nào, hãy nhìn đây đi,” — và tiếp tục uống. Lập luận của y chung quy lại là nếu như Lenchka biên cho y rằng “em đang thầm vuốt ve anh, Pavel yêu dấu,” thì ả không thể yêu người khác được, và do đó mà ả đã lầm lẫn, và cần giảng giải kỹ cho ả hiểu sự lầm lẫn đó. Uống thêm nữa, y thay đổi, bắt đầu xịu xuống, trở nên thô bỉ, chẳng hiểu vì sao lại cởi giày ra, sau đó lại, như lúc nãy, khóc nức nở và vừa đi vừa thốn thức quanh phòng, chẳng khác nào không có mặt tôi, rồi vung chân trần đập hết sức vào cái ghế, khi vấp phải nó. Trong lúc ấy, y kết liễu một chiếc bình cao cổ, rồi ngay sau đó bắt đầu pha thứ ba, và cũng là phần kết thúc cái tam đoạn luận say xỉn ấy, mà trong đó đã phối hợp theo mọi quy tắc biện chứng cả sự thành thạo ban đầu và sự u sầu theo sau nó. Giờ thì cơ sự thành ra là tôi với y đã xác định được đôi điều (đích xác những điều gì thì khá mơ hồ), mà chúng có thể giúp vẽ ra tình nhân ả trong thứ ánh sáng cực kỳ tối tăm, còn kế hoạch là để tôi, như thể theo sáng kiến riêng, lên

đường đến chỗ ả và “cảnh cáo” ả, hơn nữa, cần cho ả biết ngay lập tức là Pavel Romanovich hoàn toàn phản đối mọi sự can thiệp, và rằng các lời khuyên của anh ấy chỉ mang tính chất bất vụ lợi thần thánh mà thôi. Tôi chưa kịp nghĩ lại, thì đã bị bao vây và gò ép bởi những lời thì thầm dày đặc của một gã Pavel Romanovich đang hấp tấp xỏ giày ngay lúc ấy, tôi gọi điện thoại cho ả và ngay khi nghe thấy giọng nói cao, ngân vang một cách ngu ngốc của ả, — tôi chợt hiểu rõ là tôi đã say và làm chuyện dại dột. Tôi cúp máy, nhưng y bắt đầu hôn đôi tay lạnh, nắm chặt của tôi, và tôi gọi lại, được nhận ra luôn tuy chẳng mấy nhiệt tình, nói rằng cần gặp ả có chút việc, và sau chút ấp úng, ả cũng đồng ý để tôi đến chỗ ả ngay tức thì. Lúc ấy, tức là khi tôi với Pavel Romanovich cùng ra khỏi nhà, kế hoạch của chúng tôi hóa ra đã chín muồi và đơn giản lạ thường: tôi phải nói với ả rằng Pavel Romanovich có điều gì đó hết sức quan trọng cần báo cho ả, — một điều hoàn toàn, hoàn toàn không liên quan đến sự bất đồng của họ (y đặc biệt nhấn mạnh điều này, nhăm nháp chiến thuật ấy), và y chờ ả ở quán bia đối diện.

Tôi mất rất nhiều thời gian để leo lên thang, và không hiểu sao mà một ý nghĩ cứ hành hạ tôi

một cách ghê rợn, là lần cuối cùng, khi tôi gặp ả, tôi đã đội cũng cái mũ này và với cũng bộ lông cáo đen này trên vai. Thế nhưng Lentochka ăn diện đom đống ra gặp tôi, hình như ả vừa mới uốn tóc, song uốn rất tệ, và nói chung là ả xấu đi, với những chỗ sưng tấy vì tuổi tác quanh cái miệng tô vẽ rất bảnh, mà vì chúng cho nên toàn bộ mẽ ngoài bảnh bao ấy mất đi vô ích. “Tôi không tin là chuyện ấy quan trọng như vậy, — ả nói, tò mò nhìn tôi, — nhưng nếu anh ta nghĩ rằng chúng tôi vẫn còn chưa bàn bạc hết mọi chuyện, thì được thôi, tôi đồng ý, chỉ yêu cầu có người chứng kiến, tôi sợ ở một mình với anh ta, quá đủ rồi, thưa chị.”

Khi chúng tôi vào quán bia, Pavel Romanovich đang ngồi chống khuỷu tay lên bàn, lau đôi mắt trần đỏ hoe bằng ngón út và, với giọng nói đều đều, kể lể dài dòng về điều gì đó, về “một lát đời” nào đó cho một người Đức hoàn toàn không quen, ngồi sau bàn y, một gã đàn ông vóc dáng khổng lồ với đường ngôi bóng mượt, nhưng có lông tơ đen sau cổ và các móng tay bị gặm nham nhở. “Mặt khác thì, — Pavel Romanovich nói, — cha tôi không muốn dính dáng đến mấy chuyện bày nhầy và vì vậy quyết định bao rào quanh nó. Tốt thôi. Từ chỗ chúng

tôi đến chỗ họ độ chùng...” Y lơ đễnh gật đầu chào vợ và tiếp tục nói như thể chưa từng có gì xảy ra: “...độ chùng đến đường tàu điện, thành thử họ không thể phàn nàn gì nữa. Nhưng anh hãy đồng ý đi, trải qua cả mùa thu ở Vilna mà không có điện thì chẳng phải chuyện đùa. Lúc ấy, hết sức miễn cưỡng...” Hoàn toàn không hiểu y nói gì. Người Đức chăm chú lắng nghe, hơi há miệng, gã khó khăn lắm mới hiểu được tiếng Nga, nhưng chính quá trình cố hiểu ấy đem lại cho gã sự hài lòng. Lenochka, đang ngồi gần tôi đến nỗi mà tôi cảm nhận được hơi ấm khó chịu của ả, bắt đầu lục lọi trong túi mình. “Căn bệnh của cha tôi, — Pavel Romanovich nói, — góp phần vào quyết định ấy. Nếu như ông thực sự sống ở đó rồi, thì cố nhiên ông nhớ con phố ấy. Đêm đêm, ở đó tối om và thường xảy ra...” “Pavlik, — Lenochka nói, — kính anh đây, em tình cờ mang theo trong túi.” “Đêm đêm, ở đó tối om,” — Pavel Romanovich nhắc lại; vừa nói vừa mở cái bao kính mà ả quăng cho y ngang qua bàn, đeo kính lên và, rút súng lục ra, bắt đầu bắn vợ.

Ả hét lên và ngã vật xuống dưới bàn, kéo tôi theo ả, còn gã Đức, né gáp Pavel Romanovich, vấp phải chúng tôi và cũng ngã, thành thử ba chúng tôi như thể quấn vào nhau trên sàn, nhưng

tôi vẫn kịp nhìn thấy người bồi bàn nhảy phóc đến kẻ nổ súng với sự khoái chá đáng sợ và nện cật lực lên đỉnh đầu y bằng cái gạt tàn sắt. Sau đó là cuộc chính đốn từ từ thường lệ trong các trường hợp như vậy cho thể giới vỡ nát ấy đầu lại vào đó, — với sự tham gia của bọn vô công rồi nghề, cảnh sát, y tá. Giả đò rên rỉ, bị thương thủng cái vai mập chấy nắng, Lenchka được chở vào bệnh viện, còn Pavel Romanovich bị dẫn đi thế nào, thì tôi không nhìn thấy. Khi mọi chuyện kết thúc, nghĩa là khi mọi thứ lại chiếm chỗ của chúng — đèn đường, các ngôi nhà, những vì sao, — tôi thấy mình trên con phố vắng với gã Đức; to cao, đầu trần, bận áo mưa rộng thùng thình, gã dường như trôi cạnh tôi. Thoạt đầu tôi tưởng gã đưa tôi về nhà, nhưng chợt nhận ra là tôi đang đưa tiễn gã. Một cách từ tốn, xác đáng, song không thiếu chất thơ, và chẳng hiểu sao lại bằng thứ tiếng Pháp tồi tệ, gã cắt nghĩa cho tôi ở trước cửa nhà mình rằng không thể đưa tôi vào, vì đương sống cùng bạn, một kẻ thay cho gã cả cha, anh và vợ. Những lời xin lỗi của gã khiến tôi thấy bị xúc phạm đến nỗi tôi sai gã gọi ngay một chiếc ta-xi và đưa tôi trở về nhà, song gã cười sợ hãi rồi đóng sầm cửa vào mặt tôi, — và thế là tôi đi trên con phố ẩm ướt, — dẫu mưa đã tạnh từ lâu, — ẩm ướt và dường như bẽ bàng, hoàn toàn đơn

độc, chẳng khác gì tôi phải đi tự ngàn xưa, và trước mắt tôi, Pavel Romanovich cứ rướn lên, rướn lên, lau máu với tàn thuốc khỏi cái đầu tội nghiệp của mình.

Xuân Fialta

Xuân Fialta vẫn mây và buồn bã. Mọi thứ đều ẩm ướt: các thân tiêu huyền loang lổ, cây đỗ tùng, các hàng giậu, sỏi đá. Xa xa, trong khoảng trống lờ mờ, giữa khung viền mấp mô những ngôi nhà xanh nhờ đang chật vật nhóm gối dậy và mò tìm chỗ dựa (cây trắc bá tha ma rướn theo chúng), ngọn núi thánh George với đường ven nhật nhòa có vẻ khác lạ hơn bao giờ hết so với các bức ảnh màu chụp nó, những bức ảnh vẫn ở đó chờ du khách (ước chừng từ năm

một ngàn chín trăm mười, xét đoán theo mũ phụ nữ cùng tuổi xuân và ích), và chen chúc trên cái giá xoay đứng đờ giữa tảng đá nhe hàm răng thạch anh tím với các vỏ sò biển kiểu rô-cô-cô¹. Gió lặng, trời ấm, phảng phất mùi cháy. Biển, bớt mặn vì no mưa, chuyển màu ô-liu mờ; còn những làn sóng lờ đờ thì không tài nào sủi bọt nổi.

Chính vào một ngày như vậy, tôi mở toang mình, như con mắt, giữa thị thành, trên phố dốc, và hút ngay lấy mọi thứ: cả quầy bưu thiếp, cả tủ bày thánh giá, cả tờ quảng cáo gánh xiếc ghé qua, với một góc liếm tường, cả mảnh vỏ cam hầy còn nguyên sắc vàng trên vạt vĩa hè xám lam xưa cũ, vẫn còn lưu giữ đó đây, như qua giấc điệp, những vết khám cổ kính. Tôi yêu thành phố nhỏ này; phải chăng vì trong hõm tên nó tôi nghe được mùi ấm ngọt đường của bông hoa li ti, tối màu, nhàu nhĩ nhất trong số các bông hoa, và chẳng vì âm điệu, mặc dầu tiếng ngân Yalta rất rõ; phải chăng vì mùa xuân ngái ngủ của nó đặc biệt mềm lòng, tôi không biết nữa; nhưng tôi vui làm sao vì được thức giấc ở đây, rồi lê bước lên cao, ngược

¹ Từ Rococo là sự kết hợp của từ rocaille (vỏ) trong tiếng Pháp và từ barocco trong tiếng Ý. Đây là phong cách kiến trúc thường có các đường cong trang trí dạng vỏ và tập trung vào những đường nét họa tiết trang trí.

những dòng nước nhỏ, không mũ, với cái đầu ướt, trong chiếc áo mưa mặc ngay ngoài sơ mi!

Tôi đến bằng chuyến xe lửa tốc hành ban đêm, nó cùng đầu máy của mình, trong cơn hăng say nào đó, cố đoạt lấy cho bằng được, với tiếng rầm rầm, càng nhiều đường hầm càng tốt; tôi đến tình cờ, độ một hai ngày, tận dụng lúc nghỉ xả hơi giữa chuyến đi công tác. Tôi để vợ con ở nhà: đó là một ốc đảo hạnh phúc luôn hiện diện trên phương bắc quang đấng của bản thể tôi, luôn trôi bên tôi, thậm chí xuyên qua tôi, nhưng dẫu thế nào đi nữa vẫn ở bên ngoài tôi.

Một thằng cu đứng dậy rồi bước khỏi bậc thềm, với cái bụng ỏng xám ngắt cùng chiếc rốn lồi, tập tễnh trên đôi vòng kiềng và cố mang cùng lúc ba quả cam, cứ làm rơi hoài một quả cho đến khi tự ngã, lúc ấy, một cô bé¹, đeo chuỗi hạt nặng trĩu quanh cần cổ ngăm đen và bận váy dài như gái Di-gan, múa nhanh ba tay nắn hết bay của nó. Xa hơn, trên sân hiên ẩm ướt của tiệm cà phê, một anh bồi đang lau bàn; gã bán rong râu ria vô vọng vừa nói chuyện với anh, vừa tựa nghiêng về phía tôi lên lan can, bên cạnh là những chiếc kệ cầu kỳ, lóng lánh ánh trắng, trong chiếc giỏ đầy

¹ Bản tiếng Anh: khoảng mười hai tuổi.

đến vô vọng. Cơn mưa phùn hoặc đã thôi rơi, hoặc Fialta đã quen rồi, và chính nó cũng không còn biết mình đang thở bằng gì, khí ẩm hay mưa ẩm. Vừa đi vừa nhồi tẩu từ túi cao su đựng thuốc lá, một người Anh, thuộc loại thuần chất xuất khẩu, bận quần thụng kẻ ô, xuất hiện từ dưới vòm cuốn và bước vô tiệm thuốc, nơi, sau kính, những miếng bọt biển lớn, nhạt màu, đã kiệt lực vì khát từ lâu trong thổ lam. Trời ơi, tôi cảm thấy nỗi khoái cảm mạnh mẽ làm sao lan tỏa khắp các tĩnh mạch, mọi thứ trong tôi đáp lại một cách biết ơn làm sao với tiếng xào xạc và mùi hương ngày xám ấy, một ngày thắm đẫm xuân tình, song hãy còn chưa cảm thấy nó trong mình! Đầu tôi trong veo sau đêm mất ngủ; tôi hiểu hết: tiếng chim sáo hót trong vườn hạnh đào sau nhà nguyệt, và sự chật chội bình yên của các mái ấm đồ nát thế chỗ những ngôi nhà, và biển, đương thở lấy hơi, xa xa sau tấm khăn voan không khí, và ánh xanh ganh tị của các mảnh chai lỏm chỏm trên đỉnh tường (sau nó là niềm kiêu hãnh đắp vữa của một trọc phú địa phương), và tờ quảng cáo xiếc dán trên bức tường ấy; một người da đỏ đánh lông chim, vừa phi nước kiệu vừa ném thòng lọng, quán lấy con ngựa vằn bất khả, còn các chú voi bị lừa phỉnh thì ngự trên những trụ đế lổm đổm sao.

Vẫn người Anh ấy lúc này vượt qua tôi. Trong khi mãi hấp thu y cùng mọi thứ khác, tôi thoáng để ý thấy y vừa liếc xéo một con mắt to, khóe sừng, màu ngọc lam, vừa liếm nhanh như chớp bằng đầu lưỡi. Tôi máy móc nhìn về phía ấy và thấy Nina.

Lần nào tôi gặp nàng trong suốt thời gian mười lăm năm... mà tôi không biết nên gọi chính xác là gì: bạn bè? yêu đương?... dường như nàng cũng không nhận ra tôi ngay; và lúc này nàng cũng vẫn đứng yên một lát, xoay nửa người lại, kéo theo chiếc bóng trên cần cổ quần khăn phula vàng chanh, đầy vẻ tò mò, niềm nở ngập ngừng... rồi hét lên, giơ hai tay, múa cả mười ngón giữa không trung, và ngay giữa phố, với sự sôi nổi công khai của tình bạn lâu năm (với chính sự âu yếm mà nàng từng nhanh nhẹn làm dấu thánh cho tôi lúc chúng tôi chia tay), hôn tôi ba lần bằng cả miệng mình rồi bắt đầu bước cạnh tôi, đeo lấy tôi, kháp bước chân mình với bước chân tôi bằng cách nhảy và lượn là là, trong chiếc váy nâu đỏ chật căng với đường xẻ dọc ống chân.

— Ferdinand nhà em cũng ở đây, chứ sao,
— nàng trả lời và lập tức, đến lượt mình, vui vẻ và nhã nhặn hỏi thăm về vợ tôi.

— Anh ấy đang lượn lờ đâu đó với Segur, — nàng nói tiếp về chồng, — còn em cần mua ít đồ, bọn em sắp đi rồi. Hượm đã, anh đưa em đi đâu vậy, Vasenka?

Nói trắng ra thì quay lại quá khứ, điều mà lần nào tôi cũng làm khi gặp nàng, cũng giống như nhắc lại toàn bộ sự tích lũy tình tiết từ đầu tiên cho đến tận phần bổ sung cuối cùng, chẳng khác nào trong truyện cổ tích Nga, những gì đã kể sẽ được gom lại tại mỗi cú hích tới trước. Giờ đây, chúng tôi gặp lại nhau tại Fialta sương mù và ẩm áp này, mà tôi chẳng thể nào kỷ niệm cuộc gặp này với sự tao nhã tinh tế hơn (liệt kê, với các họa tiết tô tay, mọi công trạng trước kia của số phận), thậm chí tôi còn biết rằng đó là cuộc gặp cuối cùng; tôi nói là cuối cùng; bởi tôi không đủ sức hình dung được tổ chức siêu nhiên nào lại đồng ý thu xếp cho tôi cuộc gặp mới với nàng sau năm mộ.

Tôi làm quen với Nina đã rất lâu, từ hồi năm một ngàn chín trăm mười bảy, chắc là vậy, xét theo những nơi thời gian hao mòn. Chuyện diễn ra tại buổi tiệc sinh nhật nào đó ở nhà cô tôi, ở điền trang gần Luga của cô ấy, giữa mùa đông thôn dã thuần khiết (tôi vẫn nhớ rõ làm sao cái dấu hiệu đầu tiên về việc đã đến gần nó: một nhà

kho đỏ rực giữa cánh đồng trắng). Tôi vừa tốt nghiệp học viện quốc gia¹; Nina đã đính hôn: nàng là người cùng thế kỷ với tôi, và mặc dù vóc người gầy nhỏ, mà cũng có thể do vậy, song nhìn nàng bên ngoài già hơn nhiều so với độ tuổi mình, cũng hết như khi ba mươi hai tuổi nàng có vẻ trẻ hơn nhiều. Vị hôn phu hồi đó của nàng, một sỹ quan tác chiến chẵn chu, đẹp trai, khá nặng cân và rất thiết thực, thường nhắc lên đặt xuống mọi lời trên cái cân lúc nào cũng được lau chùi và hiệu chỉnh, nói bằng giọng nam trung âm cần đều đều, được gia giảm sao cho lại còn đều đều hơn và ân cần hơn nữa khi y hướng về nàng; tóm lại, một trong những kẻ mà mọi ý kiến về họ đều chấm dứt bằng dẫn chứng đến sự đứng đắn hoàn hảo của họ (một người bạn tuyệt vời, một người phò tá lý tưởng), và những kẻ nếu đã phải lòng ai thì không đơn giản là yêu, mà tôn sùng, hiện đang là kỹ sư thành đạt ở một nước nhiệt đới nào đó rất xa xôi, nơi nàng không chịu đến theo y.

Các ô cửa sổ bật sáng và nằm sắp xuống, với thánh giá trên lưng, trên tuyết thẫm, dày: còn

¹Trước năm 1917, đây là nơi đào tạo quan chức cho chính quyền Sa hoàng.

luồng sáng rỏ quạt trên cửa chính nằm ngay giữa chúng. Tôi không nhớ tại sao mà tất cả chúng tôi lại ùa từ gian phòng âm vang với những hàng cột trụ ra bóng tối bất động này, nơi chỉ toàn những cây thông phình to gấp đôi vì tuyết: có phải vì những người canh gác đã gọi chúng tôi đi coi ánh hồng đầy hứa hẹn của đám cháy xa hay không, chúng tôi có ngắm nghĩa con ngựa băng được tạc gần hồ nước bởi những gia sư người Thụy Sĩ của các anh em thúc bá của tôi hay không; nhưng hồi ức chỉ bắt đầu hoạt động khi chúng tôi quay lại tòa nhà sáng đèn, bước nối đuôi nhau theo lối hẹp giữa các đống tuyết lờ mờ với tiếng xạo-xạo-xạo đôi khi vẫn được dùng làm chủ đề duy nhất cho đêm đông lảm lì. Tôi đi sau đuôi; trước tôi độ ba bước chân trơn tuột, một bóng hình nhỏ nghiêng nghiêng bước; các cây thông lặng lẽ bán mua những chiếc bánh xanh lam của mình; bị trượt chân, tôi đánh rơi và không thể mò ngay được chiếc đèn hồng pin, mà ai đó dúm cho tôi, và ngay lập tức, bị lôi cuốn bởi lời chửi rủa của tôi, với tiếng cười vội vã, khe khê hết sức sống động, thấy trước sự hài hước, Nina nhanh nhẹn quay về phía tôi. Tôi đang gọi nàng là Nina, nhưng khi đó chắc gì tôi đã biết tên nàng, chắc gì tôi với nàng kịp gì đó, về điều gì đó... “Ai đấy?” — nàng tò mò hỏi, còn tôi đã hôn lên cổ

nàng, nó nhẵn và nóng hừng hực sau cái cổ áo bị nung bởi bộ lông cáo cứ quấy rầy tôi chừng nào nàng chưa quay về phía tôi và chưa gần, cùng sự hồn nhiên ngay thẳng cố hữu duy chỉ nàng mới có, đôi môi ân cần, phục tùng của mình với môi tôi.

Nhưng một trận vui bùng lên đã tức thì chia tách chúng tôi, trong bóng tối lờ mờ bắt đầu cuộc ném tuyết, có ai đó vừa đào thoát, té ngã, bước lảo xạo, hỗn hển cười, vừa trèo lên đống tuyết, rồi chạy, và đống tuyết kêu ồ lên, cắt cụt một chiếc ủng. Sau đó, đến tận lúc ra về, vậy mà chúng tôi vẫn không chuyện trò gì với nhau, không hẹn ước gì về mười lăm năm hành trình sau này, những năm tháng đã bắt đầu chuyển bánh đàng xa, những năm tháng tải nặng các mảnh hội ngộ rời rạc của chúng tôi, và khi dõi theo nàng trong mê cung cử chỉ và bóng hình cử chỉ, những thứ tạo nên buổi dạ tiệc (hiện nay tôi chỉ có thể phục dựng mẫu hình chung của nó bằng các dạ tiệc khác, giống nó, nhưng vắng Nina), tôi nhớ là mình đã sửng sốt không hẳn chỉ vì thái độ dửng dưng của nàng với tôi, mà chủ yếu vì vẻ tự nhiên hết sức chân thành của thái độ dửng dưng ấy, do khi đó tôi vẫn còn chưa biết rằng chỉ cần tôi nói đôi lời là nó sẽ lập tức thay

ngay cái sắc thái cảm xúc lạ lùng ấy bằng sự hợp tác vui vẻ, hiền hậu, hăng hái trong khả năng cho phép, hết như tình yêu của đàn bà là nước nguồn chứa những chất muối tốt lành mà nàng sẵn lòng cho bất cứ ai uống từ chiếc gàu nhỏ của mình, miễn anh đừng lơ đi.

— Hình như lần cuối chúng mình gặp nhau ở Paris, — tôi nhận xét, để gọi lên một trong các biểu hiện quen thuộc với tôi trên khuôn mặt nhỏ có lưỡng quyền cao cùng đôi môi thắm màu huyết dụ của nàng; và quả thật: nàng cười như thể tôi đùa vô duyên hoặc, chi tiết hơn, như thể tất cả các thành phố ấy, những nơi số phận từng ấn định cho chúng tôi các cuộc gặp mà tại đó chính nó không xuất hiện, mọi sân ga, cầu thang, ngõ hẻm hơi-hơi giả ấy, chỉ là các bối cảnh còn lưu lại từ những tấn trò đời nào đó khác đã diễn xong và liên quan đến cuộc chơi số phận chúng tôi ít đến nỗi nhắc đến chúng là việc gần như vô vị.

Tôi đi cùng nàng đến một cửa hiệu tình cờ dưới dãy cuốn; tại đó, trong nhập nhoạng ánh cườm, nàng lần lựa rất lâu, lựa đi lựa lại những chiếc ví da đỏ nào đó nhồi đầy giấy mềm, nhìn lên thẻ giá trên mắc, chẳng khác nào muốn biết tuổi chúng; sau đó nhất định đòi chiếc hết như

vậy, nhưng màu nâu vàng, và khi, sau chực phút sột soạt, chính chiếc ví như vậy được tìm thấy bằng phép lạ nào đấy, nàng lấy tiền từ tay tôi, nhưng sức nhớ ra đúng lúc, rồi chúng tôi đi ra, chẳng mua gì.

Phố vẫn ấm, vẫn lặng lờ như trước; khói nồng, khiến ký ức Tác-ta của tôi xao xuyến, bay đến từ những ô cửa trần trụi của các ngôi nhà nhợt nhạt; đàn muỗi mắt mãi miết mạng lại không khí trên cây trinh nữ ơ hờ nở hoa và thả nhánh xuống tận đất; hai công nhân đội mũ rộng vành đang nhai phó-mát với tôi, tựa lên tấm áp-phích, trên đó dán hình một khinh kỵ binh, một người dạy thú râu ria với con hổ da cam trên lớp lót trắng, hơn nữa, do muốn làm cho nó càng hung dữ càng tốt, họa sỹ đã đi xa đến mức trở lại từ phía khác, cho mõm nó có vẻ gì đó giống người.

— *Au fond*¹, em muốn cái lược, — Nina nói với vẻ luyến tiếc muộn màng.

Tôi quá quen sự lưỡng lự, do dự, nhớ nhớ quên quên, cảnh tất tả ngược xuôi của nàng! Nàng lúc nào cũng hoặc là vừa đến hoặc là sắp đi

¹ Thực ra. (Tiếng Pháp).

ngay bây giờ. Nếu tôi cần trình ra tại cuộc thi về kiếp sống cõi này một kiểu tư thế của nàng, có lẽ tôi sẽ đặt nàng cạnh quầy tiếp tân trong phòng vé, chân bắt chéo, một chân gõ mũi giày xuống vải lót sàn, khuỷu tay và túi đặt trên cái quầy mà đằng sau nó có một nhân viên vừa lấy từ trên tai xuống một cây bút chì vừa ngẫm nghĩ cùng nàng trên sơ đồ toa ngủ.

Lần đầu tiên tôi gặp nàng ở nước ngoài tại Berlin, ở chỗ người quen. Tôi sắp lấy vợ; nàng vừa chia tay chồng chưa cưới. Tôi bước vào, nhìn thấy nàng từ xa và xác định được một cách máy móc, nhưng không hề nhầm lẫn, sau khi đưa mắt nhìn những người đàn ông khác trong phòng, là ai trong số họ biết về nàng nhiều hơn tôi biết. Nàng ngồi dúm chân vào góc đi-văng, gập thân hình nhỏ nhắn, thoải mái của mình thành hình chữ Z; một cái gạt tàn nằm ngay trên đi-văng cạnh gót giày nàng; và sau khi chăm chú nhìn tôi, lắng nghe tên tôi, nàng kéo khỏi môi một cái tẩu dài như cọng cỏ và reo lên ngân nga, hoan hỉ “Không!” (theo nghĩa “tôi không tin vào mắt mình”), và tất cả thấy ngay, mà nàng là người đầu tiên, rằng chúng tôi thân thiết đã lâu: nàng quên hẳn nụ hôn ấy, tuy nhiên (dẫu sau thì cũng qua nó) nàng còn lưu lại ấn tượng chung về điều

gì đó thân thiết, một hồi ức về thứ tình bạn nào đó thực ra chưa bao giờ tồn tại giữa chúng tôi. Như vậy là toàn bộ kho tàng quan hệ của chúng tôi ngay từ đầu đã được dựng lên trên thứ của cải hư ảo và phi thực, nếu như dù vậy vẫn không tính đến món hời trực tiếp từ sự khát tình vô tư, hào phóng, thân thiện của nàng. Cuộc gặp hoàn toàn vớ vẩn theo nghĩa những lời vừa nói, song chẳng còn chướng ngại nào ngăn cách chúng tôi nữa, và, khi tình cờ ngồi cạnh nàng bên bàn trà, tôi đã trắng trợn thử mức độ chịu đựng thầm kín của nàng.

Rồi thì nàng lại mất hút, còn năm sau tôi với vợ tiễn chân cậu em đi Vienna, rồi khi đoàn tàu, nhắc các khung cửa lên và quay mình, đi mất, còn chúng tôi bước về phía cửa ra theo hướng khác của nhà ga, thì, đột nhiên, gần toa tàu tốc hành Paris, tôi nhìn thấy Nina, nàng đang vui mặt vào những bông hồng, giữa nhóm người mà thật bực mình là tôi chẳng hề quen biết, họ đứng vòng quanh và nhìn nàng, như bọn vô công rồi nghề nhìn cuộc cãi cọ trên phố, đứa trẻ lạc hay người bị thương, hiển nhiên là họ đang đưa tiễn nàng. Nàng vẫy hoa chào tôi, tôi giới thiệu nàng với Elena Konstantinovna, và trong làn gió nhẹ được đời đưa đẩy trên sân ga ấy, chỉ cần trao đổi vài

lời là đã đủ để hai người đàn bà khác nhau về mọi mặt gọi nhau ngay từ cuộc gặp sau bằng tên riêng, rút ngắn chúng thoải mái tới mức như thể chúng đã bay qua bay lại trên miệng họ từ thuở ấu thơ. Lúc ấy, trong bóng râm xanh lam của toa tàu, lần đầu họ nhắc đến Ferdinand: tôi được biết là nàng sắp lấy y. Đã đến lúc lên tàu, nàng nhanh nhẹn, nhưng với thái độ rất ngoan đạo, hôn mọi người, rồi leo lên cửa toa, biến mất, sau đó, xuyên qua kính, tôi nhìn thấy nàng thu xếp chỗ trong cu-pê và đột nhiên quên hẳn chúng tôi, chuyển qua thế giới khác, vậy là, dường như tất cả chúng tôi, thủ tay trong túi, đương nhìn trộm một thế giới không chút nghi ngờ sau ô cửa sổ, chừng nào nàng chưa hồi tỉnh, gõ gõ lên kính, sau đó ngược mắt, treo tranh, nhưng không được; có ai đó giúp nàng, và nàng nhào người ra, vô cùng hài lòng; một người trong số chúng tôi, đã đến lúc phải đi, đưa nàng tờ tạp chí với một cuốn của Tauchnitz (nàng chỉ đọc tiếng Anh khi trên tàu), mọi thứ buột đi trơn tuột, còn tôi vẫn cầm chiếc vé vào ga bị vò nhàu đến không thể nhận ra được, trong đầu thì ngân nga ám ảnh bản tình ca (liên quan, như người ta nói, đến vở kịch tình yêu Paris nào đó) thuộc thế kỷ khác, chỉ có trời biết tại sao lại trở lên từ hộp nhạc trí nhớ, một khúc nhạc từng được hát bởi người bà con xa của

tôi, một cô gái lữ thì, xấu xí dị dạng, có bộ mặt vàng ệch như sáp nhà thờ, nhưng lại chiếm hữu giọng ca hùng mạnh, tròn đầy một cách mê ly, đến nỗi nó như đám mây lửa nuốt chửng cô ấy ngay khi cô cất lời:

On dit que tu te maries,

*Tu sais que j'en vais mourir,...*¹

và nhạc điệu ấy, nỗi giận hờn giày vò ấy, sự kết hợp được âm nhạc gọi lên giữa vòng hoa với cái chết ấy, và chính giọng nữ ca sỹ, đi cùng hồi ức như chủ nhân giai điệu, vài giờ liên tiếp không để tôi yên, vâng, sau đó lại còn xuất hiện, với những quãng cách tăng dần, như những làn sóng lăn tăn cuối cùng, mỗi lúc một thưa hơn, mỗi lúc một phân tán hơn, hoặc như các rung động mù quáng còn yếu ớt ngân lên sau khi người đánh chuông đã lại ngồi quay quần với gia đình vui vẻ của mình. Rồi một hai năm sau tôi có việc ở Paris, và ngay chỗ ngoặt cầu thang trong khách sạn nơi tôi sẵn diễn viên tôi cần, chúng tôi lại không hẹn mà gặp: nàng đang chuẩn bị đi xuống, cầm chìa khoá trong tay, “Ferdinand đi đấu kiếm rồi”, — nàng tự dưng nói vậy và nhìn phần dưới

¹ Nghe tin anh đã gửi thiệp hồng / Em buồn chết mất, anh biết không,... (Tiếng Pháp).

mặt tôi, thăm cân nhắc gì đó rất nhanh (sự sáng dạ của nàng trong tình ái là có một không hai), rồi quay người lại, uốn éo trên các mắt cá mảnh mai, đưa tôi theo sàn dạ xanh lam, trên chiếc ghế cạnh cửa phòng nàng còn đặt cái khay được mang ra ngoài cùng những gì còn lại từ bữa sáng đầu tiên, với vết mật ong trên dao ăn và rất nhiều mẩu vụn trong đĩa sứ xám, nhưng phòng đã được dọn, và do làn gió lùa của chúng tôi mà diềm tấm rèm voan thêu những bông thược dược trắng giữa hai nửa vờn hồi sinh của ô cửa sổ sát sàn trông ra một ban-công gang rất hẹp bị hút vào rồi mắc lại, chỉ khi chúng tôi đã sập chốt thì nó mới, với tiếng thở ra khoan khoái, buông nếp rèm xuống; rồi lát sau, tôi bước ra ban-công nhỏ ấy, từ phố vắng ban mai u ám thấp thoáng sắc xám tử đinh hương, thoang thoảng mùi xăng, mùi lá phong mùa thu: vâng, mọi chuyện diễn ra mới đơn giản làm sao, vài tiếng kêu nhỏ và tiếng cười khẽ mà chúng tôi tạo ra thật không ăn khớp với hệ thống thuật ngữ lãng mạn đến nỗi chẳng có chỗ nào để đút vào cái từ găm vóc: phụ tình; và bởi vì tôi hãy còn chưa biết cảm nhận sự thương hại bệnh hoạn sẽ đầu độc các cuộc gặp của tôi với Nina, thành thử tôi có lẽ đã hoàn toàn vui vẻ (chính nàng chắc cũng vui), khi chúng tôi đi từ nơi ấy đến một văn phòng nào đó để tìm

chiếc va-li nào đó nàng đánh mất, sau đó lên đường đến tiệm cà phê, nơi chồng nàng đang ngồi với đoàn tùy tùng hồi ấy của mình.

Tôi không nêu họ, và vì phép lịch sự nên thậm chí tôi đổi cả tên người Hung-ga-ri ấy, một kẻ viết tiếng Pháp và còn là nhà văn nổi tiếng ấy... tôi không muốn kể lể về y, nhưng y cứ tòi ra từ dưới ngòi bút tôi. Giờ thì danh tiếng y đã lu mờ, và điều đó khiến tôi vui: thế nghĩa là không chỉ mình tôi cưỡng lại sức hấp dẫn quý quái của y; không chỉ mình tôi nếm trải cảm giác ớn lạnh rần rết khi cầm lên tay cuốn sách tiếp theo của y. Tiếng đồn về những kẻ như y bay nhanh dữ dội, nhưng chẳng mấy chốc đã lắng xuống và dịu lại đến mức gần như bị lãng quên, và lịch sử chỉ còn lưu giữ văn bia với giai thoại mà thôi. Hay giễu cợt, kiêu ngạo, với trò chơi chữ kịch độc¹ luôn sẵn sàng, với vẻ đờ đờ chờ lạ lùng ở đôi mắt Ai Cập, kẻ thích đùa vờ vịt này tác động không đỡ được lên các động vật hữu nhũ nông cạn. Nhờ đã nghiên cứu đến mức hoàn thiện về bản chất các chuyện hư cấu, cho nên y đặc biệt kiêu ngạo với cái danh hiệu người sáng tác mà y đặt cao hơn danh hiệu nhà văn; tôi thì chẳng bao giờ hiểu nổi,

¹ Nghĩa nguyên bản tiếng Nga: Xyanua.

làm sao lại có thể bịa ra cả cuốn sách, lợi lộc gì trong cái việc bịa đặt đó; và, chẳng sợ ánh mắt nhả nhận đầy vẻ chế giễu của y, tôi từng có lần thú nhận với y rằng tôi mà là văn sỹ, thì chắc là tôi chỉ cho phép trái tim mình có sức tưởng tượng, và có thể cho phép thêm cả trí nhớ, cái bóng dài chiều muộn ấỵ của chân lý, song chẳng vì lý do gì tôi phải đưa lý trí qua các vũ hội hóa trang.

Lúc tôi gặp y thì sách y đã nổi tiếng; nổi hân hoan nồng nổi mà thoát đầu tôi cho phép mình khi đọc y, đã bị thay thế bằng cảm giác hơi ghê tởm. Khi y bắt đầu nghiệp viết thì xuyên qua các cửa sổ sơn phết thuộc thứ văn xuôi dị thường của y vẫn còn có thể nhận ra được khu vườn nào đó, bố cục lơ mơ quen thuộc nào đó của cây cối... nhưng sau mỗi năm thì nét vẽ trở nên mỗi lúc một dày đặc hơn, màu hồng và màu tía mỗi lúc một hăm dọa hơn; giờ thì đã chẳng còn thấy được gì qua tấm kính quý đáng sợ ấy nữa, và có cảm giác rằng nếu đập vỡ nó thì chỉ có một thứ duy nhất phang vào tâm hồn là màn đêm đen kịt và hoàn toàn trống rỗng. Nhưng y từng nguy hiểm làm sao trong thời sung sức của mình, từng phun những chất kịch độc nào, từng quất những nhát roi quyết liệt nào, nếu y bị đụng chạm đến!

Sau khi cơn cuồng phong của y đi qua, y để lại sau mình một mặt nước phẳng lặng trơ trụi, nơi cây cối đổ rạp nằm bằng bặt, bụi còn cuồn cuộn, và người điếm sách hôm qua, tru lên vì đau, quay như con cù trong bụi. Lúc ấy, "*Passage à niveau*"¹ của y đang có tiếng vang ở Paris, y đang, như người ta nói, "được bu kín", và Nina (vốn có tính linh hoạt với tài khéo léo bù đắp cho sự thiếu giáo dục) đã vào vai, tôi không nói nàng thơ, mà đồng chí thân cận của đức ông chồng kiêm đáng sáng tạo của mình; thậm chí hơn nữa: một nữ cố vấn thầm lặng, ân cần trượt theo các khúc lượn kín đáo của y, mặc dù thực ra thì vị tất nàng đã đọc hết được dù chỉ một cuốn sách của y, mà chỉ biết rõ những tình tiết hay nhất từ cuộc đàm đạo giữa những người bạn chọn lọc. Khi chúng tôi vào tiệm cà phê, ở đó đang có dàn nhạc nữ biểu diễn; tôi tiện thể để ý thấy bắp đùi đà điểu của cây đàn hạc phản chiếu trong một trong số những cây cột có các cạnh ốp gương, sau đó lập tức thấy cái bàn ghép, mà đằng sau nó, giữa cạnh dài và lưng tựa vào nhung, Ferdinand đang làm chủ tọa, và trong khoảnh khắc, cái tư thế ấy của y, vị trí đôi tay dang ra cùng các khuôn mặt hướng về y của những người ngồi cùng bàn nhắc

¹ Chấn tàu. (Tiếng Pháp).

tôi nhớ lại theo một lối lối bịch gớm ghiếc... chính xác là nhớ gì thì chính tôi lúc ấy cũng không hiểu, còn sau này, khi đã hiểu ra, thì tôi kinh ngạc với sự báng bổ của việc so sánh ấy, tuy nhiên nó cũng chẳng báng bổ hơn chính nghệ thuật của y. Y đưa mắt nhìn âm nhạc; trên người y, dưới tấm áo vét màu hạt dẻ là chiếc săng-đay dẹt kim cổ lộ màu trắng; trên mái tóc chải ngược từ thái dương, khói thuốc, lơ lửng như vàng hào quang, lặp lại theo y trong gương; khuôn mặt xương xương và thuần chủng, như thường xác định, thì bất động, chỉ đôi mắt là lướt qua lướt lại đầy mãn nguyện. Để đổi các chốn quen quá dễ thấy, những nơi bọn phàm phu tục tử hay kiếm y, y đã lựa tiệm cà phê lịch sự, buồn tẻ này và trở thành khách quen của nó do cái cảm giác khô hài cố hữu hết sức đặc biệt với y, thấy được sự thú vị mê ly chính ở món mỗi câu thăm hỏi của tiệm cà phê này: ban nhạc gồm nửa tá đàn bà, một mỗi và ngưng ngưng, ngồi xe từng sợi nhạc và chẳng biết, theo diễn đạt của y, để bộ ngực thừa thãi vào đâu trong thế giới hòa âm. Sau từng tiết mục, y lại lên cơn động kinh vỗ tay, và đã gieo (tôi cảm thấy vậy) nghi vấn đầu tiên vào lòng ông chủ tiệm cà phê cùng các vị khách thật thà của ông ta, song lại làm cho bạn bè Ferdinand rất vui. Ở đó còn có: một họa sỹ với cái đầu trọc hoàn hảo,

nhưng hơi sứt mẻ, mà gã thường xuyên vẽ vào các bức tranh của mình (nàng Salome với trái ky); một thi sỹ, biết cách dùng năm que diêm để miêu tả toàn bộ lịch sử sự sa ngã của tổ tông, một gã pê-đê lễ phép, có đôi mắt van xin; một nghệ sỹ dương cầm rất nổi tiếng, mặt mũi nhìn cũng bình thường, song các ngón tay có vẻ ngoài thật khủng khiếp; và một nhà văn Sô-viết hiên ngang với cái đầu lồm chồm lông nhím cùng cái tẩu, mười phần thành kính mặc dầu không hiểu mình đang rơi vào nhóm người nào; ở đó còn rất nhiều quý ông khác ngồi, giờ thì họ lẫn lộn hết trong trí nhớ tôi, trong đám ấy chắc có đôi ba người từng đi chơi¹ với Nina. Nàng là cô gái duy nhất tại bàn, nàng so vai, hút cọng rơm, và, với sự nhanh nhẹn trẻ con nào đó, hạ thấp mức nước trong cốc, chỉ khi dưới đáy cốc bắt đầu kêu ọc ọc và chít chít, còn nàng buông lưỡi khỏi cọng rơm, chỉ khi đó thì cuối cùng tôi mới bắt được ánh mắt nàng, ánh mắt mà tôi cứ kiên nhẫn truy lùng, do vẫn chưa nhận thức được là nàng đã kịp quên hẳn chuyện xảy ra hồi sáng; quên tệt đi đến mức khi gặp ánh mắt tôi, nàng đáp lại tôi bằng nụ cười tỏ ý muốn hỏi, và chỉ sau khi nhìn chăm chú, mới sực nhớ ra là lẽ ra nên cười kiểu khác. Giữa lúc ấy, nhân khi

¹ Bản tiếng Anh: quan hệ tình dục.

các quý cô, sau khi đẩy các nhạc cụ, như đồ đạc, đã tạm rời bụi diễn, Ferdinand chế giễu ông già lạ mặt ngồi gần đó, với thứ gì đó màu đỏ trên ve áo và bộ râu bạc kết hợp cùng hàng ria tạo thành tổ ấm vàng vàng cho cái miệng đang nhai một cách tham lam. Chẳng hiểu sao mà Ferdinand luôn thấy buồn cười với các huân chương của tuổi già.

Tôi ở lại Paris không lâu, nhưng sau ba ngày vật vờ cùng nhau, giữa tôi với Ferdinand đã nảy nở những mối quan hệ vui vẻ, mà y rất giỏi lợi dụng. Sau này, tôi thậm chí thành ra lại hữu ích cho y: hăng tôi mua cốt truyện của y cho một bộ phim, và lúc ấy y bắt đầu hành hạ tôi bằng các bức điện tín. Suốt mười năm ấy chúng tôi đã chuyển qua gọi nhau bằng cậu tớ và bỏ lại tại đôi ba địa điểm nào đó các đê-pô nhỏ của hồi ức chung... Nhưng tôi luôn thấy khó ở khi có mặt y, và lúc này, được biết rằng y cũng đang ở Fialta, tôi lại cảm thấy sự suy nhược tinh thần quen thuộc; chỉ có một điều an ủi được tôi: sự thất bại gần đây của vở kịch mới của y.

Và đây, y đến gặp chúng tôi, bận chiếc bành-tô tuyệt nhiên không thấm nước với dây lưng, nắp túi, máy ảnh choàng qua vai, đi đôi giày lòn lẹt đóng đế kép bằng nhựa kết, điềm tĩnh mút

(tuy nhiên vẫn ra cái vẻ hầy-nhìn-xem-ta-mút-buồn-cười-không) một chiếc kẹo ca-ra-men dài, đẫm ánh trắng, đặc sản Fialta. Bên cạnh y, vừa đi vừa hơi nháy chân sáo là Segur, một công tử bột có làn da thiếu nữ ửng hồng đến tận mắt và mái tóc xanh đen bóng mượt, một kẻ duy mỹ và cũng là thằng ngốc chính tông; Ferdinand đang cần gã để làm việc gì đó (gặp dịp, Nina, với sự trù mến rên rỉ không thể bắt chước được và cũng chẳng hứa hẹn gì, reo lên đái bôi: “dễ thương quá, Segur”, nhưng không đi sâu vào chi tiết). Họ đến gần, tôi với Ferdinand chào hỏi nhau khá cường điệu, cố siết chặt tay nhau hơn và cùng biết rõ theo kinh nghiệm rằng thực ra thế là xong rồi, nhưng vẫn làm ra bộ rằng đây mới chỉ là khởi đầu; chúng ta luôn như vậy: sau cuộc chia ly thông thường, chúng ta gặp lại nhau dưới tiếng nhạc đệm từ các dây đàn được lên một cách xao xuyến, trong cảnh lằng xằng thân thiện, giữa tiếng ồn ào của các thứ tình cảm đang ổn định chỗ ngồi, nhưng người soát vé đã đóng cửa rồi, không cho ai vào nữa.

Segur phàn nàn với tôi về thời tiết, còn tôi thậm chí thoát tiên không hiểu là y nói về thời tiết nào: cái thực tại xám xịt, ẩm hơi nhà kính, giữa xuân Fialta này nếu như có thể gọi là thời

tiết, thì nó cũng nằm hẳn ra ngoài mọi điều có thể được tôi với y dùng làm chủ đề trò chuyện, hết như cái khuỷu tay gầy gò của Nina, mà tôi đang kẹp giữa hai ngón, hay ánh lấp lánh của tờ giấy bạc bị quăng xuống giữa mặt đường gồ lên đằng xa. Bốn chúng tôi đi tiếp, vẫn với mục đích mua sắm linh tinh. “Một người da đỏ tuyệt chưa!” — Ferdinand đột nhiên kêu lên với vẻ thèm muốn mãnh liệt, giật mạnh tay áo tôi, hích tôi và chỉ lên tấm áp-phích. Xa hơn đôi chút, gần đài phun nước, y tặng que kẹo ca-ra-men chậm tan của mình cho cô bé bán xứ đeo chuỗi hạt; chúng tôi dừng bước để đợi y: ngồi xổm xuống, y nói gì đó, hướng về hàng mi bông thấp, như xoa bồ hóng của cô bé, sau đó đuổi kịp chúng tôi, cười toe toét và đưa ra một trong các nhận xét tục tĩu mà y vẫn thích dùng để đóng dấu lên lời nói của mình. Sau đó, sự chú ý của y bị hút đến một vật quái gở thậm hại được trưng bày trong quầy bán đồ lưu niệm: một cục đá na ná núi thánh George với đường hầm đen ngay dưới chân, thực ra là miệng bình mực, với rãnh đặt bút được làm dưới dạng đường ray xe lửa. Vừa há hốc mồm, vừa run lên vì vui sướng, y lật đi lật lại trên tay món đồ bụi bặm, cồng kềnh, và hoàn toàn không có năng lực chịu trách nhiệm ấy, rồi trả tiền mà không thèm mặc cả, và, vẫn với cái miệng còn mở, đi ra

ngoài, mang theo quái vật ấy. Như bạo chúa vẫn cho bọn gù và lũ người lùn vây quanh mình, y cũng nghiệm các món đồ gốm guốc này nọ, trạng thái đó có thể kéo dài từ năm phút đến vài ngày, thậm chí lâu hơn, nếu như món đồ ấy có sinh khí.

Nina bắt đầu mơ đến bữa sáng và thừa lúc Ferdinand cùng Segur ghé vào bưu cục, tôi vội đưa nàng đi. Tự tôi cũng không hiểu, có gì hay ở người đàn bà nhỏ nhắn, vai hẹp, với đôi chân Pushkin¹ này (như một thi sỹ Nga, mẫn cảm và kiểu cách, một trong số ít kẻ thầm thương trộm nhớ nàng, nói về nàng lúc có mặt tôi), và tôi lại càng không hiểu số phận muốn gì ở chúng tôi khi không ngừng đưa chúng tôi đến bên nhau. Tôi không gặp nàng khá lâu sau cuộc hội ngộ ấy ở Paris, sau đó có lần nào đó tôi về nhà và thấy: nàng đang dùng trà với vợ tôi và coi đôi tất lụa mua giảm giá trên bàn tay đeo chiếc nhẫn cưới lộ rõ. Một ngày thu nọ, tôi được đưa cho xem mặt nàng trong tạp chí thời trang. Một ngày lễ Phục sinh nọ, nàng gửi cho tôi tấm bưu thiếp có hình

¹ Александр Сергеевич Пушкин (1799-1837) là nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng người Nga. Được tôn vinh là đại thi hào, Mặt trời thi ca Nga, ông đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại và là biểu tượng của dòng văn học lãng mạn Nga thế kỷ 19.

quả trứng. Có lần, khi tôi ghé qua chỗ người lạ theo một phó thác tình cờ, tôi nhìn thấy chiếc áo lông của nàng giữa những cái bánh-tô treo trên móc (chủ nhà đang có khách). Một dịp khác, nàng gật đầu chào tôi từ cuốn sách của chồng, từ dưới những dòng chữ liên quan đến một cô hầu tuy vai phụ, nhưng cho nàng chỗ nương thân (chắc là trái hẳn với dụng ý của y): “Dung mạo cô ấy, — Ferdinand viết, — giống tấm ảnh chụp thiên nhiên hơn là bức chân dung tỉ mỉ, thành thử khi nhớ đến nó, bạn sẽ chẳng lưu giữ được gì, ngoài sự thấp thoáng các nét tách biệt: đôi gò má phủ đầy lông tơ dưới ánh sáng, chỗ tối màu hổ phách của đôi mắt nhanh, đôi môi, in hình nụ cười thân thiện, luôn sẵn sàng chuyển thành nụ hôn nóng bỏng.” Hết lần này đến lần khác, nàng vội vã xuất hiện bên lề cuốn sách đời tôi, mà hoàn toàn không ảnh hưởng đến văn bản chính. Có bận, khi gia đình tôi đương ở dã thự ngoại ô, còn tôi nằm viết trên giường, trong một ngày thứ Sáu nắng nức (người ta đập sạch thảm), tôi nghe giọng nàng ngoài hành lang: nàng ghé qua để bỏ lại chiếc rương nào đấy dính đầy mề đay đường xá, và tôi chẳng bao giờ viết xong được những gì tôi đã bắt đầu, còn chiếc rương của nàng thì sau đó nhiều tháng mới có một người Đức dễ thương xuất hiện để lấy, một gã (theo các dấu hiệu khó

tả, nhưng không thể nghi ngờ) có chân trong cái hội hết sức quốc tế mà tôi cũng có chân. Đôi lúc, ở nơi nào đó, giữa cuộc chuyện trò chung, có nhắc đến tên nàng, và nàng chạy theo các bậc lời ai đó nói, mà không ngoái lại. Khi đến một thị trấn vùng Pyreness, tôi nghỉ vài tuần ở nhà bạn nàng, vợ chồng nàng cũng đang ở thăm họ, và tôi chẳng bao giờ quên đêm đầu tiên tôi ở đó: tôi đã chờ đợi, tôi đã tin chắc, là nàng sẽ lên đến gặp tôi, song nàng không tới, và những con đế đã hóa đại dưới vực sâu run rẩy, đấm ánh trăng của khu vườn lờm chớm đá, những dòng suối rì rào, và tôi bị giằng xé giữa sự mệt mỏi khoan khoái sau chuyến đi xuống phía nam, với nỗi khát khao cuồng dại chờ nàng đến ngọt ngào, chờ đôi mắt cá hồng hào trên nẹp giày viền lông thiên nga, nhưng đêm gào rít, còn nàng chẳng đến, rồi hôm sau, trong lúc cả bọn cùng đi dạo trên các ngọn đồi thạch nam, tôi kể cho nàng nghe về cuộc chờ đợi của mình, nàng đan tay vào nhau đầy vẻ nuối tiếc và lập tức liếc nhanh mắt ước lượng xem các tấm lưng của Ferdinand đang khoa tay múa chân và bạn y đã đi đủ xa hay chưa. Tôi vẫn nhớ tôi đã chuyện trò thế nào với nàng qua cuộc điện thoại xuyên nửa châu Âu, mãi mới nhận ra giọng nói cộc lốc của nàng, khi nàng gọi tôi để nhờ việc của chồng; và tôi vẫn nhớ, có lần tôi mơ thấy nàng ra

sao: hình như con gái lớn của tôi chạy đến nói rằng người gác cửa gặp chuyện không may, và khi tôi xuống chỗ ông ta thì nhìn thấy ở đó, giữa lối đi, trên chiếc rương, kê tấm vải gai cuộn tròn dưới đầu, xanh xao và trùm kín khăn, Nina đang ngủ như chết, chẳng khác gì những người di cư cùng khổ vẫn ngủ tại các nhà ga bị Chúa lãng quên. Và dù cho có chuyện gì xảy đến với tôi hay với nàng, mà nàng tất nhiên cũng có những chuyện “buồn-vui” (cách nói tháu của nàng) trong gia đình, thì chúng tôi vẫn chẳng bao giờ dò hỏi nhau về bất cứ điều gì, chẳng bao giờ nghĩ về nhau trong những đoạn nghỉ ngơi của số phận, thành thử mỗi khi chúng tôi gặp nhau, tốc độ sống lập tức thay đổi, các nguyên tử chuyển chỗ, và tôi với nàng sống trong thời gian khác, ít đậm đặc hơn, được tính không phải bằng các cuộc chia ly, mà bằng vài cuộc gặp ấy, những cuộc gặp khiến cuộc sống ngắn ngủi, mỏng manh hư ảo này của chúng tôi lầm đường lạc lối. Với mỗi cuộc gặp mới, tôi lại trở nên bất an hơn; đồng thời, tôi nhấn mạnh rằng tôi không cảm thấy bất cứ sự đứt gãy cảm xúc nào bên trong, không có bóng ma thăm kịch nào đồng hành cùng chúng tôi, cuộc sống vợ chồng của tôi vẫn bất khả xâm phạm, mặt khác thì Ferdinand (tự bản thân là kẻ theo chủ nghĩa chiết trung trong

sinh hoạt nhục dục, vợ vét thiên nhiên bằng các phương pháp sáng tạo nhất) cho là chẳng theo dõi vợ thì hơn, mặc dù cũng có thể y đã kiếm được món lợi gián tiếp và gần như không chú tâm từ các mối quan hệ mau chóng của cô ta. Tôi trở nên bất an còn vì đã trót tiêu xài vô bổ một thứ gì đó đáng yêu, tao nhã, có một không hai, mà tôi đã lạm dụng khi chớp lấy những mẫu vụn ngẫu nhiên nhất, quyến rũ một cách thâm hại nhất, và xem thường tất cả những gì tuy giản dị, nhưng đáng tin, mà, rất có thể, nó đã thì thào hứa hẹn. Tôi bất an vì tôi rất cuộc đã chấp nhận cuộc sống của Nina, sự dối trá và nhảm nhí của cuộc sống ấy. Tôi bất an vì mặc dù không có xung đột nào, song tôi vẫn buộc phải, dẫu chỉ theo thói quen tìm kiếm một lý giải trừu tượng về sự tồn tại của chính mình, lựa chọn giữa cái thế giới, nơi tôi ngồi như trong tranh cùng vợ, các con gái, chú chó đô-béc-man pin-chor¹ (các vòng hoa đồng nội, nhẫn đá quý với cây ba-toong mảnh mai), giữa cái thế giới hạnh phúc, thông minh, hiền hậu ấy... với gì đây? Lẽ nào lại có cơ hội nào đó cho cuộc sống giữa tôi với Nina, một cuộc sống rất

¹ Doberman pinscher. Giống chó Đức, được đặt theo tên người tạo giống (Karl Friedrich Louis Dobermann), con đực nặng khoảng 40-45 cân, con cái nặng khoảng 32-35 cân.

khó hình dung, sớm ngập tràn nỗi sầu muộn nồng nàn, không sao chịu nổi, một cuộc sống mà từng khoảnh khắc của nó dường như đều run rẩy lắng nghe sự im lặng từ dĩ vãng? Ngu xuẩn, ngu xuẩn! Vả lại, nàng vẫn gắn bó với chồng bằng tình hữu ái khổ sai son sắt... Ngu xuẩn! Vậy thì tôi phải làm gì với cô đây, Nina, phải bán đi đâu chỗ vốn buồn đã tích lũy dần dần từ sự lặp lại các cuộc gặp tương chừng vô ưu, song thực ra là vô vọng của chúng ta!

Fialta bao gồm thành phố cũ và thành phố mới; nhưng mới với cũ đan xen... chúng tranh đấu, hoặc để thoát ra, hoặc để đẩy nhau đi, và trong việc đó, mỗi bên có phương sách riêng: mới đấu tranh một cách chính trực bằng đại lộ trồng cỏ, bằng chính diện phòng đối tiền, bằng cát đỏ ở sân ten-nít, cũ thì bằng con phố nhỏ lết trên nạng ra từ một góc hoặc bằng các bậc thềm của một nhà thờ đổ nát. Trên đường về khách sạn, chúng tôi đi ngang qua một biệt thự trắng hãy còn chưa xây xong, hãy còn trống và ngập xà bần bên trong, trên tường của nó: lại vẫn những con voi ấy, doãng các đầu gối trẻ con một cách quái đản, ngự trên những trụ đế; nữ kỹ sỹ (đã bị bôi ri-a) mặc váy ba-lê mỏng tang nghỉ trên lưng con ngựa béo; chú hề mũi cà chua bước trên dây

chảo, tay cầm chiếc ô được tô điểm bằng cũng các ngôi sao ấy: hồi ức mơ hồ về quê hương thiên đường của các nghệ sỹ xiếc. Nơi ấy, trên gác Fialta, sỏi ướt lạo xạo giống ở nơi nghỉ dưỡng hơn hẳn, và có thể nghe rõ hơn tiếng gầm gào lười biếng của biển. Trong sân sau khách sạn, cậu bé phụ bếp cầm dao đuổi theo con gà mái đang tăng tốc chạy đua. Người đánh giày quen thuộc nở nụ cười không răng mời tôi chiếc ngai đen của mình. Dưới những cây tiêu huyền đang đậu một chiếc mô-tô mác Đức, một chiếc li-mu-zin cũ bản vẫn còn giữ ý tưởng xe ngựa, và một chiếc ô-tô vàng, giống hệt con bọ: “Xe bọn em đấy, nghĩa là của Segur, — Nina nói, và bổ sung: — đi cùng bọn em nha, Vasenka?”, dù nàng biết rõ là tôi không thể đi được. Trên lớp sơn bóng của tấm chắn bùn trải dài bức tranh màu nước với bầu trời và những nhánh cây; trên kim loại của một trong những chiếc đèn pha hình quả trái phá, chính tôi với nàng soi bóng trong khoảnh khắc, trượt ngang theo mặt cong, rồi sau vài bước, không hiểu sao tôi ngoái lại và dường như nhìn thấy những gì sẽ thực sự diễn ra sau một tiếng rưỡi nữa: ba người bọn họ ngồi vào, đội mũ bảo hiểm ô-tô, cười và vẫy tôi; họ trong suốt, như những bóng ma, xuyên qua họ có thể thấy rõ sắc màu dương gian; rồi họ giật lên, bắt đầu chạy,

nhỏ dần đi (lời chào mười ngón cuối cùng của Nina): nhưng trên thực tế thì chiếc ô-tô hãy còn đứng bất động, bóng loáng và nguyên vẹn, như quả trứng, rồi Nina với tôi bước vào hàng hiên lấp kính tại nhà hàng của khách sạn, và qua cửa sổ, chúng tôi đã thấy Ferdinand với Segur (đi bằng lối khác chúng tôi) đang đến gần.

Trên hiên, nơi chúng tôi ăn sáng, chẳng có ai ngoài người Anh tôi vừa mới thấy; trên cái bàn trước mặt y có để chiếc ly lớn đựng thức uống đồ rục, hắt ánh hồi quang hình ô-van lên khăn trải bàn. Tôi nhận ra trong đôi mắt trong veo của y cũng thứ đục vọng lì lợm mà tôi đã có lần nhìn thấy, nhưng giờ thì nó tuyệt nhiên không dính dáng đến Nina, y hoàn toàn chẳng ngó ngang đến nàng, và hướng ánh mắt chăm chú, thềm thường vào góc trên ô cửa sổ rộng mà y ngồi cạnh.

Lột đôi găng khỏi hai bàn tay gầy nhỏ, Nina ăn lần cuối trong đời món nhuyễn thể mà nàng rất thích. Ferdinand cũng đang mãi ăn, và tôi tận dụng cơn đói của y để khởi đầu cuộc chuyện trò cho tôi chút quyền lực với y: chính tôi nhắc đến thất bại mới đây của y. Sau khi lướt qua giai đoạn khai sáng tôn giáo hợp thời thượng, trong thời gian đó hồng ân giáng xuống y và y bắt đầu thực hiện những cuộc hành hương đáng ngờ nào đó

mà rốt cuộc đều kết thúc bằng một câu chuyện hoàn toàn ô nhục, y đưa đôi mắt đục ngầu của mình về phía thành Moskva bạo tàn. Tôi luôn tức giận với quan điểm tự mãn cho rằng sự cực đoan trong nghệ thuật có mối liên hệ siêu hình nào đó với sự cực đoan trong chính trị, mà trong sự tiếp cận hiện thời với nó thì tất nhiên là ngay cả văn chương thanh tao nhất cũng sẽ trở thành, theo luật lệ rừng rợn và hãy còn ít được nghiên cứu đến của loài lợn, một thứ trung dung cũ rích và rẻ rúng như bất cứ loại cặn bã tư tưởng nào. Trong trường hợp Ferdinand thì luật lệ ấy thực ra vẫn chưa tác động; các cơ bắp nằng thơ của y vẫn còn quá rắn chắc (đó là chưa nói đến việc y vẫn mặc kệ phúc lợi của dân chúng), nhưng do các họa tiết tinh quái ấy cũng không hề dễ hiểu cho tất cả mọi người, nên nghệ thuật của y trở nên nhơ nhuốc hơn và chết chóc hơn. Còn về vở kịch thì chẳng ai hiểu gì hết; chính tôi dẫu chưa xem nó, nhưng hình dung rất rõ cái đêm phương bắc¹ ấy, khi y thả theo các đường xoắn ốc bất khả những bánh xe thiên hình vạn trạng của các ký

¹ Bản tiếng Anh: Đêm Kremlinesque. Từ này do Nabokov sáng tạo ra, có thể bằng cách ghép hai từ Kremlin và square (quảng trường). Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ là các biểu tượng của nước Nga vĩ đại.

hiệu bị phân mảnh; và lúc này, với thái độ không hẳn là không hài lòng, tôi hỏi y rằng y đã đọc những lời phê bình về mình chưa.

— Phê bình ư! — Y la lên. — Phê bình cũng tốt thôi! Bất cứ nhân vật khả nghi nào cũng lên giọng dạy dỗ tôi được. Tôi xin hết lòng đa tạ. Họ sờ vào các cuốn sách của tôi một cách sợ sệt, tựa như sờ vào thiết bị điện lạ. Chúng được xem xét dưới mọi quan điểm, ngoài cái cốt yếu. Cũng hết như nếu một nhà tự nhiên học, khi giải thích về ngựa, bắt đầu nói về cái yên, tấm chắn lót yên, hay *M-me de V.*¹ (y gọi tên một quý bà thuộc giới văn chương, quả thật rất giống con ngựa nhe răng). Tôi cũng muốn thử máu bò câu đó, — y tiếp tục vẫn bằng giọng nói toang toác ấy và hướng về phía bồi bàn, anh này hiểu ý y, khi nhìn theo hướng ngón tay đang chỉ một cách suồng sã vào chiếc ly của người Anh. Segur nhắc đến tên người quen chung, một họa sỹ thích vẽ kính, và cuộc chuyện trò có vẻ đỡ mang tính chất thóa mạ hơn. Trong lúc ấy, người Anh đột ngột nhòm phất dậy, đứng lên ghế, từ đó bước lên bậu cửa và, uốn thẳng cả vóc người đồ sộ của mình, gõ

¹ Bà V.

khỏi góc trên cửa sổ rồi khéo léo chuyển vào hộp một con bướm đêm có lưng hải ly.

—... nó giống con ngựa trắng của Wouwerman¹, — Ferdinand nói, trong lúc bàn luận điều gì đó với Segur.

— *Tu es très hippique ce matin*², — Segur nhận xét.

Chẳng bao lâu sau, cả hai đi gọi điện. Ferdinand cực kỳ thích những tiếng chuông của các cuộc điện thoại đường trường này và đặc biệt lão luyện trong việc tiếp hơi ấm thân thiện cho chúng qua mọi khoảng cách, khi cần, chẳng hạn như bây giờ, được đảm bảo trước một chỗ nghỉ đêm miễn phí.

Từ đâu đó xa xa vọng đến tiếng kèn và đàn xi-ta. Tôi với Nina lại đi lang thang. Gánh xiếc chắc đã pháí những người đưa tin hỏa tốc đến: đoàn diễu hành quảng cáo đi ngang qua; nhưng chúng tôi không gặp được đoạn đầu của nó, bởi vì nó ngoặt lên trên, vào phố bên: thân thùng mạ vàng của chiếc xe tải nào đó khuất dần, một

¹ Philips Wouwerman (1619-1668), một họa sỹ nổi tiếng vì các bức tranh vẽ cảnh săn bắn, chiến tranh.

² Sáng nay cậu rất ngựa. (Tiếng Pháp).

người bận áo choàng liền mũ dắt lạc đà, bốn người da đỏ tầm thường nối đuôi nhau giương các tấm áp-phích trên cán, còn đằng sau, trên con ngựa rất bé với cái bồm rất to, một cậu bé con nhà ai bận áo lính thủy ngồi rất cung kính.

Tôi nhớ, chúng tôi đi ngang qua một tiệm cà phê gần như đã khô ráo nhưng vẫn còn vắng vẻ; người bồi bàn đang xem (và, có lẽ, sau đó sẽ mơn trớn) một đĩa con rơi đáng sợ: cái giá bút kỳ quái, mà Ferdinand tiện thể bỏ lại trên lan can. Tôi còn nhớ thêm: chúng tôi thích cái cầu thang đá cũ, nên chúng tôi leo lên trên, và tôi ngắm nhìn góc nhọn bước hướng lên của Nina, khi nàng, vừa vén chiếc váy, mà trước kia nàng đã quen dài, giờ lại chật, vừa bước lên theo các bậc thang trắng xám; từ nàng tỏa ra làn hơi ấm quen thuộc, và, khi vừa bước lên vừa miên man nghĩ bên nàng, tôi lại thấy cuộc gặp áp chót của chúng tôi tại buổi dạ tiệc ở một ngôi nhà Paris, nơi rất đông người, và Jules Darboux, bạn thân của tôi, do muốn mang đến cho tôi một sự trợ giúp mỹ học tinh tế nào đó, mới sờ tay áo tôi, bảo: “Tôi muốn giới thiệu cậu với...”, rồi đưa tôi đến chỗ Nina, đang ngồi trong góc đi-văng, gập người thành chữ Z, với gạt tàn cạnh gót giày, và Nina kéo chiếc tẩu ngọc lam dài thượt khỏi môi, rồi

vui vẻ, chậm rãi thốt lên: “Không!”, sau đó tim tôi tan nát suốt buổi dạ tiệc, tôi đi lang thang với cái ly nhóp nháp của mình từ nhóm này đến nhóm khác, thỉnh thoảng ngắm nàng từ xa (nàng thì chẳng nhìn tôi), lắng nghe các cuộc chuyện trò, lắng nghe một quý ông nói với người khác: “thật buồn cười, họ tỏa mùi hết như nhau, mùi khét qua nước hoa, tất cả các cô nàng gầy gò tóc hạt dẻ ấy”, và như vẫn thường diễn ra, sự tục tũ, chẳng rõ liên quan đến điều gì, lại quẩn chặt quanh hồi ức, hút nổi sào của nó.

Lên hết cầu thang, chúng tôi rơi vào một quảng trường rỗ lỗ chỗ: từ đây thấy rõ ngọn núi thánh George xám tro với một cụm lốm đốm trắng xương bên sườn (ngôi làng nhỏ nào đó); ngọn khói đoàn tàu vô hình lượn vòng quanh chân núi và đột ngột biến mất; dưới thấp hơn, có thể thấy sau những mái nhà lô xô có cây trắc bá lẻ loi, nhìn xa xa giống cái đầu đen ngoẹo qua bên của cây bút lông vẽ màu nước; bên phải là biển, xám, với các nếp sáng. Dưới chân chúng tôi lăn lóc chiếc chìa khóa han gỉ, trên tường ngôi nhà đổ nát, liền kề quảng trường, vẫn còn lòng thòng các đầu của sợi dây thép nào đó... tôi nghĩ về việc xưa kia cuộc sống từng ở đây, một gia đình đêm đêm nếm mùi giá lạnh, những đứa trẻ vụng về tô

tranh dưới ánh đèn. Chúng tôi đứng, như thể lắng nghe gì đó; Nina, đứng cao hơn, đặt tay lên vai tôi, cười và thận trọng, sao cho không làm vỡ nụ cười, hôn tôi. Với sức mạnh khôn kham, tôi sống qua (hay giờ đây tôi mới cảm thấy như vậy) mọi điều mà lúc nào đó từng có giữa chúng tôi, bắt đầu từ nụ hôn như nụ hôn ấy; và tôi nói (thay đại từ nhân xưng “em” rẻ tiền, xã giao bằng “chị” — hứng khởi và biểu cảm, mà một kẻ dong buồm vòng quanh thế giới sẽ quay lại, sau khi làm giàu khắp nơi): “Có sao không nhỉ, nếu tôi yêu chị?” Nina đưa mắt nhìn, tôi nhắc lại, tôi muốn nói thêm... song có gì đó, như con dơi, thoáng qua mặt nàng, một vẻ mặt lạnh lẹn, xa lạ, gần như xấu xí, và nàng, một người có thể hồn nhiên, như trên thiên đàng, thốt lên những lời khiếm nhã, lại trở nên bối rối; tôi cũng thấy lúng túng... “Anh đùa thôi, anh đùa ấy mà”, — tôi vội vàng nói và khẽ ôm lấy nàng, ngay dưới ngực phải. Chẳng rõ từ đâu trên tay nàng xuất hiện một bó chặt cứng những bông đồng thảo sẫm màu, nhỏ li ti, vô tư tỏa hương, và, trước khi quay về khách sạn, chúng tôi còn đứng bên lan can phòng hộ, mà mọi điều vẫn vô vọng như xưa. Nhưng đá ấm như thân người, và bỗng dưng tôi hiểu những điều trước giờ tôi vẫn nhìn mà chẳng hiểu, tại sao vừa rồi tờ giấy bạc lại nhấp nhánh như vậy, tại

sao ánh hồi quang từ chiếc ly lại rung rinh, tại sao biển lại lấp lánh: ánh dương len lén rót lên bầu trời trắng trên Fialta tự lúc nào và giờ đây nắng đã trải khắp nơi, quầng sáng trắng ấy mở rộng ra, mở rộng ra, mọi thứ hòa vào trong nó, mọi thứ biến mất, còn tôi đã đứng trên sân ga, tại Milan, với tờ báo vừa cho tôi biết rằng chiếc ô-tô vàng, mà tôi từng nhìn thấy dưới gốc tiêu huyền, đã gặp nạn ngoài Fialta do lao hết tốc độ vào chiếc xe tải của gánh xiếc rong, trong khi Ferdinand với bạn y, những kẻ tinh ma bất khả xâm phạm, những con kỳ nhông của số phận, những con rắn thần hạnh phúc, thoát nạn với vài vết trầy vi tróc vảy sơ sơ, vậy mà Nina, mặc dầu lâu nay giả bộ chung tình với y, nhưng vẫn chết.

Mây, hồ, tháp

Một trong các đại diện của tôi — một người độc thân nhún nhường, hoà nhã, rất có năng lực — tình cờ thắng được chuyến du lịch thú vị tại buổi khiêu vũ từ thiện do dân tị nạn Nga tổ chức. Đó là vào năm 1936 hay 1937. Mùa hạ Berlin đang độ sung mãn (đấy là tuần ẩm và lạnh thứ nhì, thành thử thật đáng tiếc khi nhìn mọi thứ đã chuyển màu lục một cách vô ích, và chỉ những chú chim sẻ vẫn cứ vui); y chẳng muốn đi đâu cả, nhưng khi y cố

gắng bán chiếc vé của mình tại văn phòng hãng Hoan Du, y được cho biết là để làm thế y sẽ phải nhận được sự chấp thuận đặc biệt từ Bộ Giao thông; khi y thử hỏi họ, hóa ra trước tiên y sẽ phải thảo một đơn thỉnh cầu phức tạp ở chỗ công chứng viên trên giấy tín chỉ; ngoài ra, phải lấy được từ cảnh sát một cái gọi là “chứng nhận không vắng mặt khỏi thành phố trong mùa hạ.”

Vậy là y thở dài một chút và quyết định đi. Y mượn bạn một bi-đông nhôm, sửa đế giày, mua thắt lưng và chiếc sơ mi vải fla-nen phong cách phóng túng — một trong những thứ nhút nhát vẫn co lại ngay lần giặt đầu tiên. Tình cờ, nó lại quá rộng với người đàn ông nhỏ dễ thương ấy, tóc y luôn cắt gọn, đôi mắt y rất thông minh và tử tế. Ngay lúc này thì tôi không thể nhớ nổi họ tên y. Tôi nghĩ là Vasiliy Ivanovich.

Y ngủ chập chờn cả đêm trước lúc lên đường. Sao lại thế? Không hẳn vì y phải dậy sớm khác thường, cho nên đã mang theo vào giấc mộng của mình cả cái mặt mỏng manh của chiếc đồng hồ kêu tíc tắc trên bàn đầu giường; mà chủ yếu vì đúng đêm ấy, hoàn toàn chẳng do đâu, y bắt đầu hình dung rằng chuyến đi này, chuyến đi mà Định Mệnh nữ tính bện áo dài hở ngực dúi vào tay y, chuyến đi mà y đã chấp nhận một cách

miễn cưỡng đến thế, sẽ mang lại cho y niềm hạnh phúc run rẩy diệu kỳ nào đó. Niềm hạnh phúc này chắc phải có điểm gì đó chung với tuổi thơ y, với niềm phấn khích mà thơ ca trữ tình Nga khơi gợi trong y, với đường chân trời xế bóng nào đó có lần thấy trong mơ, với cô gái ấy, vợ người ta, mà y từng yêu vô vọng suốt bảy năm — nhưng thậm chí còn trọn vẹn hơn và ý nghĩa hơn tất cả những điều ấy. Và, hơn nữa, y cảm thấy rằng cuộc sống thật sự tốt cần phải hướng về thứ gì đó hoặc người nào đó.

Buổi sáng âm u, nhưng hăm hơi và ngọt ngào, với nắng thăm, và thật dễ chịu khi lắc cành cạch trong xe điện đến trạm đường sắt xa xôi nơi tập kết: Ôi, có vài người tham gia cuộc du ngoạn. Họ sẽ là những ai, các sinh linh ngái ngủ ấy, ngái ngủ như mọi sinh linh có vẻ hãy còn xa lạ với ta? Bên cửa số số 6, lúc 7 giờ sáng, như được chỉ trong bản hướng dẫn đính kèm vé, y nhìn thấy họ (họ đã đợi sẵn; y đến trễ mất độ ba phút).

Một thanh niên tóc vàng cao ngồng mặc trang phục vùng Tyrol nổi bật lên ngay lập tức. Gã sạm màu mào gà, có đôi đầu gối đỏ gạch to tướng với lông vàng hoe, và mũi gã nhìn bóng lưỡng. Gã là trưởng đoàn do hãng cử, và ngay lúc người mới đến gia nhập nhóm (gồm bốn phụ nữ

với từng ấy đàn ông) gã liền dẫn nhóm rời đi về phía một đoàn tàu đang nấp sau các đoàn tàu khác, đeo cái ba lô kỳ quái của mình với sự thoải mái đáng sợ, và vũng vàng khua lách cách đôi giày đinh.

Mọi người tìm chỗ trong một toa trống, rõ ràng hạng ba, còn Vasiliy Ivanovich, sau khi tự ngồi xuống và cho chiếc kẹo bạc hà vào miệng, mở ngay cuốn sách nhỏ của Tyutchev¹, người mà lâu nay y vẫn định đọc lại, nhưng y được yêu cầu đặt sách qua bên và tham gia nhóm. Một ông thư ký bưu điện lớn tuổi, đeo kính, với sọ, cằm, và môi trên xanh lốm chốm như thể ông ta đã cạo sạch râu tóc cứng rậm lạ thường chỉ riêng cho chuyến đi này, lập tức thông báo rằng ông đã đến Nga và biết chút ít tiếng Nga, — chẳng hạn, patz-lui², — và, nháy mắt theo cái kiểu gợi nhớ đến các trò ve gái ở Tsaritsyn, khiến mục vợ béo của ông ta dấm dứ trong không khí một cú bặt tai trái tay.

¹ Фёдор Иванович Тютчев (1803 – 1873): nhà thơ Nga, Viện sỹ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Saint Petersburg (1857). Tyutchev cùng với Pushkin và Lermontov là ba nhà thơ trữ tình lớn nhất nước Nga thế kỷ 19.

² Nguyên bản tiếng Nga: пацлуй.

Đoàn bắt đầu ồn ào. Bốn nhân viên làm cùng một hãng xây dựng tung hứng với nhau những truyện tếu nặng đô: một người đàn ông trung niên, tên Schultz; một người đàn ông khác trẻ hơn, cũng tên Schultz, và hai cô gái hiểu động, miệng rộng miệng to. Quả phụ tóc đỏ, khá hài hước, bận váy thể thao cũng biết chút gì đó về nước Nga (bãi biển Riga). Ở đó còn có một thanh niên tóc sẫm ám muội tên là Schramm, với đôi mắt xỉn cùng vẻ hèn hạ êm dịu mơ hồ ở vóc dáng và bộ dạng, kẻ luôn xoay chuyển cuộc chuyện trò qua các mặt hấp dẫn này nọ của chuyển đi, và cũng là kẻ luôn thể hiện dấu hiệu cảm phục cuồng nhiệt đầu tiên; hẳn là, như sau này phát hiện ra, hoạt náo viên đặc biệt của hãng Hoan Du.

Đầu máy, vừa guồng mau các khuỷu, vừa hối hả chạy xuyên qua một rừng thông, rồi — thả lỏng — giữa các cánh đồng. Cho đến giờ, chỉ mới lơ mơ nhận thức được mọi sự ngớ ngẩn và khủng khiếp của tình huống, và không chùng vẫn còn cố thuyết phục mình rằng mọi chuyện vẫn rất tốt đẹp, Vasiliy Ivanovich tìm cách tận hưởng các món quà lướt qua của con đường. Quả thật, mọi thứ mới cuốn hút làm sao, thế giới mới đẹp làm sao khi nó được lên dây cót và chuyển động như vòng quay ngựa gỗ! Mặt trời trườn về phía góc

cửa sổ và nắng bỗng tràn lên băng ghế vàng. Chiếc bóng bị úi dối đá của toa tàu chạy như diên dọc bờ cỏ, nơi các bông hoa trộn thành những vệt màu. Một chỗ giao cắt: người đi xe đạp đang chờ, một chân chống trên nền đất. Cây cối xuất hiện thành nhóm và đơn độc, xoay mình diềm tĩnh và dịu dàng, trình diễn thời trang mới nhất. Hẻm núi xanh ẩm. Hoài niệm tình yêu, trá hình như đồng cỏ. Các dải mây tơ — những con chó booc-zôi¹ thiên đường.

Cả hai chúng tôi, Vasiliy Ivanovich và tôi, luôn bị ấn tượng trước sự nặc danh của mọi phần thuộc cảnh quan nào đó, vô cùng nguy hại với tâm hồn, trước việc vĩnh viễn không thể tìm ra nơi mà lối mòn ta thấy sẽ dẫn đến — hãy nhìn xem, một bụi cây mới cắm rễ làm sao! Đôi khi, trên con dốc xa hoặc trong khoảng trống giữa rừng, xuất hiện và tựa hồ ngưng lại giây lát, như không khí nín lại trong phổi, một nơi mê hoặc làm sao — một bãi cỏ, một nền đất cao — một biểu hiện hoàn hảo của vẻ đẹp thiện chí, dịu dàng — đến nỗi dường như nếu người ta có thể dừng tàu và đến đó, mãi mãi, tới em, tình yêu của tôi...

¹ Bản tiếng Anh: Greyhound — giống chó đua chân cao, có thể chạy với tốc độ 70 km/h, cao khoảng 70 cm.

Nhưng hàng ngàn thân sồi đã điên cuồng nhảy qua, quay cuồng trong bể nắng xèo xèo, và cơ hội hạnh phúc lại trôi đi mất.

Tại các nhà ga, Vasiliy Ivanovich thỉnh thoảng lại ngắm sự phối hợp của những vật thể hoàn toàn tầm thường nào đó — đốm bấn trên sân ga, hạt anh đào, mẫu thuốc lá — và tự nhủ rằng chẳng bao giờ, chẳng bao giờ lại nhớ đến ba vật nhỏ này nơi đây trong sự tương quan đặc biệt ấy, và cả cái họa tiết này, mà giờ đây y có thể thấy với sự rõ ràng bất diệt như vậy; hoặc lần nữa, lúc nhìn đám trẻ chờ tàu, y lại cố hết sức mình để lựa riêng ra được ít nhất một số phận đáng chú ý — trong hình dạng vĩ cầm hoặc vương miện, cánh quạt hoặc đàn lia¹ — và sẽ ngắm đến khi cả đoàn nam sinh nông thôn hiện lên như trong bức ảnh cũ, giờ đây được tái tạo với một chữ thập trắng nhỏ trên gương mặt cậu bé ngoài rìa phải: tuổi thơ vị anh hùng.

Nhưng người ta chỉ có thể nhìn loáng thoáng ra ngoài cửa sổ. Mọi người được đưa một tờ nhạc với đoạn thơ từ hăng:

¹ Đàn lia (tiếng Anh: Lyre; tiếng Nga: лира; tiếng Hy Lạp: λύρα, lýra) là một nhạc cụ nổi tiếng thuộc bộ dây, được sử dụng phổ biến thời Hy Lạp cổ đại.

Hãy thôi than thở
Cầm gậy bạn ơi
Lên đường ta tới
Cùng cả đoàn người

Dọc ngang đất nước
Cùng cả đoàn người
Xóa tan sầu muộn
Ta đi muôn nơi

Từng dặm từng dặm
Một hai năm mươi
Cùng gió cùng nắng
Cùng cả đoàn người

Bài này phải đồng ca. Vasiliy Ivanovich, vốn không chỉ không biết hát mà thậm chí còn không thể phát âm rành mạch các từ tiếng Đức, lợi dụng tiếng gào lấn át của các giọng ca pha trộn và chỉ mở miệng trong lúc đu đưa nhẹ nhẹ, như thể y đang hát thật — nhưng trưởng đoàn, theo dấu hiệu từ Schramm xảo quyết, bỗng dừng tiếng hát chung và vừa liếc xéo Vasiliy Ivanovich, vừa yêu cầu y đơn ca. Vasiliy Ivanovich hăng giọng, bèn lên cất tiếng, và sau độ một phút thống khổ cô đơn thì mọi người hòa theo; nhưng sau đó y chẳng còn dám bỏ hát nữa.

Y mang theo bên mình món dưa chuột ưa thích từ một tiệm Nga, một ổ bánh mì, với ba quả trứng. Khi chiều về, và nắng xế đỏ rực chiếu vào cả toa tàu say sóng dơ dáy, choáng váng bởi chính tiếng ầm ào của mình, mọi người được mời đưa ra các món thực phẩm dự trữ riêng, để chia đều chúng — việc này đặc biệt dễ, do ngoài Vasiliy Ivanovich ra thì ai nấy đều mang những món giống nhau. Dưa chuột khiến ai cũng buồn cười, bị kêu là không ăn được, bị quăng ra ngoài cửa sổ. Thấy đóng góp của mình không đủ, nên Vasiliy Ivanovich chỉ lấy phần xúc xích nhỏ hơn.

Y bị ép chơi bài. Họ lôi đi kéo lại y, lục vấn y, thẩm tra y xem y có thể chỉ ra hành trình chuyến đi trên bản đồ hay không — tóm lại, mọi người đều bận rộn với y, thoát đầu thiện tình, rồi càng lúc càng ác ý cùng đêm đến. Cả hai cô gái tên là Greta; góa phụ tóc đỏ chẳng hiểu sao lại giống gã gà trống trưởng đoàn; Schramm, Schultz, và một Schultz khác, thư ký bưu điện cùng vợ ông ta, tất cả từ từ tan ra cùng nhau, hòa lẫn với nhau, hình thành một sinh vật chung chạ, nghiêng ngả, nhiều tay, mà người ta không thể trốn thoát khỏi nó. Nó dồn ép lên y từ mọi phía. Nhưng bỗng nhiên, tại ga nào đó, mọi người leo ra ngoài, trời đã tối, dấu phía tây còn lơ lửng một dải mây rất

hồng, rất dài, và xa hơn, theo đường ray, với ánh sáng xé lòng, một ngọn đèn ông sao run run qua làn khói chậm của đầu máy, những con đế rúc rích trong bóng tối, từ nơi nào đó tỏa đến mùi hương hoa nhài và cỏ khô, tình yêu của tôi.

Họ qua đêm trong một lữ quán xiêu vẹo. Một chú rệp mộng khủng khiếp, nhưng có chút yêu kiều nào đấy trong chuyển động của con nhậy bạc óng ánh. Thư ký bưu điện bị tách khỏi vợ, mụ bị sắp cùng góa phụ; còn chính ông ta được ban tặng cho Vasiliy Ivanovich suốt đêm. Hai giường chiếm hết cả phòng. Mền trên, bô dưới. Thư ký nói chẳng hiểu sao mà ông không thấy buồn ngủ, và bắt đầu kể về những chuyến phiêu lưu ở Nga, khá tường tận hơn lúc trên tàu. Ông ta là một kẻ đầu bò đầu bươu ghê gớm, chửi chửi và ngang bướng, mặc quần đùi dài vải bông, với những móng vuốt xà cừ trên các ngón chân dơ bẩn và lông gấu giữa bộ ngực béo. Một con bướm đêm luống cuống bay trên trần, đàn đúm với bóng mình. “Ở Tsaritsyn,” thư ký nói, “giờ có ba trường, một Đức, một Séc, một Tàu. Chí ít thì đấy cũng là điều mà anh kể tôi kể; anh ấy đến đấy để lắp máy kéo.”

Hôm sau, từ sáng sớm đến năm giờ chiều, họ cuốn tung bụi dọc theo một quốc lộ lượn sóng từ

ngọn đồi này đến ngọn đồi kia; rồi đi theo con đường xanh ngắt xuyên qua rừng linh sam rậm rạp. Vasiliy Ivanovich, do mang nhẹ nhất, bị đưa cho cấp nách một ổ bánh mì tròn to tướng. Ta ghét người làm sao, món thiết yếu hằng ngày! Nhưng đôi mắt quý, từng trái của y vẫn để ý thấy cái cần thiết. Trên nền linh sam sẫm tối, một lá kim khô treo thẳng đứng trên sợi tơ vô hình.

Họ lại chen vào tàu, và cái toa nhỏ không vách ngăn lại trống rỗng. Schultz khác bắt đầu dạy Vasiliy Ivanovich cách chơi măng-đô-lin. Rất nhiều tiếng cười. Khi đã chán trò ấy, họ nghĩ ra một trò chơi tuyệt diệu do Schramm làm cái. Nó như sau: phụ nữ sẽ nằm xuống trên chiếc ghế băng họ chọn, mà dưới đó đàn ông đã núp sẵn, và khi từ bên dưới băng ghế lộ ra một bộ mặt đỏ ửng với đôi tai, hoặc một bàn tay lớn xòe rộng với các ngón uốn cong nhắc váy (gây nên nhiều tiếng la hét), sau đó sẽ phát giác ra ai bắt cặp với ai. Ba lần Vasiliy Ivanovich nằm trong bóng tối bắn thiu thì hóa ra cả ba lần đều chẳng có ai trên băng ghế khi y bò ra ngoài từ bên dưới. Y bị xác nhận là kẻ thua cuộc và bị bắt phải ăn mẩu thuốc lá.

Họ qua đêm trên nệm rơm trong nhà kho nào đó, và sáng tinh mơ lại bắt đầu lên đường đi bộ. Linh sam, hẻm núi, suối sỏi bọt. Do nóng, do

các bài hát mà người ta liên tục phải rống lên, Vasiliy Ivanovich trở nên kiệt sức đến nỗi giữa lúc nghỉ chân buổi trưa, y ngủ thiếp đi ngay và chỉ tỉnh dậy khi họ bắt đầu đập những con ruồi trâu tưởng tượng trên người y. Nhưng sau một giờ cuộc bộ nữa, thì chính niềm hạnh phúc mà y từng mơ mộng nửa vời đột nhiên lộ ra.

Đó là một cái hồ trong xanh, với biểu hiện bất thường của nước. Giữa hồ, một đám mây lớn soi nguyên vẹn bóng mình. Phía bên kia, trên ngọn đồi phủ dày cây xanh (và cây cối càng thắm màu hơn thì càng nên thơ hơn), một tòa tháp đen cổ kính giương cao, vươn lên hết đốt dài đến đốt ngắn. Tất nhiên, có rất nhiều cảnh như vậy ở Trung Âu, nhưng chỉ cảnh này — trong sự hài hòa khôn tả và đơn nhất của ba phần chính của nó, trong nụ cười của nó, trong sự trinh trắng huyền bí nào đó mà nó có, tình yêu của tôi! Bé ngoan của tôi! — mới là thứ gì đó duy nhất, thân thuộc, hẹn ước đã lâu, và nó thấu hiểu người chiêm ngưỡng đến nỗi Vasiliy Ivanovich thậm chí ghì chặt tay lên trái tim, như thể muốn xem tim mình có còn đó không để dâng hiến nó đi.

Xa xa, Schramm, chọc gậy leo núi của trường đoàn vào không khí, hướng sự chú ý của những người tham quan đến thứ gì đó chẳng rõ; họ đã

tự sắp xếp xung quanh trên thảm cỏ theo những tư thế vẫn thấy trong các bức ảnh nghiệp dư, còn trưởng đoàn ngồi trên gốc cây, lưng quay về phía hồ, đang ăn lát dứa. Lặng lẽ, nấp sau lưng chính mình, Vasiliy Ivanovich đi theo bờ hồ đến một lữ quán. Một con chó vẫn còn khá non chào đón y; nó bò rạp trên bụng, mõm nó cười, đuôi nó đập đất nồng nhiệt. Vasiliy Ivanovich đi cùng con chó vào nhà, một mái ấm hai-tầng loang lổ với một cửa sổ nhấp nháy bên dưới mi mắt lồi lợp ngói; và y tìm được chủ nhân, một ông già cao lớn hơi giống cựu chiến binh Nga, nói tiếng Đức rất tẻ với giọng lè nhè mềm nhẹ đến nỗi Vasiliy Ivanovich đổi qua ngôn ngữ của mình, nhưng ông ta hiểu như trong mơ và tiếp tục bằng ngôn ngữ của môi trường xung quanh ông, của gia đình ông.

Trên lầu có một phòng cho lữ khách. “Ông biết không, tôi sẽ thuê nó cho cả quãng đời còn lại của mình,” nghe đồn là Vasiliy Ivanovich đã nói thế ngay khi vào phòng. Căn phòng tự nó chẳng có gì đáng chú ý. Ngược lại, nó là căn phòng bình thường nhất, với sàn đỏ, hoa cúc vẽ nguệch ngoạc trên các bức tường trắng, và tấm gương nhỏ chứa lưng lửng nước ngâm bóng cúc — nhưng từ cửa sổ người ta có thể thấy rõ hồ với mây và tháp, trong thế tương liên bất động và

hoàn hảo của hạnh phúc. Không suy tính, không cân nhắc, chỉ đầu hàng vô điều kiện trước sự cuốn hút mà sự thật ở ngay sức mạnh của chính nó, một sức mạnh mà y chưa từng trải nghiệm trước đây, Vasiliy Ivanovich, trong một giây sáng chói, nhận ra rằng, ở đây, trong căn phòng nhỏ này với tầm nhìn đẹp đến gần khóc ấy, rốt cuộc đời sẽ như y hằng mong ước. Chính xác nó sẽ thế nào, nó sẽ diễn ra thế nào ở đây, thì tất nhiên y còn chưa biết, nhưng chung quanh y toàn những giúp đỡ, hứa hẹn, an ủi — đến nỗi chẳng có chút hoài nghi nào là y phải sống ở đây. Trong khoảnh khắc, y mừng rỡ tưởng xem y sẽ thu xếp ra sao để không phải quay về lại Berlin, làm sao để lấy mấy món của cải mà y có — sách vở, bộ vét xanh, ảnh nàng. Mọi thứ hóa ra mới đơn giản làm sao! Làm đại diện cho tôi, y đã kiếm đủ tiền cho cuộc sống khiêm nhường của một người tị nạn Nga.

— Các bạn ơi, — y kêu lên, khi chạy xuống lại bãi cỏ ven bờ, — các bạn ơi, tạm biệt. Tôi sẽ ở lại mãi mãi trong ngôi nhà đằng kia. Ta không thể đồng hành nữa. Tôi sẽ không đi đâu xa hơn. Tôi sẽ không đi đâu cả. Tạm biệt!

— Là sao? — Trưởng đoàn nói bằng giọng rất lạ, sau chút ngập ngừng, trong lúc ấy nụ cười trên môi Vasiliy Ivanovich từ từ héo dần, còn

những người đang ngồi trên cỏ thì nhóm dậy nửa chừng và nhìn y bằng những con mắt đá.

— Nhưng tại sao? — Y ấp úng. Đây là nơi mà...

— Im! — Thư ký bưu điện đột ngột gầm lên với sức mạnh lạ thường. — Tĩnh lại đi, con lợn say kia!

— Chờ chút, các ngài, — trưởng đoàn nói, và, vừa đưa lưỡi liếm trên môi, vừa quay qua Vasiliy Ivanovich.

— Chắc ông quá chén rồi, — gã thản nhiên nói. — Hoặc mất trí. Ông đang đi chuyến du lịch vui cùng chúng tôi. Ngày mai, theo lịch trình đã định — hãy xem vé — tất cả chúng ta sẽ quay về Berlin. Không có chuyện ai đó — trong trường hợp này là ông — từ chối tiếp tục hành trình chung này. Hôm nay ta mới hát một bài thể nào nhỉ — hãy cố xem nhớ nó nói gì. Giờ thì đủ rồi! Nào, các bé, ta đi tiếp.

— Sẽ có bia ở Ewald, — Schramm nói giọng mơn trớn. — Năm tiếng đi tàu. Cuộc bộ. Lều săn. Mỏ than. Khối cái hay.

— Tôi sẽ khiếu kiện, — Vasiliy Ivanovich than vãn. — Trả túi lại cho tôi. Tôi có quyền ở lại

nơi tôi muốn. Ôi, mà đó chẳng khác nào một lời mời đi chém đầu, — y kể với tôi là y đã khóc khi họ túm lấy tay y.

— Nếu cần thì chúng tôi sẽ khiêng ông đi, — trưởng đoàn nói dứt khoát, — nhưng như thế chắc ông sẽ không dễ chịu lắm đâu. Tôi chịu trách nhiệm cho từng người trong số các bạn, và sẽ đưa từng người quay về, dù sống hay chết.

Lướt theo đường rừng như trong một truyện cổ tích góm guốc, bị ép, bị vụn, Vasiliy Ivanovich thậm chí không thể quay lại, chỉ cảm thấy ánh hào quang sau lưng y lùi dần, đứt đoạn bởi cây cối, rồi nó chẳng còn đó nữa, và khắp xung quanh, những cây linh sam thẫm tối ta thán song không thể ngăn cản. Ngay lúc mọi người đã vào hết trong toa và tàu chuyển bánh, họ bắt đầu đánh y — họ đánh y rất lâu, cùng với khá nhiều sáng tạo. Họ nghĩ ra, giữa các trò khác, cách dùng cái mở nút chai khoan gan bàn tay y; rồi bàn chân y. Thư ký bưu điện, kẻ đã từng đến Nga, tạo ra cái roi da từ gậy và thắt lưng, rồi bắt đầu dùng nó với sự khéo léo hiểm độc. Cừ thật! Những người đàn ông khác trông cậy chủ yếu vào gót giày sắt của họ, còn phụ nữ thì thỏa mãn với véo và vả. Mọi người được một phen vui.

Sau khi về đến Berlin, y ghé thăm tôi, thay đổi rất nhiều, ngồi yên, đặt tay lên đầu gối, kể chuyện mình; cứ nhắc đi nhắc lại rằng y muốn xin thôi chức, xin tôi cho y đi, khẳng khẳng rằng y không thể tiếp tục được nữa, rằng y không còn sức lực để dính dáng đến loài người thêm nữa. Đương nhiên, tôi để y đi.

Lance

I

Tên hành tinh ấy, cứ cho là nó đã từng được nhận một cái như vậy, chẳng ý nghĩa gì. Tại vị trí xung đối thuận lợi nhất, nó chỉ cách trái đất nhiều dặm bằng số năm giữa thứ Sáu vừa qua và sự trỗi dậy dãy Himalaya — gấp cả triệu lần số tuổi trung bình của độc giả. Trong tầm kính thiên văn mộng tưởng người ta, qua lăng kính nước mắt người ta,

bất cứ đặc điểm nào nó để lộ ra cũng không gây ấn tượng hơn những thứ tương tự của các hành tinh hiện tại. Một quả cầu hồng, vằn vện vệt tối màu cẩm thạch, đó là một trong vô vàn vật thể vẫn cần mẫn quay giữa cõi vô cùng và sự khủng khiếp vu vơ của vũ trụ biến ảo.

Tôi cho rằng, các *maria* (mà không phải biển) và các *lacus*¹ (mà không phải hồ) trên hành tinh chúng tôi cũng từng nhận được những cái tên; vài cái có lẽ là tẻ nhạt hơn so với tên các bông hồng vườn; những cái khác, vô vị hơn cả tên họ của những kẻ quan sát chúng (mặc dù, lấy từ các trường hợp có thật, thì một nhà thiên văn học lẽ ra được gọi là Lampland² cũng tuyệt diệu như một nhà côn trùng học lẽ ra được gọi là Krautwurm³); nhưng phần lớn trong số chúng thuộc lối xưa đến nỗi có thể ganh đua về sự quyến rũ đời bại và khoa trương với những địa danh liên quan đến các truyện anh hùng hiệp sỹ.

Hết như Pinedales của chúng tôi, ở dưới đây, thường có rất ít thứ để phô ra ngoài xương giày bên này đường và địa ngục han gỉ xác ô-tô bên

¹ Tiếng La-tinh, có nghĩa là khe hở, lỗ thủng, vũng, hồ.

² Ghép hai chữ tiếng Anh: Lamp (đèn) và Land (đất).

³ Ghép hai chữ tiếng Đức: Kraut (cỏ) và wurm (sâu).

kia, cho nên những Arcadia và Icaria và Zephyria quynh rũ ấy trên các tấm bản đồ hành tinh rất có thể lại hóa ra là những hoang mạc chết thiếu vắng ngay cả cọng cỏ bông tai vẫn làm duyên cho các đồng rác của chúng tôi. Các nhà nghiên cứu mặt trăng sẽ xác nhận điều này, nhưng mặt khác thì các thấu kính của họ phục vụ họ tốt hơn các thấu kính của chúng tôi. Ở ví dụ này, sự phóng đại càng lớn thì đường vằn trên mặt hành tinh nhìn lại càng giống như thể được thấy bởi một người lặn đưa mắt ngó lên trên qua làn nước trong mờ. Và nếu như các vết nổi nào đó hao hao giống những họa tiết đường-và-lỗ của bàn cờ đam Trung Hoa, thì ta hãy xem chúng như các ảo giác hình học.

Tôi không chỉ ngăn không cho một hành tinh được xác định quá rõ nào đó chiếm bất cứ vai trò nào trong câu chuyện của tôi — từ cái vai mà mọi dấu chấm câu và dấu chấm hết có thể đóng trong câu chuyện của tôi (mà tôi nhìn thấy như một dạng thiên đờ) — tôi còn từ chối làm bất cứ điều gì với những lời tiên tri kỹ thuật mà các nhà khoa học được báo cáo lại để thông báo cho các nhà báo. Tiếng gầm tên lửa ấy không dành cho tôi. Các vệ tinh nhân tạo nhỏ xíu mà trái đất hứa hẹn ấy; những đường băng tinh tú

cho tàu vũ trụ (“phi thuyền không gian”) — một, hai, ba, bốn, và rồi hàng ngàn pháo đài kiên cố trên không, mỗi cái đầy đủ cả nhà bếp với hầm ngục, được các dân tộc trên trái đất dựng lên trong cơn điên cuồng đua tranh hỗn loạn, trọng lực giả, các lá cờ phướn bay một cách man rợ, hết thảy đều không dành cho tôi.

Một chuyện khác mà tôi không thấy ích lợi gì là vấn đề về các trang bị đặc biệt — bộ đồ kín hơi, thiết bị lọc oxy — đại loại là những thứ máy móc kỳ dị. Giống ông già Boke, người mà ta sắp được nghe tới sau ít phút nữa, tôi hoàn toàn đủ khả năng gạt bỏ các vật dụng thiết thực này (những thứ dẫu sao thì cũng phải chịu bị nhìn nhận một cách lỗ bịch là không thiết thực cho các nhà du hành vũ trụ tương lai, chẳng hạn như con trai duy nhất của Boke), bởi chung các cảm xúc mà những dụng cụ này gợi lên trong tôi thường dao động từ ngờ vực âm thầm tới bối rối bệnh hoạn. Chỉ với nỗ lực quả cảm, tôi mới có thể khiến mình tháo chiếc bóng đèn đã chết một cái chết không thể giải thích được và vắn vào một chiếc khác, sẽ sáng lên trên mặt tôi với sự cấp bách góm guốc của quả trứng rồng nở trong bàn tay trần của người nào đó.

Rốt cuộc, tôi quảng luôn và loại hẳn cái gọi là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Tôi đã nghiên cứu nó, và thấy nó chán ngắt như các tạp chí đăng truyện thần bí — cùng kiểu viết lách u sầu tẻ nhạt với vô vàn đối thoại và cực nhiều sự hài hước vô vị. Dĩ nhiên các câu sáo đều được nguy trang; song về bản chất, chúng cũng vẫn là những thứ lá cải rẻ tiền từ đầu đến cuối, dẫu có băng qua vũ trụ hay phòng khách. Chúng cũng hệt như những chiếc bánh quy “đủ loại” song chỉ khác nhau về hình dạng và sắc thái, nhờ đó mà các nhà sản xuất khôn ngoan của chúng mới bầy được vị khách hàng chảy dãi trong cái thế giới điên dại của Pavlov, nơi mà, chẳng cần tốn thêm đồng nào, các biến thể theo những tiêu chuẩn thị giác đơn giản sẽ tác động và từ từ thay thế mùi vị, thứ cũng phải chịu chung số phận với tài năng và chân lý theo cách như vậy.

Vậy là người tốt cười toe, kẻ ác chế nhạo, trái tim cao thượng trên chòm một bài tiếng lóng. Các Sao hoàng, những giám đốc Hiệp hội Ngân hà, thực ra là các bản sao của những nhà điều hành tóc đỏ, hăng hái trong các công việc trần tục trên trái đất, vẫn minh họa với các nếp nhăn nhỏ của họ những câu chuyện tình cảm tâm lý trong những tạp chí bóng lộn sờn dấu tay ở

các mỹ viện. Những kẻ xâm lược Denebola¹ và Spica², ngôi sao đẹp nhất chòm Xử Nữ, mang những cái tên bắt đầu với Mac; các nhà khoa học lạnh lùng thường được thấy dưới tên Stein; và người trong số họ chia sẻ cùng các cô gái siêu ngân hà những cái nhẵn trều tượng như Biola hay Vala. Dân cư các hành tinh lạ, những sinh vật “thông minh” có hình dạng như người hoặc từ nhiều sáng tạo thần thoại khác nhau, đều có một nét chung đáng chú ý: cấu trúc chỗ kín của họ không bao giờ được miêu tả. Theo sự nhượng bộ tối cao với phép lịch sự của động vật hai chân, các nhân mã không chỉ mặc khố quanh hông; họ còn mặc chúng quanh cả đôi chân trước.

Tới chỗ này thì có lẽ là quá trình loại bỏ coi như đã xong — trừ phi ai đó muốn thảo luận thêm câu hỏi về thời gian? Nếu vậy, để tập trung vào Emery L. Boke trẻ, một hậu duệ ít nhiều xa cách của tôi và sẽ là thành viên chuyển thám hiểm liên hành tinh đầu tiên (mà rốt cuộc chính là định đề khiêm nhường cho truyện ngắn này), thì đến đây tôi lại xin vui vẻ nhượng quyền đổi

¹ Sao Denebola (đuôi sư tử) là ngôi sao sáng thứ hai chòm sao Sư Tử (Leo).

² Sao Spica (Giác tú) là ngôi sao sáng nhất chòm Xử Nữ (Virgo), và là một trong những sao sáng nhất trên bầu trời ban đêm.

một số “2” hay “3” tự phụ thế chỗ số “1” chân thật trong “1900” của chúng tôi cho các bàn tay khéo léo của *Starzan*¹ với các nhân vật truyện tranh và các khoa học gia nguyên tử khác. Hãy để nó là 2145 C.N. hay 200 N.N., chẳng sao cả. Tôi không muốn đụng đến bất cứ thứ quyền lợi được đảm bảo bất di bất dịch nào. Đây hoàn toàn là cuộc biểu diễn nghiệp dư, với các đồ dùng sân khấu khá bình thường và cảnh phong tối thiểu, cùng các tàn tích lông gai của con nhím chết trong góc chuồng ngựa cũ. Chúng tôi ở đây giữa bạn bè, nhà Brown và nhà Benson, nhà White và nhà Wilson, và khi ai đó ra ngoài hút thuốc, y sẽ nghe thấy tiếng dế, tiếng chó từ trang trại xa xa (nó chờ, giữa các tiếng sủa, để lắng nghe cái mà ta không thể nghe thấy). Trời đêm hè bừa bộn các vì sao. Emery Lancelot Boke, ở tuổi hai mốt, biết về chúng cực kỳ nhiều hơn tôi, một kẻ ở tuổi năm mươi và đã khiếp sợ.

¹ Ghép hai chữ Star và Tarzan. Star là sao, Tarzan nhân vật hư cấu, một đứa trẻ hoang dã lớn lên trong rừng rậm châu Phi với bầy khỉ lớn Mangani; Edgar Rice Burroughs đã tạo ra nhân vật Tarzan lần đầu tiên trong tiểu thuyết *Tarzan of the Apes* (tạp chí xuất bản năm 1912, sách — năm 1914)

II

Lance cao gầy, vói các gân dầy và ven xanh trên cẳng tay rám nắng cùng vết sẹo trên mày. Khi chẳng làm gì — khi ngồi vô ưu như anh đang ngồi bây giờ, nghiêng tới trước từ mép chiếc ghế bành thấp, vai khom lại, khuỷu tay chống lên hai đầu gối to — anh hay có cái kiểu chằm chằm siết chặt và buông lơì đôi tay đẹp của mình, cử chỉ mà tôi mượn cho anh từ một trong các tổ tiên của anh. Một vẻ nghiêm trang, một thái độ tập trung không thoải mái (nói chung cứ nghĩ suy là không thoải mái, và suy nghĩ của thanh niên đặc biệt như thế) — là biểu hiện thường xuyên của anh; tuy nhiên ngay lúc này, đó là cách che đậy để giấu đi mong muốn dữ dội của anh nhằm thoát khỏi sự căng thẳng kéo dài. Theo lệ thường, anh không hay cười, vả lại, “nụ cười” là một từ quá êm ái cho cái nhẵn mặt bất chợt, rạng rỡ lúc này bỗng soi sáng miệng và mắt anh trong lúc đôi vai so lại cao hơn, hai bàn tay đang chuyển động bỗng dừng lại ở tư thế cài vào nhau, và anh giậm nhẹ ngón một bàn chân. Cha mẹ anh đang trong phòng, ngoài ra còn có một vị khách tình cờ, một gã khờ dờ dẩn, vẫn chưa nhận thức được những gì đang xảy ra — bởi lẽ đây là khoảnh khắc

ngượng nghịu trong ngôi nhà u sầu ngay hôm trước chuyển khởi hành thần thoại.

Một giờ trôi qua. Cuối cùng vị khách cũng nhặt chiếc mũ chóp cao của y lên khỏi tấm thảm rồi bỏ đi. Lance còn lại một mình với cha mẹ, song họ chỉ làm căng thẳng hơn thôi. Ông Boke thì tôi thấy khá rõ. Song tôi không thể mừng tượng ra bà Boke với bất cứ mức độ trong trẻo nào, chẳng quan trọng là tôi chìm sâu ra sao vào trạng thái xuất thần gian khổ của mình. Tôi biết rằng sự hoan hỉ của bà — chuyện phiếm, mi mắt máy mau — chỉ là thứ gì đó mà bà cố giữ không hẳn vì con trai bà mà vì chồng bà, vì trái tim lão hóa của ông ấy, và ông già Boke thấy điều này quá rõ, hơn nữa, ngoài nỗi thống khổ ghê gớm riêng tư, ông còn phải đương đầu với tính nhẹ dạ giả dồ của bà, thứ vẫn khiến ông bối rối hơn một sự suy sụp tuyệt đối và vô điều kiện. Tôi hơi thất vọng vì tôi không thể nhìn rõ nét mặt bà. Tất cả những gì tôi thoáng thấy được chỉ là một hiệu ứng ánh sáng tan chảy trên một bên mái tóc sừng khói của bà, và về điều này, tôi ngờ rằng mình đã thầm chịu ảnh hưởng bởi tính nghệ thuật tiêu chuẩn của thuật nhiếp ảnh hiện đại và tôi cảm thấy việc viết lách hẳn là dễ hơn rất nhiều vào những ngày xưa cũ ấy, khi óc tưởng

tượng của người ta chưa bị bao bọc lại bởi vô số quảng cáo thị giác, và một người dân vùng biên giới nhìn cây xương rồng vĩ đại đầu tiên hoặc đỉnh tuyết đầu tiên sẽ không nhất thiết phải nhớ lại tấm ảnh quảng cáo hăng lớp.

Trong trường hợp ông Boke, tôi thấy mình đang vận dụng các nét đặc biệt của một giáo sư sử học già, một nhà Trung cổ học lỗi lạc có tóc mai dài bạc trắng, chỗ hói hờng, và bộ com-lê đen rất nổi tiếng trong một khu đại học rực nắng nào đó xa tận phía nam, nhưng có vốn liếng duy nhất liên quan đến câu chuyện này (ngoài sự giống nhau không đáng kể với một người ông họ đã chết từ lâu của tôi) là việc diện mạo ông ta đã lỗi thời. Giờ đây, nếu người ta hoàn toàn trung thực với chính mình, thì chẳng có gì lạ thường trong xu hướng gán cho cách xử sự và trang phục của một ngày xa xăm (mà tình cờ lại được đặt vào tương lai) một nét nệ cổ nào đó, một thứ gì đó bụi bặm, bị ủ rất ấu, sửa soạn lồi thối, bởi chung các thuật ngữ "lỗi thời," "không thuộc thời đại chúng ta," và tương tự rút cục chỉ là những thứ duy nhất mà dựa theo chúng, ta có thể hình dung và diễn đạt sự lạ thường mà không số lượng nghiên cứu nào có thể tiên đoán được. Tương lai chỉ là dĩ vãng đảo ngược mà thôi.

Trong căn phòng tối tăm ấy, dưới ánh đèn bàn vàng ệch, Lance nói vài điều cuối cùng. Anh vừa mới đem về từ một chốn hoang vắng trên dãy Andes, nơi anh từng leo lên đỉnh cao nào đó hãy còn chưa được đặt tên, một cặp sóc sin-sin¹ trưởng thành — những con thú gặm nhấm màu xám tro, lông lá lạ kỳ, cỡ con thỏ (phân bộ nhím lông²), vớ ria dài, mông tròn, tai như cánh hoa. Anh giữ chúng ở nhà, trong một chỗ quây lưới kim loại, cho chúng ăn đậu phộng, cốm gạo, nho khô và, như bữa tiệc đặc biệt, một bông đồng thảo hay cây cúc tây. Anh hy vọng chúng sẽ sinh sản vào mùa thu. Lúc này anh đang nhắc mẹ vài chỉ dẫn dứt khoát — giữ cho thức ăn của lũ thú nuôi phải giòn và chuồng phải khô, hằng ngày đừng quên cho chúng tắm bụi (cát mịn trộn phấn bột), mà trong đó chúng thường lăn lộn và đá một cách hết sức thích thú. Lúc chuyện này đang được bàn luận, ông Boke chậm đi chậm lại tẩu thuốc và rốt cuộc đặt nó ra xa. Thỉnh thoảng, vờ ra vẻ lơ đãng khoan dung, ông già lại gây ra một chuỗi âm thanh và chuyển động mà chẳng lừa được ai; ông háng giọng, chấp tay sau lưng, lững thững bước đến cửa sổ; hoặc ông bắt đầu cất lên

¹ Chinchillas.

² Hystricomorpha.

tiếng ậm ừ mím môi khó nghe; và tưởng chừng như được động cơ mũi tí hon ấy đưa đi, ông tho thẩn bước ra khỏi phòng khách. Nhưng vừa mới rời sân khấu thì ông đã quăng luôn, với cú rùng mình dễ sợ, cái cấu trúc công phu của việc thủ vai hòa nhã và vụng về của mình. Tại phòng ngủ hoặc phòng tắm, ông dừng lại như thể để nuốt, trong sự cô đơn khốn khổ, chút cạn sâu lúc có lúc không từ cái bình bệ bí mật nào đó, rồi ngay sau đó lại loạng choạng, say cùng nỗi sầu.

Sân khấu không thay đổi gì khi ông lặng lẽ quay lại với nó, cài khuy áo choàng và lại tiếp tục ậm ừ khe khẽ. Lúc này còn độ vài phút. Lance kiểm tra cái chuông trước khi đi, để lại Chin với Chilla ngồi xồm, mỗi con cầm một bông hoa. Sự khác biệt duy nhất mà tôi biết về những khoảnh khắc cuối cùng này là bất cứ lời nói nào đó như thể “Có chắc là con không quên chiếc sơ mi lụa lấy từ nơi giặt về chứ?” hay “Con có nhớ chỗ con xếp mấy chiếc dép lê mới ấy hay không?” đều bị loại trừ. Bất cứ thứ gì Lance mang theo đều đã được gom lại tại một nơi huyền bí không nên nói đến và hoàn toàn khủng khiếp của chuyến khởi hành vào giờ G; anh chẳng cần gì trong số những thứ chúng ta cần; và anh bước ra khỏi nhà, tay không và đầu trần, với sự thanh thản tự nhiên

của một người bước đến sạp báo — hoặc đến đoạn đầu đài vinh quang.

III

Không gian địa cầu thích giấu giếm. Thứ nó ban phát nhiều nhất cho con mắt là tầm nhìn toàn cảnh. Chân trời khép lại sau lũy khách lùi dần như cánh cửa sập trong cảnh phim quay chậm. Đối với những ai còn ở lại thì bất cứ thành phố nào cách đây một ngày đường đều vô hình, nhưng trái lại, bạn có thể dễ dàng nhìn rõ những sự siêu nghiệm như, giả dụ, đài vòng mặt trăng và cái bóng buông bởi chỏm tròn của nó. Nhà ảo thuật, người phô bày vòm trời, đã xắn tay áo lên và trình diễn ngay trước mắt các khán giả nhỏ. Các hành tinh có thể chìm khuất khỏi tầm nhìn (hệt như các vật thể bị xóa nhòa bởi đường cong mờ mờ ở chính gò má người ta); song chúng sẽ trở lại khi trái đất quay đầu. Sự lỏa lồ của đêm thật kinh khủng. Lance đã rời đi; sự mỏng manh của tứ chi trẻ trung của anh tăng theo tỷ lệ thuận với khoảng cách mà anh vượt qua được. Từ ban công, vợ chồng già nhà Boke ngắm nhìn trời đêm vô vàn hiểm họa và điên cuồng ghen tị với số phận những người vợ ngư phủ.

Nếu nguồn của Boke là chính xác thì cái tên “Lanceloz del Lac” xuất hiện lần đầu tại câu 3676 trong *Roman de la Charrette* hồi thế kỷ mười hai. Lance, Lancelin, Lancelotik — những từ cùng nạng thì thăm gọi các vì sao chan chứa, mặn mòi, ẩm ướt. Các hiệp sỹ trẻ đang độ thiếu niên học đàn hạc, thuần dưỡng chim ưng, săn bắt; Rừng Dữ và Tháp Lệ; Aldebaran¹, Betelgeuse² — những tiếng gào sấm động chiến trận Sarasen. Các chiến công phi thường, các chiến binh phi thường, lấp lánh trong chòm sao đáng sợ trên ban-công nhà Boke: ngài Percard Hiệp sỹ Đen, ngài Perimones Hiệp sỹ Đỏ, ngài Pertolepe Hiệp sỹ Xanh, ngài Persant Hiệp sỹ Chàm, và ngài Grummore Grummursum già cục mịch ấy, lăm bắm rất khế lời nguyên phương bắc. Chiếc ống nhòm không tốt lắm, bản đồ thì nhàu và ẩm, còn “Bà giữ đèn pin sai cách rồi” — đó là với bà Boke.

Hít một hơi sâu. Rồi lại ngẫm.

Lancelot đã bay đi; hy vọng thấy anh trong đời cũng gần bằng hy vọng thấy anh trong cõi vĩnh hằng. Lancelot đã bị trục xuất khỏi xứ *L'Eau*

¹ Ngôi sao sáng nhất chòm Kim Ngưu (Tarus).

² Ngôi sao sáng thứ tám trên bầu trời đêm và là ngôi sao sáng thứ hai chòm Lạp Hộ (Orion).

Grise (như ta có thể gọi Ngũ Đại Hồ¹) và giờ thì cưỡi lên bụi trời đêm cũng nhanh gần như vũ trụ quanh ta (với ban-công và khu vườn đen như hắc ín, lốm đốm vết ố quang học) lao về phía cây đàn Hạc của Vua Arthur, nơi sao Chức Nữ² rực cháy vẫy gọi — một trong vài thiên thể có thể nhận ra được với sự trợ giúp của cái biểu đồ khốn kiếp này. Màn sương tinh tú khiến vợ chồng nhà Boke hoa mắt — xám hương, điên cuồng, vô cùng buồn nôn. Nhưng họ không thể dứt mình được khỏi ác mộng không gian, không thể quay lại căn phòng ngủ sáng đèn, mà một góc của nó hiện ra trong cửa kính. Ngay sau đó, hành tinh ấy mọc lên, như đốm lửa mừng nhỏ xíu.

Nơi đó, phía bên phải, là cây Cầu Kiếm dẫn đến Cõi Khác (*"dout nus estranges ne retourne"*³). Lancelot bò qua nó trong cơn đau nhức nhối, trong nỗi thống khổ khôn tả. "Người không cần qua con đèo được gọi là đèo hiểm nghèo." Nhưng pháp sư khác lại ra lệnh: "Bạn phải làm. Bạn thậm chí phải giành lại được cái khiếu hài hước sẽ giúp bạn vượt qua những nơi khó khăn." Vợ

¹ Tiếng Anh: Great Lakes. Vùng này nằm ngay biên giới Canada và Mỹ.

² Sao Vega, ngôi sao sáng nhất chòm sao Thiên Cầm (Lyra).

³ Nơi không ai quay về. (Tiếng Pháp).

chồng già Boke cũng cảm nghĩ họ có thể nhận ra Lance đang leo, trên các móc sắt, lên vách đá thiên đường phủ lớp băng mỏng hoặc lạng lẽ cắt lổ xuyên tuyết mềm tinh vân. Chòm sao Mục Phu¹, ở đâu đó giữa Trại X và XI, là một sông băng vĩ đại toàn sỏi và thác băng. Chúng tôi cố nhìn thấy tuyến đường quanh co dốc ngược; dường như để nhận ra bóng dáng gầy gò của Lance giữa vài hình bóng buộc thừng với nhau. Gục ngã rồi! Ai vậy nhỉ, anh ấy hay Denny (nhà sinh vật học trẻ, bạn thân nhất của Lance)? Chờ đợi nơi lũng tối dưới chân bầu trời thẳng đứng, chúng tôi nhớ lại (bà Boke rõ hơn chồng bà) những cái tên đặc biệt ấy của các kẽ nứt và các cấu trúc gồ-gích của băng mà Lance thường đọc lớn lên với sự khoái trá thật chuyên nghiệp vào thời niên thiếu trên núi cao của mình (đến lúc này thì anh đã già đi vài năm ánh sáng); các tảng băng trôi và các nếp gãy; tuyết lở và tiếng thịch của nó; tiếng vọng Pháp và ma thuật Đức nện ủng đinh bên nhau trên đó như họ làm trong các tiểu thuyết thời Trung cổ.

Ồ, lại là anh đấy! Băng qua hẻm núi giữa hai vì sao; rồi cố gắng đi rất chậm ngang mặt vách đá

¹ Boötes.

dốc đứng với những chỗ bấu víu mỏng manh đến nỗi chỉ cần gợn lên những đầu ngón tay dò dẫm ấy và đôi giày nạo cao cổ ấy đã đủ làm người ta ứ lên cảm giác buồn nôn do sợ độ cao. Qua những giọt lệ tuôn trào, vợ chồng già nhà Boke nhìn thấy Lance khi thì bị bỏ lại trên gờ đá khi thì lại trèo lên và lúc này, an toàn một cách kinh sợ, với cuốc đào băng cùng ba lô, tại một đỉnh núi cao vượt lên trên các đỉnh, bán diện háo hức của anh được viền sáng.

Hay anh đang trên đường leo xuống? Tôi cho rằng không có tin tức nào đến từ các nhà thám hiểm và hai vợ chồng nhà Boke chỉ mất công kéo dài thêm những buổi thức đêm thương cảm của họ mà thôi. Trong lúc họ đợi con trai họ quay về, mọi lối dốc anh xuống dường như đều chạy đến vách đứng tuyệt vọng của họ. Nhưng, có lẽ anh đã đu qua các phiến đá ướm dốc ngược rủ thẳng vào vực thẳm ấy, đã khuất phục được vách nhô, và lúc này đang sung sướng trượt xuống dốc tuyết thiên đường.

Tuy nhiên, vì chuông cửa nhà Boke không reo lên tại đỉnh điểm lô-gích của chuỗi bước chân tưởng tượng (chẳng quan trọng việc chúng tôi kiên nhẫn kéo giãn chúng thế nào vào lúc chúng đến mỗi lúc một gần hơn trong tâm trí), chúng

tôi phải đẩy anh lùi lại và buộc anh bắt đầu trèo lại từ đầu, rồi chúng tôi thậm chí còn đặt anh lùi xa hơn, đến mức anh vẫn còn ở tổng hành dinh (nơi có lều, nhà xí ngoài trời, và lũ trẻ ăn mày chân-đen) rất lâu sau khi chúng tôi hình dung anh đang cúi xuống dưới cây uất kim hương để bước trên bãi cỏ đến cửa và chuông cửa. Như thế đã mệt mỏi bởi quá nhiều sự hiện diện mà anh tạo ra trong tâm trí cha mẹ, giờ đây Lance uể oải lội qua các vũng bùn, rồi lên sườn đồi, trong phong cảnh phờ phạc của cuộc chiến xa xôi, trượt và trườn trên cỏ chết của con dốc. Còn vài việc thường lệ với đá cứng phía trước, rồi đến đỉnh. Dãy núi đã bị chinh phục. Thiệt hại của chúng ta thật nặng nề. Người ta được báo tin thế nào nhỉ? Bằng điện tín? Bằng thư bảo đảm? Còn ai là đao phủ — một sứ giả đặc biệt hay người đưa thư thường lệ, lê lết, mũi-đỏ-ửng, lúc nào cũng hơi say (y có những điều phiền muộn riêng)? Ký chỗ này. Ngón cái to. Dấu thập nhỏ. Bút chì mềm. Gõ tím mờ. Trả lại nó. Chữ ký khó đọc của một thảm nạn loạng choạng.

Nhưng chẳng có gì đến. Một tháng trôi qua. Chin với Chilla rất sung sức và dường như rất quyến luyến nhau — ngủ chung trong hộp ổ, ôm chặt nhau thành quả bóng phủ đầy lông tơ. Sau

nhiều lần thử, Lance phát hiện ra một âm thanh cầu cứu ấn định của sóc sin-sin, được tạo nên bằng cách mím môi và phát ra liên tiếp rất mau vài âm *súp* ấm, mềm, như thể hút từ cọng rơm khi đồ uống đã cạn gần hết và chỉ còn cạn chảy đi. Nhưng cha mẹ anh không thể tạo ra nó — sai tông hay sao đó. Và có một sự im lặng khôn kham trong phòng Lance, với các cuốn sách xài xạc, các giá trắng đa dạng, những chiếc giày cũ, cây vợt ten-nít tương đối mới trong cái nẹp chặt cứng ngớ ngẩn, cùng đồng xu trên sàn tủ tường — và mọi thứ này bắt đầu trải qua sự phân rã ngũ sắc, nhưng rồi bạn siết chặt vít và mọi thứ lại rõ nét. Ngay sau đó vợ chồng nhà Boke quay lại ban-công. Anh có đến được đích chưa — và nếu thế thì anh có thấy chúng tôi không?

IV

Hồn ma kinh điển tựa khuỷu tay mình lên gờ hoa để thưởng ngoạn trái đất này, đồ chơi này, con quay hồi chuyển này — đang xoay tròn và chậm rãi khoe trên vòm trời mô hình của mình, mỗi nét đều vui tươi và rõ ràng làm sao — các đại dương sơn màu, vùng Baltic hình người đàn bà cầu nguyệt, ảnh tĩnh các châu Mỹ thanh lịch bắt lấy nhau trong tiết mục đánh đu của

chúng, còn nước Úc như châu Phi trẻ thơ nằm nghiêng. Có thể có những người nào đó trong số các bạn cùng thời với tôi phần nào cũng mong linh hồn họ từ trên trời sẽ nhìn, với cú rùng mình và tiếng thở dài, xuống hành tinh quê hương họ và thấy nó bị đai quanh mình bằng các vĩ tuyến, bị néo lại bằng các kinh tuyến, và có lẽ bị đánh dấu bằng những mũi tên mập, đen, cong queo một cách quý quyết của các cuộc thế chiến; hoặc, dễ chịu hơn, căng rộng ra trước mắt họ như một trong các bức bản đồ vẽ xứ Eldorado nghỉ dưỡng ấy, với người Anh-điêng được bảo tồn đương gõ trống ở đây, thiếu nữ mặc soọc ở kia, các cây tùng hình nón leo lên những quả núi hình nón, và những người câu cá ở khắp mọi nơi.

Thực ra tôi cho rằng chàng trai trẻ hậu duệ của tôi, trong đêm đầu tiên ra ngoài, trong sự tĩnh lặng tưởng tượng của một thế giới không thể tưởng tượng được, hẳn phải thấy các nét trên mặt địa cầu chúng ta xuyên qua độ dày bầu khí quyển của nó; nghĩa là qua bụi, qua các ánh phản xạ phân tán, qua sương mù, và mọi kiểu cạm bẫy quang học, để các lục địa, nếu nói chung chúng vẫn xuất hiện xuyên qua các đám mây luôn biến đổi, sẽ trượt qua trong sự ngụy trang kỳ quặc,

với các sắc màu chập chờn không thể cắt nghĩa và các đường viền không nhận ra được.

Nhưng mọi điều này chỉ là điểm thứ yếu. Vấn đề chính là: Liệu tâm trí nhà thám hiểm có qua được cú sốc hay không? Người ta cố gắng nhận thức được bản chất cú sốc ấy một cách rõ ràng trong chừng mực sự an toàn tinh thần cho phép. Và nếu chỉ việc hình dung vấn đề đã chứa đầy rủi ro ghê tởm, thì làm sao có thể chịu đựng và vượt qua cơn đau thực sự?

Trước hết, Lance sẽ phải đối phó với mô-men lại giống. Các huyền thoại bắt đầu đào hào đắp lũy kiên cố trên một thiên đường lộng lẫy mà trí khôn có khuynh hướng hay lẩn tránh việc tìm kiếm cái nghĩa lạ thường đằng sau chúng. Sự bất tử phải có một vì sao để đứng lên trên nếu muốn đâm cành trở hoa và nâng đỡ hàng ngàn con chim thần lông-lam hót cũng ngọt ngào như các tiểu thái giám. Sâu thẳm trong tâm trí con người, khái niệm chết đồng nghĩa với khái niệm rời khỏi trái đất. Thoát được khỏi trọng lực có nghĩa là vượt hẳn ra ngoài mộ phần, và con người, lúc thấy mình trên hành tinh khác, thật sự chẳng có cách nào chứng tỏ với mình rằng y chưa chết — rằng huyền thoại ngày thơ xưa cũ không biến thành sự thật.

Tôi không quan tâm đến thẳng đần, một con dã nhân không lông tầm thường, kẻ có thể thần nhiên bước qua mọi thứ; ký ức tuổi thơ duy nhất của hắn là về con la đã cắn hắn; ý thức duy nhất của hắn về tương lai là ảo cảnh về bàn và giường. Điều tôi nghĩ đến là một người đàn ông giàu tưởng tượng và yêu khoa học, có sự can đảm vô biên vì tính hiếu kỳ của y vượt trội sự can đảm. Chẳng có gì giữ được y lại. Y là một *curieux*¹ thời xưa, song sức vóc khỏe hơn, với trái tim can đảm hơn. Đến lúc thám hiểm một thiên thể, thì y thỏa mãn với nỗi khát khao nồng nàn được sờ mó bằng chính ngón tay mình, để vuốt ve, xem xét, mỉm cười, hít ngửi, rồi lại vuốt ve — cùng nụ cười ấy của thứ niềm vui vô danh, than van, tan chảy — cái chất trước-giờ-chưa-từng-được-đụng-đến mà từ nó thiên thể ấy được tạo thành. Bất cứ nhà khoa học thật sự nào (dĩ nhiên không phải kẻ lừa đảo tầm thường mà món của cải duy nhất gã có là sự ngu dốt mà gã dấu như cục xương) cũng nên có khả năng trải nghiệm khoái cảm hiểu biết trực tiếp và thiêng liêng ấy. Y có thể hai mươi tuổi và y có thể tám mươi lăm tuổi, song thiếu vắng sự náo nức ấy thì sẽ chẳng có khoa học nào. Và chính chất đó đã tạo nên Lance.

¹ Kẻ hiếu kỳ. (Tiếng Pháp).

Cố gắng tưởng tượng đến mức tối đa, tôi thấy anh đang vượt qua nỗi sợ hãi mà một con dã nhân có lẽ hoàn toàn chưa từng trải nghiệm. Chắc chắn Lance đã có thể hạ cánh xuống đám mây bụi màu cam ở nơi nào đó giữa sa mạc Tharsis¹ (nếu nó là sa mạc) hoặc gần vũng tím nào đó — Phoenicis hay Oti (nếu đó rốt cuộc là các con hồ). Nhưng mặt khác... Bạn thấy đấy, như những việc này vẫn diễn ra, thì có việc gì đó chắc chắn phải được giải quyết ngay lập tức, một cách tệ hại và không thể thay đổi, lúc những việc khác tiến triển tuần tự từng cái một và được tháo gỡ dần dần. Khi tôi còn là cậu bé...

Khi tôi còn là cậu bé tầm bảy hay tám tuổi, tôi thường mơ một giấc mơ trở đi trở lại mơ hồ, nó diễn ra trong môi trường nhất định nào đó, mà tôi chẳng bao giờ có thể nhận ra và định danh theo bất cứ cách tư duy lý trí nào, cho dù tôi từng nhìn thấy rất nhiều miền đất lạ. Tôi có khuynh hướng khiến nó lúc này phải phụng sự để vá lại một lỗ hổng, một vết thương còn rỉ máu trong câu chuyện của tôi. Chẳng có gì ngoạn mục trong môi trường ấy, chẳng có gì quái dị hoặc thậm chí là kỳ quặc: chỉ một chút ổn định lửng lơ được tái

¹ Vùng núi lửa trên sao Hoả.

hiện bởi một chút nền phẳng và bị che phủ bằng một chút mây mù trung tính; nói cách khác, hậu cảnh xoàng xĩnh thay cho tiền cảnh. Mỗi phiên toái của giấc mơ ấy là vì lý do nào đó mà tôi không thể bước quanh quang cảnh để gặp nó ngang hàng. Núp trong sương mù là một khối gì đó — khoáng chất hoặc tương tự — hình thù nặng trĩu và khá vô nghĩa, và, trong tiến trình giấc mơ, tôi cứ đổ đầy thứ đồ đựng nào đó (coi như “chiếc xô”) bằng những thứ hình dạng nhỏ hơn (coi như “sỏi”), mũi tôi chảy máu nhưng tôi quá nôn nóng và kích động để làm bất cứ điều gì cho nó. Và mỗi lần tôi lạc vào giấc mơ ấy, lại có ai đó bắt đầu thét lên bất thành linh đằng sau tôi, còn tôi cũng thét lên choàng tỉnh, vì vậy mà kéo dài tiếng thét vô danh khởi đầu, với cái nốt khởi đầu của một sự phấn khích đang lên, song chẳng đi cùng ý nghĩa nào gắn bó với nó nữa — nếu ở nó có ý nghĩa nào đó. Còn về Lance, tôi xin nêu lên rằng có gì đó tương đồng với giấc mơ tôi — nhưng điều buồn cười là lúc tôi đọc lại những gì tôi đã ghi chép thì bối cảnh của nó, những ký ức có thật đã biến mất — biến mất toàn bộ cho tới lúc này — và tôi chẳng có cách nào chứng minh với mình rằng có bất cứ kinh nghiệm cá nhân nào đằng sau sự miêu tả về nó. Điều tôi muốn nói là có lẽ Lance với các bạn anh, khi tới được hành

ting của họ, cảm thấy điều gì đó na ná giấc mơ tôi — thứ không còn thuộc về tôi nữa.

V

Và họ đã quay về! Một kỵ sỹ, lóc cóc, phi nước đại lên con phố lát đá tới nhà Boke qua cơn mưa như trút và hét lên cái tin ghê gớm ấy lúc y dừng lại chốc lát tại cổng, gần cây mộc lan đang rỏ nước, trong khi vợ chồng nhà Boke lao nhanh ra khỏi nhà như hai con vật gặm nhấm thuộc phân bộ nhím lông. Họ đã về! Các phi công, các nhà vật lý học thiên thể và một trong số các nhà tự nhiên học, đã về (một người khác, Denny, đã chết và bị bỏ lại trên trời, câu chuyện thần thoại cổ xưa đã ghi được một điểm lạ lùng ở đó).

Trên tầng sáu của bệnh viện tỉnh, cẩn thận giấu mình khỏi phóng viên, ông bà Boke được cho hay rằng con trai họ đang ở phòng chờ nhỏ, thứ hai bên phải, sẵn sàng đón họ; có gì đó, một kiểu tôn kính nín lặng nào đó, ở giọng điệu của tin tức này, như thể nó nhắc đến một vị vua trong truyện cổ tích. Họ phải yên lặng mà vào; một y tá, bà Coover, lúc nào cũng ở đó.Ồ, anh ấy rất ổn, người ta bảo họ — thật ra thì tuần sau có thể về nhà. Tuy vậy, họ không nên ở lại lâu hơn

đôi ba phút và vui lòng không hỏi han gì — chỉ được tán gẫu chuyện nọ chuyện kia thôi. Ông bà hiểu cho. Sau đó hãy nói là ông bà sẽ quay lại vào ngày mai hay ngày kia.

Lance, bận áo choàng xám, tóc cắt ngắn, màu nắng đã phai, thay đổi, không thay đổi, gầy, hai lỗ mũi nút bông thắm, ngồi trên mép đi-văng, đôi bàn tay cài vào nhau, hơi bối rối. Uốn éo đứng dậy, vói vẻ nhăn nhó rạn rỡ, rồi lại ngồi xuống. Bà Coover, y tá, có đôi mắt xanh, không cảm, má bầu.

Sự yên lặng chín muồi. Rồi Lance:

— Thật phi thường. Hoàn toàn phi thường. Con sẽ quay lại vào tháng Mười một.

Ngừng.

— Bố nghĩ, — ông Boke nói, — Chilla có bầu.

Nụ cười mau lẹ, hơi cúi đầu vui mừng cảm tạ. Rồi, bằng giọng tường thuật:

— *Je vais dire ça en français. Nous venions d'arriver*¹...

¹ Con sẽ kể bằng tiếng Pháp. Bọn con vừa mới đến nơi...

— Cho họ xem thư ngài Tổng thống đi, — bà Coover nói.

— Bọn con vừa mới đến đó, — Lance tiếp tục, Denny vẫn còn sống, và cái đầu tiên mà cậu ấy với con nhìn thấy là...

Y tá Coover đột nhiên bối rối ngắt lời:

— Không, Lance, không. Không, thưa bà, làm ơn. Không giao tiếp, lệnh bác sỹ, *làm ơn*.

Thái dương nóng, tai lạnh.

Ông bà Boke được đưa ra ngoài. Họ rảo bước — dẫu chẳng việc gì phải vội, dù gì cũng chẳng phải vội, xuôi theo hành lang, dọc bức tường xấu xí, màu ô-liu và đất son, màu ô-liu thấp hơn tách khỏi màu đất son cao hơn bởi một đường nâu liên tục dẫn đến các thang máy đáng kính. Đi lên (thấp thoáng bóng ông lão ngồi xe lăn). Đi lại vào thang Mười một (Lancelin). Đi xuống (vợ chồng Boke). Trong đó, trong thang máy ấy, có hai phụ nữ tươi cười và đối tượng thiện cảm ngời ngời của họ, một cô gái với đứa bé, bên cạnh người trực thang máy tóc bạc, cúi mình, rầu rĩ, đứng quay lưng lại với mọi người.

Lời

Bị ngọn gió cảm hứng trong giấc điệp cuốn khỏi lũng đêm, tôi đứng trên lề đường, dưới bầu trời quang đãng, rực ánh vàng mười, ở một xứ núi lạ thường. Tôi thấy, mà chẳng cần nhìn, nước bóng và góc cạnh các vách núi khổng lồ khảm đá, những vực sâu chói lóa, cùng ánh gương lấp lánh của rất nhiều hồ nước nằm đâu đó bên dưới, sau tôi. Cảm giác về tự do, độ cao, và sự muôn màu thần thánh chiếm lấy hồn tôi: tôi biết mình đang ở thiên đường.

Song, trong linh hồn phàm trần của tôi, một ý nghĩ trần tục duy nhất hãy còn đó như ngọn lửa nhức nhối — và tôi giữ gìn nó một cách gan tị làm sao, khát khe làm sao khỏi hơi thở của vẻ đẹp kỳ vĩ bao quanh tôi... Ý nghĩ ấy, ngọn lửa lỏa lò đốn đau ấy, là ý nghĩ về quê hương nơi trần thế của tôi: chân không và cùng khổ, trên lễ đường núi, tôi chờ những người trời từ bi rục rờ hào quang, còn gió, như dự cảm nhiệm màu, đùa trong tóc tôi, rót tiếng ầm ào trong vắt pha lê đầy các hẻm núi, làm nổi sóng tấm lụa cổ tích dệt từ những cái cây nở hoa giữa các vách đá dọc đường. Trên cao, các ngọn cỏ dài, hết như những lưỡi lửa, liếm các thân cây; những đóa hoa lớn uyển chuyển lìa mình khỏi các cành óng ánh. Và, như những chén bay ngập nắng đến miệng, các cánh hoa lồi trong veo căng phồng, nhẹ lướt giữa không trung; mùi hương ấm ngọt ngào của chúng nhắc tôi nhớ lại mọi điều tốt đẹp nhất mà tôi từng trải qua trong đời.

Bỗng dưng, con đường nơi tôi đứng, ngạt thở vì ánh sáng lung linh, ngập cơn bão cánh... Các thiên thần mà tôi chờ đợi, lũ lướt hiện ra từ những vực sâu chói lòa nào đó, bước đến với đôi cánh xếp lại, chĩa thẳng lên cao. Dáng họ đi có vẻ phiêu diêu, hết như chuyển động của các đám

mây màu, dung nhan trong trẻo của họ bất động, chỉ các hàng mi tỏa sáng là rung lên hân hoan. Giữa họ, những con chim màu ngọc lam bay liệng, hót vang tiếng cười hạnh phúc thiếu nữ, và lũ thú mềm mại màu da cam, lổm đổm những vết đen kỳ dị, nháy cẳng lên: chúng uốn mình trong không khí, lặng lẽ giơ các cẳng xa-tanh ra, chộp hoa bay — lúc thì xoay tròn, khi lại vút lên, mắt rực sáng, phóng vụt qua tôi.

Những đôi cánh, những đôi cánh, những đôi cánh! Làm sao tôi tả lại được các nếp cuộn và sắc màu của chúng? Tất cả chúng đều mạnh và mềm — hung hung, đỏ rực, xanh đậm, đen nhung, với bụi lửa trên đầu mút tròn của các lông vũ uốn cong. Các đám mây dốc ngược này đứng vẫy vùn vút trên những đôi vai sáng chói của các thiên thần; chốc chốc, một trong số họ, đương cơn hoan hỉ phi thường nào đó, tuồng như không thể kìm nổi niềm hạnh phúc, và đột nhiên, trong khoảnh khắc, dang rộng đôi cánh tuyệt đẹp của mình, như sóng nắng vỗ, như triệu con mắt lấp lánh.

Họ đi qua thành nhiều đoàn, nhìn lên trời. Tôi thấy: mắt họ — những vực thăm hân hoan, trong mắt họ — khoảng lặng giữa cuộc bay. Họ bước những bước uyển chuyển, được trải đầy

hoa. Những bông hoa vừa bay vừa tỏa sáng ấm rục rỡ; bọn thú bóng mượt chơi đùa, quay cuồng, chồm đến; lũ chim hân hoan hót vang, bay vút lên rồi đậu xuống, còn tôi, một kẻ bần cùng mù lòa, run rẩy, đứng bên lề đường, và trong tâm hồn bần cùng của tôi vẫn ý nghĩ ấy không thôi thỏ thẻ: cầu xin đi, cầu xin họ, hãy kể, chao ôi, hãy kể rằng trên vì sao tuyệt vời nhất trong số các vì sao của Chúa có một xứ — xứ tôi, — đương hấp hối trong cảnh tối tăm khốn khổ. Tôi cảm thấy rằng, giả dụ tôi nắm được trong lòng bàn tay dù chỉ một ánh phản chiếu run rẩy, thì tôi sẽ mang về cho xứ tôi một niềm vui đến nỗi mọi hồn người lập tức được soi sáng, lượn quanh theo tiếng bì bõm và răng rắc của mùa xuân phục sinh, theo tiếng sấm vàng của các thánh đường hồi tỉnh.

Và, duỗi đôi tay run rẩy ra, cố ngăn lối các thiên thần, tôi bắt đầu níu lấy viền áo lễ sáng chói của họ, níu lấy các tua nóng bỏng, lượn sóng của những lông cánh uốn cong, chúng tuột qua các ngón tay tôi, như những đóa hoa phủ lông tơ, tôi rên rỉ, tôi vật vã, tôi điên cuồng nài xin bố thí, song các thiên thần vẫn bước tới, vẫn bước tới, chẳng thèm để ý đến tôi, mà hướng những gương mặt thanh tú đẹp như tạc lên cao. Họ lao vùn vụt

thành các đám đông về hướng lễ hội thiên đường, tới khoảng trống sáng chói đến không chịu nổi, nơi Đấng tối cao đang cuốn lốc và thổi, tôi không dám nghĩ về Người. Tôi nhìn thấy những mạng nhện rực lửa, những hạt bụi nước, những hoa văn trên các đôi cánh vĩ đại, đỏ thắm, hung hung, tím ngắt, và bên trên tôi, những làn sóng xào xạc lông tơ tràn qua, những con chim màu ngọc lam đội vương miện cầu vồng bay lảng vảng, những bông hoa, lìa các cành cây óng ánh, lững lờ bay... “Xin đừng bước, xin hãy nghe tôi!” — Tôi kêu khóc, toan ôm những đôi chân thần nhẹ bồng, — song bàn chân họ, — khó cảm thấy, không cản nổi, — vẫn lướt qua đôi tay dang ra của tôi, và các mép đôi cánh rộng, khi phất qua, chỉ làm cháy sém môi tôi mà thôi. Xa xa, khoảng trống vàng rực giữa các vách đá tươi tốt, sặc sỡ, đang ngập bão dâng; họ khuấy dần, khuấy dần, tiếng cười xao lòng, cao vút của lũ chim thiên đường tắt lịm, những đóa hoa thoi bay khỏi cây: tôi sụp xuống, lặng đi...

Và lúc ấy phép màu xảy ra: một trong số các thiên thần cuối cùng nán lại, quay người và khễ đến gần tôi. Tôi thấy đôi mắt kim cương sâu hoắm, chăm chăm của ngài nhìn tôi dưới cung mày mạnh mẽ. Trên các rẻ xương cánh dang

rộng dường như lấp lánh ánh sương, còn chính đôi cánh thì mang màu xám, một sắc thái xám khôn tả, và từng lông vũ kết thúc bằng chiếc liềm bạc. Dung nhan ngài, viền môi mỉm cười và vầng trán thẳng, quang đấng nhắc tôi nhớ lại các nét mặt từng thấy trên trần gian. Tưởng như trong dung nhan huyền diệu duy nhất ấy đã hòa trộn các đường cong, tia sáng và vẻ đẹp mọi diện mạo tôi từng yêu quý — các nét mặt những người đã rời bỏ tôi từ lâu. Tưởng như mọi thanh âm quen thuộc từng chạm riêng lẻ đến thính giác tôi, giờ đã kết lại thành chỉ một âm điệu hoàn hảo mà thôi.

Ngài đến gần tôi, ngài cười, tôi không thể nhìn ngài. Nhưng, ngẩng chân ngài, tôi để ý thấy lưới gân xanh da trời nơi bàn chân và một vết bớt nhạt màu — và theo các đường vân này, theo vết nhỏ này mà tôi hiểu, rằng ngài vẫn còn chưa hoàn toàn quay lưng lại với trần gian, rằng ngài có thể thấu hiểu lời nguyện cầu của tôi.

Và lúc ấy, vừa cúi đầu, vừa ấn lòng bàn tay cháy xém, lem luốc cao lanh sáng lên đôi mắt lòa, tôi bắt đầu thuật lại nỗi đau của mình. Tôi muốn giải thích là xứ tôi tuyệt vời ra sao và cơn bất tỉnh tối đen của nó đáng sợ thế nào, song tôi không tìm được những lời cần thiết. Hấp tấp

nhắc lại, tôi cứ bập bẹ mãi về những điều vật vãnh nào đó, về ngôi nhà cháy rụi nào đó, nơi xưa kia nước bóng ván lát sàn ngập nắng từng soi lên tấm gương nghiêng, về các cuốn sách xưa và các cây đoan già, về những món trang sức nhỏ, về các bài thơ đầu tiên của tôi trong quyển vở học sinh xanh cô-ban, về tảng đá xám nào đó, mọc kín mâm xôi đại giữa cánh đồng rậm rì cỏ lưỡi mèo và cúc, song điều quan trọng nhất thì tôi lại không thể nói ra — tôi lẫn lộn, ghen lòi, rồi lặp lại từ đầu, và lại kể liến thoắng một cách bất lực về các căn phòng trong điền trang lạnh lẽo, âm vang, về các cây đoan, về mối tình đầu, về lũ ong vò vẽ ngủ trong bụi cỏ lưỡi mèo,... Tôi cảm thấy rằng ngay bây giờ, ngay lúc này, tôi sẽ đến điều quan trọng nhất, tôi sẽ giải thích mọi nỗi buồn đau ở quê hương tôi, nhưng chẳng biết làm sao mà tôi chỉ có thể nhớ về những thứ nhỏ nhei, hoàn toàn trần tục, mà không biết nói, cũng chẳng biết rõ những giọt lệ no tròn, nóng bỏng, dễ sợ ấy, cho những điều mà tôi muốn song không thể nói ra.

Tôi im bật, ngẩng đầu. Thiên thần cười ân cần, thanh thản, nhìn tôi chăm chú bằng đôi mắt kim cương thuôn dài của mình — và tôi cảm thấy là ngài hiểu hết...

— Tha lỗi cho con, — tôi kêu lên, rụt rè hôn vết bớt trên bàn chân sáng màu, — xin tha lỗi vì con chỉ biết nói về những chuyện phù du tầm thường. Nhưng dẫu gì ngài cũng hiểu... Thiên thần xám từ bi ơi, xin hãy trả lời con, hãy giúp, hãy bảo con, làm thế nào để cứu xứ sở của con?

Ôm vai tôi trong giây lát bằng cặp cánh bồ câu của mình, thiên thần thốt lên một lời duy nhất, và trong giọng ngài, tôi nhận ra mọi giọng nói yêu dấu, mọi giọng nói đã lặng im. Lời ngài nói tuyệt vời đến nỗi tôi thở dài, nhắm mắt lại, cúi đầu xuống thấp hơn nữa. Hương thơm và tiếng ngân của nó lan tỏa khắp các mạch máu tôi, mọc lên như mặt trời trong óc tôi, vô số khe hém trong ý thức tôi bắt lấy, nhắc lại âm thanh xán lạn thiên đường ấy. Nó lấp đầy tôi; nó đập như nút dây mỏng mảnh trong thái dương, rung rinh ầm ụt trên mi, thổi hiu hiu hơi lạnh ngọt ngào qua tóc, trút sức nóng thần thánh vào tim.

Tôi hét toáng nó lên, tận hưởng từng âm tiết, tôi mạnh dạn ngược đôi mắt đắm những giọt lệ hạnh phúc rực sáng cầu vồng...

Trời ơi! Buổi sớm mùa đông hiện lên xanh nhờ trong cửa sổ, còn tôi chẳng nhớ được là đã hét gì...

Phụ lục

Dưới đây chúng tôi sẽ liệt kê một số chi tiết liên quan đến lịch sử xuất bản từng tác phẩm trong quyển này, theo thứ tự đã sắp. Các tư liệu liên quan được lấy từ chính Vladimir Nabokov và Dmitri Nabokov, hoặc tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau.

Sự tình cờ (A matter of chance; Случайность): một trong các tác phẩm đầu tay của Vladimir Nabokov, được viết đầu năm 1924; sau khi bị báo *Rul* (Пуль) từ chối, đã được Ivan Lukash gửi đến báo *Segodnya* (Сегодня) ở Riga (Latvia), tờ báo này đăng nó vào ngày 22 tháng Sáu năm 1924. *Segodnya* (1919-1940) là tờ báo tiếng Nga lớn nhất vùng Baltic hồi đó.

Hải cảng (The seaport; Порт): được viết đầu năm 1924, đăng trên báo *Rul* vào ngày 24 tháng Mười hai cùng năm, sau đó được sửa đổi ít nhiều và in trong tuyển tập đầu tiên của Vladimir Nabokov: *Cuộc trở về của Chorv*, tại Berlin, năm 1930. Trong tuyển tập này còn có thêm 24 bài thơ. *Hải cảng* phần nào cũng có nguồn gốc tự truyện: vào tháng Bảy năm 1923, khi đi thăm Marseilles, Nabokov đã mê mẩn một tiệm ăn Nga

mà ông ghé qua nhiều lần và là nơi mà hai thủy thủ Nga rủ ông lên tàu đi Đông Dương.

Sự trả thù (Revenge; Местъ): được viết vào mùa xuân 1924, đăng trên báo *Russkoye ekho* (*Русское эхо*) ngày 20 tháng Tư năm 1924.

Thiện tính (Beneficence; Благость): được viết vào tháng Ba năm 1924, đăng trên báo *Rul* vào ngày 28 tháng Tư năm 1924. Sau đó còn xuất hiện trong tuyển tập *Cuộc trở về của Chorb*.

Tai nạn (Details of a sunset; Катастрофа): được viết vào tháng Sáu năm 1924 tại Berlin và đăng trên báo *Segodnya* vào ngày 13 tháng Bảy cùng năm. Sau đó được tác giả đổi tên trong bản dịch tiếng Anh thành *Details of a sunset* (Các chi tiết của một buổi hoàng hôn), một cái tên mà ông cho rằng phù hợp hơn với tác phẩm.

Con rồng (The Dragon; Дракон): được viết vào tháng Mười một năm 1924, được Vladimir Sikorsky dịch ra tiếng Pháp, tuy nhiên mãi đến năm 1999, bản tiếng Nga mới xuất hiện lần đầu trên báo *Zvezda* (*Звезда*), số 4, (số kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà văn), tại Saint Petersburg. Đây là một trong số ít truyện ngắn không được Nabokov cho xuất bản, và chỉ sau khi ông qua đời mới được Dmitri Nabokov, con trai duy nhất của

nhà văn, dịch qua tiếng Anh rồi in trong bộ *Collected Stories* (Tổng tập truyện ngắn Nabokov).

Cuộc trở về của Chorb (The Return Of Chorb; Возвращение Чорба): Được in lần đầu trên hai số báo Rul ra ngày 12 và 13 tháng Mười một năm 1925, sau đó xuất hiện trong tuyển tập *Cuộc trở về của Chorb*. Bản dịch tiếng Anh của Gleb Struve với cái tên *The Return Of Tchorb* được in trong hợp tuyển *This Quarter*, tháng Sáu năm 1932, do Edw. W. Titus xuất bản tại Paris. Bốn mươi năm sau, Nabokov đọc lại bản dịch và cho rằng nó quá vô vị và quá sai, nên ông đã dịch lại truyện ngắn này cùng con trai mình. Truyện ngắn này được viết không lâu sau khi Nabokov hoàn thành tiểu thuyết *Mary (Машенька)*, và theo ông, nó là một ví dụ tốt về cách ông xây dựng tác phẩm lúc ban đầu. Địa điểm diễn ra câu chuyện là một thành phố nhỏ ở Đức. Theo Nabokov thì con đường từ Nice đến Grasse, nơi ông hình dung Chorb đã đi qua, vẫn chưa được lát và còn trắng xóa bụi hồi năm 1920. Ông đã thay cái tên buồn tẻ của bà mẹ vợ Chorb bằng “Varvara Klimovna,” một cái tên mà ông cho rằng không có nghĩa gì với các độc giả Anh-Mỹ của

minh. Truyện ngắn này còn được xuất bản trong tuyển tập cùng tên.

Nỗi sợ (Terror; Ужас): được viết tại Berlin vào năm 1926, một trong những năm hạnh phúc nhất trong cuộc đời của Nabokov. *Sovremennie zapiski* (Современные записки), một tạp chí của dân Nga tại Paris, đã đăng nó vào năm 1927. Truyện ngắn này cũng được in trong tuyển tập *Cuộc trở về của Chorb*.

Tiếng chuông cửa (The Doorbell; Звонок): rất đáng tiếc là không thể xác định được chính xác thời gian xuất bản đầu tiên, chỉ biết nó được in trên báo *Rul*, tại Berlin, vào năm 1927, sau đó được in lại trong tuyển tập *Cuộc trở về của Chorb*.

Tay chơi (A Dashing fellow; Хват): được đăng đầu thập niên 1930; hai tờ báo *Rul* (Berlin) và *Poslednie novosti* (Последние новости) (Paris) đã từ chối đăng nó. Sau đó nó xuất hiện trên báo *Segodnya*. Bản dịch tiếng Anh được đăng lần đầu trên tạp chí *Playboy*, tháng Mười hai năm 1971.

Âm nhạc (Music; Музыка): được viết đầu năm 1932, tại Berlin, đăng lần đầu tại Paris, trên báo *Poslednie novosti*, vào ngày 27 tháng Ba năm

1932, sau đó còn được in trong tuyển tập *Созыдатай* (Kẻ nhìn trộm), tại Paris, năm 1938.

Làn khói lừ đừ (Torpid smoke; Тяжелый дым): đăng lần đầu trên báo *Poslednie novosti*, tại Paris, vào ngày 3 tháng Ba năm 1935, sau đó được in trong tuyển tập *Xuân Fiala*, tại New York, năm 1956. Theo Nabokov, nếu dịch tên truyện theo nghĩa đen thành *Heavy smoke* (Khói nặng) sẽ sai hoàn toàn.

Một lát đời (A slice of life; Случай из жизни): đăng lần đầu trên báo *Poslednie novosti*, tại Paris, vào ngày 22 tháng Chín năm 1935, và ba năm sau, được chọn đăng trong tuyển tập *Созыдатай*.

Xuân Fialta (Spring in Fialta; Весна в Фиальте): được viết xong vào tháng Tư năm 1936, đăng lần đầu trên tạp chí *Sovremennie zapiski*, số 61, tháng Bảy năm 1936, tại Paris; bản dịch tiếng Anh do Nabokov và Peter Pertzov thực hiện được in trong các tuyển tập *Nine Stories*, 1947 và *Nabokov's Dozen*, 1958.

Mây, hồ, tháp (Cloud, castle, lake; Облако, озеро, башня): được viết vào cuối tháng Sáu đầu tháng Bảy năm 1937, đăng lần đầu trên tạp chí *Russkie zapiski* (Русские записки), số 2, tháng

Mười một năm 1937; bản dịch tiếng Anh do Nabokov và Peter Pertzov thực hiện được in trong các tuyển tập *Nine Stories* và *Nabokov's Dozen*.

Lance: truyện ngắn cuối cùng của Nabokov, được ông viết cuối năm 1951, đăng lần đầu trên báo *The New Yorker* vào ngày 2 tháng Hai năm 1952, sau đó xuất hiện trong tuyển tập *Nabokov's Dozen*.

Lời (The word; Слово): đăng lần đầu vào ngày 7 tháng Một năm 1923 trên báo *Rul*; sau đó được Dmitri Nabokov dịch qua tiếng Anh và cho in trên báo *The New Yorker* ngày 26 tháng Mười hai năm 2005.

Các truyện ngắn của Vladimir Nabokov

- ① The Wood-Sprite
- 📖 Russian Spoken Here
- 📖 Sounds
- 📖 Wingstroke
- 📖 Gods
- ② A Matter of Chance
- ② The Seaport
- ② Revenge
- ② Beneficence
- ② Details of A Sunset
- ① The Thunderstorm
- 📖 La Veneziana
- 📖 Bachmann
- ② The Dragon
- ① Christmas
- ① A Letter that Never Reached Russia
- ① The Fight

1: Các truyện ngắn trong “Mỹ nhân Nga”.

2: Các truyện ngắn trong “Mây, hồ, tháp”.

- ② The Return of Chorb
- ① A Guide to Berlin
- ① A Nursery Tale
- ② Terror
- ① Razor
- ① The Passenger
- ② The Doorbell
- 📖 An Affair of Honor
- 📖 The Christmas Story
- 📖 The Potato Elf
- 📖 The Aurelian
- ② A Dashing Fellow
- 📖 A Bad Day
- 📖 The Visit to the Museum
- 📖 A Busy Man
- 📖 Terra Incognita
- 📖 The Reunion
- 📖 Lips to Lips
- 📖 Orache
- ② Music
- 📖 Perfection
- 📖 The Admiralty Spire
- 📖 The Leonardo

- 👉 In Memory of L. I. Shigaev
- 👉 The Circle
- ① A Russian Beauty
- ① Breaking the News
- ② Torpid Smoke
- ① Recruiting
- ② A Slice of Life
- ② Spring in Fialta
- ② Cloud, Castle, Lake
- 👉 Tyrants Destroyed
- 👉 Lik
- 👉 Mademoiselle O
- 👉 Vasiliy Shishkov
- 👉 Ultima Thule
- 👉 Solus Rex
- 👉 The Assistant Producer
- 👉 "That in Aleppo Once..."
- 👉 A Forgotten Poet
- 👉 Time and Ebb
- 👉 Conversation Piece, 1945
- ① Signs and Symbols
- ① First Love
- ① Scenes from the Life of a Double Monster

- ① The Vane Sisters
- ② Lance
- ① Easter Rain
- ② The Word
- 👉 Natasha

Mục lục

Lời người dịch	5
Sự tình cờ	9
Hải cảng	29
Sự trả thù	43
Thiện tính	59
Tai nạn	71
Con rồng	85
Cuộc trở về của Chorob	99
Nỗi sợ	117
Tiếng chuông cửa	131
Tay chơi	155
Âm nhạc	177
Làn khói lừ đừ	189
Một lát đời	201
Xuân Fialta	215
Mây, hồ, tháp	255
Lance	273
Lời	301
Phụ lục	309

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ — Ba Đình — Hà Nội

Điện thoại: 04.37161518 — 04.37163409

Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com — www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa — Quận 3

Điện thoại: 08.38469858

Fax: 08.38483481

Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng

580 đường Núi Thành — Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3797709

MÂY, HỒ, THÁP

Tổng tập truyện ngắn Nabokov

Quyển II

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Nguyễn Anh Vũ

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. La Kim Liên

Biên tập: Nguyễn Phương Thùy

Sửa bản in: Vũ Thái Hà

Tranh bìa: Lê Thiết Cương

Thiết kế bìa: Nguyễn Thị Hương Giang

Trình bày: ZENBOOK

In 2.000 cuốn, khổ 12.5 x 21 cm tại Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân

Địa chỉ: D20/532P Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. HCM:

Số ĐKXB: 4483-2016/CXBIPH/21-288/VH, cấp ngày 09/12/2016

Số quyết định xuất bản: 2098/QĐ-VH, cấp ngày 26/12/2016

ISBN: 978-604-69-9850-1

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2017

Thiên Lương dịch

Sau
"Mý nhân Nga",
"Mây, hồ, tháp"
là quyển 2
trong số
4 quyển của
Tổng tập
truyện ngắn
Nabokov.

...tình yêu của đàn bà là nước nguồn
chứa những chất muối tốt lành
mà nàng sẵn lòng cho bất cứ ai uống
từ chiếc gàu nhỏ của mình,
miễn anh đừng lơ đi.

Xuân Fialta